

Mục Lục

PHƯƠNG TRỜI CAO RỘNG

TẠP CHÍ VĂN HỌC PHẬT GIÁO • SỐ 9 - THÁNG 02 NĂM 2007

CẢM ƠN HOA ĐÃ VÌ TA NỞ (THƯ NGƯỜI CHỦ TRƯỞNG SỐ 9) | 2 – *Vĩnh Hảo* •
GIÁO LÝ VỀ NGHIỆP, CƠ SỞ ĐẠO ĐỨC HỌC VÀ LUẬT HỌC | 4 – *HT Thích Trí Thủ* •
MÙA XUÂN, HUYỀN TRẦN OÍ | 9 – thơ *Trần Kiêm Đoàn* • BÁT TRĂNG ĐẦY | 9 –
thơ *Lý Thừa Nghiệp* • NHÂN QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM PHỔ BIẾN TOÀN CẦU |
10 - *HT Thích Trí Chơn* dịch • THƠ XUÂN GỬI BẠN | 14 – thơ *Trần Huy Sao* •
THIỆN TẬP TRONG NGÀNH TÂM LÝ TRỊ LIỆU CỦA HOA KỲ | 15 – *Thích Hạnh
Tuần* • ĐỘC TIỂU THANH KÍ | 18 – thơ *Nguyễn Du*, *Hạnh Cơ* dịch và luận • ĐƯỜNG
BA MƯƠI NĂM | 20 – thơ *Từ Thế Mộng* • ĐÀN TRĂNG CHÂN TÊ: SIÊU ĐỘ NGƯỜI
CHẾT VÀ CẢM HÓA NGƯỜI SỐNG | 21 – *Huỳnh Kim Quang* • TA ÚP MẶT | 29 – thơ
Quách Thoại • VÀNG TRẮNG LẶNG LẼ | 25 – đoàn văn *Hạt Cát* • VÔ ĐỀ | 27 – thơ
Hoài Nhân • HỒN CUỘI, AI XUI CHIM SÁO | 28 – tùy bút *Toại Khanh* • HƯƠNG
XUÂN, DƯ ÂM | 29 – thơ *Đăng Tâm* • ĐỌC THƠ TÔ THÙY YÊN | 30 – *Vĩnh Hảo* •
KHÚC TÌNH XƯA | 33 – thơ *Hải Như* • LUÂN HỒI TRONG MỘT ĐÊM TUYẾT | 34 –
truyện ngắn *Võ Đình* • BÉ VÀ QUÊ HƯƠNG ANH | 36 – thơ *Khê Kinh Kha* • CHỮ
HẠNH | 38 – truyện ngắn *Ngô Nguyên Dũng* • HƯƠNG LÒNG | 43 – thơ *Minh Nguyệt* •
ĐÁ MÒN NHƯNG DẠ CHĂNG MÒN | 44 – truyện ngắn *Tiểu Tử* • CHO MÙA XUÂN
THỨC DẬY, EM VÀO XUÂN TA HẸY CÒN ĐÔNG | 47 – thơ *Ngọc Thiên Hoa* • MỘT
THOÁNG XA XƯA | 48 – tùy bút *Biện Thị Thanh Liêm* • LÊN CHÙA | 51 – thơ *Mãn
Đường Hồng* • WILBERT RIDEAU: KỂ TỪ TỘI THẤT HỌC TRỞ THÀNH MỘT CÂY
BÚT LỪNG DANH | 52 – *Phan Bá Thụy Dương* • NHỮ THẨM, MẶT TRỜI ĐÃ MỌC |
56 – thơ *Nguyễn Thị Khánh Minh* • BÀI HỌC CANH TÂN CỦA VUA PHẬT XỨ THÁI
MONGKUT | 57 – *Lưu Văn Vịnh* • NHỮNG MÙA XƯA ĐÃ MẮT, BÀI THƠ HẠNH
PHÚC | 61 – thơ *Từ Tú Trinh* • ĐÁNG LẼ | 62 – truyện ngắn *Hàn Tâm* • MƯA PHÁP,
SUỐI NGUỒN | 63 – thơ *Huệ Giáo* • TUYẾT PHẨM THIÊN NHIÊN | 64 – tùy bút *Cư sĩ
Liên Hoa* • NÉN HƯƠNG TRẦM | 68 – truyện ngắn *Lam Khê* • CHỢ TẾT | 70 – thơ
Tâm Tấn • TU BỤI: CUỘC HÀNH TRÌNH TÌM LẠI CHÍNH MÌNH | 71 – *Nghiêm Xuân
Cường* • TRỞ LẠI BẾN THÙY DƯƠNG | 79 – truyện dài *Hồ Trường An* • TIN TỨC
PHẬT GIÁO | 83 • CÁC THÔNG BÁO... | 94

•

Tranh bìa: Non cao - Đặng Thị Quế Phượng

PHƯƠNG TRỜI CAO RỘNG

TẠP CHÍ VĂN HỌC PHẬT GIÁO
PHÁT HÀNH HÀNG THÁNG

Chủ nhiệm / Chủ bút:
VĨNH HẢO

Thư ký:
QUẢNG PHÁP

Trị sự:
NGUYỄN THANH HUY

Kỹ thuật:
HOA ĐÀM GROUP

Địa chỉ liên lạc:
P.O. Box 374
Midway City, CA 92655 – USA
Tel: (714) 623-4285

E-mail:
vinhhao@vinhhao.net
phuongtroicaorong@vinhhao.net
Website: www.vinhhao.net

Bài đăng trên Phương Trời Cao Rộng do văn thi hữu gửi đến bằng e-mail, đĩa (CD), hoặc viết tay trên một mặt giấy. Bài không đăng không gửi lại bản thảo. Tòa soạn nhuận sắc nếu cần. Bài có nhuận bút xin ghi rõ “yêu cầu nhuận bút.”

Phương Trời Cao Rộng là nơi tập đại thành những bài viết của Tăng Ni và văn thi sĩ Phật giáo khắp nơi, nhiều khuynh hướng, nhiều giáo hội, tông phái, do đó không nhất thiết phản ánh quan điểm và chủ trương của tạp chí.



CẢM ƠN HOA ĐÃ VÌ TA NỞ

(THƯ SỐ 9 CỦA NGƯỜI CHỦ TRƯỞNG)

VĨNH HẢO

Muôn hoa có vẻ nở sớm vào mùa xuân năm nay. Hoa mai đã trở từ hai tuần trước, trên những nhánh khô gầy, trơ trụi, trong tiết trời bất thường, lúc lạnh căm, lúc nóng hâm hấp. Nay thì đất trời có vẻ như chuyển dần vào xuân với những buổi sáng ngập nắng, và đêm về với màn trời trong vắt lung linh ánh ngàn sao. Nơi bàn viết, chậu thủy tiên nứt mười hai nhánh, mỗi nhánh nở đều bốn đóa hoa. Nói theo pháp số nhà Phật thì 12 nhánh và 4 đóa hoa ấy, hẳn là những con số đầy ý vị. Nào là mười hai nhân duyên; nào là tứ đế; nào là tam chuyển pháp luân... Bao nhiêu ấy đã đủ cho một mùa xuân đầy thiên vị.

Chưa hết. Ngoài hiên, các giò lan lung lẳng cùng các chậu lan đất, cũng đều đã vươn chồi, trở hoa. Tết chưa đến mà hương xuân đã tỏa khắp rồi.

“Cảm ơn hoa đã vì ta nở.” Tô Thùy Yên đã nói thế trong bài thơ ‘Ta Về’. Nhưng, có thật là hoa đã vì ta mà nở chăng? Hoa có chủ tâm nở cho người thưởng thức không? Nếu tin là hoa có tình như người, có thể hoa đã nở cho người, không những vậy, còn nở cho thú, cho vật, cho cỏ cây, cho mây, cho gió, cho sông, cho suối, cho núi, cho biển, cho muôn loài hoa khác, và cho đất trời. Nếu tin hoa chỉ là vật vô tri, thì không thể nói là hoa đã vì ta mà nở. Hoa nở chỉ vì hoa phải nở. Khi thời tiết và nhân duyên chín muồi, hoa sẽ nở, phải nở, không thể không nở.

Dù sao, hoa nở vì ta hay nở cho vũ trụ vạn vật, hay chỉ nở tự nhiên theo thời tiết chứ không vì ai, vẫn cứ chân thành cảm ơn. Bởi vì sự hiện hữu của hoa đã là một

hiển dâng, một sự trao tặng vô điều kiện đối với muôn loài, nhất là đối với con người trong cuộc đời này.

Có thể hoa đã không tự nhận phẩm cách cao quý ấy. Nhưng loài người không thể không học về phẩm tính của ngàn hoa.

Dù được chăm sóc kỹ lưỡng và thưởng thức từng ngày từng giờ nơi những vựa hoa, chợ hoa, cửa tiệm, hoặc ngoài vườn, trên bàn viết, hoặc không bao giờ được chăm sóc ngõ ngàng đến nơi rừng sâu, trên non cao, bên bờ suối vắng, trên những cánh đồng bạt ngàn, nơi những hốc đá bờ tường... hoa vẫn phát tiết và trổ vẹn mở hết lòng mình ra, không thắc mắc chọn lựa, không phân biệt so đo. Từ anh nông dân đến vị quốc vương, từ người ti phú đến kẻ ăn mày trắng tay, từ những hồng nhan kiêu nữ cho đến kẻ bạc phận kém duyên, từ chị gánh hoa cho đến anh mua hoa, từ người tử tù đếm thời gian qua khung cửa sổ cho đến kẻ giang hồ phóng túng ngoạn thủy du sơn, từ cụ lão trầm ngâm nhấp chung trà lim dim nhìn ngắm cho đến em bé lằng nhằng chạy nhảy nơi công viên, từ kẻ cực ác cho đến người hiền lương, từ những đáng thiêng liêng như Phật – Chúa cho đến những ma vương, ác quỷ... hoa vẫn nở trong cùng một thể cách. Không phải vì đối với Phật mà hoa nở đẹp hơn; không phải vì đối với ma mà hoa nở xấu hơn. Xấu – đẹp, thơm – không thơm, là do nơi người thưởng lãm, không phải do nơi hoa. Dù có đầy đủ hương sắc hay chỉ có sắc không hương, hoặc có hương không sắc, dù được ngắm hay không được ngắm, hoa vẫn nở như thế và như thế.

Phẩm tính cao đẹp ấy của hoa, trao tặng và hiển dâng không điều kiện, loài người đã học đến đâu? Hoa, đối với muôn loài, và nhất đối với người, vốn keo sơn với nhau từ thuở tạo thiên lập địa, có lúc nào thay lòng đổi dạ đâu! Nhưng con người thì đã thay đổi quá nhiều, và thường khi chỉ dùng hoa để trang sức, tô điểm cho hương và cho sắc, mà chưa hề học được gì nơi phẩm cách của hoa. Con người chỉ biết hưởng dụng, lợi dụng, và lạm dụng.

Thoảng khi có kẻ phát tiết anh hoa, trao tặng cuộc đời những gì đẹp đẽ, cao quý nhất, thì bao người xúm nhau lên tiếng chỉ trích bôi nhọ, gán cho những tội danh và nhãn hiệu thể này thể kia, giam hãm họ vào tù ngục hoặc vòng vây của thị-phi, thành kiến, vô minh.

Từ những cội cây ẩm ướt hay khô mục, những nhánh phong lan vươn lên, lộng lẫy, thanh cao. Từ những ao đầm sinh lầy nhơ nhớp, những đóa sen trỗi dậy, thơm ngát cả từng không. Dù ta chê hay khen, đón nhận hay chống báng, hoa vẫn cứ nở, và phải nở, ngay nơi thời tiết nhân duyên thích hợp nhất.

Cảm ơn những đóa hoa Thiện Minh, Huyền Quang, Quảng Độ, Trí Siêu, Tuệ Sỹ... đã cùng khai nhụy dâng

đời từ những năm tháng đen tối, khắc nghiệt khổ đau nhất của đất nước, gánh thay bao tai ương cùng khốn nhục nhằn của cả dân tộc; chính những hoa ấy đã trải mình cho sự vươn dậy của bao nụ mầm tinh tú khác ở mai sau, khơi mào cho sự phát tiết tất cả anh hoa đi thường cao đẹp của quê hương.

Cảm ơn những đóa hoa Trí Thủ, Trí Tịnh, Thiện Siêu, Minh Châu, Thanh Từ... đã âm thầm nở trong cơn lửa dữ, gánh chịu bao tủi nhục và lời thị-phi dè bĩu, những mong duy trì mạng mạch của chánh pháp, ẩn nhẫn lót đường cho đàn hậu lai kế tục sứ mệnh hoằng truyền Phật đạo, cứu khổ sinh dân.

Cảm ơn đóa hoa Nhất Hạnh, nở đẹp “trời phương ngoại”, nay về ươm hạt, khai mầm cho đất quê hương; đứng cảm đón nhận bao dư luận, công kích và đàm tiếu; mở rộng từ tâm, hóa giải oán kết cho quốc dân có cơ hội ngồi lại; sám hối với quá khứ lỗi lầm, tháo gỡ những oan nghiệt buộc thắt; đàn tràng thiêng liêng đánh thức lòng thương vô hạn, kẻ chết người sống, bên này hay bên kia, quay về trong nghĩa tình đồng bào, anh em...

Và còn nữa, còn hàng vạn, hàng triệu đóa hoa, âm thầm hoặc công khai, đã nở đẹp khắp trên dải đất quê hương hay những phương trời viễn xứ...

Hoa, trong bất kỳ dạng thái, chủng loại, khung cảnh, thời tiết nào, cũng mang theo vẻ đẹp nội tại của nó. Đừng trách hoa sao phải nở quá sớm hay quá muộn. Đừng trách hoa sao lại dành để cho người ta ngắt mà chưng bày nơi này chỗ kia. Đừng trách hoa sao lại để con người lợi dụng, lạm dụng, hưởng dụng. Hoa chỉ biết nở, có thể nở vì người, vì muôn vật, nhưng trước tiên là nở cho chính nó, cho chính phẩm hạnh bồ-tát của nó là trao tặng và hiển dâng cái đẹp cho cuộc đời.

Hoa nở đúng thời, đúng lúc, không kỳ thị ai. Hoa nở không phải để dành riêng cho kẻ ác, cũng không phải ưu tiên cho người thiện tâm. Hoa nở không phải để tán dương người lành, cũng không phải để tiêu diệt kẻ ác, nhưng vẻ đẹp của hoa có thể làm cho người lành hưng phấn với điều chân, và kẻ ác rung cảm, bừng ngộ với lẽ thiện. Hoa cũng không chờ đợi tất cả người ác bị tiêu vong rồi mới nở, mà hoa nở ngay ở nơi chốn này, ngay ở thời gian hiện tiền, để không ai bị tiêu vong và không ai làm tiêu vong, mục rữa con người và cuộc đời.

Dâng đời trổ vẹn hương sắc trung thực tự nhiên, cùng tấm lòng thương yêu, tha thứ, một cách không điều kiện và không một kỳ vọng được đền đáp, những đóa hoa của quá khứ, hiện tại và tương lai, sẽ tiếp nối nhau, kết thành tràng hoa nhân ái tuyệt mỹ, tô điểm cho mùa xuân xán lạn của quê hương. *Cảm ơn hoa đã vì ta nở.*

Midway City, ngày 01 tháng 02 năm 2007.

GIÁO LÝ VỀ NGHIỆP, CƠ SỞ ĐẠO ĐỨC HỌC VÀ LUẬT HỌC

HT. Thích Trí Thủ



I. Ý NIỆM DẪN KHỞI

Nhận định về nguồn gốc bất hạnh của Thúy Kiều, Nguyễn Du đã viết hai câu thơ:

Đã mang lầy nghiệp vào thân

Thì đừng trách lẫn trời gần trời xa.

Hai câu ấy biểu hiện thái độ đề kháng tiêu cực của các tầng lớp nhân dân bị áp bức. Trong đó nghiệp báo được quan niệm như một định mệnh khắt khe và mù quáng. Tuy điểm xuất phát của nó là từ giáo lý về nghiệp, nhưng những người bị bắt buộc phải kéo lê cuộc đời đầy đau của mình dưới sự áp bức của tầng lớp thống trị, họ mất hẳn niềm tin đối với công bằng và công lý... Do đó, nghiệp mất hẳn ý nghĩa của nó. Bởi vì ý niệm nguyên thủy của nghiệp là hành động, hay nói theo ngôn ngữ của Luật tạng: *Cái gì hiện thực, cái đó phải có tác dụng*. Tác dụng hay hành động là những dữ kiện cụ thể và khách quan, mà thời gian tính luôn luôn là hiện tại. Trong ý niệm nguyên thủy này, nghiệp phải được hiểu chính xác là hành vi trong hiện tại, chứ không phải là những gì đã được an bài do bởi một quyền lực siêu nhiên nào đó.

Trong thuyết nghiệp báo mà Nguyễn Du dựa vào để giải thích số phận của Kiều, nghiệp không còn là hành vi hiện tại, và đã được đồng nhất với thuyết mà kinh điển đạo Phật gọi là Túc mạng luận. Thuyết ấy đã bị chính đức Phật bác bỏ. Tuy nhiên, không phải cho đến thời đại Nguyễn Du nghiệp mới trở thành một thứ tư tưởng tiêu cực thụ động, mà trong nền văn học Bán sanh tức loại văn học bình dân của đạo Phật, ngay tại Ấn Độ, nghiệp cũng đã được đồng nhất với nghiệp báo, được quan niệm như là định mệnh tàn khốc.

Trong nguyên thủy kinh điển, bản chất giáo lý về

nghiệp đề cao lý tưởng công bằng, công lý. Theo đó con người phải chịu trách nhiệm về những gì mà nó đang làm hay đã làm. Khi giáo lý của đức Phật được truyền bá sâu rộng trong quảng đại quần chúng, thì những lời dạy của đức Phật liên hệ đến nghiệp đã chiếm hàng đầu. Sự phổ biến của nó rộng rãi đến mức hầu như bất cứ khi nào nói đến đạo Phật là người ta nói đến giáo lý về nghiệp. Trong quần chúng nhân dân, những người theo đạo Phật, khi muốn giải thích số phận bản cùng của mình là nghĩ ngay đến nghiệp. Tuy nhiên, sự áp bức của tầng lớp thống trị đè nặng lên họ ngoài sức tưởng tượng và ngoài khả năng thoát ly. Do vậy họ đã đồng hóa sự thống trị ấy với sức mạnh của định mệnh, và rồi vận dụng giáo lý về nghiệp theo chiều thụ động ấy.

Sự giải thích về nghiệp tuy có chệch hướng, nhưng trong đó cho thấy tính cách phong phú của giáo lý này. Chủ yếu của bài viết đây là giới thiệu một trong những khía cạnh của nó. Vấn đề được nói lên là mối quan hệ giữa giáo lý về nghiệp với đạo đức và luật học của đạo Phật.

Trong chương kết của giới bốn Tỷ kheo, phần lược giáo, bài kệ được ghi là do đức Thích Tôn giảng dạy tóm tắt về bản chất của luật Tỷ kheo; bài kệ ấy xác nhận rằng nền tảng của luật Tỷ kheo là nghiệp và nghiệp đạo. Nhưng trong một phạm vi rộng rãi hơn nữa, thì tất cả đạo đức học và luật học của đạo Phật đều đặt cơ sở học lý trên tư tưởng nghiệp và nghiệp đạo.

Trên phương diện đạo đức và luân lý, nghiệp và nghiệp đạo là nền tảng cho sự phân biệt điều thiện và điều ác mà chủ yếu là vấn đề *tánh tội* và *già tội*. Trên phương diện luật học, nghiệp và nghiệp đạo là nền tảng các nguyên tắc tự giác, công bằng và lẽ phải, tức nó là cái cân nhạy cảm của công lý.

II. CƠ SỞ ĐẠO ĐỨC HỌC

Vậy, trước hết, trên phương diện đạo đức học, nghiệp và nghiệp đạo làm nền tảng cho sự phân biệt tánh tội và già tội như thế nào?

Vấn đề then chốt của đạo đức là thiện và ác. Trong đạo Phật, thiện là điều gì tốt đẹp cho mình, cho người khác, trong đời này và đời sau. Thiếu một trong hai yếu tố ấy, không thành điều thiện được. Ác hay bất thiện là những điều trái lại.

Nói tốt đẹp, là nói rằng điều ấy đưa con người tiến lên mức sống cao hơn. Tiêu chuẩn của mức sống lấy an lạc hay hạnh phúc làm chủ đích. Như vậy, mức sống cao thấp khác nhau là do bởi trình độ thọ lạc khác nhau. Ở trình độ nào mà cảm thọ lạc chỉ khởi lên trong thời hạn ngắn ngủi, rồi tàn lụi, để lại những hậu quả buồn phiền, khổ não, ưu sầu, ấy là trình độ đi xuống, hạ đẳng. Trái lại, càng tiến lên cao cảm thọ lạc càng kéo dài, và khi nó tàn lụi, thì hậu quả cũng ít ưu bi sầu khổ hơn. Trên tất cả, cảm thọ an lạc vĩnh cửu, hoàn toàn không có sự tiếp nối của sầu khổ, đó là niết bàn.

Tất cả chúng sanh, trong tất cả sinh loại, đều sống và đuổi theo một mục đích duy nhất, đó là cảm thọ lạc. Nói cách khác, sự sống là quá trình săn đuổi hạnh phúc và khoái lạc. Tất cả những thứ khác chỉ là phụ thuộc hay biến thái của chủ đích ấy. Nhưng rất ít người hướng đến chủ đích an lạc cứu cánh là niết bàn. Trong tất cả pháp thiện, duy chỉ Niết bàn được gọi là Thiện thắng nghĩa, tức Thiện đứng trong bản chất của nó, ngoài ra, là thiện thế tục, tức điều thiện được phân biệt theo quy ước vì đối nghịch với cái khổ trường kỳ mà cái lạc tạm thời được



Đặng Thị Quế Phương

gọi là thiện.

Như vậy, trên phương diện thắng nghĩa, tức trong bản chất tuyệt đối của thiện, thì tất cả tiêu chuẩn thiện ác mà con người nói tới chỉ là thiện ác trong phạm vi ước lệ. Tiêu chuẩn ấy sẽ thay đổi tùy theo trình độ sống. Ở trình độ thấp nó là thiện, nhưng khi tâm tư tiến lên trình độ cao hơn, với những rung cảm tế nhị và nhạy bén hơn, nó không còn là thiện nữa. Cũng vậy, trong phân biệt tánh tội và già tội. Theo định nghĩa cơ bản, *tánh tội* là tội ác thuộc bản chất tự nhiên; và *già tội* là tội ác được quy định theo giao ước xã hội. Trên phương diện thắng nghĩa, tất cả điều gì không đưa đến an lạc cứu cánh, tức không dẫn đến niết bàn, đều được coi là tánh tội. Nhưng trong phạm vi thế tục, trong trình độ đạo đức của con người, tánh tội và già tội cần được phân biệt rõ ràng.

Ở đây nói con người là chỉ hạng chúng sanh mà trình độ cảm thọ lạc cao hơn các đẳng cấp chúng sanh khác, như súc sanh chẳng hạn. Nhưng nó được xếp hạng thấp hơn các đẳng cấp khác là chư thiên. Phạm vi thế tục hay ước lệ của tánh tội và già tội được phân biệt trong trình độ này.

Tánh tội, tức hành vi mà bản chất của nó là bất thiện, phi đạo đức, vì hậu quả của nó nhất định đẩy người ấy tuột xuống khỏi trình độ sống của loài người. Trái lại, các hành vi không nhất thiết khiến cho bản chất đạo đức của con người bị tuột xuống ngang mức thú vật, nhưng chúng được gọi là xấu tùy theo giao ước của xã hội, tùy theo tập quán luân lý của từng địa phương, từng thời đại. Như vậy, tánh tội là tội ác thuộc bản chất tự nhiên, bất cứ thời đại nào và trong bất cứ địa phương nào, ai phạm đến, bị coi là mất phẩm chất con người. Nhưng với già tội, tội ác theo giao ước, không có tiêu chuẩn nhất định. Ở địa phương này nó là xấu, nhưng tại nơi khác nó không hẳn là xấu: Trong thời đại này nó bị chết nhưng ở các thời đại trước hay về sau nó có thể được khen ngợi không chừng.

Tuy nhiên, khó có thể ấn định một đường ranh minh bạch cho biên giới của tánh tội và già tội. Thông thường, tất cả hành vi xấu đều nhất loạt được coi là tánh tội. Chỉ khi nào thời đại thay đổi, bấy giờ người ta mới có thể nhận rõ hành vi ấy là tánh tội hay già tội. Thí dụ trong xã hội ta khoảng từ ba mươi năm về trước, nguyên tắc "tứ đức tam tông" được coi là đạo đức cơ bản của người phụ nữ, và như vậy, chúng là tiêu chuẩn của thiện; làm trái lại là tánh tội chứ không phải già tội. Nhưng đối với thế hệ trẻ ngày nay chúng không coi là phẩm chất cơ bản. Thế thì, điều mà trong xã hội cũ coi là tánh tội nay chỉ được coi là già tội.

Trong nền đạo đức học Phật giáo không thể có tình trạng mơ hồ giữa tánh tội và già tội như vậy được, dù thời đại có thay đổi, địa phương có dị biệt. Vì đức Phật

đã chỉ rõ, con đường nào dẫn đến chỗ thấp kém và con đường nào chân thật dẫn đến niết bàn. Vậy, trong đây, thế nào là tánh tội và già tội?

Nói tóm lược, hành vi nào dù có Phật hay không có Phật xuất hiện để xác định, nhưng tất cả kẻ trí trong thế gian đều công nhận đó là bất thiện, hành vi ấy thuộc tánh tội. Như bài kệ của Phật Thi Khí trong phần lược giáo của giới bốn Tỷ kheo đã nói:

Cũng như người mất sáng

Tránh xa lối hiểm nghèo;

Bậc có trí trong đời

Tránh xa các xấu ác.

Để có cụ thể hơn về tiêu chuẩn phân biệt này, cần phải lấy các nghiệp đạo làm nền tảng. Kinh điển thường mô tả rằng, trong thời đại luân vương xuất hiện, tức thời đại mà loài người sống trong an lạc của hòa bình và thịnh vượng, thì xã hội chỉ thuần túy là mười nghiệp thiện. Trái lại, trong thời đại suy thoái cùng cực, xã hội loài người chỉ là mười nghiệp đạo bất thiện. Trong các thời đại ấy, khi tất cả mọi người đều sống theo mười nghiệp đạo thiện không phải do có Phật xuất hiện để khuyên bảo họ nên làm như thế; nhưng mọi người đều làm như thế vì bản tánh tự nhiên là như thế. Vậy thì, về cơ bản, tánh tội là mười nghiệp đạo bất thiện, Ngoài ra, đều là già tội.

Trong danh số nghiệp đạo gồm có mười chi. Nhưng trong hành động nghiệp đạo được thành tựu chỉ thuộc một trong bảy chi. Đó là ba chi thuộc thân: sát, đạo, tà dâm và bốn chi thuộc ngữ: nói dối, nói ly gián, nói thô lỗ và nói tạp nhạp. Như vậy, trong nguyên nhân hay động lực thì tánh tội gồm có mười chi nghiệp đạo, nhưng trong thành tựu thì có bảy chi.

Thông thường tánh tội chỉ kể có bốn chi: sát, đạo, tà dâm và vọng ngữ. Đây là căn cứ trên năm giới cận sự mà phân tích. Vì năm giới này chỉ bao gồm có bốn chi ấy của nghiệp đạo. Uống rượu thì không thuộc vào chi nào trong các nghiệp đạo nên không được coi là tánh tội. Giới cận sự sở dĩ không đủ bảy chi, vì theo như giải thích của các bộ phái, đức Thích Tôn xuất hiện vào thời đại suy thoái của loài người. Trong thời đại này con người sống trong đau khổ nhiều hơn là an lạc, trình độ cảm thọ lạc của nó chỉ cao hơn thú vật một chút, do đó, tiêu chuẩn tánh tội cũng được giảm xuống. Nghĩa là thực hành chừng ấy đủ để ngăn mức con người. Nếu ai không thực hành hơn thế nữa, thì khó có thể tiến lên đẳng cấp cao hơn, hoặc khó có thể sống trong thời đại và địa phương mà tại đó luân vương xuất hiện.

III. CƠ SỞ LUẬT HỌC

Luật học ở đây được nói theo nghĩa rộng, bao gồm

cả các học lý về pháp luật của thế tục. Trong khái niệm phổ quát về luật học này, có ba nguyên tắc làm nền là tự giác, công bằng và chân lý.

Tự giác hoặc nói là tự nguyện, theo nghĩa rộng, là người phạm tội phải chịu trách nhiệm điều mà nó đã làm bằng ý chí tự nguyện của nó. Người phạm tội mà không có sự phát động của ý chí thì không thể chịu hình phạt ngang như người làm với ý chí. Nguyên tắc này là điểm then chốt trong học thuyết về nghiệp. Đức Phật nói: "Chúng sanh là kẻ thừa tự của nghiệp của chính nó". Tức không ai có thể chạy trốn hậu quả những gì mà mình đã gây ra. Tuy nhiên, không phải tất cả hành vi đều được coi là nghiệp, mặc dù nghĩa đen của nghiệp là hành động. Chỉ khi nào hành động được dẫn đầu bằng ý chí tự nguyện, và ý chí ấy được thỏa mãn, bấy giờ hành vi ấy mới được gọi là nghiệp.

Nguyên tắc thứ hai của luật là sự công bằng. Mọi người sinh ra đều phải được tôn trọng như nhau về cả hai phương diện tinh thần và vật chất. Luật bảo vệ sự công bằng ấy, và trừng phạt những ai xâm phạm. Đây là luật nhân quả bồi thường trong học thuyết về nghiệp.

Sau hết là nguyên tắc chân lý. Nói nôm na là lẽ phải của đạo đức và luân lý. Không thể có cái chân lý rằng ăn cắp của người là việc tốt. Đây là vấn đề về bản chất thiện, bất thiện và vô ký của nghiệp.

Để có thể hiểu rõ vấn đề hơn, chúng ta thử xem ba nguyên tắc vừa kể đã được áp dụng như thế nào trong hệ thống Luật tỷ kheo.

1. Nguyên tắc tự nguyện hay động lực của nghiệp

Bài kệ đầu của Pháp cú, bản Pali, Phật nói: "*Trong các pháp, tâm là chủ, tâm tạo tác...*" Điểm này xác nhận rằng tất cả mọi hành vi của thân và ngữ đều được điều động bởi tâm. Kinh còn dùng nhiều danh từ khác để chỉ yếu tố điều động này. Nhưng trong sự phát triển của luận tạng, các luận sư về sau dứt khoát dùng từ ngữ TÂM hay TÂM TÂM SỞ, tức ý chí, hay nói rõ hơn, ý chí tự nguyện. Trong sự xác định này, theo các luận sư, nghiệp được thực hiện khi nào có sự phát động của TÂM.

Nguyên tắc này được các luận sư áp dụng triệt để khi chú giải Giới bốn. Thí dụ, để giải thích các trường hợp phạm hay không phạm, trọng tội hay khinh tội, đối với việc lấy vật không được cho; các luận sư hoàn toàn căn cứ trên ý chí và nhận thức của người chiếm hữu phi pháp đối với sở hữu chủ và sở hữu vật mà xác định. Vật sở hữu thuộc về người khác, nếu không được cho, mà tự ý chiếm hữu, thế là phạm tội ăn trộm. Nhưng trên mặt tuyệt đối, con người sinh ra với hai bàn tay trắng, chẳng có gì trên thế gian này là sở hữu của nó. Vậy căn cứ vào đâu mà nói là xâm phạm sở hữu của người khác? Và lại, như kinh đã nói, trong thời đại kiếp sơ, loài người sống

mà không có sự phân chia tài sản sở hữu riêng biệt. Những gì trong thế gian, là sở hữu chung, ai cũng có thể tự ý thọ dụng, vì không ai là chủ. Rồi ra, trong sự phát triển xã hội loài người, ý niệm về trộm cắp chỉ phát sinh khi loài người chiếm thiên nhiên làm sở hữu, sở hữu thiên nhiên vốn hữu hạn, mà ước muốn chiếm hữu của con người thì vô cùng. Do đó, phát sinh quy ước chung giữa xã hội loài người rằng trong mức độ và điều kiện nào đó, vật thiên nhiên được gọi là tài sản hữu chủ, ấy là kẻ trộm hoặc giặc cướp. Tính cách của sở hữu chủ và sở hữu vật như vậy không phải là những khái niệm khách quan. Nó tùy thuộc nhận thức chủ quan. Do bởi tính chủ quan này, hành vi lấy vật không được cho có thể là sự vô cớ cầm nhầm, hoặc chiếm hữu phi pháp. Thành thử, cùng một hành vi lấy và vật lấy, nhưng mức độ khinh trọng khác nhau tùy theo ý chí và nhận thức chủ quan của người lấy. Tức là điều mà luật pháp ngày nay phân biệt giới hạn các trường hợp vi cảnh với tội phạm hình sự.

Ngoài các trường hợp phạm tội có chủ tâm, tức hành động với sự dẫn đầu của ý chí tự nguyện, còn có các trường hợp vô cớ và tự ý. Đây là các trường hợp miễn thứ. Thí dụ, một tỷ kheo mất trí, điên cuồng gây nhiều tội lỗi. Các hành động này không phải do ý chí tự nguyện, được gọi là các trường hợp vô cớ, và luật hoàn toàn miễn thứ.

Còn ngoại ý được nói ở đây là các hành vi phạm luật có suy nghĩ, có chủ ý nhưng vì tình thế bất buộc không làm khác đi được. Đối với các hành vi vô cớ, đặc biệt là trong trường hợp mất trí, tất cả các điều khoản luật định đều được miễn thứ. Và các hành vi ngoại ý chỉ miễn thứ cho một số điều khoản; và các trường hợp miễn thứ này được quy định ngay trong chánh văn của giới bổn.

Đề áp dụng nguyên tắc tự nguyện trong khi luận tội, luật ấn định hai thủ tục cơ bản. Thứ nhất, Tác cứ; với thủ tục này tội danh phải được xác định một cách cụ thể đối chiếu với các dữ kiện hiện thực của hành vi phạm luật. Chủ yếu trong sự luận tội này là phân tích ý chí của phạm nhân trước, trong khi và sau khi hành động. Thứ hai, Tác ức niệm; với thủ tục này, tội danh chỉ được kết luận khi nào có sự xác nhận của phạm nhân. Sự xác nhận hoàn toàn theo tinh thần tự giác và tự nguyện; tuyệt đối không được phép cưỡng bức với bất cứ hình thức nào, kể cả hình thức mà người ta gọi là mớm cung.

2. Nguyên tắc công bằng: Luật nhân quả

Nguyên tắc công bằng là kẻ nào gây thiệt hại cho người khác về tinh thần hoặc vật chất, kẻ ấy phải bồi hoàn tương xứng. Bồi hoàn là khái niệm quan trọng trong luật dân sự. Nếu một người không thi hành nghĩa vụ khế ước, pháp luật sẽ cưỡng bức phải thi hành. Trong

luật nhân quả, đó là định luật có vay có trả. Nhưng vì luật pháp thế gian không phải lúc nào cũng công bằng, bởi lẽ quan tòa không phải lúc nào cũng sáng suốt. Nghĩa là, có những kẻ gây thiệt hại cho người khác mà không hề bồi hoàn gì cả. Thế thì trong trường hợp đó, tư tưởng bình dân đã nghĩ đến luật nhân quả bắt nó phải bồi hoàn trong kiếp sau.

Trong học thuyết về nghiệp báo, nghiệp được coi như một món nợ, mà người tạo nghiệp là kẻ vay nợ. Nếu theo quan điểm bình dân, sự bồi hoàn của con nợ là do một tòa án trong thế giới vô hình phán xét. Do thế, người tạo nghiệp có thể mua chuộc thần linh như ta có thể mua chuộc và làm hài lòng quan tòa để chạy tội. Trái lại, trong học lý về nghiệp, con nợ, chủ nợ, và quan tòa là một, do đó, nó không thể chạy trốn cái bóng của chính mình được.

Cũng trong học thuyết về nghiệp, sự bồi hoàn phải hội đủ hai yếu tố là thời gian và không gian. Nói theo luật dân sự, đó là thời hiệu và lãnh thổ thi hành nghĩa vụ khế ước.

Về phương diện thời gian, các luận sư Phật giáo phân biệt hai loại nghiệp: định thời và bất định thời. Với định thời, sự bồi hoàn phải diễn ra trong một thời điểm nhất định, ở đời này hoặc đời sau, hoặc đời sau nữa. Với bất định thời, thời điểm bồi hoàn không nhất định, khi nào hội đủ điều kiện là phải bồi hoàn, không nhất thiết đời nào.

Cũng như trong luật dân sự, thời hiệu mà nghĩa vụ khế ước phát sinh tùy theo từng loại khế ước. Cũng vậy, nghiệp định thời hay bất định thời cũng tùy theo bản chất của nó: định hay bất định nghiệp. Định nghiệp là hành động nhất định phải dẫn đến kết quả tương xứng, tùy theo định thời hay bất định thời. Bất định nghiệp, là loại hành động không nhất thiết phải bồi hoàn. Tức là, nếu đến thời hiệu phải bồi hoàn, nhưng không hội đủ yếu tố nghĩa vụ bồi hoàn không phát sinh; rồi quá thời hiệu ấy, khế ước được coi là bị thủ tiêu: người tạo nghiệp vĩnh viễn không quả.

Luật nhân quả bồi hoàn ấy được giải thích trong phạm vi quá rộng rãi, vì thời hiệu của nó trải dài qua nhiều đời sống trong vòng luân hồi sanh tử, vượt ngoài sự kiểm chứng bằng khả năng nhận thức hữu hạn của con người. Dù vậy, trong phạm vi luật học, có thể rút lại thành nguyên tắc hiện thực khả dĩ áp dụng được; đó là luật bồi hoàn hiện tại. Bồi hoàn tức phục hồi những thiệt hại về tinh thần cũng như về vật chất cho người bị thương tổn. Sự bồi hoàn như vậy là quy luật được phát hiện về ý niệm công bằng. Thế nhưng, do bản chất háo lợi của con người, sự bồi hoàn thường được đòi hỏi quá đáng. Mất một sợi lông, người ta vẫn mong được đền bù bằng cả thiên hạ. Trái lại, người vay nợ bao giờ cũng

muốn bồi hoàn ít hơn số mình đã mượn. Vay một núi thóc, người ta chỉ muốn trả một hạt com. Nếu không có những tiêu chuẩn cho sự công bằng, thì tranh chấp giữa người vay và chủ nợ trở thành mối thù truyền kiếp. Cho nên, ý niệm bồi hoàn trong luật nhân quả nghiệp báo và ý niệm công bằng của luật pháp có những quan hệ mật thiết.

3. Công lý và vấn đề thiện ác

Danh từ công lý hay chân lý trong luật học chỉ là một khái niệm tương đối. Nhà làm luật, khi soạn thảo một đạo luật, đương nhiên phải đặt nền móng trên công lý, nhưng không thể quả quyết đạo luật ấy sẽ có giá trị vĩnh cửu. Luật pháp thay đổi tùy theo nhịp thay đổi xã hội. Dù vậy, trong ý chí của nhà làm luật, không thể không có nỗ lực đạt đến một công lý vĩnh cửu của luật pháp. Ước muốn này không phải không có cơ sở. Kể từ thời văn minh Babylon 4 nghìn năm về trước, cho đến thời hiện đại, một số nguyên tắc thiện ác vẫn không thay đổi trong quan hệ giữa người và người. Cho nên, dù khác biệt thời đại, địa phương nhưng trong phạm vi cõi người vẫn có một chân lý vĩnh cửu cho thiện ác. Hay nói cách khác, giữa tánh tội và giả tội có một đường ranh rõ rệt mà người ta có thể nhận thấy nếu không bị chi phối bởi thiên kiến, hạn chế bởi thời gian và địa lý. Đương nhiên, đây cũng chỉ là vĩnh cửu trong tương đối, trong phạm vi xã hội loài người, so với không gian vô biên và thời gian vô tận.

Trong thực tế áp dụng của luật pháp, công lý không phải là ý niệm độc lập. Chức năng của luật là thẩm định thị phi để giải quyết những tranh chấp. Thẩm định ấy không thể vượt ngoài phạm vi của công lý. Thế nhưng, trong khi giải quyết tranh chấp, luật bắt buộc phải đứng về phía người nghèo, yếu đuối, nếu có thể; như thế là để cho sự phân xử của luật được công bằng và do vậy trật tự xã hội mới ổn định. Công lý mà không bao hàm ý niệm công bằng, thì đây là thứ công lý sắt thép lạnh lùng mà càng áp dụng thì càng tạo thêm nền móng bất ổn của xã hội. Vì vậy, ở đây cần phải nói rằng cái gì công bằng, cái đó là công lý; và cái gì là công lý, cái đó phải công bằng.

Trong luật học Phật giáo, xét về mặt học lý, ý niệm về công bằng và công lý đôi khi ngược lại điều vừa nói trên, do xu hướng kỷ luật nghiêm khắc của một số bộ phái bảo thủ. Trong xu hướng ấy chủ đích của hai hệ thống luật khác nhau. Luật pháp thế tục nhằm duy trì ổn định xã hội; chỉ can thiệp khi nào trật tự ấy bị đe dọa sẽ xáo trộn. Luật Phật giáo là các nguyên tắc hướng dẫn đời sống hướng thượng, không chỉ trong trình độ tâm tư loài người, mà vượt lên trên nữa. Do đó, nguyên lý thiện ác, tiêu chuẩn thị phi, là những khái niệm có tính cách bất dịch.

Đây là nói về mặt học lý, trong áp dụng thực tế của luật tỷ kheo, ý niệm công lý đối với một số điều khoản không có tính cách vĩnh cửu.

Tựu trung, công lý là nguồn gốc của luật; dù là luật thế gian hay luật đạo Phật. Nhưng trong luật tỷ kheo, có công lý được nhìn từ thánh đạo, có công lý theo quan điểm chung của loài người, và cũng có công lý tùy phong tục địa phương. Cả ba loại công lý ấy đều là nguồn gốc xuất phát các điều khoản của luật tỷ kheo. Nói cách khác, khi đức Phật nêu một điều khoản cấm chế, trước hết vì điều bị cấm ấy không phù hợp với bản chất của thánh đạo hoặc vì nó không phù hợp phẩm chất đạo đức theo quan niệm phổ thông, hoặc nó không phù hợp với tập quán địa phương và thời đại.

Trong ba nguồn gốc, công lý của thánh đạo là nền tảng cho tất cả, và không thể thay đổi dù thời đại và địa phương như thế nào. Hai nguồn gốc sau là tương đối, có thể thay đổi tùy thời đại và địa phương.

Để tổng kết vấn đề, ở đây có thể nhắc lại rằng, nghiệp là hành động, và không có hành động nào mà không có đối tượng và hậu quả mà nó gây ra cho đối tượng ấy. Vì vậy, bản chất và ý nghĩa của nghiệp chỉ có thể được nhận thức một cách chính xác trong mối quan hệ giữa các loài hữu tình, hay nói hạn chế: những quan hệ trong xã hội loài người. Bản chất của nghiệp là thiện hay bất thiện tùy theo hậu quả tốt hay xấu mà nó gây ra cho đối tượng. Cơ sở của đạo đức là ở đó.

Qua những điểm đã được giới thiệu một cách vắn tắt ở trên, người ta có thể thấy tính chất tích cực của học thuyết về nghiệp. Vì là cơ sở của đạo đức và luật pháp, nếu được vận dụng một cách linh động và hợp lý, giáo lý về nghiệp có thể trở thành kích thích tổ hữu hiệu cho sự tiến bộ của xã hội loài người, và nó cũng là điểm phát xuất cho lý tưởng công bằng và nhân đạo. Chừng nào giá trị của con người vẫn được tôn trọng bằng phẩm chất đạo đức, và quan hệ giữa người và người được đặt trên ý niệm bình đẳng, thời chừng đó giáo lý về nghiệp vẫn còn là một đóng góp tích cực.





MÙA XUÂN

HUYỀN TRÂN OI

Nhánh đào chưa nở vội
Đợi đến mùa xuân sang
Má hồng đào chưa thắm
Đợi tin người trăm năm.
Có phải Huyền Trân về Chiêm quốc
Áo khăn lụa ngọc trả cho người
Tình ơi một thuở đường phiêu bạt
Tiếng lạnh rừng Chàm: Tiếng Khắc Chung.
Có con voi trắng dừng chân lại
Kiệu rước mù tằm ai thương ai
Mảnh đất Ô Châu là sông núi
Không run cùng nhịp trái tim người
Châu Ô, châu Rí châu nào nữa
Mà mảnh tình tan Huyền Trân ơi!
Mùa Xuân sông núi lòng se lạnh
Từng mảnh vàng tằm vỡ cuối trời
Sao ta không đổi mùa sông núi
Mà đổi mùa Xuân Huyền Trân ơi!

TRẦN KIÊM ĐOÀN

BÁT TRĂNG ĐẦY

Trên đỉnh trời gió hú
Vào khoảng trống mênh mông
Ven rừng, cây khiêu vũ
Biển hát khúc muôn trùng.

Con mưa nào đêm trước
Còn ẩm ướt xương da
Sỏi đá nằm thiêm thiếp
Mặt đất tràn phong ba.

Những cánh chim tiền kiếp
Còn lưu lạc phương nào
Những con đường ly biệt
Lá rụng vàng chiêm bao.

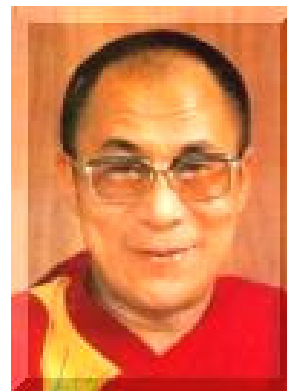
Hãy nghe từng cơn gió
Cứ thổi suốt đêm ngày
Ai ngồi trên đồi cỏ
Hứng một bát trăng đầy.

LÝ THỪA NGHIỆP

NHÂN QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM PHỔ BIẾN TOÀN CẦU

Nguyên tác: Đức Đạt Lai Lạt Ma

Chuyển ngữ: **H.T. Thích Trí Chơn**



Vào thời điểm thế kỷ 20 sắp kết thúc chúng ta nhận thấy rằng quả đất nơi chúng ta đang sống ngày càng thu nhỏ lại và thế giới loài người đã biến thành gần như một cộng đồng. Những liên minh quân sự lẫn chính trị giữa nhiều quốc gia cũng như sự hình thành các khối thịnh vượng và thị trường chung tại những khu vực trên thế giới đã xóa sạch các hàng rào ngăn cản thời xưa về khoảng cách, ngôn ngữ và chủng tộc v.v...

Chúng ta cũng đang phải đối đầu với những vấn đề khó khăn trầm trọng như nạn nhân mãn, tài nguyên thiên nhiên ngày càng khô cạn và các môi trường sinh sống trên quả đất như không khí, nước uống, cây cối, sông ngòi, núi đồi, cùng biển cả đang bị nhiễm ô.

Tôi tin rằng để vượt qua và khắc phục những thách thức khủng hoảng nói trên của thời đại chúng ta ngày nay, con người cần ý thức trách nhiệm phổ biến toàn cầu của mình. Mỗi chúng ta nên biết hoạt động và phục vụ không chỉ riêng cho lợi ích gia đình, tổ quốc và cá nhân mà còn vì phúc lợi của nhân loại. Nhận thức trách nhiệm phổ quát là chìa khóa đích thực dẫn đến sự sống còn của loài người. Nó xây dựng vững chắc cho nền hòa bình thế giới, sự sử dụng hợp lý các tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ tốt môi sinh và hạnh phúc cho những thế hệ tương lai. Bằng cách nào để chúng ta có thể làm tăng trưởng tinh thần trách nhiệm chung và phát triển lòng vị tha, giúp đỡ lẫn nhau? Dưới đây là một vài ý kiến của chúng tôi.

Một Đại Gia Đình Nhân Loại

Dù muốn hay không tất cả chúng ta sinh ra trên quả đất này đều được xem như một phần của đại gia đình nhân loại. Giàu hay nghèo, học thức hay ngu dốt, người quốc gia này hay dân tộc kia, theo tôn giáo này hay tín ngưỡng nọ, học thuyết này hay chủ nghĩa kia, cuối cùng mỗi chúng ta như mọi kẻ khác đều chỉ là một con người

vì tất cả chúng ta ai cũng muốn có hạnh phúc và không thích khổ đau. Hơn nữa, mỗi chúng ta đều có quyền bình đẳng theo đuổi các mục tiêu lợi ích này.

Thế giới ngày nay đòi hỏi chúng ta phải chấp nhận tính chất duy nhất của một cộng đồng nhân loại. Thời xưa, các gia đình, đoàn thể và bộ lạc đều sống rời rạc cách xa nhau. Nhưng ngày nay, bất cứ biến cố gì xảy ra tại một quốc gia nào thấy đều ảnh hưởng đến toàn cả thế giới. Cho nên chúng ta cần nhận thức rằng khi ở địa phương gặp phải vấn đề khó khăn thì các nơi khác đều gánh chịu hậu quả chung của nó. Nếu chúng ta sống biệt lập với ốc kỳ thị, phân chia về quốc gia, chủng tộc, chủ nghĩa hay tôn giáo thì chúng ta rất khó thành công trong cuộc đời. Chúng ta nên đoàn kết, biết tương trợ giúp đỡ lẫn nhau và luôn luôn xem quyền lợi kẻ khác như của chính mình.

Được vậy, tôi nghĩ đó là nguồn hy vọng và mong ước của con người. Sự hợp tác hỗ tương là điều cần thiết bởi lẽ nó giúp cộng đồng nhân loại vững mạnh. Hơn nữa, thế giới tương lai con người hạnh phúc, không phải tùy thuộc nương nhờ vào các liên minh kinh tế hay quân sự rộng lớn mà do mỗi cá nhân biết thực hành tình thương và lòng từ bi. Ngày mai nhân loại muốn có một cuộc sống tốt đẹp, văn minh và an lạc hơn thì mọi người chúng ta ai cũng nên phát triển tấm lòng chân thực, rộng mở và khoan dung, xem nhau như anh chị em ruột thịt một nhà.

Phương Thuốc Của Lòng Từ Bi

Người ta bảo rằng ở Tây Tạng có nhiều bệnh nhân được chữa lành nhờ thuốc từ bi và tình thương. Các thiện tánh này là nguồn gốc chủ yếu của hạnh phúc con người. Nhưng rất tiếc từ lâu, chúng chỉ được áp dụng giới hạn trong nhà và gia đình chứ không thực hiện rộng rãi cho

mọi người ngoài xã hội. Đây là điều đáng buồn! Theo tôi, sự thể hiện tình thương không phải hành động ảo tưởng mà là con đường tu tập thực tế và kết quả nhất nhằm cứu giúp những kẻ khác cũng như chính mình.

Tâm từ bi như dòng suối mát dập tắt ngọn lửa tham sân si và phiền não nơi lòng người. Nó là hạt giống lành, khi được gieo trồng, sẽ phát sinh các thiện tánh khác như lòng bao dung tha thứ, hỷ xả và độ lượng v.v... Lòng từ bi là thần dược nhiệm mầu có thể cải đổi tâm con người từ ác ra thiện, xấu trở nên tốt, khổ đau thành an lạc. Cho nên chúng ta nên gieo rắc, ban bố tình thương bao la đến các thân hữu và bà con quyến thuộc trong gia đình. Không riêng tu sĩ các tôn giáo, nhân viên y tế và cán sự xã hội mà ngay cả mọi người đủ thành phần trong quốc gia đều nên có tâm từ bi.

Mọi sự tranh chấp và xung đột trong các lãnh vực chính trị, kinh tế cũng như tôn giáo, sự thể hiện tình thương và lòng khoan dung vẫn luôn luôn là phương pháp hữu hiệu nhất để giải quyết tốt đẹp những mâu thuẫn trên. Đôi khi ngay cách thức chúng ta dùng nhằm hóa giải mỗi bất hòa lại gây thêm nhiều rắc rối khác. Gặp trường hợp như vậy, khi không đạt được sự phân giải nào, cả hai phía nên kêu gọi đến tình người, hầu mong tạo niềm thông cảm đoàn kết. Điều này sẽ giúp chúng ta tháo gỡ sự bế tắc, và cuối cùng đạt đến kết quả tốt đẹp. Mặc dù đôi khi cả hai bên đều không hoàn toàn thỏa mãn, nhưng nếu biết nhân nhượng, tình trạng nguy hiểm xung đột đối đầu nhau có thể tránh được. Tất cả đều biết rằng sự dàn xếp như vậy là phương cách hữu hiệu nhất để giải quyết ổn thỏa mọi cuộc tranh chấp, tại sao chúng ta không cố gắng thực hiện?

Trong xã hội, nếu con người sống không biết hợp quần, tương trợ giúp đỡ lẫn nhau thì chúng ta rất khó tồn tại. Các bạn hãy nhìn tấm gương của đàn ong nhỏ bé. Định luật tự nhiên đã dạy chúng biết đoàn kết, hợp tác và chung nhau làm việc để sống còn. Kết quả là đàn ong theo bản năng, đã ý thức được trách nhiệm tập thể. Chúng không có quốc hội, hiến pháp, luật lệ, cảnh sát, tôn giáo hay lời khuyên đạo đức, nhưng do bản tính tự nhiên, chúng hết lòng cộng tác cùng nhau làm việc. Thịnh thoả chúng có thể cắn nhau, nhưng cắn bản cả đàn của chúng tồn tại nhờ sức mạnh hợp quần. Trái lại loài người có đầy đủ hiến pháp, lực lượng cảnh sát, công an, tôn giáo và một trái tim biết yêu thương. Mặc dù con người có nhiều lợi điểm đặc biệt như vậy, nhưng trên thực tế, ở vài phương diện, tôi nghĩ chúng ta còn kém thua những con ong bé nhỏ đó. Thật là điều đáng buồn!

Chẳng hạn, mặc dù hàng triệu người hiện đang sống gần gũi chung đụng với nhau tại các thành phố lớn khắp nơi trên thế giới, nhưng có nhiều kẻ vẫn cảm thấy cô đơn. Một vài bạn, ngay cả không có lấy một người thân

để chia sẻ nỗi vui buồn khi gặp nghịch cảnh khổ đau. Thật là bi đát! Chúng ta không phải là những con vật có thể sống độc lập mà cần biết đoàn kết, hợp tác, nương tựa và giúp đỡ lẫn nhau để tồn tại. Nhưng rất tiếc và bất hạnh là chúng ta đã sống thiếu tình người và trách nhiệm đối với đồng loại của mình. Khuyết điểm này phải chăng là do hoàn cảnh xã hội được xây dựng trên nền tảng gia đình và cộng đồng của chúng ta? Hay do ảnh hưởng của đời sống vật chất, khoa học kỹ thuật và máy móc hiện đại bên ngoài? Tôi không nghĩ vậy.

Tôi vẫn tin rằng mặc dù nền văn minh nhân loại của thế kỷ hôm nay đã tiến rất nhanh, nhưng nguyên nhân căn bản gây ra những cuộc khủng hoảng, khó khăn và khổ đau cho con người hiện tại là do bởi chúng ta chỉ nghĩ đến sự phát triển đời sống vật chất không mà thôi. Chúng ta đã say mê theo đuổi nó và không quan tâm đến các nhu cầu cần thiết nhất của mọi người hôm nay là tình thương, lòng vị tha, sự tương trợ và cộng tác giúp đỡ. Nếu chúng ta không nghĩ tưởng đến nỗi khổ đau của cá nhân hay nhiều người khác, như vậy là chúng ta đã quay lưng và bỏ quên họ. Nhưng sự phát triển của xã hội nhân loại hoàn toàn đặt nền tảng trên lòng thương yêu và giúp đỡ lẫn nhau của con người. Khi trái tim chúng ta khô héo và đánh mất tình người căn bản này thì mục đích cuộc sống của chúng ta phải chăng chỉ còn nhắm đến sự lợi dưỡng và tiến bộ của vật chất?

Theo tôi, rõ ràng là trách nhiệm cứu giúp mọi người khác của chúng ta chỉ có thể thành tựu tốt đẹp khi chúng ta phát triển được lòng từ bi. Tôi đã thuyết giảng nhiều nơi về phương pháp tu tập và thực hành tình thương rộng lớn này. Dưới đây tôi sẽ trình bày cùng quý vị trong hiện tình thế giới với nhiều cuộc khủng hoảng tranh chấp về chính trị, tôn giáo và chủ nghĩa v.v... bằng cách nào chúng ta có thể cải thiện và phát triển tinh thần trách nhiệm phổ quát toàn cầu.

Trách Nhiệm Phổ Biến

Trước hết, tôi xin bày tỏ rằng tôi không tin tưởng vào các phong trào, chủ nghĩa hay ý thức hệ. Tôi cũng không chủ trương thành lập một tổ chức hay đảng phái để truyền bá một lý thuyết đặc biệt nào, nhằm thu hút chỉ riêng một nhóm ít người chứ không phải đông đảo đa số quần chúng tham gia để thành đạt mục đích nói trên. Trong hoàn cảnh hiện nay, không một cá nhân nào có thể giải quyết các vấn đề khó khăn của chúng ta mà tất cả mọi người đều nên tích cực góp phần hầu chia sẻ trách nhiệm chung phổ quát này. Bằng cách đó, số lượng những cá nhân trách nhiệm sẽ tăng trưởng từ mười, trăm ngàn và cả hàng trăm ngàn; nhờ vậy mà các cuộc khủng hoảng khó khăn chung của thế giới sẽ được cải thiện.

Những thay đổi tốt đẹp không thể xảy ra nhanh chóng mà đòi hỏi sự cố gắng tu sửa liên tục của mỗi chúng ta. Với tâm chán nản và thất vọng chúng ta không thể thành đạt bất cứ một kết quả khiêm nhường nào. Trái lại bằng ý chí cương quyết, nỗ lực tinh tấn và cải đổi vươn lên chúng ta sẽ dễ dàng khắc phục, vượt qua những trở ngại khó khăn nhất. Chấp nhận tinh thần trách nhiệm phổ quát là nền tảng căn bản đạo đức của mỗi cá nhân. Thực hành lòng từ bi không phải là điều chúng ta chỉ biết ngồi thảo luận suông mà cần nên ứng dụng nó vào trong đời sống thực tế hằng ngày.

Mặc dù không có một cơ quan chính phủ nào toàn hảo, tuy nhiên sự thực thi dân chủ vẫn là điều tốt đẹp nhất mang lại hạnh phúc cho mọi người. Do đó bất cứ ai muốn chia sẻ hưởng lợi ích này, cần tranh đấu cho con người có quyền thực hiện ước vọng trên. Hơn nữa, dân chủ là nền tảng vững chắc nhất để xây dựng trên đó ngôi nhà chính trị toàn cầu thế giới. Hoạt động như một đại gia đình chung nhân loại, chúng ta nên kính trọng quyền bảo vệ nền độc lập cùng nếp sống văn hóa đặc thù của mọi dân tộc quốc gia.

Đặc biệt, chúng ta hãy nỗ lực cố gắng thể hiện lòng từ bi trong lãnh vực sinh hoạt của thế giới. Nền kinh tế không đồng đều giữa các quốc gia giàu và nghèo, đã phát triển và kém mở mang là nguồn gốc gây nên nỗi khổ đau lớn nhất cho loài người trên quả đất này. Những nước giàu với nền kinh tế vững mạnh cần chia sẻ giúp đỡ cho các quốc gia nghèo khó, sẽ góp phần tạo sự ổn định cho tình hình chính trị và kinh tế trên toàn thế giới. Chúng ta cũng cần thẩm định lại giá trị của nền khoa học hiện đại trong sự đóng góp cho đời sống hạnh phúc của con người. Mặc dù mục đích chính của khoa học là nghiên cứu tìm hiểu về thực tại của vạn vật vũ trụ, nhưng mặt khác nó cũng cần giúp làm thăng hoa, mang phúc lạc đến cho con người. Nếu không có sự hướng dẫn của tình thương, các khoa học gia có thể chế tạo những vũ khí giết người như chúng ta đã biết trong nhiều thập niên qua, tạo nên khổ đau cho đồng loại.

Các tôn giáo lớn trên thế giới cũng cần có trách nhiệm phổ quát này. Mục đích của tôn giáo không phải chỉ lo xây cất những ngôi chùa và nhà thờ đồ sộ, nguy nga tráng lệ mà cần hướng dẫn con người tu tập các tánh tốt như từ bi, hỷ xả, khoan dung và tha thứ. Mọi tôn giáo dù triết lý có khác biệt như thế nào, vẫn cùng dạy con người bớt tham lam ích kỷ và cứu giúp nhân loại. Rất tiếc là đôi khi tôn giáo đã gây nên những cuộc xung đột chiến tranh hận thù chứ không mang lại hòa bình an lạc cho mọi người. Tín đồ các tôn giáo cần nhận thức rằng mỗi tín ngưỡng đều có một hệ thống giáo lý và phương pháp tu tập riêng để giúp hành giả đạt đến sự an lạc và hạnh phúc. Mỗi tôn giáo giống như một loại thức ăn

không thể nào thỏa mãn tất cả mọi người. Tùy trình độ hiểu biết và khả năng tu hành khác nhau, vài người thích tôn giáo này, kẻ nọ lại chọn tín ngưỡng kia. Các đạo giáo, đôi khi giáo lý có phần mâu thuẫn đối nghịch nhau nhưng cuối cùng tất cả đều hướng dẫn con người làm lành tránh ác, tìm về chân thiện mỹ. Do đó, chúng ta không nên có óc kỳ thị tôn giáo hay đức tin mù quáng mà cần biết kính trọng các tín ngưỡng với tinh thần cởi mở khoan dung.

Chắc chắn môi trường thuận lợi nhất để chúng ta gieo trồng hạt giống từ bi là sự giao hảo liên quan quốc tế. Trong những năm gần đây tình hình chính trị thế giới đã thay đổi khá nhiều. Tôi nghĩ tất cả chúng ta đều đồng ý rằng cuộc chiến tranh lạnh giữa hai siêu cường Nga-Mỹ kết thúc kéo theo sự sụp đổ của các nước Đông Âu Cộng Sản và Liên Bang Xô Viết đã mở ra một trang sử mới cho nhân loại. Thế kỷ 20 vừa qua là thời kỳ tang thương nhất trong lịch sử loài người với số lượng vũ khí tàn phá khổng lồ được sản xuất, đã mang lại sự chết chóc và khổ đau cho con người nhiều hơn các thế hệ trước.

Hơn nữa, chúng ta cũng chứng kiến sự tranh chấp gần như vào giai đoạn chót giữa hai ý thức hệ căn bản mà chúng luôn luôn xâu xé cộng đồng nhân loại: đó là chủ thuyết độc tài toàn trị một bên, còn phía kia là nền dân chủ, tự do và nhân quyền. Tôi tin rằng cuộc đọ sức quan trọng giữa hai lực lượng này, giờ đây đã thấy rõ. Mặc dù tư tưởng hòa bình, tự do và dân chủ hiện đang còn phải đối đầu với các thể chế độc tài và tàn bạo, tuy nhiên điều rõ ràng là đa số mọi người khắp nơi trên thế giới đều mong ước tư tưởng dân chủ và tự do sẽ chiến thắng. Sự sụp đổ của chính quyền Cộng Sản tại Liên Bang Xô Viết đã chứng minh điều đó.

Mặc dù chủ nghĩa Cộng Sản vẫn thường tán dương, đề cao lý tưởng tự do, bình đẳng và công bằng xã hội, nhưng thực tế với chính sách độc tài đảng trị, nhà nước đã tước đoạt và ngăn cấm các quyền căn bản của con người như tự do tư tưởng, hội họp, đi lại và tôn giáo v.v... Chủ thuyết cộng sản đã thất bại nặng nề bởi lẽ nó đã được tuyên truyền phổ biến bằng sức mạnh của bạo lực. Hậu quả là chủ nghĩa vô thần này đã gieo rắc và gây nên không biết bao nhiêu khổ đau cho nhân loại.

Tuy nhiên, Cộng Sản chủ nghĩa dù bạo tàn đến đâu vẫn không bao giờ có thể đàn áp dập tắt được khát vọng tự do căn bản của con người. Nhiều cuộc xuống đường, biểu tình rầm rộ của hàng trăm nghìn người tại các thành phố ở những nước Cộng Sản Đông Âu vài thập niên trước đây đã chứng minh cho điều đó. Chúng bày tỏ nhu cầu thiết yếu của con người là dân chủ và tự do. Sự đòi hỏi của họ không có gì mới lạ trong ý tưởng mà giản dị chỉ là tiếng nói xuất phát từ con tim, và mong chia sẻ với mọi người khát vọng về hai chữ “tự do”. Đúng vậy, tự

do là nguồn sáng tạo cho cá nhân cũng như tập thể trong xã hội.

Nếu con người sống chỉ biết có thức ăn, đồ mặc và nhà ở không thôi như lý thuyết Cộng Sản chủ trương thì chưa trọn vẹn. Bởi lẽ dù chúng ta có được hưởng đầy đủ các tiện nghi vật chất trên mà thiếu không khí quý báu của tự do thì chúng ta mới sống với một nửa con người, và như loài vật, chúng ta chỉ nghĩ đến sự thỏa mãn các nhu cầu thể xác mà thôi.

Tôi nghĩ rằng phương pháp giải quyết hòa bình các chính biến xảy ra trong khối Liên Bang Xô Viết cũ và những nước Đông Âu Cộng Sản hàng chục năm trước đây đã dạy cho chúng ta nhiều bài học bổ ích. Trước tiên là về giá trị của sự thật. Mọi người dân không muốn bị đàn áp, dối trá hay lường gạt bởi cá nhân hay tập thể. Các hành động lừa đảo trên đã phản lại những quyền lợi căn bản tự do và dân chủ của con người. Cho nên, mặc dù những kẻ âm mưu lừa bịp và chủ trương dùng bạo lực để khống chế quần chúng có thể thành công trong nhất thời, nhưng cuối cùng họ sẽ thất bại bị lật đổ.

Trái lại, mọi người đều ham chuộng, tán dương lẽ thật vì nó là máu huyết nuôi sống chúng ta. Sự thật là người bảo vệ, xây dựng nền tảng vững chắc nhất cho quyền tự do và dân chủ. Bất luận các bạn yếu hay mạnh, mục tiêu có ít hay nhiều người ủng hộ nói sự thật vẫn là điều cần thiết. Rất tiếc trong sinh hoạt chính trị, nhiều nhà lãnh đạo đã không dám nói sự thật. Đặc biệt trong vấn đề bang giao quốc tế, chúng ta lại rất ít quan tâm đến sự thật. Các quốc gia yếu kém thường bị những nước mạnh điều khiển, áp đặt và khống chế, cũng giống như hạng người đói nghèo và cô thế trong xã hội đều chịu nhiều khổ đau dưới bàn tay bóc lột tàn bạo của giai cấp thống trị. Mặc dù trong quá khứ, tinh thần tôn trọng sự thật thường bị các nhà độc tài gạt bỏ đi xem như việc làm không thực tế, nhưng vào những năm gần đây điều ấy chúng ta cho thấy rằng nó là một sức mạnh vĩ đại của quần chúng, giúp con người làm nên lịch sử.

Một bài học ý nghĩa thứ hai mà chúng ta rút ra được từ các nước Đông Âu Cộng Sản là cuộc cách mạng hòa bình. Thời quá khứ các dân tộc bị nô lệ thường chọn phương thức đấu tranh bạo động để được giải phóng tự do. Nhưng sau này theo gương Thánh Gandhi của Ấn Độ và Mục Sư Martin Luther King tại Hoa Kỳ, những cuộc cách mạng ôn hòa đã đóng góp cho các thể hệ ngày mai tấm gương thành công sáng ngời của quần chúng trong sự nghiệp đấu tranh bất bạo động. Tương lai, nếu xã hội cần đến những cải cách thay đổi, con cháu chúng ta có thể nhìn lui thành quả rực rỡ mà chúng ta đã đạt được hôm nay, như là mẫu mực cho cuộc đấu tranh hòa bình không đổ máu, một thành công rực rỡ chưa từng có trong lịch sử nhân loại với sự tham dự của hơn mười quốc gia,

và hàng trăm triệu người trên thế giới. Hơn nữa các biến cố chính trị xảy ra trong những thập niên gần đây chứng tỏ cả hai điều mong ước tự do và hòa bình là niềm khát vọng sâu xa chân chính của con người.

Trước khi tìm hiểu nền trật tự thế giới nào sẽ đóng góp, phục vụ toàn hảo nhất cho nhân loại trong thời kỳ hậu chiến tranh lạnh, tôi nghĩ việc cốt yếu là chúng ta cần loại bỏ ý tưởng bạo động trong mọi trường hợp như điều căn bản cần thiết cho nền hòa bình thế giới và là mục tiêu tối hậu của một trật tự ổn định toàn cầu.

Bất Bạo Động Và Trật Tự Thế Giới

Hằng ngày, qua báo chí, đài phát thanh, truyền hình và trên mạng lưới (internet), chúng ta đọc nghe và xem thấy nhiều tin tức về khủng bố, tội ác và chiến tranh xâm lược. Những bản báo cáo và thông tin đó đã trở thành đề tài thu hút nhiều ký giả, độc giả cũng như khán thính giả. Tuy nhiên đa số mọi người đều không thích sự tàn phá, giết chóc và rất ít trong số hơn năm tỷ người trên quả đất này ham muốn chiến tranh. Phần đông chúng ta ai cũng ước mong được sống trong hòa bình.

Tất cả mọi người đều mến chuộng sự yên tĩnh, bình an. Chẳng hạn khi mùa xuân đến ngày trở nên dài, trời nắng ấm hơn, cây cỏ đâm chồi nẩy lộc, và cảnh vật trời đất xanh tươi mát mẻ. Chúng ta ai nấy đều ưa thích và cảm thấy hạnh phúc. Trái lại thu về từng chiếc lá vàng rơi rụng, những cánh hoa đẹp úa tàn và nhìn xung quanh cây cối nơi đâu cũng tro tàn trụi lá. Lòng chúng ta cảm thấy buồn bã thê lương. Tại sao vậy? Bởi lẽ tâm chúng ta muốn nhìn thấy cảnh trí xây dựng và phát triển chứ không thích chứng kiến những gì phá hoại, sụp đổ hay chết chóc. Mọi hành động hủy diệt đều chống đối lại nhân tính của con người là luôn luôn muốn bảo vệ, phát triển và xây dựng.

Tôi tin mọi người đều đồng ý rằng chúng ta cần khắc phục, khống chế bạo động, nhưng muốn loại bỏ nó hoàn toàn, trước hết nên tìm hiểu lợi hại thế nào khi chúng ta sử dụng bạo động. Chúng ta nhận thấy rằng trong vài trường hợp sẽ có ích lợi khi chúng ta áp dụng bạo động. Người ta có thể giải quyết vấn đề nhanh chóng bằng bạo lực. Tuy nhiên, cùng lúc chúng ta phải trả giá rất đắt cho kết quả đó, nghĩa là chúng ta đã vi phạm đến nhân quyền và quyền lợi của những kẻ khác. Hơn nữa khi giải quyết được khó khăn này thì chúng ta lại gây ra thêm vấn đề khác.

Trái lại, nếu mục tiêu đấu tranh được hướng dẫn bởi lý trí sáng suốt, con người sẽ không dùng đến bạo động. Chỉ những kẻ đầy tham vọng ích kỷ và không thể thành đạt mục đích của mình bằng lý luận chân chính mới dựa vào sức mạnh. Ngay cả bạn bè và thân nhân

trong gia đình khi xảy ra chuyện bất hòa, những người hiểu biết có thể nêu lên từng điểm của vấn đề để thảo luận ôn hòa với nhau, trong khi những kẻ thiếu bình tĩnh sáng suốt sẽ dễ dàng nổi nóng tức giận đưa đến sự đổ vỡ thất bại. Tánh nóng giận này là dấu hiệu của sự yếu hèn chứ không phải sức mạnh.

Có hai loại bạo động và bất bạo động, nhưng chúng ta sẽ không thể phân biệt được chúng, khi quý vị xét đoán chỉ dựa vào các yếu tố bên ngoài mà thôi. Nếu nguyên nhân thúc đẩy là bất thiện và xấu ác thì dù hành động của các bạn ngoài mặt có vẻ như ôn hòa tử tế, nhưng kết quả dẫn đến vẫn là bạo động. Trái lại, nếu chủ đích nhằm đến việc lành và thiện ý, dù cho cách hành xử có gay gắt cứng rắn, việc làm của bạn căn bản vẫn là bất bạo động.

Người Tây Phương có quan niệm bảo rằng cuộc tranh đấu bất bạo động trường kỳ của Thánh Gandhi để giành lại nền độc lập cho Ấn Độ từ chính quyền thực dân Anh trước đây là tiêu cực, không thích hợp với mọi người; nhưng theo tôi, đường lối đấu tranh bất bạo động như thế lại rất phù hợp đối với các dân tộc Đông Phương. Lý do vì người Tây Phương thích năng động trong mọi hoàn cảnh, họ muốn đạt được kết quả liền cho dù phải hy sinh nhiều mạng sống của kẻ khác. Tôi nghĩ hành động như vậy thì chẳng có lợi ích gì, mà còn gây muôn vàn khổ đau cho đồng loại. Tôi tin tưởng rằng nếu mọi người trên thế giới này có tâm từ bi và luôn biết thực hành đức tánh bất bạo động trong cuộc sống hàng ngày của mỗi cá nhân, thì chắc chắn thế kỷ tương lai toàn thể nhân loại sẽ sống trong một thế giới hòa bình và an lạc vĩnh cửu.

(Trích từ cuốn sách “The Spirit of Tibet- Vision for Human Liberation”)



Photo by
Hoàng
Tâm
Kiên

thơ

Trần Huy Sao

THƠ XUÂN GỎI BẠN

gởi Hà Mai Khuê

*Bạn ngồi đây, mình kể chuyện đời
Phòng Vãn thấp nền cho lãng mạn
Hiền nội đun nước pha trà mới
Đãi bạn chông, ngày Xuân, ghé thăm*

*Gởi lại nụ cười tươi roi rói
Hai tách trà giữ nứu thảo thơm
Xin mời bạn nhấp hương đồng nội
Trà quê nhà đó! Bạn hiền ơi!*

*Chỗ ta sương giá Hiền Trăng lạnh
Phòng Vãn không thấy dáng Mai, Đào
Hương Xuân gởi lại trời cổ quận
Nơi này, đất khách, chỉ qua loa*

*Bạn đến cùng ta chia nỗi nhớ
Nửa phương lưu lạc, nửa quê nhà
Trắng đêm tâm sự mừng Xuân mới
Giật mình nghe thoáng tiếng gà xa...*

*Bỗng thấy tình Xuân nồng ấm lại
Ngỡ như còn ở chốn quê xưa
Tiếng gà lạc lõng trời phương lạ
Hai ta lạc bước nẻo phong trần!...*

THIỀN TẬP TRONG NGÀNH TÂM LÝ TRỊ LIỆU CỦA HOA KỲ

Thích Hạnh Tuấn



Ngày nay vấn đề thiền tập (tu tập thiền định theo Phật giáo), không còn là một vấn đề xa lạ trong đời sống hằng ngày của chúng ta. Sự hiện diện của thiền tập như một phép màu đã và đang làm thay đổi cái nhìn của người Tây phương - nhất là trong lãnh vực Tâm Lý Trị Liệu. Riêng đối với dân tộc Việt Nam, thiền tập đã có mặt từ đầu thế kỷ thứ III Tây lịch. Tinh thần và hình thái của thiền tập đã thấm nhuần trong nhiều nếp sinh hoạt của người Phật tử Việt Nam. Thiền đã đi vào đời sống con người một cách nhịp nhàng uyển chuyển. Tuy nhiên vấn đề được đem ra ứng dụng hằng ngày ngõ hầu đem đến kết quả tốt đẹp cho sự sống, đó mới chính là điều mà chúng ta cần nên tìm hiểu và thảo luận trong bài viết này.

Theo thống kê mới nhất của ngành Tâm Lý Học Hoa Kỳ, gần đây cho biết rằng trong vòng 20 năm qua con số những người tự tử vì thất vọng và chán nản mà nguyên nhân chính là không tìm thấy một thể đứng quân bình trong đời sống tinh thần đã tăng lên gấp bội so với những năm về trước. Trong số những người tự vận nói trên hầu hết là sinh viên, thanh thiếu niên ở lứa tuổi vị thành niên. Trong hai thập niên này đã có khoảng 5,000 người thật sự đã chết trong số 500,000 người có ý mưu sát. Điều này đã làm cho một số nhà Tâm Lý Trị Liệu của Hoa Kỳ cũng như những nhà lãnh đạo tinh thần của các tôn giáo lo lắng, lưu tâm suy nghĩ.

Nguyên nhân và con số của những vụ tự vận đó được thống kê như sau:

Tỷ lệ của sự tự vận	Nguyên nhân của sự tự vận
9 %	Thất tình giữa trai gái
7%	Mang thai lúc vị thành niên
5%	Có cha mẹ quyền sinh
7%	Có bà con và bạn thân tự tử
17%	Cha mẹ ly dị hoặc mồ côi cha mẹ
24%	Có cha mẹ ghê (mẹ ghê con chồng)
13%	Cha mẹ tái hôn nhiều lần
5%	Cha mẹ nghiện ngập rượu chè
6%	Bệnh tâm thần nghiêm trọng (có cha mẹ săn sóc)
7%	Bệnh tâm thần nghiêm trọng (không có cha mẹ săn sóc)

Những tệ trạng nêu trên cho chúng thấy xã hội Hoa Kỳ là một xã hội bệnh hoạn về mặt tinh thần mặc dù rất giàu có vật chất. Với nếp sống ồn ào thác loạn, người Mỹ chỉ biết bôn ba vào đời sống vật chất xa hoa trụy lạc. Họ phải làm việc cả ngày lẫn đêm chạy theo máy móc. Hãy nhìn cách đi đứng của người Mỹ chúng ta đủ thấy họ phải lo lắng như thế nào. Họ đi nhanh lắm giống như chúng ta chạy vậy. Đối với họ, sự nghỉ ngơi yên tĩnh dường như bị khuấy động. Sự dừng lại của họ chỉ là một dấu hiệu mệt mỏi cho sự dừng lại của một công việc để rồi họ dần quên vun xới đời sống tâm linh. Đó là nguyên nhân đưa họ đến một sự kiệt quệ lớn về tinh thần và sức khỏe.

Từ đầu thập niên 60 đến nay, với sự truyền bá của một số thiền sư đến từ các nước Á Châu như Tây Tạng, Trung Hoa, Nhật Bản, Đại Hàn, Tích Lan, Việt Nam..., thiền tập đã bắt đầu chiếm một vị trí quan trọng trong lãnh vực tâm lý học của người Tây Phương. Áp dụng phương pháp thiền tập như là những phương thức trị liệu tâm lý cho bệnh nhân đã giúp người Mỹ giải quyết được phần nào những tệ nạn nêu trên.

Thiền tập không những giúp cho chúng ta tìm lại được chân như bản thể của chúng ta mà còn là một phương pháp chữa trị hiệu nghiệm trong lãnh vực y học về khoa tâm thần.

Theo bác sĩ Herbert Benson, giám đốc bệnh viện và hội đồng Y khoa kiêm giáo sư của trường đại học Harvard, qua một thời gian thực nghiệm đã cho biết: Thiền tập có khả năng làm giảm những giao động thần kinh mà đã đưa tới sự lo âu buồn chán. Thiền tập còn làm thấp mức độ tiêu thụ năng lượng khí Oxyen trong cơ thể con người chúng ta. Đem chúng ta trở về sự điều hoà trong nhịp đập của tim. Và thiền tập còn làm giảm bớt sự căng thẳng của hệ thống giao cảm thần kinh mà nguyên nhân của sự căng thẳng này có thể đưa tới bệnh cao áp huyết, bệnh ép tim và một số bệnh nan y khác.

Theo sự quan sát của một toán nghiên cứu tại bệnh viện Beth Israel ở Boston cho biết sau khi họ theo dõi một nhóm người đang thiền tập 2 lần trong một ngày, mỗi lần 20 phút. Toán nghiên cứu này đã thử nghiệm bằng cách theo dõi nhịp đập của tim, hơi thở và mức độ lưu lượng máu trong cơ thể của những thiền sinh với những thời khắc khác nhau tùy theo sự hoạt động của họ như khi đi, đứng, nằm, ngồi, nghỉ ngơi và làm việc... Kết quả cho thấy chất kích thích tố giữa những tế bào trong cơ thể của những thiền sinh này thực sự yên tĩnh thoải mái trong suốt thời gian này. Những chất kích thích tố này sẽ tăng trở lại tùy theo mức độ thay đổi những hoạt động của họ.



Thí nghiệm trên đưa tới kết luận: Thiền tập sẽ làm vơi nhẹ ảnh hưởng những chất kích thích tố trong cơ thể; giúp cho chúng ta điều hoà hơi thở và nhịp đập của con tim đưa đến cho chúng ta một sự thoải mái trong tâm hồn. Theo bác sĩ John Hoffman, giáo sư ngành y học tại Viện Đại Học Harvard, cho biết, “Khi mức độ kích thích tố trong cơ thể được điều hoà và ngưng đọng bằng phương pháp thiền tập thì mức độ lưu lượng của máu cũng như nhịp đập của tim sẽ được bình thường. – Khác hẳn với những lúc chúng ta mệt nhọc và những lúc cơ thể chúng ta có những đòi hỏi khác thường – Như vậy, thiền tập có thể giúp chúng ta bảo vệ được sự nguy hiểm cho tánh mạng của những người mang một số bệnh nan y như bệnh áp huyết cao, bệnh ép tim, bệnh AIDS và bệnh tiểu đường.

Bác sĩ M. S. Frebert và Bác sĩ T. M. Mead, hai trong số 116 nhà nghiên cứu thuốc men của Hoa Kỳ đã cùng hợp tác theo dõi một cuộc thí nghiệm như sau: Chia hai nhóm sinh viên có cùng một trình độ, môn học, thời gian và sức khoẻ giống nhau. Nhóm thứ nhất học hành và giải trí tùy theo sở thích. Nhóm thứ hai vừa học vừa có những giờ thiền tập được hướng dẫn chu đáo. Sau một thời gian theo dõi, hai bác sĩ này đã nhận thấy rằng khả năng ghi nhận về trí nhớ của nhóm thứ hai (nhóm được hướng dẫn thiền tập song song với việc học hành) được đầy đủ và rõ ràng hơn nhóm thứ nhất. Trong các kỳ thi khảo sát bài vở tại nhà trường, nhóm thứ hai nhận được một số điểm khá cao so với nhóm thứ nhất.

Lại có hai nhà nghiên cứu khác trong số 116 nhà nghiên cứu thuốc men của Hoa Kỳ, ông Patel và ông Marmot đã chia một số bệnh nhân mắc bệnh tâm thần có một cơn bệnh tương đối giống nhau thành bốn nhóm và nhận chịu bốn phương thức trị liệu khác nhau.

- Nhóm thứ nhất nhận sự chữa trị bằng thuốc men.
- Nhóm thứ hai nhận sự chữa trị trực tiếp của bác sĩ theo đúng chế độ ăn uống đã được quy định có đầy đủ dinh dưỡng. Nhóm này cần phải tập thể dục và ngưng hút thuốc.
- Nhóm thứ ba uống thuốc theo liều lượng của bác sĩ và nghỉ ngơi một nơi yên tĩnh.
- Nhóm thứ tư thiền tập đều đặn theo thời khoá quy định hằng ngày. Uống thuốc theo một liều lượng ít hơn so với 3 nhóm trên.

Sau một thời gian theo dõi, bác sĩ Patel và Marmot ghi nhận được rằng thiền tập đã đem lại một kết quả tốt đẹp cho nhóm thứ tư. Trong khi thiền tập, những bắp thịt trong cơ thể được trở về vị trí bình thường và tiếp nhận được lưu thông của máu một cách dễ dàng. Kèm theo đó, nhờ sự theo dõi và điều hoà hơi thở được đều

đặt giúp cho nhịp đập của tim giữ được trạng thái bình thường. Những chất kích thích tố giữa các tế bào trong cơ thể dường như không có cơ hội để phát triển; do đó, đưa cơ thể trở về sự thoải mái toàn diện.

Với những ghi nhận, thống kê trong ngành tâm lý trị liệu, cho chúng ta thấy rằng thiền tập đã giúp cho ngành y học của Hoa Kỳ giải quyết được một số bệnh nan y. Về lãnh vực tôn giáo, thiền tập lại càng có một giá trị cao hơn như chúng ta thường nghĩ. Người Phật tử quan niệm rằng thân và tâm là một (thân tâm nhất như). Sự hội nhập đó là một thực thể tương quan trên bình diện tâm sinh lý – không thể bảo rằng chúng ta có một thân thể bình an trong khi chúng ta có một tâm hồn bất ổn. Vì vậy, sự phát triển nội tâm rất cần phải được liên hợp với sự phát triển sinh lý. Sự liên hệ này được coi như là một sự liên cảm – khi tâm lý có những tiến triển rõ ràng và tốt đẹp thì đó chính là bước đầu của những tiến triển nội tâm - vượt qua những ức chế của những bệnh tâm thần và giúp chúng ta bảo vệ được sức khỏe, chống lại chứng bệnh cao áp huyết, chứng bệnh ép tim và điều hoà được hơi thở. Đó cũng là những nguyên tắc căn bản của đời sống nội tâm bắt nguồn từ những phương pháp thiền tập trong Phật giáo.

Trong Kinh Pháp Cú đức Phật dạy rằng, “*Trong các pháp, tâm làm chủ, tâm dẫn đầu, tâm tạo tác tất cả...*” Đây là câu kinh vô cùng quan trọng liên hệ đến tâm sinh vật lý của con người. Để chứng minh điều này những nhà y học đã dùng những dụng cụ y học để đo đạc những hệ thống thần kinh trong chúng ta vào những lúc thiền tập và những lúc bình thường (không thiền tập) đưa tới một kết luận rằng sự vui buồn, sầu đau, giận ghét... đều là những nguyên nhân làm tăng trưởng những kích thích tố trong cơ thể con người đưa đến hậu quả có thể làm tăng nhịp đập của tim có ảnh hưởng lớn đến sự hô hấp và cao áp huyết. Trong Phật giáo, thiền tập làm lắng đọng dòng tâm thức đang bị tán loạn, đưa tâm tư trở về niềm an định tự do thoải mái. Sân hận được diệt hẳn và chỉ có sự bình an hiển lộ. Thực tập thiền như vậy là chúng ta đang nuôi dưỡng một thân thể bình an, tươi mát phát nguồn từ một tâm thức lắng dịu trong sáng.

Dưới đây là những trình tự mà Bác sĩ Herbert Benson cũng như nhiều bác sĩ khác đã dựa theo kinh điển của Thiền Phật giáo hướng dẫn những bệnh nhân của họ thực tập trong khi thí nghiệm bằng những dụng cụ y học.

1. Hãy chọn một chữ hay một câu ngắn đầy đủ ý nghĩa phát xuất từ đức tin của mình để thâm niệm trong khi ngồi thiền (nếu là Phật tử thì hãy chọn một câu thần chú hay danh hiệu của một Đức Phật hay Bồ Tát)

2. Ngồi một cách yên lặng trong một tư thế tự nhiên, bất cứ tư thế nào mà mình cảm thấy thoải mái

(nếu là Phật tử thì hãy ngồi trong tư thế bán già hay kiết già)

3. Khép mắt lại một cách tự nhiên (không cần nhắm kín, nên mở mắt chừng 3/10)

4. Để cho các bắp thịt thoải mái bằng cách buông thả - không gắng gượng trong khi ngồi – và mặc áo quần rộng rãi.

5. Hít vào và thở ra thật đều và thật sâu trong khi đó lặp lại câu (thần chú) mình đã chọn.

6. Đừng để tư tưởng phóng ra ngoài vì bất cứ một điều gì. Giữ sự bình thản nhẹ nhàng và theo dõi hơi thở, chú ý vài điều đang lặp lại.

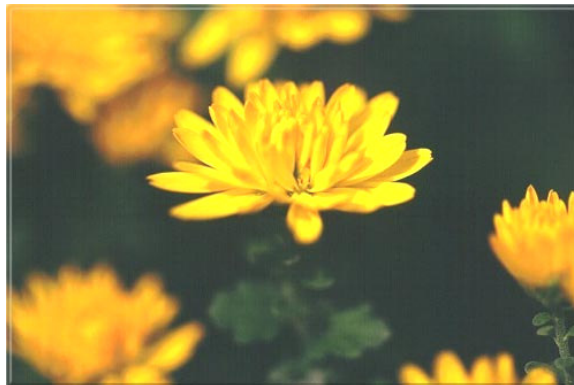
7. Tiếp tục như trên ít nhất từ 10 đến 20 phút.

8. Thiền tập thường xuyên mỗi ngày hai lần.

Nên nhớ rằng trong khi thiền tập theo những phương pháp trên đây đừng có ý niệm mong cầu cho một sự bình an hay chứng ngộ. Hãy thực tập như sự cần thiết của thức ăn cho cơ thể. Có như vậy chúng ta mới tự thân chứng nghiệm lời Phật dạy cũng như những lời tuyên bố của các bác sĩ trong ngành Tâm Lý Trị Liệu Hoa Kỳ.

Tài liệu tham khảo

- Hales and Williams, *An Invitation to Health*, Benjamin, 3rd edition, 1986
- *Health Magazine*, July 01st, 1982, p.16
- *New Scientist* 21, February, 1988, pp. 38-39
- *American Medical News*, May 5th, 1989, p. 34
- Hebert Benson, *The Relaxation Respond*, William Morrow, New York 1975
- *Psychology Today*, January, 1981, p. 87
- Guy and Claxton, *Beyond Therapy*, Wisdom, London, 1986



ĐỘC TIỂU THANH KÍ

Thơ chữ Hán của Nguyễn Du

Hạnh Cơ luận và dịch

讀
小
青
記
阮
攸

天不風古文脂獨西
下知韻今章粉吊湖
何三奇恨無有富梅
人百冤事命神前苑
泣餘我天累憐一盡
素年自非焚死紙成
如役居問餘後才墟

*Tây hồ mai uyển tận thành khư
Độc điều song tiền nhất chỉ thư
Chi phần hữu thần lân tử hậu
Văn chương vô mệnh lụy phần dư
Cổ kim hận sự thiên nan vấn
Phong vận kì oan ngã tự cư
Bất tri tam bách dư niên hậu
Thiên hạ hà nhân khấp Tố Như*

Dịch nghĩa:

Khắp khu vườn mai bên hồ Tây nay đã trở thành gò hoang
Một mình tưởng niệm nàng qua tập sách đang đọc bên cửa sổ
Nếu son phấn có hiển linh, ắt phải đau xót cho những việc xảy ra sau khi nàng mất
Văn chương nào có mệnh số gì mà cũng bị liên lụy, đến nỗi bị đốt, may mà chỉ cháy dở dang
Những mối hận tình xưa nay, muốn hỏi trời mà không hỏi được
Ta tự coi như người cùng thuyền với nàng trong nỗi oan khiên lạ lùng của kiếp phong trần
Rồi đây hơn ba trăm năm sau
Chẳng biết có ai trong thiên hạ sẽ khóc thương cho Tố Như này không

Căn cứ theo sách *Thơ Văn Chữ Hán Nguyễn Du* của nhóm biên soạn Lê Thuộc, Trương Chính (nhà xuất bản Văn Học, in tại Sài-gòn 1978), đây là bài thơ số 78, và cũng là bài chót trong tập thơ chữ Hán *Thanh Hiên Thi Tập*. Và cũng theo quý vị này thì cụ Nguyễn Du đã làm bài thơ trên trong khoảng thời gian “làm quan ở Bắc-hà” (1802-1804).

Theo ý tứ toàn bài, cụ Nguyễn Du nhân đọc được tập kí sự nói về cuộc đời tài hoa lại yếu mệnh và đầy tủi hận của một thiếu phụ, rồi cảm thương cho số phận nàng mà sáng tác ra bài thơ trên; rồi cũng nhân đó mà khóc thương cho số phận mình.

Tựa đề bài thơ cho ta thấy ngay tên của thiếu phụ được nói đến là Tiểu Thanh. Tương truyền, nàng sống vào cuối đời Minh (1368-1661), họ Phùng, tên Huyền Huyền, tự là Tiểu Thanh, quê ở Hàng-châu, tỉnh Triết-giang. Nàng giỏi âm nhạc, làm thơ hay, tài sắc gồm đủ.

Năm 16 tuổi, nàng được gả về làm thiếp cho một người cùng họ, tên Phùng Thiên Thu. Nàng bị bà vợ cả ghen ghét, bắt phải dời lên ở núi Cô-sơn, cạnh hồ Tây (phía Tây thành phố Hàng-châu); nhưng chẳng được bao lâu thì vì buồn rầu, uất ức mà chết. Lúc đó nàng mới 18 tuổi! Nay ở Cô-sơn vẫn còn ngôi mộ của nàng.

Vài nét ghi trên về nàng Tiểu Thanh, chúng tôi đã dựa vào bộ từ điển bách khoa *Từ Nguyên* (nxb Thương Vụ Ấn Thư Quán in tại Hương-cảng, 1994), trong đó không thấy đề cập đến bài “*Tiểu Thanh Kí*”, nhưng có nói rằng: “*Tập Liệu Đỗ Canh Kí của Ngô Bính và tập Tiểu Thanh Nương Phong của Chu Tông Phan, đời Minh, đều lấy đề tài có liên quan đến chuyện nàng Tiểu Thanh; còn sách Liệt Triều Thi Tập của Tiền Khiêm Ích đời Thanh thì bảo rằng, nhân vật Tiểu Thanh không có thật, những thi văn truyền lại là do kẻ hiểu sự giả thác mà làm ra thôi.*” Có thể đây là những tài liệu mà cụ Nguyễn Du đã đọc, còn cái tên “*Tiểu Thanh Kí*” là do chính cụ đặt lấy chăng? Cụ Quách Tấn (trong sách *Tổ Như Thi*) bảo rằng: “*Có người viết truyện nàng, gọi là Tiểu Thanh Kí*”, nhưng vì tài liệu quá ít ỏi, và thì giờ không có nhiều, chúng tôi không thể kê cứu tường tận được, xin quý vị độc giả thông cảm cho.

Về **thơ chữ Hán** của Nguyễn Du, chúng tôi hiện chỉ có hai tài liệu để tham khảo: 1) *Thơ Chữ Hán Nguyễn Du* của Lê Thước và Trương Chính (vừa dẫn trên – chúng tôi sẽ gọi tắt là **bản Lê Thước**), gồm 248 bài thơ của cả 3 tập: *Thanh Hiên Thi Tập*, *Nam Trung Tập Ngâm* và *Bắc Hành Tập Lục* – có lẽ là tài liệu đầy đủ nhất hiện nay về thơ chữ Hán của cụ Nguyễn Du (?); nhưng tiếc một điều, là trong sách hoàn toàn không có một chữ Hán nào cả!!! 2) *Tổ Như Thi* của Quách Tấn (nxb An Tiêm in tại Paris, 1995 – chúng tôi sẽ gọi tắt là **bản Quách Tấn**), chỉ trích dịch có 72 bài, và mỗi bài đều có in kèm chữ Hán.

Do đó, khi dịch bài “*Độc Tiểu Thanh Kí*” trên đây, chúng tôi đã dựa vào bài thơ chữ Hán trong **bản Quách Tấn**. Trước khi dịch, chúng tôi xin bàn về một số chữ cần thiết:

- Ở Trung-quốc có rất nhiều hồ được đặt tên là *hồ Tây*, nhưng chữ “*Tây hồ*” trong câu đầu tiên của bài thơ này là chỉ cho cái hồ ở phía Tây thành phố Hàng-châu, tỉnh Triết-giang. Hồ rất rộng, có chu vi đến 30 dặm, núi bao ba mặt, là một trong những thắng cảnh đẹp nhất của Trung-quốc. Tương truyền, thời nhà Hán, người ta có thấy một con bò bằng vàng xuất hiện trong hồ. Đó là điềm thánh minh, nên hồ đã được đặt tên là *hồ Minh-thánh*. Lại nữa, vì hồ ở cạnh sông Tiền-đường, nên cũng có tên là *hồ Tiền-đường*. Từ đời Đường về sau hồ được gọi là *Tây-hồ*.

- Chữ “*mai uyển*”, cũng ở câu đầu bài thơ, cả hai

bản Lê Thước và *Quách Tấn* đều viết là “*hoa uyển*”, nhưng trong phần chữ Hán của *bản Quách Tấn* thì lại viết là “*mai uyển*”, và dưới phần chú thích thì nói: “*Hoa Uyển: Nghe truyền là Mai Uyển.*” Chúng tôi thấy chữ “*mai uyển*” đúng hơn chữ “*hoa uyển*”. Như trên đã thấy, Tiểu Thanh bị vợ cả của chồng ghen ghét, không cho ở chung, bắt phải dời lên núi Cô-sơn (trong bài dịch sau đây chúng tôi gọi là *núi Một*) sống hẩm hiu, uất hận cho đến chết. Bộ *Từ Nguyên* (đã dẫn trên) cho biết về núi này như sau: “*Ở cạnh hồ Tây (Hàng-châu, Triết-giang) có một quả núi, đứng một mình, bên cạnh không có đồi núi nào dính liền cả. Đồi Tổng có ông Lâm Bô lên đó ở ẩn, trồng mai nuôi hạc. Nay tại đó còn ngôi mộ của Bô, có đường Mai và mã Hạc.*”

- Chữ “*phân dư*” ở câu thứ tư, nói đầy đủ là “*phân dư cảo*”, nghĩa là bản thảo bị đốt nhưng không cháy hết, còn sót lại một ít tờ, hoặc một ít đoạn, một ít bài. Lúc Tiểu Thanh sống trên núi Cô-sơn, nàng có làm một tập thơ ghi lại tâm sự mình. Sau khi nàng chết, người vợ cả vẫn không hết ghét tức, bèn đem tập thơ đó đốt đi; rất may, nó không cháy hết mà còn sót lại một số bài. Có người yêu văn chương, lượm chép lại, và viết truyện nàng để lưu truyền.

- Hai câu cuối của bài thơ là hai câu từng được truyền tụng nhiều nhất. Bất cứ ai nói về tâm sự của cụ Nguyễn Du cũng đều nhắc đến hai câu ấy. Trước năm 1943, những người nghiên cứu về Nguyễn Du đều cho rằng, hai câu đó đã được cụ thốt ra trước khi chết; nhưng từ năm 1943, khi bài thơ “*Độc Tiểu Thanh Kí*” này được phát hiện, thì mới thấy hai câu ấy là hai câu chốt của bài thơ này. Có người còn tính toán con số “*300 năm*” mà bảo rằng, đó là thời gian tính từ lúc nàng Tiểu Thanh chết cho đến lúc cụ Nguyễn Du làm bài thơ trên. Chắc là không đúng như vậy. Trong cả hai *bản Lê Thước* và *Quách Tấn* đều nói rằng, Tiểu Thanh sống vào **đầu** nhà Minh. Vậy, giả sử cụ Nguyễn Du làm bài thơ trên vào năm 1804 (năm chốt của giai đoạn “*làm quan ở Bắc-hà*”), thì khoảng thời gian từ khi nàng chết (đầu nhà Minh – tức khoảng vài chục năm từ 1368) cho đến năm 1804, phải là khoảng **400** năm. Nếu theo *Từ Nguyên* (nói Tiểu Thanh sống vào **cuối** nhà Minh – tức vài chục năm trước 1661), thì khoảng thời gian đó chỉ vào khoảng **200** năm. Xem thế thì sự tính toán của ai đó chỉ là để “múa chơi” mà thôi. Sự thực thì mấy chữ “*tam bách dư niên hậu*” đã tỏ ra ý tứ là “*sau này*”, chứ chẳng có ý gì về quá khứ cả. Nếu có ý quá khứ, là do chúng ta “suy rộng ra” như thế này: Nàng chết đã mấy trăm năm rồi mà hôm nay còn có *Tổ Như* đây khóc thương, chẳng biết mấy trăm năm sau nữa có ai là người khóc thương cho *Tổ Như* này không?!

- Chữ “*hà nhân*” trong câu chốt là căn cứ theo *bản*

Quách Tấn (phần chữ Hán lần phiên âm), còn trong bản *Lê Thước* thì viết là “*thùy nhân*”. Theo chúng tôi, trong trường hợp này thì “*hà nhân*” đúng hơn là “*thùy nhân*”; vì chỉ một chữ “*thùy*” (誰) đã có nghĩa là *ai, người nào* – có thêm chữ “*nhân*” (人) là thừa, có thể bỏ đi được; trong khi đó, phải có đủ hai chữ “*hà nhân*” (何人) mới có nghĩa là *ai, người nào*. Ở đây là câu thơ Luật, 7 chữ, dùng chữ “*hà nhân*” là vừa khít khao, trọn ý, không thừa không thiếu.

Chúng tôi xin diễn dịch bài thơ trên như sau:

NHÂN ĐỌC TRUYỆN NÀNG TIÊU THANH

*Nơi núi Một, hồ Tây thuở đó,
Có vườn mai đương độ nở hoa
Còn gì đâu để thiết tha
Tơ lòng nàng dệt thành thơ để đời.*

*Mười tám đã thành người thiên cổ!
Lụy đến thơ cháy dở còn đây.
Nỗi oan ngất chín tầng mây,
Hỏi trời còn khó, hỏi ai bây giờ?*

*Son phấn cũng sưng sờ thảng thốt,
Càng sắc tài đau xót càng kinh,
Lạ lòng mệnh số đành hanh,
Người sau cảm kích ghi thành thiên chương.*

*Bên song cửa lật trang sách cũ,
Tưởng niệm người thiếu phụ oan khiên;
Nghĩ mình cùng hội cùng thuyền,
Cùng truông cay đắng, cùng miền hẩm hiu.*

*Vườn mai xưa đầu hiu xơ xác,
Núi Một chừ tan tác gò hoang.
Khóc người nay đã thên thang
Sau này ai khóc can tràng Tố Như?*

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- *Hán Việt Tự Điển*, Thiều Chửu. Hà-nội: Đuốc Tuệ, 1942.
- *Thế Giới Thi Ca Nguyễn Du*, Nguyễn Đăng Thực. Sài-gòn: Kinh Thi, 1971.
- *Thơ Chữ Hán Nguyễn Du*, Lê Thước và Trương Chính. Nxb Văn Học, in tại Sài-gòn, 1978.
- *Tố Như Thi*, Quách Tấn dịch. Paris: An Tiêm, 1995.
- *Từ Nguyên*. Hương-cảng: Thương Vụ Ấn Thư Quán, 1994.

Từ Thế Mộng

ĐƯỜNG BA MƯƠI NĂM

Yêu em từ thưở lên ba
Mẹ bỗng ra ngô hái hoa em cầm (Ca dao)

*Giao thừa đầu cũng là giao thừa
Đầu cũng là hoa đầu cũng Phật
Sao anh cứ mãi trôi về chùa
về cõi thần tiên có em đi hái lộc*

*Em trẻ như những người rất trẻ
Và dịu dàng thơm hoa ngọc lan
Đóa hoa anh đã yêu từ ba mươi năm
thưở em chưa tới tuổi tay cầm*

*Em quá trẻ và anh trách anh
Đam mê chỉ một trò ảo vọng
Nhưng lúc làm thơ yêu em anh biết mình đang sống
Nên nhủ lòng ta có cả trăm năm.*



ĐÀN TRÀNG CHẴN TẾ: SIÊU ĐỘ NGƯỜI CHẾT VÀ CẢM HÓA NGƯỜI SỐNG

Huỳnh Kim Quang

Trong truyền thống Phật Giáo Đại Thừa nói chung và Phật Giáo Việt Nam nói riêng, Đàn tràng Chấn tế là pháp thức để siêu độ vong linh của những người đã chết mà vì oan nghiệp chưa siêu thoát hay chưa tái sinh được. Những người bị oan nghiệp đó có rất nhiều nguyên do, rất nhiều thành phần, mà đại để đã được tổng hợp trong mười loại gọi là Thập loại Chúng sinh (như Văn Tế Thập Loại Chúng Sinh của Nguyễn Du đã đề cập) hay Thập loại Cô hồn. Theo bộ Du Già Tập Yếu Diệm Khẩu Thí Thực Nghi do ngài Tam Tạng Bất Không Kim Cang (Amoghavajra) dịch từ Phạn sang Hán vào đời Đường, thì Thập loại cô hồn¹ gồm:

1. Thủ hộ quốc giới: Loại oan hồn vị quốc vong thân;
2. Phụ tài khiếm mạng: Loại oan hồn chết vì trái chủ oan gia, truy thai, sảy thai;
3. Khinh bạc Tam Bảo: Loại oan hồn vì tạo nghiệp bất hiếu, phụ nghịch, vô đạo;
4. Giang hà thủy nịch: Loại oan hồn chết sông, chết biển;
5. Biên địa tà kiến: Loại oan hồn ở nơi biên ải hẻo lánh xa xăm;
6. Ly hương khách địa: Loại oan hồn phiêu bạt tha hương, chết đường, chết bụi;
7. Phó hỏa đầu nhai: Loại oan hồn chết vì tự tử, trầm mình xuống sông, núi, chết đâm, chết chém;
8. Ngục tù trí mạng: Loại oan hồn chết vì bị tra tấn, khổ nhục trong lao tù;
9. Nô tì kết sử: Loại oan hồn chết vì bị nô lệ, hành

hạ, dày dọ;

10. Mạnh mung ám á: Loại oan hồn lúc sống bị đui, què, câm, điếc, cô quả không ai chăm sóc.

Đàn tràng là một trong các nghiã của Mạn đà la (Mandala), tức là dùng đất (Thổ đàn), gỗ (Mộc đàn) hay nước (Thủy đàn) lập lên một cái đàn trong đó tôn trí những biểu tượng, hình tượng và pháp khí của chư Bồ Tôn để hành lễ theo thể thức Mật giáo. Đàn tràng còn gọi là Đạo tràng vì là nơi thực hiện Đạo, thực hiện Phật sự, thực hiện sự tự giác và giác tha, như trong Kinh Duy Ma Cật, Phẩm Bồ Tát thứ tư, đoạn Bồ Tát Duy Ma Cật giải thích cho Quang Nghiêm Đồng Tử về ý nghĩa của Đạo tràng.

“Tâm chính trực là đạo tràng, vì không giả dối... Tâm bồ đề là đạo tràng, vì không thể sai lầm. Bồ thí là đạo tràng, vì không câu đáp trả. Trì giới là đạo tràng, vì giúp hoàn thành tâm nguyện. Nhẫn nhục là đạo tràng, vì tâm vô ngại đối với hết thảy chúng sinh. Tinh tấn là đạo tràng, vì lia xa biếng nhác. Thiền định là đạo tràng, vì là tâm điều thuận nhu hòa. Trí tuệ là đạo tràng, vì trực kiến các pháp.

“Từ là đạo tràng, vì đối xử bình đẳng với tất cả chúng sinh. Bi là đạo tràng, vì nhẫn nại các khổ nhọc. Hỷ là đạo tràng, vì là pháp an vui khoái lạc. Xả là đạo tràng, vì dứt bỏ yêu hay ghét.”²

Đàn tràng chấn tế cũng gọi là Trai đàn vì lấy sự trang nghiêm thanh tịnh làm gốc để nhất tâm hồi hướng cho cô hồn, ngạ quỷ được ân triêm công đức. Mạn đà la còn có nghĩa là Luân viên tức là tròn đầy, được tượng trưng bằng hình hoa sen nở tròn. Đàn tràng chấn tế cô

¹ Xin đọc bài viết “Lễ Tháng Bảy” của Thượng Tọa Thích Tuệ Sỹ đăng trong tạp chí *Phương Trời Cao Rộng*, số 3, tháng 8, 2006, hoặc trang nhà: www.phatviet.com.

² *Kinh Duy Ma Cật Sở Thuyết*, bản dịch Việt của Tuệ Sỹ, Ban Tu Thư Phật Học, 2002, trang 116, 117.

hồn là nơi tổ chức các khoá lễ thực hiện theo khoa nghi Mật Giáo để cứu tế các loại cô hồn hay vong linh vì oan nghiệp chưa siêu thoát vẫn còn sống trong thế giới đói khổ, điêu linh, thống hận. Đàn tràng chân tế thông thường được thiết lập theo hình thức và pháp thức của Mạn Đà La (Mandala). Theo Mật giáo có hai loại đàn tràng:

1. Kim Cang Giới Mạn Đà La (Vajradhātu-mandala): Đây là tượng trưng cho Trí tuệ chứng đắc của Phật, thuộc trí môn. Trí tuệ liễu ngộ bản thể chơn không diệu hữu của vạn pháp. Trí tuệ không gì phá hoại được như kim cương bất hoại. Trí tuệ có khả tính tiêu trừ tận gốc vô minh và phiền não. Trí tuệ thấu đạt từng căn cơ sai biệt của hữu tình để cứu độ.

Kim Cang Giới Mạn Đà La vì là trí môn cho nên lấy Ngũ Trí Như Lai làm gốc. Đàn tràng được thiết trí trong vòng tròn Nguyệt Luân giống như mặt trăng tròn đầy ngày Rằm. Ở trung tâm tôn trí biểu tượng, hình tượng của đức Đại Nhật Như Lai (MahaVajrocana-Tathàgata). Phía Đông là đức Bất Động Như Lai (Aksobhya-Tathàgata). Phía Nam là đức Bảo Sinh Như Lai (RatnaSambhava-Tathàgata). Phía Tây là đức A Di Đà Như Lai (Amitabhà-Tathàgata). Phía Bắc là đức Bất Không Thành Tựu Như Lai (AmoghaSiddhi-Tathàgata).

2. Thai Tạng Giới Mạn Đà La (Garbhadhātu-mandala): Biểu thị cho phương tiện độ sinh của Phật, thuộc lý môn. Từ lý tánh nhất thể hàm tàng bồ đề tâm để thi thiết đại nguyện từ bi cứu khổ chúng sinh. Nhờ sức phương tiện của từ bi dẫn dắt chúng sinh quay về với chân tánh bất sinh bất diệt của nhất tâm pháp giới.

Thai Tạng Giới Mạn Đà La là lý môn, từ lý tánh nguyên nguyên hàm tàng đầy đủ các đức tánh viên mãn của Như Lai trong tất cả vạn hữu giống như đóa sen từ bùn vươn lên nở hoa thanh khiết, cho nên được thiết trí theo hình đóa sen tám cánh. Ở phần Trung Đài Bát Diệp Viện, tôn trí biểu tượng, hình tượng và pháp khí của đức Đại Nhật Như Lai ở giữa, bên phía Đông là đức Bảo Tràng Như Lai (Ratnaketu-Tathàgata), phía Nam là đức Khai Phu Hoa Vương Như Lai (KusumitaRāja-Tathàgata), phía Tây là đức Vô Lượng Thọ Như Lai (Amitayus-Tathàgata), phía Bắc là đức Thiên Cổ Lôi Âm Như Lai (Divyadundubhi-Tathàgata). Ở bốn góc có bốn Đại Bồ Tát: Đông Nam là đức Phổ Hiền Bồ Tát (Samantabhadra-Bodhisattva), Đông Bắc là đức Quán Tự Tại Bồ Tát (Avalokitesvara-Bodhisattva), Tây Nam là đức Diệu Cát Tường Đồng Tử (Manjusri-Kumara), Tây Bắc là đức Từ Thị Bồ Tát (Maitreya-Bodhisattva).

Qua cách thiết lập đàn tràng Kim Cang Giới Mạn Đà La và Thai Tạng Giới Mạn Đà La như đã trình bày ở trên cho thấy đàn tràng chân tế cô hồn mang ý nghĩa triết lý Đại thừa Phật Giáo thâm sâu. Kim Cang Giới Mạn Đà

La và Thai Tạng Giới Mạn Đà La đều là hình thức thu nhỏ của pháp giới vô biên về thời gian và không gian vào trong một phạm vi thời-không hiện thực và cụ thể trước mắt mà phàm nhân đều có thể chứng kiến được. Kim Cang Giới biểu thị cho trí tuệ giác ngộ siêu việt của chư Phật. Trí tuệ ấy sắc bén và rắn chắc như kim cương không gì có thể phá hoại được và không gì mà nó không thể tiêu trừ được kể cả vô minh và phiền não huân nhiễm qua vô thi kiếp. Trí tuệ ấy thể nhập vào tận cùng bản thể của các pháp, quán triệt được rằng chư pháp do duyên sinh, không có tự tánh, cho nên là tánh không; rằng chư pháp cũng do duyên sinh, vô tánh mà hiện hữu, vì vậy mà giả hữu; như thế, các pháp vốn không thật có, vốn không thật không, chư pháp cũng không phải vừa có vừa không, không phải không vừa có không vừa không; chư pháp vốn lia tứ cú, thường vắng lặng ở trung đạo đệ nhất nghĩa, đó chính là chơn không diệu hữu. Như vậy, các pháp: nào khổ, nào vui, nào tham, nào si, nào oan ức, nào thù hận, nào phân biệt bỉ thử nhân ngã xưa nay đều chỉ là vọng động chấp trước của tâm sinh diệt điên đảo vì vô minh tập khởi. Khi được khai thị bởi trí tuệ ấy thì tức khắc có thể buông bỏ mọi vọng trần, viễn ly mọi điên đảo tưởng để giải thoát tự tại.

Thai Tạng Giới là nơi hàm tàng, chứa giữ đầy đủ mọi phẩm đức vì diệu vốn có của Như Lai. Nó giống như bào thai nuôi dưỡng một sinh mạng đang bắt đầu có mặt để một ngày nào đó khai hoa nở nhụy thì là một hữu tình với đầy đủ căn tính ra đời. Tất cả các pháp đều được dung dưỡng trong Thai Tạng Giới, đều từ Thai Tạng Giới mà xuất sinh. Như Lai là phẩm đức cực diệu, là quả vị tối thắng nhất của Thai Tạng Giới. Cho nên, trong mọi pháp có phẩm đức của Như Lai và trong Như Lai có chất liệu từ bi ban phát xuống cho vạn hữu. Nguồn suối từ bi của Như Lai không do gắng gượng dụng tâm mà tuôn chảy, nhưng đó là đức tính nhiệm mầu trong một phẩm cách đặc hữu như nước từ nguồn chảy xuống một cách tự nhiên, không chút dụng tâm. Đức từ bi ấy trang trải đến tất cả muôn loài một cách bình đẳng như mưa đổ xuống không phân biệt thảo mộc lớn hay nhỏ, tùy theo căn cơ mà cảm ứng³. Đại nguyện từ bi là dưỡng chất nuôi lớn tình thương yêu chân thật nơi tất cả chúng sinh. Đại nguyện từ bi thấm nhuần đến đâu thì nơi ấy tình thương yêu được phát triển, lòng khoan dung độ lượng được mở bày, và vì vậy thù hận, oan trái được giải kết.

Trong pháp thức thực hiện khoa nghi chân tế, vị Chủ Gia Trì và ban Kinh Sư Hộ Đàn đánh lễ Phật, Bồ Tát, tán, tụng chân ngôn và thủ ấn để thanh tịnh đàn tràng, nhiếp phục ma quân, thỉnh Phật, Bồ Tát quang lâm đàn

3 Xin đọc Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, phẩm Dược Thảo Dụ thứ 5.

tràng để hộ niệm, vị Chủ Gia Trì gia trì ba nghiệp: Thân bắt thủ ấn, miệng tụng chân ngôn, tâm quán niệm hình tượng Phật để nhất tâm thể nhập vào Tam Mật Du Già. Từ đây, vị Chủ Gia Trì sẽ được chư Phật trực tiếp hộ niệm để đại diện cho quý Ngài mà ban phát tài và pháp thí Ba la mật cho chúng cô hồn, ngạ quỷ. Bấy giờ vị Chủ Gia Trì là hóa thân Phật có đầy đủ diệu lực mầu nhiệm để khai mở địa ngục và những cõi tối tăm khổ nhục của cô hồn, ngạ quỷ, triệu họ vãn tập về đàn tràng để nhận lãnh sự bố thí tài và pháp, làm cho họ không những hưởng dụng tài thí mà còn thâm nhập Phật pháp, giải thoát mọi trói buộc của nghiệp lực bấy lâu để có thể siêu sinh.

Trong phần kinh văn của khoa nghi, chứa đựng nội dung thâm áo của Phật pháp hầu khai mở trí tuệ, hưng phát từ bi tâm; đặc biệt diễn bày những nỗi u uất, thống hận, khổ lụy mà cô hồn, ngạ quỷ phải gánh chịu vì nghiệp lực của họ, cũng như những lời giải bày thực trạng giả tạm của cuộc đời, tính chất hư huyền của mọi hiện tượng sinh diệt trong thế giới hữu vi. Chẳng hạn:

*Hội khởi Mông Sơn tối thắng duyên
Giác hoàng thù phạm lợi nhân thiên
Kinh tuyên bí điển siêu đồ thán
Giáo diễn chân thừa cứu đảo huyền*

(Lời dịch của Thượng Tọa Thích Tuệ Sỹ: Do nhân duyên đặc biệt mà lễ hội Mông Sơn được tổ chức. Đức Giác Hoàng đã chỉ dạy một nghi thức làm lợi ích cho cả chư thiên và loài người. Lời kinh nêu rõ pháp điển bí mật có khả năng siêu hóa từ chốn lầm than. Giáo thuyết diễn rộng ba thừa để cứu vớt khổ đau bị treo ngược)⁴

Trong phần mở đầu của Mông Sơn Thí Thực có đoạn:

*Mãnh hỏa diệm diệm chiếu thiết thành
Thiết thành lý diệm nhiệt cô hồn
Cô hồn nhược yếu sinh Tịnh độ
Thích tụng Hoa Nghiêm bán kệ Kinh:
Nhược nhơn dục liễu tri
Tam thể nhất thiết Phật
Ứng quán pháp giới tánh
Nhất thiết duy tâm tạo*

(Lửa dữ thiêu đốt thành địa ngục, khi thành địa ngục bị thiêu đốt thì sẽ nung cháy cô hồn trong đó. Cô hồn nếu muốn thoát khỏi địa ngục để cầu sinh về cõi Tịnh độ thì hãy trì tụng bài kệ trong Kinh Hoa Nghiêm: Người nào muốn liễu tri được tất cả chư Phật trong ba đời thì nên quán chiếu rằng trong pháp giới tánh tất cả vạn hữu đều từ tâm mà sinh).

Và:

4 Trích từ bài “Lễ Tháng Bảy” của Thượng Tọa Thích Tuệ Sỹ, xem chú thích ở trên.

*Trước thỉnh kẻ hoàng vương đế bá
Triều đại xưa trải quá biết bao
Đền đài chín lớp ở cao
Non sông muôn dặm chén vào một tay*
(Hòa Thượng Bích Liên diễn Nôm)

Hoặc là:
*Đổ quyền kêu suốt tàn canh
Máu hồn nhuộm mãi trên cành đào hoa*
(Hòa Thượng Bích Liên)

Hay là:
*Kinh song trắng thấm lạnh lòng
Nhà thiền leo lét đèn chong canh dài*
(Hòa Thượng Bích Liên)

Lại như:
*Thương thay thập loại chúng sinh
Phách đơn hồn chiếc lênh đênh quê người
Hương khói đã không nơi nương tựa
Phận mồ côi lẫn lửa đêm đêm
Còn chi ai khá ai hèn
Còn chi mà nói ai hiền ai ngu*
(Nguyễn Du, Văn Tế Thập Loại Chúng Sinh)⁵

Những kinh văn như vậy được tuyên xướng trong một hoàn cảnh trang nghiêm thanh tịnh của đàn tràng, thì không phải chỉ giải thoát được kết nghiệp của vong linh kẻ chết mà còn cảm hóa được tâm thức của người sống đang chứng kiến và lắng nghe. Người sống qua đó nhận thức được rằng những hành động bất thiện mà mình gây ra trong đời này, hoặc trong những đời sống khác sẽ là sợi dây nghiệp lực trói chặt họ vào trong thế giới oan khiên, khổ đau chập chùng. Người sống cũng nhân đó mà ý thức sâu sắc rằng trên thế gian này chỉ có từ bi mới chuyển hóa được mọi hận thù, vì tham si, thù hận do mình gây ra hay do người khác gây ra sẽ là những bức tường thành kiên cố vây hãm kiếp nhân sinh trong vòng khốn đốn, lầm than, khổ não!

Hiệu lực giải nghiệp và chuyển hóa của đàn tràng chân tế sẽ tùy thuộc vào hai yếu tố căn bản: Một là cách thức tổ chức đàn tràng, hai là tâm thức của cộng đồng xã hội nơi mà đàn tràng được cử hành. Cách thức tổ chức đàn tràng gồm hai điều quan trọng: Một là việc tổ chức đàn tràng phải thật sự đúng pháp thức của khoa nghi Mật Giáo, từ hình thức thiết lập đàn tràng, các phẩm vật hiến cúng, đến việc hành lễ chân tế của các vị Chủ Gia Trì và ban Kinh Sư Hộ Đàn. Hai là việc vận động trong phạm vi rộng lớn của nhân gian để mọi thành phần xã hội có thể tham gia vào đàn tràng chân tế qua hai bình diện trực tiếp và gián tiếp. Đàn tràng càng được sự tham dự rộng

5 Mấy bài diễn Nôm này cũng trích từ bài “Lễ Tháng Bảy” của Thượng Tọa Tuệ Sỹ, xem chú thích ở trên.

rãi của mọi giới chừng nào thì càng vận động được sức mạnh hộ trì về cả tinh thần lẫn vật chất của tập thể.

Ở đây yếu tố tâm thức của người tổ chức đàn tràng và của cộng đồng xã hội tham dự vào đàn tràng đóng một vai trò rất trọng yếu. Các pháp lấy tâm làm đầu mà cũng lấy tâm làm chung quyết. Điều này có nghĩa là từ tâm mà khởi niệm làm điều thiện hay điều ác, từ tâm mà quá trình thực hiện các phương tiện để dẫn đến thành tựu được quyết định, từ tâm mà kết quả được thẩm định là tốt hay xấu. Với thiện tâm thiện ý thì mọi việc đều đưa đến thành tựu thắng phước. Với cơ tâm ác ý thì dù là nhân danh việc thiện cũng chỉ dẫn đến kết quả khổ đau. Yếu tố tâm thức không những đóng vai trò chủ yếu trong đời sống cá nhân mà còn là thành tố quan trọng trong sinh hoạt cộng đồng xã hội. Trong đàn tràng chân tế, thì yếu tố tâm thức này sẽ là thuận hay nghịch duyên để mang lại lợi lạc hay phiền lụy thêm cho các vong linh, cô hồn, ngạ quỷ và người sống. Trong đàn tràng chân tế từ người đứng ra tổ chức, những vị Gia Trì Sư và người tham dự cầu nguyện đều cần phải phát khởi tâm thức như Chánh pháp, nghĩa là nhất tâm thành ý hồi hướng thắng duyên cho những cô hồn, ngạ quỷ để họ có thể nhờ “*thính pháp văn kinh thọ tài hưởng thực*” mà trút bỏ những oan khiên, giải thoát những trói buộc của phiền não. Từ tâm thức thuần tịnh của mỗi cá nhân đến cả cộng đồng xã hội sẽ tạo thành chánh báo trang nghiêm để chuyển vận y báo chung quanh. Nhờ y báo trang nghiêm thanh tịnh của cộng đồng xã hội này sẽ chuyển hóa được tâm thức của những vong linh, oan hồn, uổng tử. Không những thế, ngay đối với người sống trong cộng đồng xã hội, nơi mà đàn tràng chân tế được tổ chức đúng pháp, vận khởi được tâm thức thuần tịnh trang nghiêm, cũng là một cơ duyên quý giá để được cảm hóa. Khi toàn bộ cộng đồng xã hội đang hướng về điều thiện, đang vận dụng tâm thức từ bi, thanh tịnh để cứu khổ vong linh, cộng với nội dung được biểu thị của đàn tràng, sẽ là chất liệu có sức mạnh không nhỏ để cảm hóa các thành viên đang sống trong cộng đồng xã hội ấy. Đây chính là ý nghĩa tại sao, khi Tôn Giả Đại Mục Kiền Liên thỉnh cầu đức Phật chỉ dạy pháp thức cứu độ cho mẹ ngài đang thọ khổ ở địa ngục, đức Thế Tôn đã dạy Tôn Giả Mục Liên phải nương nhờ oai lực thanh tịnh của mười phương Chúng Tăng mới có đủ sức mạnh vi diệu mà giải thoát cho mẹ ngài.

Sức mạnh cảm hóa đó thâm sâu đến đâu thì còn tùy thuộc vào đàn tràng được thực hiện tinh mật đến mức nào, và nội lực tâm thức của cộng đồng xã hội, nơi đàn tràng được tổ chức, phát khởi dũng mãnh, đồng nhất và thanh tịnh đến chừng nào.

Một bài thơ ít được nhắc đến của cố thi sĩ Quách Thoại.

TA ÚP MẶT

*Ta úp mặt mình ta khóc nước nỡ
Xuân đời lên một mùa hoa mới nở
Thiên liêng cười trên môi nụ còn tươi
Vũ trụ xanh bùng đỏ giữa tim người
Lòng hứa hẹn ước mơ thương đời vô hạn
Tối trần gian khát vô cùng ánh sáng
Trăng đã về màu nhiệm chiếu không gian
Chuông vừa ngân thồn thức nhạc Niết Bàn...*

.....

*Ta úp mặt mình ta khóc nước nỡ
Cả loài người đang gục đầu than thở
Mộng cũ tình xuân còn đâu ước mơ
Đèn vẫn mình đốt cháy rụi bàn thờ
Tàu hiện tại bánh xoay về hoang dại
Đò sông ơi! đã gãy rồi bánh lái
Cuồng phong! cuồng phong! sóng dậy buồm chìm.
Lạc loài kêu xơ xác một đàn chim
Ai hơi hóp đang vùng vằng giữa bể
Hát ca chi lạc lắm rồi thế hệ
Ta kêu lên: thiên hạ hãy đi về
Trời xanh kia còn say đắm si mê
Yêu tất cả một tình yêu bất diệt
Thương tất cả một tình thương tha thiết
Sáng soi thay là ánh sáng mặt trời
Rõ ràng thay là tiếng nói không lời
Trong đau khổ người nghe chẳng diệu lý
Trong tiến bộ người thấy chưa vô lý
Trăng sao cười chân lý sáng hư vô
Ta cúi xin thế giới thoát mơ hồ*

.....

*Ta úp mặt, mình ta khóc nước nỡ
Vì thương yêu ta xót xa than thở
Tình thì nhân, lòng thì thi... lệ mờ...
Cảm hôn đau ta viết vội thành thơ:
“Ta úp mặt mình ta khóc nước nỡ”...*

(dunglac.net)

QUÁCH THOẠI

Vàng Trăng Lặng Lẽ

Hạt Cát



Dòng sông đi qua xóm làng heo hút. Những bến bờ hiu quạnh, lác đác những bụi lau thưa. Đêm trăng sáng, nước lấp lánh ánh trăng, cả một vùng sông màu trắng bạc, thấy mênh mang một nỗi buồn. Bầu trời đêm thăm thẳm, cô độc một vầng trăng. Cả những đốm sao nhấp nháy thường nhật cũng lặn trốn mất rồi. Chẳng hiểu sao cứ mỗi lần ngắm vầng trăng mười sáu ấy, tôi lại hay nghĩ ngợi về sự cô đơn của con người. Trăng đẹp quá mà sao lặng lẽ quá! Trăng vung vãi khắp nơi ánh sáng của mình, rồi trăng sẽ lại ra đi mất hút ở chân trời.

Tôi thần thờ đi dọc triền sông, trên những bờ cỏ đầm ướt. Tôi cũng chẳng biết là nước sông hay ánh trăng đã làm cỏ ướt, chỉ thấy những giọt long lánh vỡ tan dưới gót chân mình, thấm lạnh. Đầu kia, dưới tán một cây sung, là cái chòi tranh đơn độc của “Bà Tiên”. Người đã bà sống dưới căn chòi ấy cũng lặng lẽ và cuốn hút như vầng trăng vậy. Có lẽ bà đã già lắm rồi, mái tóc đã bạc trắng và vầng trán đã nhiều nếp nhăn. Không ai biết tên của bà, chỉ bằng vào cái dáng đi thanh thoát nhẹ nhàng

của bà, cái tính tình hiền dịu dễ mến của bà, người ta đã gọi bà là “Bà Tiên”, chẳng biết tự bao giờ. Những đêm trăng, tôi thích đến chỗ bà trò chuyện, nuôi lớn ước mơ của mình bằng những câu chuyện cổ tích. Bà sống lặng lẽ, ít tiếp xúc với mọi người, nhưng đặc biệt rất thích những đứa học trò. Đối với bọn trẻ chúng tôi, bà kể chuyện say sưa. Giọng kể của bà thật hấp dẫn, lời cuốn đến nỗi có nhiều câu chuyện tôi nghe đã thuộc lòng mà vẫn cứ mê mẩn. Một đôi khi cao hứng bà còn nhắc về những kỷ niệm đẹp đẽ của một thời tuổi trẻ của bà. Những lúc ấy, khuôn mặt bà sáng lên, thậm chí ánh trăng, tưởng như vầng trăng đã rơi xuống mắt bà long lánh. Tôi cứ ngỡ như ngày xưa, bà đã từng là một cô giáo, không chỉ bởi tâm huyết biết rất rộng của bà, mà ở cả phong thái của bà nữa.

Đến gần cái chòi tranh của “Bà Tiên”, tôi hơi ngạc nhiên vì sao hôm nay nó im vắng thế? Chỉ có chút ánh sáng leo lét của ngọn đèn dầu lọt qua khe cửa. Có lẽ “Bà Tiên” hôm nay bị mệt, không ra ngắm trăng như mọi

bữa. Tự nhiên tôi cảm thấy buồn và hụt hẫng như vừa mất đi cái gì mà mình cũng không rõ. Mà nào có phải riêng tôi, những cành lá sung cũng rũ xuống, lặng buồn, chấp chới một màu trắng âm đạm. Chẳng hiểu sao khung cảnh nơi đây cứ mang mãi một nét buồn man mác băng khuâng.

Có bàn tay ai đó đặt nhẹ lên vai tôi. Tôi quay lại, giật mình thảng thốt. Một người đàn ông trung niên đứng sau lưng tôi tự bao giờ. Tôi đã định la lên, nhưng nụ cười hiền lành của ông ta như đã xóa tan sự ngỡ vực trong tôi. Tôi áp ứng:

- Ông là...

Ông ấy cười xòa:

- Là người chứ không phải là ma đâu!

Rồi ông vỗ nhẹ lên vai tôi thật thân mật.

- Hôm nay, bà bị mệt. Hãy để bà nghỉ. Chú cháu mình ra bờ sông nói chuyện.

Tôi riu riu bước theo ông. Người đàn ông này chắc là có liên quan rất mật thiết với “Bà Tiên”. Có lẽ hôm nay, mình được biết thêm đôi điều về bà.

Chúng tôi ngồi xuống ở bờ cỏ sát mép nước. Đêm thật yên tĩnh. Gió từ mặt sông đưa lên mát rượi, ngai ngái một mùi hương cỏ dại. Tôi nhìn vàng trắng trôi nổi trên sông với một cảm xúc bồng bềnh khó tả. Giọng người đàn ông trầm ấm bên tai:

- Chắc em ngạc nhiên lắm khi biết tôi là học trò cũ của cô giáo? Cô muốn giấu kín tung tích của mình, điều ấy cũng có lý do. Nhưng hẳn mọi người cũng phần nào nhận ra khi gọi cô là “Bà Tiên”.

- Vâng, bà ấy thật hiền dịu, dễ mến...

Dường như vàng trắng đang trôi trên dòng sông ký ức. Đêm nay tôi được nghe câu chuyện của một người học trò về cô giáo của mình.

oOo

Hồi ấy, chú đang học năm cuối bậc trung học. Tuổi trẻ bồng bột cộng bởi sự ỷ lại vào một gia cảnh sung túc đã biến chú thành một đứa học trò ngỗ ngáo, ương ngạnh. Hầu như chú chẳng để tâm mấy đến việc học hành mà chỉ lo nghĩ đến những trò vui chơi nghịch phá. Năm ấy cô Tâm mới ra trường, còn rất trẻ. Buổi đầu tiên cô đến lớp, nhìn nét mặt còn rất ngượng ngùng e ấp với giọng nói hãy còn run run của cô, chú nghĩ ngay đến những trò đùa tai quái với bà cô còn “mới toanh” này. Chú ngược nhìn cô với một thái độ khinh khỉnh, mỗi lần cô liếc về phía chú. “Tôi mới bắt đầu sự nghiệp dạy học của mình. Chắc rằng sẽ có nhiều thiếu sót và vấp vấp trong cách diễn đạt, mong các em thông cảm. Tôi sẽ cố gắng khắc phục dần”. Đó là những lời chân tình của cô trong tiết học đầu tiên, nhưng lúc ấy, chú nào đâu có để ý

tới. Chú chỉ chờ những lúc cô lúng túng, nhảm lẩn để phá lên cười. Những đứa bạn trong đám “quậy phá” của chú cũng lập tức hưởng ứng theo. Cô thoáng đỏ mặt nhưng cố gắng lấy lại bình tĩnh để tiếp tục giảng bài. Có lần cả lớp còn nhao nhao không dứt về một sơ sót nhỏ của cô, mặc cho cô cứ gõ mãi cây thước lên bàn và nói như van xin: “Các em yên lặng giùm cô. Có điều gì các em hãy đứng lên phát biểu từng người”. Chẳng ai chịu nghe cô cả. Chán nản, cô buông phấn, bỏ lớp về văn phòng. Chúng tôi sung sướng thu dọn sách vở ra về, không hề biết rằng, nơi một góc văn phòng trường, cô đang ngồi thần thờ với những giọt nước mắt lăn dài trên má. Biết gia cảnh cô rất nghèo, đi dạy với một chiếc xe đạp cộc cạch cũ kỹ, chú còn nghĩ ra những trò đùa táo tợn hơn. Một lần, chú lén xả xẹp lốp xe của cô. Vậy là giữa trưa đứng bóng cô phải dắt chiếc xe đạp cà tàng của mình đi bộ cả đoạn đường dài. Chú còn cố ý lái chiếc Honda 67 còn lảng bóng của mình lượn qua lượn lại trước mặt cô để chọc tức. Chỉ thấy cô nhìn theo và khe khẽ lắc đầu. Lại có lần chú lén bỏ vào xách cô cả một ổ chuột con còn đỏ hỏn. Khi giờ xách lấy giáo án, cô chỉ kịp hét lên một tiếng rồi ngất xỉu luôn.

Trong lúc cả lớp chọn rộn đưa cô đi cấp cứu thì chú thản nhiên đứng nhìn, cảm thấy thích thú với trò nghịch của mình. Sau lần ấy nhà trường yêu cầu cô truy tìm thủ phạm để đưa ra Hội đồng kỷ luật. Cô đã nhìn chú rất lâu với ánh mắt dò xét, nghi ngờ.

Nhưng rồi cô đã bỏ qua luôn, không nhắc nhở gì đến chuyện ấy nữa. Vậy mà chú chẳng hề hối hận. Trái lại, chú cho rằng cô ngầm ngầm “trả thù” mình khi cô cứ thường xuyên kiểm tra bài vở của chú. Những lần ấy, cô vẫn nhìn chú với ánh mắt đậm ám chân tình: “Em quên năm nay là năm thi sao? Em không hề nghĩ đến tương lai của mình à?” Trời ơi, cô đúng là còn quá non trẻ, cô đâu biết rằng ba má chú có đủ tiền tài và thế lực để lo cho chú một chỗ đứng ngon lành. Sự ỷ lại đã làm chú trở nên hờn hĩnh như vậy.

Khi cô hỏi chú: “Sao chẳng bao giờ em chịu học bài?” Chú đã khinh khỉnh trả lời: “Em chẳng cần phải học làm gì cho mệt!” Cô buồn buồn nhìn chú lắc đầu: “Kiến thức bao giờ cũng cần em ạ. Dù sau này có làm gì em cũng sẽ cảm thấy lúng túng vì thiếu hiểu biết”. Mặc cho cô kiên nhẫn khuyên nhủ, thuyết phục bằng cả một tấm lòng nhân hậu, chú vẫn phớt lờ. Điều tất yếu phải đến là cuối năm học chú không đủ điểm để được xét thi tốt nghiệp. Trong khi ba chú lo chạy chọt nâng điểm chú thì cô lại dứt khoát không đồng ý. Cô bảo: “Ồ lại học thêm một năm đối với em cũng không muộn màng gì. Còn để cho em vào đời với những lỗ hổng kiến thức như thế lại càng nguy hiểm hơn.” Lúc ấy chú hận cô ghê lắm. Chú cho rằng cô quá cao ngạo và nhỏ nhen. Chú rắp tâm

“sẽ cho cô biết tay”. Vậy là chú xúi ba chú dùng ảnh hưởng của mình làm áp lực đối cô đi xa. Ba chú đang lúc bị chạm tự ái vì lần đầu tiên có người không chịu nghe theo lời ông, lại quá nuông chiều con cái, đã làm mọi cách “tổng cô đi cho khuất mắt” theo lời của chú. Cuối cùng thì chú cũng đạt được mục đích của mình: Cô đã phải chuyển đến dạy ở một trường xa lắc xa lơ ở tận một miền quê heo hút. Lẽ ra chú đã hoàn toàn thỏa mãn với thành công của mình, nếu không có bức thư cô để lại sau đó:

“... Cô biết rằng em vẫn còn rất ghét cô. Cũng bởi vì cô đã quá quan tâm đến em, mong em tiến bộ. Cô lấy làm tiếc cho em vì cô biết em rất thông minh và năng nổ, nhưng lại quá ỷ lại và thiếu suy nghĩ. Dù đi xa, nhưng cô vẫn hằng ước mong em sẽ có lúc hồi tâm và biết tìm ra con đường đi đúng đắn nhất của mình. Được như vậy cô sẽ rất mừng...”

Chú đọc bức thư mà lòng chột xao động. Có cái gì đó như niềm ân hận đang trỗi dậy từ trong tiềm thức. Vậy ra mình đã hiểu lầm...

oOo

Người đàn ông ném một hòn sỏi xuống dòng sông. Ánh trắng tỏa ra trên mặt nước, vỡ tan thành từng mảnh nhỏ.

- Vậy đó. Cô đi mà chẳng mang theo một chút bất mãn hay chán nản. Nhiều năm sau chú được nghe cô là một giáo viên dạy giỏi nổi tiếng và rất nhân hậu ở cái ngôi trường heo lánh ấy. Còn chú, từ nỗi niềm ân hận đã vượt qua được bậc học phổ thông và những năm đại học để có một chỗ đứng vững chắc trong xã hội. Chú mong có ngày sẽ tìm đến thăm cô để xin lỗi cô và khoe với cô những thành quả của mình...

- Nhưng rồi sao cô lại về sống âm thầm ở đây?

- Ủ, cô lại tiếp tục đi từ ngôi trường này đến ngôi trường khác để gieo tẩm lòng nhân hậu của mình. Rồi khi không còn đủ sức nữa, cô đã lui về trong âm thầm lặng lẽ...

Tôi chột nhìn lên vầng trăng, buột miệng:

- Như vầng trăng vậy...

- Phải, như một vầng trăng...

Tôi nhìn ánh trăng bàng bạc khắp nơi, lòng dậy lên một niềm cảm xúc băng khuâng. Vầng trăng đang trôi... Hôm nay có một người học trò cũ về thăm cô. Còn bao nhiêu người học trò nữa mà cô hết lòng thương yêu, dạy dỗ, có bao giờ nhớ đến cô không?

Vầng trăng vẫn đang trôi... xa dần... xa dần, trong lặng lẽ, cô đơn...



Thơ *Hoài Nhân*

VÔ ĐỀ

Lên Chùa thấy Phật muốn tu
Về nhà lạy Mẹ công phu chưa đền
(Ca dao)

*Niệm kinh cúi lạy Tam thiên
Tai nghe thông suốt vạn niên cõi trần
Huyền vi lễ đạo cao thâm
Xuyên qua Tam bảo băng khuâng trần đời
Không gian êm dịu tuyệt vời
Hoà cùng vũ trụ bên trời tu đi
Thắm nhuần lễ đạo huyền vi
Tu thân – hành thiện: đường đi Niết-bàn.*

Tùy bút TOẠI KHANH

Toại Khanh là bút hiệu của một nhà sư Nam truyền, nhưng qua các tiểu luận, tùy bút, truyện ngắn và thơ của ông, người ta không thấy đâu là giới hạn của Bắc-Nam. Tư tưởng Phật giáo và triết học Đông-Tây bằng bạc trong những bài viết thật ngắn mà cực kỳ súc tích. Ở đây là hai truyện thật ngắn. Có thể gọi là truyện ngắn, là tùy bút, hay tiểu phẩm cũng được. Ngôn từ linh hoạt mà cô đọng, ý tưởng thâm trầm, sâu xa. Phải là một đạo nhân nghệ sĩ tài hoa mới sáng tác được như thế. (VH)

HÒN CUỘI

Ngôi thảo am của sư phụ hần chỉ là một lều tranh hai gian. Chỗ cao và đẹp nhất dành thờ Phật. Trên đó là một bức tượng Phật nhỉnh hơn nắm tay một tí, được khắc sâu vào một hòn đá cuội. Mặt kia của hòn cuội vẫn cứ xù xì. Nhìn như Phật ngồi trong hang. Mặt tượng đẹp như người sống.

Bức tượng không to, hần khi đó thì bé tẹo, nên ngày ngày lễ Phật nhìn lên chỉ thấy hòn đá. Thỉnh thoảng sư phụ lau dọn bàn Phật, có thỉnh tượng xuống phỉa bụi. Thế là hần được dịp ngắm cho thỏa.

Năm hần lên mười, sư phụ có việc phải xuống núi vài hôm, hần được dắt theo. Năm đó trời hạn, cháy rừng. Ngày về gì cũng ra tro. Sư phụ thân nhiên dọn dẹp nên nhà rồi dựng lại lều mới. Hôm sắp lại bàn Phật, sư phụ đặt lên đó một hòn cuội đen thui, không nhìn ra tượng Phật. Hần hỏi, sư phụ mỉm cười hiền lành:

- Tượng bây giờ không còn như xưa, xoay vô trong cũng thờ được vậy. Cầm mi đựng đến. Tội!

Hần không dám hỏi thêm. Rồi gì cũng quen. Hôm mai hai buổi công phu, đôi mắt nhắm nghiền, hần vẫn thấy khuôn mặt từ bi của Phật trong hòn cuội.

Mấy năm sau sư phụ tịch. Hần một mình lau dọn bàn thờ và thỉnh tượng Phật xuống lau rửa. Xoay mãi, không thấy Phật đâu. Chỉ thấy một hòn cuội xù xì, đen nhem. Năm ấy ai đó đã lấy mất bức tượng khi thầy trò hần vắng nhà...

Hần cầm hòn cuội, đưa mắt ngó ra sân, nhớ thầy thất ruột.

AI XUI CHIM SÁO

Sáu năm trước, lúc đó tôi trẻ hơn giờ nhiều, nhưng nhờ những quen biết của người lớn, thỉnh thoảng một ngôi chùa ở New Orleans lại mời sang nói pháp một lần.

Đại khái đám ma hay những rằm lớn không thỉnh được hàng tôn túc.

Sau vài lần qua lại, tôi tình cờ quen được một bác cư sĩ lớn tuổi có vẻ khá đặc biệt. Lần nào gặp tôi bác cũng mời về nhà uống trà gửi từ Việt nam qua. Uống trà ăn bánh đậu xanh hay với đường phôi, đều là quà Việt Nam, rồi kể nói người nghe, tâm đắc như đôi bạn vong niên. Bác hiền khô, ít lời, thường ngồi chờ rót trà mới cho tôi rồi gọi chuyện cho tôi nói. Chỉ vậy thôi.

Lần đó, ngày rằm tháng Giêng, người đông như hội, Phật tử hay không cũng cứ tới chùa để gặp đồng hương. Lúc đó lại còn chút dư hương của mấy ngày xuân vừa qua khỏi vài hôm. Sau buổi giảng, tôi bước ra hiên ngoài để thờ, bên trong khói nhang luôn cả vào phòng tôi ngủ. Tôi lại nhìn thấy bác cư sĩ kia đang ngồi một mình, trên tay vo ve một chiếc lá khô, mắt nhìn ra lộ xe chạy. Tôi lên tiếng chào. Bác vui ra mặt, kéo ghế cho tôi. Hỏi sao lần nào qua bên này cũng thấy bác lặng lẽ không bè bạn, bác cười bằng mắt nhưng cứ như cười gượng:

- Mình không quen ai nhiều sư ời. À, mà có một chuyện nhỏ muốn hỏi sư mà quên hoài.

- Chuyện chi thưa bác?

- Ô thì cũng không có gì, họ biết tôi gốc Nam tông nên hình như có vẻ không ưa. Họ nói đó là Tiểu Thừa. Tôi đâu biết Tiểu Thừa là gì, chỉ hiểu lơ mờ Tiểu là nhỏ, so với Đại Thừa chi đó. Vậy rồi lâu ngày không dám chơi với ai. Tôi đi làm từ trẻ, đâu có chữ nghĩa gì nhiều, nghe sao thì biết vậy thôi.

Tôi bâng hoàng một giây. Thì ra là vậy. Nhớ lại có lần cũng ở đây, vừa rời chánh điện, tôi nghe loáng thoáng: Tiểu Thừa chỉ tu Tứ Đế nhưng đó cũng là pháp Phật, thấp một chút nhưng dễ tu. Ngẫm mà buồn. Cũng cùng thờ Phật sao lại có người bày ra chi chuyện trớ trêu đó. Tôi đã quên mất câu hỏi của bác cư sĩ già vẫn chưa được trả lời. Mà ngẫm cho cùng, biết nói sao với bác đây.

Gió chiều lan man thổi qua sân chùa, tôi liếc nhìn bằng vài màu vàng căng trước cổng, trên đó đang phát phơ một dây số màu đỏ: **Phật Lịch 2544...** Tôi lẩm nhẩm như một người già: Hơn hai mươi lăm thế kỷ rồi còn gì!

Từ khu hội chợ sau chùa bỗng vẳng lại một lời hát vu vơ: *Ai xui chim sáo sang sông...*

Thơ Đăng Tâm



HƯƠNG XUÂN

Núi chân đời xuân cũ
Ráng giữ tình hương xưa
Quá khứ trôi biên biệt
Theo từng buổi tiễn đưa.

Hồn ta trôi viễn mộng
Thân ta dạt âm ba
Sớm khuya trên đồi nhỏ
Cảm giác nào phù hoa?

Giấc ngủ say trên núi
Nào chợt biết xuân về
Sáng nay ra phố chợ
Bỗng thấy mình đang mơ?

Đơm thử xuân hiện hữu
Lạc lòng đời trôi qua
Chuyện thường tình ai hiểu
Chiều đông lạnh nắng nhòa
Lượng tình ôi thế sự!
Một ánh trăng cuối mùa.

(Xuân 2007)

DƯ' ÂM

Thôi từ già nụ cười xưa ngậm tắt
Em đã đi như dấu định trong đời
Biển có vô nghìn trùng bao ngăn cách
Ta muôn đời lang bạt như bóng trôi.

Dấu chân cũ niềm đau xưa chợt hiện
Chiều về đây cõi đáy mắt se buồn
Đôi tay khép như ôm đời đưa tiễn
Vẫn ngại ngừng từng tiếng hát mưa tuôn.

Từng giấc đi qua trên dòng quá khứ
Tháng đủ buồn có chậm lại lạ quen
Ta về đó nhịp sầu thêm cứ ngỡ
Từ bao năm gầy dựng thoáng ưu phiền.

Thôi từ già đêm dài chưa chớp mắt
Đôi chân này có níu kéo được lâu
Thì cũng đủ tấm lòng ta với biển
Từ dạo em đi sóng vỗ thay màu.

(Quê hương lần trở về)

ĐỌC THƠ TÔ THÙY YÊN

Vĩnh Hảo



Bài này đã viết từ năm năm trước nhưng chưa đăng ở báo nào, chỉ đăng trên website vinhhao.net mà thôi. Nay nhân lá thư số 9 có nhắc đến thi sĩ Tô Thùy Yên và bài thơ Ta Về của ông, xin trích đăng lại để tặng nhà thơ cũng như những độc giả chưa quen hoặc không thích đọc văn thơ trên internet. (VH)

Thơ ông bài nào cũng dài. Có vẻ là những trường ca của một con người thao thức, băn khoăn, luôn tìm kiếm ý nghĩa của cuộc tồn sinh, lấy ngôn ngữ làm phương tiện đào xới, khai phá, những mong cảm thấu được gì trong cái mệnh mang của đất trời.

Đây là bài ngắn nhất trong số những bài thơ được phổ biến từ trước năm 1975:

Góa phụ

Con chim nhào chết khô trên cửa,
Cửa đóng tự ngàn năm bất âm,
Như đạo bùa thiêng yếm cổ mộ,
Sao người khai giải chưa về thăm?

Em chạy tìm anh ngoài cõi gió
Lửa oan khóc giỡn cười ghê hồn,
Tiếng kêu đá lở long thiên cổ,
Cát loạn muôn trùng xóa dấu chân
Em đọc thoai lời kinh ánh xanh,

Trăng lu, khuya môi, nén nhang tàn
Chó tru thăm thăm ngáy thiên địa
Mái ngói nghiêng triền trái rụng lẩn.

Ngon đèn hư ảo chong linh vị
Thấp trắng thời gian mái tóc em
Tìm đập đuổi ngoài thân nổi lạnh
Hồn xa con đóm lạc sâu đêm.

Cỏ cây sống chết há ta thân
Em khóc hoài chi lẽ diệt sinh?
Tháng như con ngựa già vô dụng
Chủ bỏ ngoài trăng đứng một mình.

Thơ ông đầy triết lý. Không hiểu triết thì khó lòng cảm nhận được thơ ông. Giọng thơ mạnh mẽ mà đầy ẩn dụ, dẫn người đọc vào một thế giới thâm u, bí hiểm. Đọc thơ ông phải nhạy bén bắt ngay được cái tứ, cái thâm nghĩa đằng sau những bóng hình, nếu không bắt được thì phải đọc đi đọc lại, mà đọc đi đọc lại thì không hay nổi.

Nhưng đến bài sau này—có lẽ sáng tác sau khi ra tù—thì lời thơ, giọng thơ, bỗng trong sáng, quang đãng hơn, và cao đẹp một cách hùng tráng lạ thường. Một người bạn chép tặng tôi, chỉ ghi là của Tô Thùy Yên chứ không biết xuất xứ từ đâu. Chẳng rõ qua sự sao chép của một cá nhân như vậy có sai sót chỗ nào không. Đây, bài thơ hiếm hoi của một Tô Thùy Yên ngày trở về:

Ta về

Ta về một bóng trên đường lớn
Thơ chẳng ai để vạt áo phai
Sao bỗng nghe đau mềm phé phủ
Mười năm đá cũng ngậm ngùi thay
Vĩnh biệt ta mười năm chết đắp
Chốn rừng thiêng im tiếng nghìn thu
Mười năm mặt sạm soi khe nước
Ta hóa thân thành vượn cổ sơ
Ta về qua những truông cùng phá
Nếp trán nhăn đùa ngọn gió may
Ta ngẩn ngơ trông trời đất cũ
Nghe tàn cát bụi thảng năm bay
Chỉ có thể trời cầm đất nín
Đời im lìm đóng ván xanh xao
Mười năm thế giới già trông thấy
Đất bạc màu đi đất bạc màu
Ta về như bóng chim qua trể
Cho vội vàng thêm gió cuối mùa
Ai đứng trông vời mây nước đỏ
Ngàn năm râu tóc bạc phơ phơ
Một đời được mấy điều mong ước
Núi lở sông bồi đã mấy ghi
Lịch sử nơi đi nhiều tiếng động
Mười năm cổ lục đã ai ghi?
Ta về cúi mái đầu sương điểm
Nghe nặng từ tâm lượng đất trời
Cảm ơn hoa đã vì ta nở
Thế giới vui từ nỗi lẻ loi.
Tưởng tượng nhà nhà đang mở cửa
Làng ta ngựa đá đã qua sông
Người đi như cá theo con nước
Trống ngũ liên nôm nã gióng mừng
Ta về như lá rơi về cội
Bếp lửa nhân quần ấm tối nay
Chút rượu hồng đây xin rưới uống
Giải oan cho cuộc biển dâu này
Ta khóc trả ơn đời máu chảy
Ruột mềm như đá dưới chân ta
Mười năm chớp bể mưa nguồn đỏ
Người thức mong buồn tận cõi xa
Ta về như hạt sương trên cỏ
Kết tụ sầu nhân thế chuyển đời
Bé bỏng thì cũng sinh, dị, diệt
Tội tình chi lắm nữa người ơi
Quán dốc hơi thu lửa nỗi nhớ
Mười năm người tỏ mặt nhau đây
Nước non ngàn dặm bèo mây hồi
Đành uống lưng thôi bát nước mời



Ta về như sợi tơ trời trắng
Chấp chới trôi buồn với nắng hanh
Ai gọi ai đi ngoài cõi vắng
Dừng chân nghe quận thất tâm can.
Lời thề buổi ấy còn mang nặng
Nên mắc tình đời cõi chẳng ra
Ta nhớ người xa ngoài cõi nhớ
Mười năm ta vẫn cứ là ta
Ta về như từ thơ xiêu tán
Trong cõi hoang đường trắng lãng quên
Nhà cũ mừng còn nguyên mái, vách
Nhện giăng, khói ám, mối xông nền
Mọi thứ không còn ngăn nắp cũ
Nhà thương-khó quá sống thờ ơ
Giậu nghiêng, cống đổ, thêm um cò
Khách cũ không còn khách mới thưa
Ta về khai giải bùa thiêng yếm
Thức dậy đi nào gỗ đá ơi
Hãy kể lại mười năm chuyện cũ
Một lần kể lại để rồi thôi
Chiều nay ta sẽ đi thơ thần
Thăm hỏi từng cây những nỗi nhà
Hoa bưởi, hoa tầm xuân có nở?
Mười năm, cây có nhớ người xa?
Ta về như đứa con phung phá
Khánh kiệt đời trong cuộc bể dâu
Mười năm, con đã già trông thấy
Huống mẹ cha đèn sắp cạn dầu
Con gẫm lại đời con thất bát
Hứa trăm điều một chẳng làm nên
Đời qua lóp lóp tàn hư huyền
Giọt lệ sương thầm khóc biến thiên
Ta về như tiếng kêu đồng vọng
Rau mắc lên bờ đã trở bông
Cho dầu ngàn năm em vẫn đứng
Chờ anh như biển đã chờ sông

Ta gọi thời gian sau cánh cửa
 Nỗi mừng giàn giụa mắt ai sâu
 Ta về như máu ân tình chảy
 Tự kiếp xưa nào tưởng lạc nhau
 Ta về dấu phải đi chân đất
 Khắp thế gian này để gặp em
 Đau khổ riêng gì nơi gió cát
 Thêm nhà bụi chuối khóc thâu đêm
 Cây bưởi xưa còn nhớ trắng hoa
 Đêm chưa khuya quá hồi trắng tà
 Tình xưa như tuổi già không ngủ
 Thức trọn, khuya từng nỗi xót xa
 Ta về như giấc mơ thần bí
 Tuổi nhỏ đi tìm một tối vui
 Trăng sáng soi hồn ta vết phỏng
 Trọn đời nỗi nhớ sáng khôn nguôi
 Bé ơi, này những vui buồn cũ
 Hãy sống đương đầu với lãng quên
 Con để vẫn là con để ấy
 Hát rong bờ cỏ giọng thân quen
 Ta về như nước Tào Khê chảy
 Tinh dầu mười năm luống nhạt mờ
 Thân thích những ai giờ đã khuất
 Cõi đời nghe trống trải hơn xưa
 Người chết đưa ta cùng xuống mộ
 Đâu còn ai nữa đứng bờ ao
 Khóc người, ta khóc ta rơi rụng
 Tuổi hạc ôi ngày một một hao
 Ta về như bóng ma hồn tui
 Lục lại thời gian kiếm chính mình
 Ta nhạt mà thương từng phé liệu
 Như từng hài cốt sắp vô danh
 Ngồi đây nền cũ nhà hương hỏa
 Đọc lại bài thơ thuở thiếu thời
 Ai đó trong hồn ta thổn thức
 Vắng trắng còn tiếc cuộc rong chơi
 Ta về như hạc vàng thương nhớ
 Một thuở trần gian bay lướt qua
 Ta tiếc đời ta sao hữu hạn
 Đành không trải hết được lòng ta.

Dàn trải lòng mình qua một bài thơ dài như thế mà vẫn cứ tiếc, cứ đau là đã không còn đủ thời gian để nói hết. Thực ra, ở đời có những người nói thật nhiều mà xem lại thì cũng chẳng nói được bao nhiêu. Đâu bằng ông, từng câu thơ, từng đoạn thơ ngắn, đã sờ đến nỗi buồn đau vô lượng:

Ta về như sợi tơ trời trắng
 Chấp chới trôi buồn với nắng hanh
 Ai gọi ai đi ngoài cõi vắng
 Dừng chân nghe quận thất tâm can.

...

Đau khổ riêng gì nơi gió cát
 Thêm nhà bụi chuối khóc thâu đêm

Và bốn câu thơ sau này, đã chạm đến cái vô hạn của từ tâm, cái mà con người và thế giới nhỏ nhoi hiện nay đã quên mất:

Ta về cúi mái đầu sương điểm
 Nghe nặng từ tâm lượng đất trời
 Cảm ơn hoa đã vì ta nở
 Thế giới vui từ nỗi lẻ loi.

Lòng thương đã sánh với mệnh mông của đất trời. Từ cái hữu hạn nhỏ bé của mỗi cá thể, không chỉ là cá thể con người, mà ngay cả cá thể một cánh hoa, thi nhân cũng đã cảm nhận được mối liên hệ bất phân giữa "ta" và "thế giới". Nỗi đau và niềm vui của con người được xác định qua liên hệ hỗ tương này. Khi từ tâm của mình mở ra vô hạn thì đồng lúc mình cũng cảm nhận được từ tâm vô lượng của tất cả "kẻ khác"; nhờ vậy mới thấy được rằng hoa đã nở vì mình (mà lâu nay do lòng vị kỷ, mình đã không hề biết).

Như vậy chẳng phải là quá đủ rồi sao! Dầu tuổi đời có tăng gấp đôi, người ta cũng chỉ nói được đến thế là cùng.

Đọc bài thơ này xong, tôi muốn có một lời nhắn gửi đến nhà thơ Tô Thùy Yên rằng, ông đã trải hết được lòng ông rồi đó mà!

(www.vinhhao.net/Doctho.htm)



Thơ Hải Như

Khúc Tình Xưa

1/ Anh gặp Em giữa cung đàn mùa Hạ
Vàng thái dương vừa thức giấc hoan ca
Đường phố vắng bên thôn trang phố thị
Cùng lướt nhanh trong yên lặng hỏi chào

2/ Em ngồi đó nhìn Anh không lên tiếng
Lời trào dâng trong tâm nín ngàn khơi
Bỗng phút chốc bùng lên trong thốn thức
Dối người đi kẻ ở một phương trời

3/ Ai than trách trần gian là mộng mị
Anh reo vui vì có dáng 'Ngoan Hiền'
Cõi Em về huyền ảo biến thành chân
Sao trời hiện trong lòng Anh rực sáng

4/ Em thấy chẳng ban đêm toàn ngọc bích
Vì có Anh trong thốn thức gọi mời
Ngày mai đó là thiên đường vĩnh cửu
Để hôm nay muôn sức sống dâng tràn

5/ Em là hoa giữa núi rừng hoang vắng
Là tiếng thơ trong nắng sớm gió chiều
Là suối mơ để Anh về dệt mộng
Mộng chân thường, mộng vĩnh cửu có Em

6/ Dối Anh đi từng bước chân huyền ảo
Cõi Em về gõ nhẹ gót phù sa
Nhịp tim đó hay tiếng đàn réo gọi
Một sớm mai, ôi bóng dáng thiên thần

7/ Em đã đến như lòng Anh mong đợi
Vóc dáng ngời linh diệu tựa trăng sao
Trong van xin vòng tay Anh sờ soạng
Ôm vào lòng một khối ngọc lưu ly

8/ Em có biết cuối đường nhiều ánh sáng
Vì mắt Anh sâu thăm tận trùng dương
Phản chiếu qua ngàn sao trời mùa Hạ
Soi lối về thấu rõ chuyện tình nhau

9/ Em có biết môi Em là trái ngọt
Trong vườn Anh vang mãi tiếng cười Em
Sức sống đó bùng lên như chim hót
Giữa trời 'Xanh' 'Trong Sáng' 'Rất Lạ Thường'

10/ Em còn mãi nụ cười cùng tiếng hát
Tiếng còi lòng ngưng đọng tựa ban sơ
Âm thanh đó dội về trong tiềm thức
Gọi mời Ta tắm gội 'khúc tình xưa'

Một chiều nhớ nhau,
Adelaide, Nam Úc,
Thứ Bảy 30 tháng 12 năm 2006



Luân Hồi Trong Một Đêm Tuyết

Võ Đình

Như thường lệ, chuyến tàu hoả commute's mang bảng số AIM 751-11 rời nhà ga Hoboken, bên kia sông Hudson, New Jersey, chạy ngược về hướng tây bắc, đúng bốn giờ năm mươi lăm phút.

Tôi vịn ven cửa lần đến phòng rửa tay. Tàu lắc lư dữ dội khi đã đạt đến tốc độ tối đa. Ánh điện mờ trong không gian chật hẹp, phảng phất mùi thuốc sát trùng. Mặt gương mờ cũng đủ cho tôi thấy hai mắt tôi sưng húp, nét bút than nhoè nhoẹt. Cả ngày, nước mắt tôi liên tục trào ra cay xè. Supervisor bảo tôi hãy về đi, nhưng tôi lắc đầu, nán đến giờ tan sở. Nước mắt tôi rơi ướt cả giấy má trên bàn làm việc.

Mới năm ngoái, mẹ tôi qua đời. Nỗi đau mất mẹ nơi xa cách nghìn trùng, chưa kịp nguôi ngoai thì chín giờ sáng, anh tôi ở Texas gọi cho tôi về sở báo tin cha chúng tôi đã ra đi vĩnh viễn đúng hai mươi bốn tiếng đồng hồ trước. Cha ra đi, cũng như mẹ ra đi, tôi không được thấy lại mặt một lần sau ngày vĩnh biệt mười mấy năm về trước. Nước mắt tôi nóng hổi trào ra: bây giờ tôi là một đứa mồ côi! Một người đàn bà trung niên mồ côi. Tôi đã đến cái tuổi bắt đầu có một khái niệm sâu sắc về cái chết và sự mất mát, nhưng tôi chưa bước tới giai đoạn trong đời khi có thể chấp nhận một cách an nhiên ý thức về nỗi lạc loài và cô đơn tất nhiên của kiếp người. Tôi ngồi để hai tay lên đùi, những ngón tay cồng buốt đan vào nhau. Tôi nhìn chiếc nhẫn vàng của mẹ tôi cho ngày tôi bỏ nước ra đi. Tôi vẫn ngỡ ngàng lấy làm lạ, từ ngày tôi đeo chiếc nhẫn ấy ở ngón tay, rằng một màu hoàng kim rực rỡ và đậm ấm như vậy, màu vàng của những chiều cuối hè trong vườn cau của làng nội tôi, lại có thể gây nên một cảm giác buồn bã đến thế.

Ánh sáng rơi rớt của chiều đông loang loáng ngoài xe. Lâu lâu, còi tàu rúc lên vang dài vun vút bên ngoài cửa kính đục mờ, rồi toả rộng ra, lê thê trải dài trên những cánh đồng quanh quẽ một màu úa chết. Ở xa, thật xa, rặng núi tím ngắt trải dài thành một vết thẫm cắt đứt ngang khung trời xám thành một đường rạch màu thép lạnh.

Khi chuyến tàu hoả về đến nhà ga tỉnh lẻ Honga, thì trời vừa sẫm tối. Chỉ còn chờ bóng đêm hiện về là lúc

đắc những bông trắng nhỏ bắt đầu phát phơ rơi xuống, những đốm trắng mơ hồ lặng lẽ nối đuôi nhau. Viên sếp ga mặc đồng phục xanh đậm cầm đèn gior cao lên khi thiếu phụ bước xuống tam cấp sắt. Nàng mặc áo choàng trắng, váy đen dài, chỉ để lộ hai cổ chân thon dưới lớp “ba” màu khói hương mỏng mượt. Ánh sáng của chiếc đèn bão hắt lên mặt người đàn bà đội mũ ni xám nhạt, chỉ thấy một gò má cao hồng và đuôi chân mày cong dài. Phần còn lại của khuôn mặt chìm hẳn vào bóng tối của đêm đông đen ngịt, là tà bông tuyết im lặng rơi rơi...

Ngay từ lúc vợ bước xuống tàu, tôi đã biết ngay là có sự bất thường. Nàng vốn có dáng đi thướt tha mà vững chãi, nhưng hôm nay toàn thân nàng như bị gió lớn thổi tạt, chao đảo bấp bênh. Tôi nắm lấy tay nàng, dìu ra xe ở bãi đậu.

- Anh, ba mắt rồi, ba em mắt rồi. Anh Hai gọi cho em ở sở khi sáng.

Một tay nắm vững tay lái, tôi với tay kia bắt lấy tay vợ, bóp chặt, rồi thả ra, rồi tôi nhẹ nhàng vuốt ve tay nàng, đều đều, nâng niu những ngón tay thon ngọt lạnh ngắt. Vợ tôi nức lên một tiếng, rút vội tay đưa lên úp vào mặt. Tuyết đổ mạnh hơn, rồi bất thần một trời tuyết ập xuống, toả bời. Tuyết xuống mạnh và nhiều đến nỗi tôi phải bấm nút số hai cho quạt mưa chạy thật nhanh. Xe chậm chậm đi qua thành phố im lìm thừa thớt. Đã trung tuần tháng giêng dương lịch mà không khí cuối năm vẫn còn vương vất ở những con đường hẹp tĩnh lẻ. Vài căn nhà khiêm tốn vẫn còn lại những đèn đuốc trang hoàng mừng Giáng sinh, những bóng đèn nhỏ xúu màu xanh màu đỏ nhấp nháy, nhấp nháy một niềm vui lạc lõng mong manh... Tôi nắm lấy tay vợ đưa lên môi, lên mũi. Mùi thơm quen thuộc, ngọt ngào. Tôi há miệng hà hơi ấm vào lòng bàn tay nàng. Một lúc sau, nàng mở giây thắt an toàn, xích lại gần hơn, và dụi đầu vào vai tôi, khóc tím tím. Tiếng khóc đứt đoạn của nàng cùng nhịp với tiếng quạt mưa đi qua đi lại xào xạc bên ngoài mặt kính chắn gió.

Khi tôi tỉnh giấc nửa đêm thì chiếc đồng hồ đánh thức dạ quang chỉ hai giờ rưỡi hơn. Tôi lắng tai nghe âm thanh rời rạc li ti và tôi biết là tuyết vẫn còn đang xuống mạnh. Tôi nằm yên hình dung đôi núi mênh mông đen

hun hút và tuyết rơi lặng lẽ, rơi mãi từ khi trời sẫm tối, đến nay là hơn tám tiếng đồng hồ, có thể tuyết ngập hơn cả một bộ rồi.

- Anh ơi, anh không ngủ à?

Vén mái tóc dài sang một bên, nàng nằm sát lại gần hơn, quàng tay qua ngực chồng.

- Anh mới tỉnh giấc. Này, nghe... Em có nghe tuyết rơi không?

Nàng yên lặng một hồi lâu rồi mới trả lời:

- Có, có, em nghe...

- Trời khóc ba em đó. Ba mất rồi em không thấy được mặt ba mười mấy năm trời...

Trong căn nhà nhỏ, những nén hương đốt liên tiếp cả tối toả khói mù mù, quện lấy trần nhà, tường nhà, đồ đạc áo quần, thậm chí vào gối chăn và mái tóc người đàn bà. Nửa đêm, tuyết rơi mạnh, chắc là đường sá đã ngập lút cả rồi. Hồi tối khi đi qua nghĩa trang tĩnh lặng, người đàn ông thấy tuyết đã phủ lấp cả vùng đồi con, chỉ còn trơ lại những chiếc thánh giá, những bia mộ cao cũng màu trắng xoá. Đây đó, thấp thoáng những hình thù xác xơ quái dị của những cây trúc bá lừng lững chịu đựng giá băng.

Từ xa, rất xa, gầm gừ tiếng xe ủi tuyết. Trong đêm thâu, chiếc xe khổng lồ, bánh niềng dây xích thép, đèn pha sáng rực, đèn đỏ nhấp nháy, lăm lăm chạy dọc theo lề đường, càng cạo tuyết ần sát lên mặt đường ngập tuyết.

Tôi nằm nghe hơi thở nàng mơn man bên má và nhớ lại những hôm tuyết xuống như thác, cả ngày cả đêm. Rồi khi trận bão tuyết đi qua, thốt nhiên vạn vật im lìm, kinh tởn. Qua được cơn chấn động, núi đồi đứng yên, hoàn hồn. Thình không lặng tờ. Những thân cây đen thui, như sau một trận hoả hoạn, đứng thẳng tắp. Và trong vùng im lặng tuyết đối ấy, một bông tuyết độc nhất, một bông tuyết độc nhất, lặng lẽ rơi xuống từ cõi ba vạn thế giới, rơi xuống thân nhiên vô cùng... Tấm shade che cửa sổ bỗng sáng lên một màu vàng đục. Ánh đèn pha chiếu qua tàng cây phong in thành những nét khẳng khiu trên mảnh màn nhựa. Thoạt đầu, những hình thù ngang dọc đó còn lờ mờ, rồi chúng trở thành linh hoạt hơn, sắc đậm hơn. Tiếng động cơ lại gầm lên, và xe ủi tuyết đã đến gần nhà. Tiếng cạo băng rào rào. Tuyết bị dồn nén, cứng ứ vào hai bên lề đường. Tôi quàng tay sờ má, sờ môi, thì mặt vợ tôi đã ướt đầm nước mắt.

Tôi nghe thật rõ, tôi thấy thật rõ, chiếc xe ủi tuyết hai mắt lửa đỏ nhấp nhoe lăm lăm lặn sâu vào con đường nhỏ như một chiếc xe tăng không có chương ngại vật nào có thể chặn được bước tiến. Từ những âm thanh dữ dằn đó tôi nghe vọng ra những vang rền của bãi sa trường rộn ràng gươm đao và chặt ngát sát khí. Tôi hình dung giọt nước long lanh đông lạnh thành đá, triệu triệu

phân tử li ti công buốt, kim cương của muôn vạn hải hồ, triệu triệu số kiếp biến hoá không cùng. Tôi thấy sự sống và cái chết chập chùng trong một ly, trong một giây, và cuộc tử sinh hiển hiện hằng hà sa số như những phân tử của giọt nước long lanh.

Xe ủi tuyết đã đến ngay trước mặt nhà. Căn phòng bỗng rung chuyển theo nhịp động cơ dữ dội. Người đàn ông và người đàn bà đập đầu quần quai trong cơn sóng dậy đất bằng, banh da xé thịt nhau trong đêm đông ngập tuyết, và hơi thở dồn dập của họ ào ạt dâng lên, dâng lên, nước thủy triều tuôn trào rồi tràn trề tít tắp về chốn vô thủy vô chung. Rồi người đàn ông trườn tới, trườn lên, như một con rắn lớn, từng khúc xương sống oằn oại chậm rãi, chậm rãi, tiếp nối nhau đưa toàn thân ra khỏi lớp vỏ mỏng. Chàng bò dài trên bờ vực lưng chừng một ngăn cửa đá dựng cheo leo. Người đàn ông lê mình trên cỏ sắc ướt đầm. Sỏi đá gai góc trầy xước toàn thân. Đến khi người đàn ông trườn lọt qua cửa đá chật hẹp thì bên kia là một không gian bát ngát vắng lặng, và ở phía dưới, xa tít mù, lấp loáng có mặt nước. Người đàn ông gồng mình, hít một hơi dài, rồi nghiêng rặng nín thở, rồi tưởng như ngất lịm đi, chàng rùng mình, ngã sấp xuống biển nước. Ở từ xa, có tiếng còi xe cứu hoả gào lên thất thanh, rồi lập đi lập lại như tiếng kêu giận dữ và đau đớn của một con thú lớn bị trọng thương...

Tôi ghì chặt lấy chồng tôi, nước mắt tuôn trào. Toa tàu hoả phóng nhanh trong chiều tà, cảnh tượng bên ngoài xoay lui, xoay lui, làm cho tôi choáng váng, nhưng khi tàu rời ga Port Jaspers tôi có cảm tưởng là vạn vật bỗng nhiên ngừng chuyển động và một sự im lìm ghê gớm bao trùm tất cả. Sự cô cút của tôi tuyệt đối. Chỉ một mình tôi đối diện với tất cả. Rồi giờ đây khi đã tìm lại được hơi ấm của một hoàn hồn, tôi nghe ở từ xa tít mù tiếng còi xe cứu hoả gào lên, và chồng tôi oằn người trên tôi như thể chàng chết ngất trên đỉnh tốt cùng của đốn đau và hoạn lạc. Tôi ôm ghì chồng, tôi khóc, tôi cười. Tôi trở thành cõi trời mệnh mông, mây trắng hàng hàng lớp lớp ngất ngưỡng bay về, tôi dạng hai chân ra đón nhận cả một bầu tinh tú rạng ngời hào quang. Tôi là trời, tôi là đất, tôi là núi đồi sông lạch, tôi là con cá cọng rau. Cha Mẹ ơi, con đây, về với con! Tôi là con hồ ly thân dậu đuôi dài, tôi mềm mại quăn quít là con bạch tuột, tôi dạng hai chân và tôi kêu thét lên "mình ơi!" và người đàn ông là chồng tôi đó gầm lên một tiếng, rồi toàn thân chàng tuôn trượt vào thân thể của tôi, tuốt luột mất hút vào trong tôi, vào trong cơn địa chấn của da thịt và tuỷ xương...

Tôi nằm im nghe thân xác mình căng chướng nặng nề, tôi nằm nghe xương cốt giãn ra, tan hoà vào da thịt đang nở bung thành một hình hài to tướng dị thường. Tôi ôm người đàn ông, không phải chỉ với hai tay hai chân

mà với tất cả các hạch tuyến, huyết quản trong cơ thể tôi. Tim tôi đập chậm lại, tôi nghe tim tôi đập mơ hồ như tiếng tích tắc của một chiếc đồng hồ đeo tay nhỏ xíu chôn vùi trong nội tạng tôi. Tôi nằm bất động như vậy không biết bao lâu. Tôi lắng nghe: xe ủi tuyết đã đi xa rồi. Cả cái âm thanh li ti mơ hồ rào rạt của tuyết rơi ban đêm cũng không còn nữa.

Rồi trong giây phút mê mê tê điếng ấy, tôi bỗng thấy một cơn mát lạnh - từ cõi vô thiên vô địa nào bay về... Tôi nhận thức trước tiên ở các ngón chân, rồi từ từ, từ từ cảm xúc mát lạnh đó thấm lên dần chân tôi, gối tôi, rồi hai đùi tôi, tôi dặng hai chân rộng hơn, tôi nhếch mông tôi lên, và cảm giác đó ào ạt tuôn trào vào bụng dưới của tôi, tràn trề lan ra nhanh chóng toàn thân tôi. Tôi thấy rõ ràng từng tế bào một của toàn thân được tắm gội phủ phê trong cảm giác mát lạnh trong veo đó. Và tôi sung sướng vô ngần, một nỗi xúc cảm, một niềm hoan lạc tôi chưa bao giờ được biết, tôi ngất ngây, tôi nằm im để nhận ra rằng tôi chỉ còn thênh thang một mình, dập dềnh đưa giữa hai cõi tử sinh... Nỗi xúc cảm đó, cơn mát lạnh rung rung lựt ngập cơ thể của tôi đó, càng lúc càng trỗi dậy, càng lúc càng mãnh liệt đến một mức kinh hoàng, tôi biết tôi sắp ngất đi, thì tôi ưỡn người, tôi dặng hai đùi ra thật rộng, và toàn thân người đàn ông chồng tôi, đã mất hút vào thế giới sâu thẳm trong cơ thể tôi, bỗng trôi tuột ra ngoài, nhẹ nhai như một đứa sơ sinh...

Chuyến tàu AIM 751-11 về đến Honga trễ mất hai mươi phút. Sân ga và đường sá còn lầy lội sau trận bão tuyết lớn đầu tuần. Thỉnh thoảng một tia sáng loé lên, ngờ ngàng, rồi tắt ngấm, như một ảo ảnh của những mùa hạ ấm khô không bao giờ có thật.

Người đàn bà bước xuống tam cấp sắt, tay ôm một bó huệ trắng nàng đã ghé mua ở tiệm hoa cạnh sở làm. Người chồng cầm lấy xách tay nặng cho vợ. Hai người nhìn nhau không nói. Trên đường về nhà, lúc xe chạy qua tỉnh lẻ còn ngập lút tuyết trắng, người đàn bà liếc mắt nhìn chồng, và môi nàng thoáng qua một nét mơ hồ, phảng phất như một nét cười.

Buổi lễ cầu siêu cho thân phụ người đàn bà được cử hành bốn hôm trước ngày đưa ông Táo về trời. Mấy nén hương Quan Âm tỏa khói thơm ngào ngạt, quyen lấy những đoá huệ trắng ngọc ngà. Người đàn bà quỳ trước bàn thờ, đầu chít khăn tang, đôi mắt nàng thâm quầng và mọng sưng sáng rực trong khuôn mặt trắng nhợt nhạt. Bên cạnh nàng, người chồng quỳ ngay ngắn thật lâu, rồi sau ba tiếng chuông, cất giọng sang sảng bắt đầu tụng Tâm kinh:

“Sắc bất dị Không, Không bất dị Sắc, Sắc tức thị Không, Không tức thị Sắc”...

thơ *Khê Kinh Kha*

bé và quê hương anh

*này bé hồi, chiều nay trời lành lạnh
ở phương này anh nhớ một quê hương
bé đừng quên, chiều nay mình đã hẹn
anh sẽ ngồi kể hết chuyện quê anh*
*khi bé đến, nhớ mặc áo dài xanh
như màu xanh của lúa mạ lên mầm
như màu xanh của rừng thông Đà Lạt
áo bay mềm như dòng nước Cửu-Long*
*khi bé đến, nhớ để tóc xoã dài
xoã dịu dàng như liễu rủ ngang vai
xoã trong anh bóng tre già quê ngoại
xoã hương tình của ruộng lúa Đồng-nai*
*khi bé đến, nhớ đừng thoa son nhé
để nắng chiều ửng đỏ nét môi thơm
để chiều nay mặt trời không ngủ sớm
như những chiều nắng phủ dãy Trường-son*
*khi bé đến, nhớ đừng thoa hương phấn
để hương trinh ngào ngạt gặp vào hôn
như cúc vàng bên thềm xưa Võ-dạ
ngát hương nồng bên dòng nước sông Hương*
*khi bé đến, nhớ đừng mang kính mát
để trời xanh rơi rớt vào mắt trong
để anh thấy biển Hội-An, Đà-Nẵng
bãi cát dài sóng vỗ đến Nha-trang*
*khi bé đến, nhớ bước đi nhẹ nhẹ
để lòng anh không xao động nổi hờn
vì anh vẫn thấy hoài trong giấc mộng
phố Sài-gòn, Hà-nội, Huế buồn tênh*
*khi bé đến, đừng hôn anh bé nhé
hãy để dành hôn mẹ Việt Nam ta
mẹ Việt Nam bàn tay còn chai đá
nụ hôn nào sẽ xoa dịu lòng mẹ*
*khi bé đến, nhớ cười vui bé nhé
để lòng anh như pháo nổ đầu xuân
anh sẽ ngắt cánh mai vàng vừa nở
tạ ơn đời và tổ quốc mến thương.*

CHỮ HẠNH

Ngô Nguyên Dũng

Người đàn ông trẻ đón ông Lâm Định ở phi trường nội địa thành phố D. đưa tay bắt, miệng cười vồn vã:

- Chào mừng giáo sư Lâm Định. Tôi là Andreas Moretti, người thường xuyên liên lạc với ông từ nhiều tháng qua. Ông vẫn khỏe? Chuyến bay thoải mái, không có gì trở ngại chứ, thưa giáo sư?

Ông Lâm tươi mặt, cố nén cái đau đâm đâm vạch đường chữ thập trên phiến lưng:

- Rất hân hạnh được gặp anh. Tôi xin có lời khen ngợi, dấu giọng Việt ngữ của anh vô cùng tài hoa, hiếm người Âu tây đạt được trình độ như vậy.

Câu nói khách sáo ông thường sử dụng mỗi lần chứng đau nhức khớp xương tới cỡ hoành hành. Moretti cuộn vùi tờ giấy cứng tô đậm mấy chữ tô dấu rõ ràng "Giáo sư Lâm Định", cấp vào nách, dằng lấy cái xác da nâu cũ từ tay ông giáo sư, bật tiếng cười ngắn:

- Giáo sư quá lời đó thôi.

Rồi anh nhỏ giọng ra điều quan trọng:

- Mà... mà biết đâu chừng, kiếp trước tôi là người Việt nam, thưa ông.

Ông Lâm cười xoà, thoáng đưa mắt quan sát anh thanh niên. Anh cao hơn ông nửa cái đầu, tóc nâu sẫm cắt ngắn. Máu mắt xanh cobalt trong vắt sau lớp kính gọng bạc thanh mảnh. Anh mặc sơ-mi dài tay xám nhạt, quần đen ủi nếp kỹ lưỡng. Thần sắc anh toát sáng nét thân thiện hiếm thấy ở người bản xứ mà ông Lâm đã tiếp xúc trong ngày hôm nay. Những gương mặt nhân viên đoàn thuê lạnh băng. Những tia mắt vô cảm của mấy nữ tiếp viên chăm bẵm dò xét sau quầy nhận, trước màn ảnh máy vi tính, dè xèn lời nói như thể phải trả chúng bằng một giá đắt đỏ.

Moretti cho biết xe anh đậu dưới hầm. Trong thang máy, anh nhả nhơ kể chuyện thời tiết:

- Giáo sư may mắn lắm đó, tuần trước trời còn đổ tuyết.

Ông Lâm không khỏi ngạc nhiên:

- Tháng năm mà còn rơi tuyết sao?

Moretti chép miệng:

- Khó lòng biết được chuyện thời tiết xứ này, đặc

biệt tại đây, một nơi nhiều núi đồi, thưa giáo sư.

Bất chợt anh bùng giọng hứng khởi:

- Vậy mà, như có phép lạ, chỉ sau một cuối tuần trời trở ấm, nắng ráo cho tới bữa nay. Tôi sẽ chỉ giáo sư xem đại lộ anh đào trên đường tới học viện. Tuyệt diệu không tả nổi.

Cách nói và điệu bộ của người đàn ông trẻ khiến ông Lâm háo hức, tưởng chừng quên đi cảm giác nhức buốt dưng dưng lan khắp thân người. Nhưng không thể. Thịnh thoảng chúng lại nhói lên như có kẻ nghịch ngợm rạch đường dao lam lên từng lông xương lỏng lẻo. Ông hỏi Moretti phòng vệ sinh, bước nhanh vào, lấy ra lọ thuốc giảm đau, run tay mở nắp. Ông vốc nước ực liên tiếp ba ngụm, khép mắt định thần giây lâu. Ngẩng lên, khuôn mặt trong gương nhìn ông như kẻ lạ. Mái tóc hoa râm thưa sợi. Ba vạch nhăn ngang trán. Hai nếp gấp giữa cặp chân mày mọc sợi đen cứng, bờm bãi, xen kẽ sợi bạc. Ông tự dặn lòng, tối nay phải nhờ chúng đi. Nhưng làm sao ông bôi xóa được những đường nhăn, những đốm da mồi tuôi tác trên đôi gò má, lấm chấm dọc sống mũi? Và vô số ý nghĩ ngồn ngang dằn vặt tâm trí ông lâu nay về một chữ, chỉ một chữ duy nhất mà ông không thể định nghĩa rành mạch, xác đáng: chữ Hạnh.

Buru từ nước ngoài đến tay ông vào một ngày mùa mưa tháng tám. Ngoại ô Sài gòn bầm dập cơn mưa chiều xối xả. Thằng cháu nội chạy xầm xập lên gác, trao ông lá thư đầm mưa lấm tẩm. Ông Lâm bật đèn, lật qua lại phong bì dán góc bưu hoa một xứ Âu châu xa xôi, giờ ra vũng đèn vàng ối. Thằng cháu còn đứng đó, xoe mắt tò mò. Tiếng trẻ con giỡn mưa trong lòng hẻm lầy lội vang dội từng chập. Nó, cũng như ông, dường như cảm nhận điều khác thường gói đựng trong phong thư lạ mắt này. Ông Lâm không mở thư đọc vội, ngoắt tay gọi cháu. Nó bước lại, ngoắt đầu lên đuôi ông trên ghế gỗ như một con mèo đói. Ông không nhớ rõ, từ bao lâu rồi ông ít khi gần gũi chuyện trò cùng con cháu. Căn hộ chật, ba thế hệ. Từ dạo biết mình vướng hội chứng suy nhược thần kinh hệ, ông Lâm bắt đầu ẩn dật trong chính chiếc

bóng mình. Ông luồn ngón tay vào đầu tóc rậm rì của thằng bé. Ông cháu thủ thỉ trò chuyện. Tiếng mưa sầm sập mái tôn lẫn tiếng sầm loé trời thỉnh thoảng cắt ngang câu chuyện. Trứng đèn chớp tắt run rẩy theo dòng điện đứt đoạn. Có tiếng giục giã gọi tên thằng nhỏ. Nó ngắc đầu, phất cái liến chân chạy biến. Ông Lâm tần ngần cầm phong thư, ngắm nghía hàng chữ người gửi, lờ mờ đoán hiểu. Ông rọc mạnh rìa thư, gấn gọng kính lão lên mắt...

- Chúng ta đang rẽ vào đại lộ anh đào, thưa giáo sư.

Ông Lâm chấp choạng hé mắt. Cảnh không gian mở ra trước mặt, không phải vòm mây ẩm mưa xám ngoét đất quê nghèo một ngày lê thê, mà trong vắt khung trời không một gợn mây. Và, đại lộ rợp hồng anh đào nhạt bản một hàng thẳng tắp giữa lòng đường hai dòng lưu thông ngược xuôi. Giáo sư Lâm Định xoáy mắt ngắm, không chớp. Những chòm hoa bụi bầm, tươi rói thanh xuân kiêu hãnh khoe dáng trong màu nắng vàng nồm. Ông lâm bầm:

- Một bữa tiệc thịnh soạn cho thị giác. Ngon ngoài sức tưởng tượng.

Moretti từ tốn:

- Giáo sư nói chi?

Ông Lâm cười xoà, bốn cọt:

- Có khi nào cặp mắt anh được thiên nhiên dọn cho một bữa ăn mãn nhãn như thế?

Người thanh niên hiểu ra, cười khê:

- Mỗi năm chỉ một lần. Mỗi lần chỉ dăm ba ngày.

- Đủ rồi. Trước kia bà Từ hy Thái hậu đãi đằng quan khách ba ngày ba đêm, ăn mệt nghỉ là vậy.

Chợt, Moretti rút rè cất giọng:

- Có lẽ giáo sư đói bụng? Xin lỗi, tôi sơ ý.

Ông Lâm không khỏi cười lớn:

- Tôi ăn bữa điểm tâm trên phi cơ rồi, vẫn còn no, anh đừng lo.

Và ông buộc lòng nghĩ tới mấy thứ còn con cật giữ trong xắc tay: cái bánh con nâu quánh gói giấy bóng, mấy túi giấy đường muối, hộp nhựa tí tẹo đựng mứt dâu tây, vài thỏi sô-cô-la. Ông định bụng, để dành những thứ này làm quà mọn cho lũ cháu loắt choắt. Biết ông được phép du hành ra nước ngoài, đứa nào cũng tỏ vẻ dằn dò. Ôi, những đứa trẻ ra đời sau 1975 chưa từng hít thở thứ dưỡng khí của một xã hội chưa bị ngôn ngữ của giáo điều ô nhiễm. Ông là một trong hàng ngũ trí thức đã một thời dốc lòng tin tưởng vào tín nghĩa ẩn sau mớ từ vựng độc lập, tự do, hạnh phúc. Ông không phải đi học tập cải tạo. Nhưng ông thấy rõ hoàn cảnh sa sút và sa đoạ của đất nước. Đau lòng nhất là biến chất của ngữ vựng. Những công trình soạn thảo tự điển công phu không còn bao nhiêu giá trị. Đói không còn là trạng thái trống rỗng của dạ dày ba lần mỗi ngày, mà trở thành bản sắc khác

sâu vào ý thức, di truyền qua nhiều thế hệ, là nguyên nhân của mọi tệ trạng. Ông không ngạc nhiên, khi từ láo đương nhiên hàm chứa ba đầu chín tay quyền phép. Và một lần, bất chợt, ông thần thờ suy ngẫm về ý nghĩa sâu kín của chữ Hạnh.

"Kính thưa giáo sư Lâm Định,

Học viện chuyên ngành văn hoá và ngữ học Đông Nam Á thuộc đại học thành phố D. dự định tổ chức hai ngày Lễ Hội Việt Nam vào mùa xuân năm tới. Qua lời giới thiệu của nhiều nhà ngữ học có uy tín tại đây, chúng tôi trân trọng gửi tới giáo sư lời mời tham dự buổi hội thảo về đề tài 'Vai trò của Đông triết trong thời đại vi tính'. Ngoài ra, nhân dịp này chúng tôi cũng ước mong được giáo sư cho nghe một bài thuyết trình khoảng mười lăm phút. Tất cả mọi phí tổn sẽ được chúng tôi đài thọ..."

Ông Lâm đặt tờ thư mở toang hoác xuống mặt bàn, trật gọng kính dụi mắt định thần. Mưa vẫn sầm sập bạo hành lên mái tôn. Lũ trẻ tắm mưa trũng giỡn vô tư, rầm rập đuổi nhau trong hẻm chật. Giọng người la mắng, gọi khan. Lẳng tảng đâu đó tiếng tây ban cầm một giai điệu không rõ. Còi giao thông từ lộ chính cách đây một dãy nhà hốt hải đua chen. Trang thư giấy trắng tinh, những dòng chữ trịnh trọng nhưng mạch lạc, ấn hiệu của học viện trên góc phải, cái tên của một người chưa hề nghe: Andreas Moretti. Lạ chữ. Một kẻ, không biết xuất xứ từ đâu, soạn một lá thư ẩn giữa những hàng từ ngữ khách sáo là một khối tâm tình tha thiết, như những cuống rún không thể lìa xa nhúm đất chôn nhau khôn khó. Bóng đèn bàn viết điện yếu soi vàng mặt chữ. Ông Lâm với tay rút pho tự điển bong gáy trên kệ. Những tựa sách hiếm quý, ông đã bao phen chật vật giấu giếm, theo ông sống sót sau nhiều đợt huỷ diệt văn học văn chương theo chỉ thị.

Ông Lâm tấm tắc không tiếc lời:

- Nếu tôi dùng chữ đẹp để tả cảnh đoạn đường này, nghe tầm thường lắm. Ngặt nổi, ngôn ngữ cũng như chữ viết rất thường khi thiếu sót. Đành mượn cái này để nói cái kia, rằng nhãn quan tôi vừa trải qua cơn đục lác tột đỉnh.

Moretti bật cười sảng khoái. Anh ti tê:

- Gần đây có thành phố lớn ăn chơi truy lạc nổi tiếng. Nếu giáo sư muốn, tôi sẽ đưa giáo sư tới đó một tối cho biết.

- Đúng, phải biết đề cùn về nước lớn lỗi khoe khoang với chúng nó một bận cho đã miệng. Bị dán keo lâu rồi!

Chàng thanh niên bản xứ chừng như hiểu ý, gật gù:

- Ra đây, giáo sư khỏi lo.

Ông Lâm trợn mắt:

- Lắm to, anh bạn ơi! Kiểm soát hết đấy! Tôi già rồi,

được dịp bung một lần cho thoải.

Xe rẽ vào khuôn viên đại học chia lối ngăn nắp. Nhiều vườn cỏ dốc thoải lên đỉnh đồi nhấp nhô tầng kiến trúc đồ sộ. Tháng năm, cây cảnh mơn mớn lộc non. Moretti giảm tốc độ tối thiểu, không ngớt thuật chuyện:

- Đại học chúng tôi giao hữu với đại học Tokyo. Hàng anh đào, giáo sư vừa thấy lúc này, là của họ trồng tặng nhân lễ khai mạc mỗi giao tình. Thuở ấy tôi còn là sinh viên phân khoa ngữ học Á châu, mê chữ không thể tả. Mà không hiểu sao, phải là thứ chữ biểu tượng á châu mới thích. Rồi từ từ tôi chuyên ngành, chọn tiếng Việt. Có lý do hết đây, thư giáo sư.

Ông Lâm còn dự dự chưa kịp hỏi thì Moretti đã lách xe vào ô trống trong bãi đậu bên hông hàng cây chưa rậm lá. Ông bước ra, ngược mặt quanh quất. Hương hoa lạ, mùi nhựa cây và nắng mới lay lắt, chan hoà. Nhiều dãy xe đậu xéo hai lối trắng nhựa dẫn vào toà chung cư năm tầng. Những ô cửa đồng dạng, cánh mở cánh đóng. Vài tia mắt tò mò quét dọc người ông, lúc ông cùng Moretti bước vào hành lang kê hàng hộp thư sơn xám. Moretti bảo ông Lâm đứng chờ, anh vào văn phòng quản gia ghi danh nhận phòng, lấy chìa khoá.

Căn phòng rộng vừa, chiếc giường đơn trải khăn trắng muốt, kê một bàn thấp và hai ghế mây lót nệm, một ghế gỗ thông cạnh bàn làm việc đặt trong góc, chụp đèn nâu có cần điều chỉnh, máy điện thoại sơn trắng. Ông Lâm còn váng vất trước sự vật sạch bóng, ngăn nắp thì Moretti đã tới kéo màn cửa vàng nhạt, mở rộng khung kính.

- Đại học có riêng vài phòng dành cho khách phương xa trong cư xá sinh viên, thay vì mượn cho họ chỗ trọ trong khách sạn, có thể đầy đủ tiện nghi hơn, nhưng xa trường và không gần gũi với sinh hoạt của học viện.

Rồi anh đảo mắt một vòng xem xét, nói như xin lỗi:

- Phòng hẹp, nhưng yên tĩnh và khoảng thoáng.

Ông Lâm rối giọng:

- Không, không, ẩm cúng thế này, tôi đâu muốn gì hơn.

Moretti xoa tay:

- Vậy, tôi xin phép cáo lui cho giáo sư nghỉ ngơi. Sáu giờ chiều tôi trở lại đón giáo sư đi ăn tối.

Anh còn chỉ ông Lâm chỗ kê tủ lạnh con đựng thức uống, vài cái tách úp ngược trong khay nhôm. Phòng vệ sinh và bồn tắm gương sen hai vòi lạnh nóng. Tất cả, đối với ông không lạ, nhưng mới sạch, gần như miễn nhiễm. Lúc ông tới cạnh khung cửa mở, trông ra, vòm mắt choáng ngợp trước quang cảnh bày biện. Thị giác lại thêm một lần no nê ánh sắc. Phòng ở tầng trên cùng. Từ đỉnh đồi nhìn xuống, đại lộ anh đào chỉ còn một vành hồng tươi vắt ngang những chéo khăn cỏ non đầu xuân. Trường đại học chia ra nhiều phân khoa, kiến trúc hình

hộp lạ mắt, tường vôi nhiều màu khác nhau, rải rắc dọc ngang như những rương bê-tông khổng lồ đựng đầy não bộ tri thức của nhân loại. Tin học và ngữ học. Vật lý hạt nhân và triết học cổ điển. Kinh doanh quốc tế và văn chương cận đại. Đối tính kề cận nhau, bổ sung, dung hoà. Không cấm đoán. Không tiêu diệt. Không xảo trá nguy hiểm bằng uy lực của quyền bính.

Ông Lâm khép cửa, thay quần áo, đi tắm rồi lên giường nằm. Cái mệt bấy giờ mới thật sự ủa tới. Toàn bộ xương cốt ông nhói như, rần rật nghìn nghịt nọc kiến châm chích. Ông đã luyện tập, khắc phục nỗi đau bằng cách tập trung tư tưởng tại huệ nhãn. Chỗ đó, soi gương, rành rành hai nếp gấp thời gian. Đôi khi ông hoa mắt thấy chúng biến dạng thành đôi nét chữ Nho, không rõ nghĩa gì. Trí nhớ ông càng lúc càng tồi tệ, không thể giữ lại để ông ghi ra giấy, giờ tự diễn tìm tòi. Cũng khởi xuất từ nguồn sáng bật phát từ lớp lớp cơn đau buốt xương rách thịt ấy, ông đã phát nghiệm đề tài cho mười lăm phút thuyết trình vào ngày mai: "Chữ Hạnh trong tâm thức Việt hiện đại". Nghe qua, tưởng triết lý học thuyết gì mới mẻ, cao siêu. Thật ra chỉ là những suy tư lẩn cẩn, vật vờ ông từ nhiều thập niên qua. Dịp này, không xuất ra, e trễ mắt.

Ông ý thức ra điều này trong suốt thời điểm ông bị giam lỏng trong bốn vách nhà riêng. Mái tôn vách ván, cửa sổ một tấm gỗ mỏng, cửa lớn trở ra ban-công có lan can gác chéo nhiều thanh gỗ tróc sơn xanh đỏ nhạt nhạch đó đây, nhiều chậu kiểng con sần sùi thân nhánh nhưng cùi cùi rậm lá, dây ny-lông phơi quần áo, đồ lót ông tự giặt lấy. Bàn thuốc lào lạnh hơi môi, bị ông ruồng rẫy từ khi sức khoẻ tuột dốc. Bút, giấy chỉ chút ý nghĩ gạch xóa, sợ hãi giấu giếm mỗi lần nghe tiếng chân người kết kết giẫm lên thang gỗ. Những khuya trần trọc lắng đợi thời gian trở mình, nghe tiếng mỗi một sột soạt gặm mòn những trang chữ suy dinh dưỡng. Lũ cháu nội ngoại mớ máy những mơ tưởng thơm tho cô tịch. Đã nhiều phen ông bị mời ra cơ quan làm việc. Những câu hỏi dẫn xóc. Liên lạc với ai ở nước ngoài? Bạn bè, thân nhân là những ai, làm gì, ở đâu? Đã trước tác những gì, khi nào? Đôi khi rần giọng dọa dẫm, có lúc mặt mũi hứa hẹn. Những lúc đó, nếu ông không định thị vào điểm sáng rực rỡ giữa hai chân mày, có lẽ ông đã xuôi tay tuân phục theo sức nén của áp lực. Chữ là một lẽ, niềm tin vào lương tri tuyệt đối là lẽ khác. Ông kiên trì bầu vùi vào đó để tồn tại, chờ ngày phục sinh của chữ.

Tiếng chuông đồng hồ tay rón rén báo thức. Ông Lâm mở mắt, thấy nắng tháng năm còn lấp loé ngoài rèm cửa. Chiều nơi xứ lạnh khuya khải những thanh âm từ tốn. Không phải giọng rao hàng khắc khoải suốt chiều dài con hẻm chật. Không nghe tiếng leng keng xe kem chầm chậm thúc bách. Giọng thiếu nữ thành thốt hột vẹt

lộn hột gà vữa, đứt ngang ở âm ‘ữa’ như một nốt nhạc què quặt. Đúng sáu giờ chiều, loa khuếch âm đầu hẻm lạnh lạnh bản tin những thắng lợi siêu việt của nhà nước. Điệu nhạc lè rè dòng điện câu. Lâu rồi, ông thấy nhớ tiếng chim áo dác gọi bạn trong vòm cây úa lá nghi ngại.

Cho tới một ngày, ông được phép qua đây thuyết trình về một chữ đã ám tưởng tâm thức ông nhiều thập niên qua. Không ngót. Lên đường một mình. Nhưng không dáo dác, nghi ngại mà phần chấn trong cơn đau ngấm ngấm từng khớp xương theo ngàn ấy độ âm lạnh sai biệt.

Moretti lái xe qua phố lớn cách đây gần nửa tiếng xa lộ. Trung tâm phân chia phố cổ phố tân rạch ròi nhà cửa xây thấp, ngõ ngách chằng chịt trái đá xanh, những thánh đường kiến trúc kiểu la-mã cân xứng chặt chẽ với những cao ốc lấp lánh màu tân kỳ, khu thị tứ san sát cửa hiệu hào nhoáng xa xỉ phẩm. Cạnh hải cảng là trụ điểm của truy lục, chen chúc quán xá, hộp đêm, nhà chứa, kẻ bán người mua lạc thú nhốn nháo sau chín giờ tối.

Chiều sớm, nhiều quán rượu, nhà khách chưa thức. Moretti rào xe chậm ngang, chỉ trò hải hước, giải thích. Rồi anh ngắn gọn kết luận:

- Chúng tôi đặt cái chơi trước cái ăn vì vậy.

Ông Lâm nhỏ nhẹ:

- Thì đã sao? Có khác nhau mới thú. Triết tây xưa kia lấy thượng đế làm nền, bây giờ dựa vào lý thuyết thực dụng. Còn triết đông tìm cách bôi sạch ý thức, định nghĩa chân lý, cho rằng động vật và thiên nhiên hiện hữu hỗ tương... Ôi, rắc rối. Sở học một đời người không thể nắm trọn.

Moretti cắc cóc:

- Thế sao người Á châu coi trọng miếng ăn?

Ông Lâm ngần ngừ:

- Không biết tổ tiên chúng tôi thuở trước nghĩ sao, chứ hiện giờ, dễ giải thích thôi. Tại đói!

Quán ăn trong phố cổ lợp ngói đá núi xám, tường vôi trắng, dọc ngang trục gỗ đen bóng khắc hoa văn sơn đỏ rượu chát, vàng lúa mì, xanh hồ thủy. Bàn ghế gỗ sồi vạm vỡ, đèn vàng ấm cúng, tranh sơn dầu cổ điển nhiều sắc nâu, khung nhũ vàng nhũ bạc sáng loáng. Hầu bàn trong đồng phục áo trắng quần đen, tạp dề lét phết lục sẫm.

Giáo sư Lâm Định cầm tờ thực đơn bìa da, lật đọc chăm chú một hồi rồi gấp lại, cười lấp lửng:

- Tiếng Đức khó lắm, phải không anh?

Moretti gật đầu:

- Giáo sư uống thử loại bia đặc sản vùng này.

Cặp mắt ông Lâm sáng lên, lắng tai chăm chú. Moretti chậm rãi tìm chữ:

- Bia và bánh khoai tây nướng với dồi thịt mỡ un

khói, thức ăn dân giả miền Hắc Lâm, đậm đà không thể tưởng. Giáo sư thử nhé?

Ông Lâm hớn hở, quên tuốt mấy qui luật kiêng cử do y sĩ căn dặn. Và tiêu chuẩn ẩm thực được lặp đi lặp lại mòn tai: không bị cảm đoán thứ gì cả, nhưng càng ít càng tốt, bỏ hẳn là lý tưởng nhất. Ông dí dõm so sánh với thứ luật pháp dị hợm ở xứ sở ông, tóm tắt vồn vện chỉ mấy chữ: đừng tưởng bở!

Bữa ăn tối đáp ứng trọn vẹn lẽ ăn thói uống được Tân Đà tiên sinh ghi chép. Có nên thêm thắt cái hoa thị kèm mấy dòng chú thích: câu chuyện cũng phải ngon? Mẫu tâm sự của Moretti bên lề bàn ăn đặt hai ly bia vàng sủi bọt trắng xốp, thảo sủ khoai nướng hôi hổi thơm lừng hương gia vị kích thích ngũ giác, bắt đầu bắt ngờ.

- Tính mê chữ Việt của tôi từ mẹ mà ra.

Ông Lâm ngừng tay xẻ bánh, nhếch mắt đắm đắm nhìn chàng thanh niên ngồi đối diện. Ông thích lối dụng ngữ của Moretti, là lạ bất chợt như cắn phải hạt lựu mỡ chài béo bờ ả trong lớp khoai tây thái sợi, khen khét mùi khói, loáng thoáng vị đậu khấu đậm nồng gai lưỡi.

- Nghĩa là sao?

Moretti nâng ly bia, hớp ngậm đầy. Chút bọt trắng bám mép. Anh giờ khấn chặm, nét mặt không chút giao động. Ông Lâm đoán chừng anh đang lựa chữ thích hợp. Ông tiếp tục nhai nhẩn những hạt thịt mỡ, chờ.

- Tôi là con nuôi của ông bà Moretti từ thuở sơ sinh, mẹ tôi kể vậy. Bà goá bụa ngót chục năm rồi. Cha tôi mất vì chứng ung thư phổi. Không hiểu nổi, vì ông chỉ hút xì-gà mỗi năm một lần sau bữa tiệc tân niên cùng họ hàng bên nội.

Bất giác ông Lâm liên tưởng hương thuốc缭绕 sọc sọc nức căn gác giam hãm. Hai lá phổi buồn bã dưỡng khí, phần não bộ căng thẳng cùng cực những tính toán mưu sinh. Sản nghiệp của ông, những trang chữ phê thải cần được chỉnh trang cho thích ứng với thời thế.

- Ông mất, để lại một gia tài lớn. Phần của tôi chỉ được hưởng khi tôi lập gia đình...

Ông Lâm xen lời:

- Bằng không?

-... sẽ được phân phát cho các cơ quan từ thiện. Phần của mẹ tôi được bà quyên tặng dồi dào cho phân khoa ngữ văn Đông Nam Á. Bà không khuyên, nhưng ý bà rõ ràng muốn tôi theo học ngành này.

Ông Lâm tươi tắn:

- Tôi phải cảm ơn mẹ anh. Nhờ bà mà tôi được dịp rời nước một bận, quen biết anh, tạm quên nhiều nỗi bức bách trong cuộc sống.

- Ngày mai mẹ tôi tới nghe ông nói chuyện.

Ông Lâm cầm chéo khăn lau miệng, không nói. Khó hình dung dáng điệu một người đàn bà, lại là một người đàn bà tây phương trong kinh nghiệm của ông, ý thức

của một người á châu suốt quá khứ vừa qua đã bị nhiều giáo điều bào mòn không thương tiếc. Ông không biết nói gì hơn ngoài mấy lời giao thiệp nhạt nhẽo, lạnh tanh lớp mỡ đọng váng dưới đáy thấu sứ.

Moretti hỏi ông có muốn trở lại góc phố truy lạc đang sửa soạn thức giấc. Ông Lâm cảm ơn, xin được về lại phòng trọ, nghỉ ngơi lấy sức cho ngày mai. Đêm sậm sập mê hoặc. Trời ngoài khung cửa xanh huyền. Hơi lạnh không quen nổi gai da thịt, đóng đinh rách đoạn những lóng xương. Cảm giác nhức nhối rành rành loang vòng mặt nước thần kinh hệ, cùng lúc là nổi dật lạc của kẻ leo núi, vừa trèo tới đỉnh, là người phóng mắt bao quát vùng bao la trước mặt. Khoảng khoát vô biên. Thấy ra tính hiện hữu của cá nhân ông có thật. Không còn là nhúm thịt xương vô dụng, trong một xã hội vô dụng, của ngày của tháng của năm vô ý nghĩa. Ông tưởng mình có thể sờ nắm, sở hữu điều trừu tượng lơ lửng ám nặng tâm trí ông bấy lâu nay.

Ông uống thuốc, nằm đắp chăn lắng nghe tiếng đêm tan vào giấc ngủ chập chờn.

Mảnh vườn phía sau ngôi nhà trệt thoải thoải dẫn xuống lối đi hẹp, cạnh con suối lớp ngợp đá tảng. Bậc thềm lót thân cây cưa khúc. Hàng rào nguyệt quế lá lục bóng. Cây tía ngon, tàn xoè cành đang độ đơm lá non. Vườn cỏ rực vàng thổ tiên. Tượng Phật đúc xi-măng thiền tọa bên bụi mầu đơn trở nụ mẫm mĩm. Ao nước con chỏ mặt cỏ phẳng, róc rách dòng nước len lõi hòn non bộ đắp sỏi vụn. Chiều tây phương sẫm bóng lướt thướt trong vườn nhà đông phương goá bụa. Giáo sư Lâm Định được Moretti đưa tới đây theo lời mời của mẹ anh.

Lúc Moretti giới thiệu bà với ông Lâm trong lúc nghỉ giải lao sáng này, ông không khỏi sững mặt ngạc nhiên. Không phải một người đàn bà tây phương như ông tưởng mà là một phụ nữ á đông mảnh khảnh nói tiếng Việt. Bà chấp tay lễ độ:

- Hân hạnh được biết giáo sư.

Ông Lâm lúng búng:

- Chào bà... bà... Moretti.

Người đàn bà chum chim:

- Tôi không biết Andy đã kể những gì với ông, chắc không nhiều?

Moretti bật tiếng cười to:

- Khá nhiều, thưa mẹ. Chỉ có điều, mẹ là người Việt nam, con không tiết lộ.

Ông Lâm vỗ nhẹ vai Moretti:

- Tôi có lời khen lần nữa cách sử dụng Việt ngữ của anh, tài hoa lịch thiệp, không giống ở trong nước.

Moretti thoáng đỏ mặt, ngượng ngập choàng tay qua vai mẹ:

- Giáo sư phải khen mẹ tôi mới đúng.

Người đàn bà tha hương luống tuổi ấy, bây giờ, đang ngồi cách giáo sư Lâm Định một mặt bàn gỗ thông dưới mái hiên trông ra cảnh vườn sau đầm bóng tối sáng. Tách trà bốc khói thơm thanh thoát. đĩa bánh hạnh nhân xếp cánh sao. Lọ hoa thổ tiên vàng mơn, sắc vàng hiem thấy ở xứ nhiệt đới. Chiều tà khoả hơi mát lạnh. Bà Moretti khoác áo len mỏng màu lam nhạt, gương mặt không trang điểm trắng xanh, màu mắt nâu rợn tia sáng lạ thường, tuôn ra luồng giao cảm tin cậy, thân cận.

Bà nâng tách trà, thùng thẳng hợp ngậm. Ông Lâm khơi chuyện:

- Khung cảnh nơi đây thanh tịnh, đậm đà thiền vị, cho thấy chủ nhân phải là người có nội tại vô phân biệt với ngoại giới.

Người đàn bà mỉm cười:

- Nhà tôi rất thích ăn thứ bánh này, nướng bằng hạnh nhân Thổ-nhĩ-kỳ xay nhuyễn, gia vị thêm chút bột quế. Mời giáo sư dùng thử, xem có cạnh tranh nổi với bánh hạnh nhân thuần túy ở quê nhà.

Miếng bánh vỡ giòn khừu trong miệng người đàn ông, rồi tan theo hợp trà thơm vừa vụn. Ông gật đầu khen ngợi, chữ toả khói qua rãnh môi. Ông vẫn hoa so sánh, người tây phương có thói quen uống cà-phê còn dân á châu uống trà khi ăn bánh, cả hai thức uống đều là sản phẩm thiên nhiên, cà-phê hiem khi được uống thô, còn trà pha sao uống vậy. Chủ quan mà nói, lẽ đó mà trà gần với thiên nhiên hơn, lại là một nơi khí tiết tươi mát, cỏ hoa thi vị thế này.

Thần sắc bà Moretti trở nên lắng đọng:

- Ngôi nhà và cảnh vườn này cho tôi nhiều kỷ niệm khó quên.

Tuy bà không nói ra, nhưng ông Lâm nghĩ rằng, ý bà muốn nhắc tới thời quá khứ hạnh phúc với người bạn đời đã ra đi. Tự dưng ông rùng mình tưởng ra, tách trà này, chỗ ngồi này, vùng khí quyển này trước đó thuộc về một người đàn ông khác. Giờ, chỉ còn lại những mảnh quế vong lạnh lẽo đây đó.

Giáo sư Lâm Định muốn biết, thế còn đất nước Việt nam thì sao? Bà Moretti ngập ngừng:

- Nhắm lại, khoảng thời gian tôi tha hương đã dài hơn hai mươi một năm tôi sống ở quê nhà. Từ đó tới nay có nhiều thay đổi như bàn tay úp ngựa, nhân tính cũng như ngoại cảnh. Tôi không... không... dám chắc mình còn có thể thích nghi với môi trường mới.

Ông Lâm lý luận:

- Dù úp ngựa cách nào cũng là bàn tay mình, thưa bà.

Mà Moretti cười lửng lơ:

- Chính điều đó làm tôi đau lòng. Một khi chữ Hạnh không đủ sức cản trở thì bàn tay hoá thành một thứ khí

giới nguy hiểm. Sáng này giáo sư đã không thuyết trình như thế hay sao?

Ông Lâm tủm tỉm:

- Tôi cứ tưởng không ai chú tâm tới bài nói thiếu thực tế của một ông già đang dõ dẫm bàn chân vào cổ áo quan. Chỉ thấy hiện diện vài khuôn mặt trẻ. Tôi ngại rằng họ không hiểu ý tôi nói gì.

- Không đến nỗi như vậy. Chứng cứ là Andreas, con trai tôi, thừa giáo sư.

Ông Lâm tỏ mờ:

- A, người bạn vong niên nói tiếng Việt lưu loát dấu giọng, hiếm thấy ai được như vậy.

Giọng người đàn bà rộn ràng hân diện:

- Nó chính là biểu tượng của một quê hương Việt nam còn nặng lòng với thói ăn nết nói của tôi nơi đất trịch.

- Lễ đó mà bà vẫn giữ được những tâm tình rất ròi Việt tính. Trong nước, hiện nay, đâu còn mấy ai.

Vừa khi ấy, vắng lại trầm trầm hồi chuông giáo đường giống lễ chiều. Ánh ngày nấn nấn vài đốm nhọt nhạt lên mặt đất. Vành chân trời phượng xa thấp thỏm bức xạ đỏ lờm tia sáng. Bấy giờ ông Lâm mới nhận thức âm xuôi bền bỉ len lách. Tàn cây đổ bóng loảng ngoảnh lên vườn cỏ nghiêng vai cạnh lối đi trắng nhựa uồn lượn thân rắn. Bà Moretti đứng lên cất tiếng xin lỗi. Lát sau, từ nhà trong hắt ra ánh đèn vàng ấm. Hương nhang nhẹ nhẹ lan qua khung cửa mở, như mời mọc bóng quế người khuất mặt trở về. Sóng lưng ông Lâm rạch đường lạnh âm dương cách trở, khiến ông nhớ ra nỗi đau toa rập hành xác mỗi chiều. Con đau chiều nay rất khác mọi ngày. Lạnh mà không nhưc buốt. Không bén ngót lưỡi dao bồ cau cửa sâu mà như thể có đầu móng tay ai ấn xuống cột tuỷ ông, xao động những vòng cảm giác nhón nhắc của viên sỏi vừa ném xuống mặt nước không rõ độ sâu. Loe rộng rồi mất biến trong từng lỗ chân lông. Ông Lâm run tay nâng tách trà đóng váng lợn cợn. Tia sáng ngọn đèn hiên nhà rơi rớt, tình cờ loè nhoè một gương mặt. Không phải của ông. Diện mạo sòng sánh đầy trà lạnh hơi người, lạ lùng nhưng không xa cách. Trái lại, dường như ông đã thoáng thấy nét mặt ấy đâu đây một lần rồi. Chợt, một tiếng mõ se se trong vắt loang vào không gian huyền hoặc. Thanh âm như mũi nhọn chích vào mặt người trong tách nước, nứt mảnh tan vào lớp men mỏng mảnh, không bền của kiếp người.

Giọng đàn bà mềm mại cất lên:

- Xin lỗi đã để giáo sư ngồi một mình ngoài hiên lạnh. Chiều nào tôi cũng thấp nhang, giống mõ bàn thờ cho nhà tôi. Hôm nào quên, ông ấy nhắc.

Một đường rợn buốt sóng lưng người đàn ông.

- Sương đã xuống lạnh, mời giáo sư vào nhà trong,

tôi sửa soạn bữa cơm tối.

Rồi giọng bà Moretti rực màu:

- Andreas có nói sẽ tới muộn. Chương trình buổi chiều theo dự định, tám giờ mới xong. Nó dặn tôi đừng chờ.

Ông Lâm đứng lên, ra bậc thềm, soi mắt nhìn cảnh hoàng hôn bằng bạc sương mỏng. Nắng tắt theo độ sâu của bóng tối. Con suối vẫn đều đều giai điệu thủy chung. Ông lẩm bầm như nói với riêng mình:

- Vậy mà tưởng nhà có thêm khách.

Khoảng thời gian sau đó, về lại quê hương, có khuya giáo sư Lâm Định lại rúng người tỉnh ngủ. Độ ẩm và sức nóng của ngày sốt động mái tôn, tuom mồ hôi chần chieu. Hơi gió yếu ớt đưa lại mùi rác rưởi hôi hám. Mùa nắng năm nay oi bức khác thường. Bụi không rõ từ đâu thốc tháo ngập không gian. Có người cho đó là hậu quả của ngọn núi phun lửa bên đảo Java. Sài gòn, một tổ tò vò vĩ đại, nhóp nhóp đầy mặt bụi.

Đền ngoài hèm hắt lật lĩa bên khung cửa mở bung. Tiếng ngáy của vài đứa cháu ngủ chung giường khò khè chen nhau. Ông Lâm vạch mùng, tới bàn viết bật đèn, xoè diêm châm vòng nhang xua muỗi đặt dưới chân. Ông đeo kính, gỡ quyển tập ký chép, nâng bút ghi tiếp đoạn hồi ức dở dang, đập xoá rồi rằm.

"... Bộ chén đũa và khăn ăn dành cho người khách thứ tư trong bàn cơm tối nhà bà Moretti hôm đó không người dụng tay. Ghế bỏ trống. Andreas tới lúc chúng tôi bắt đầu món tráng miệng. Nét mặt anh sầm mệ nhưng tia mắt tươi sáng ánh nến ba ngọn. Bà Moretti vào bếp hâm lại thức ăn. Có xúp cà chua đậu hũ thơm lừng ngò ta, cơm với nắm rom xào măng sốt Tứ xuyên, tráng miệng bằng chè bánh trôi chay nước đường thề. Toàn những món thanh vị. Bà chủ nhà cho biết, từ lâu rồi bà không dụng đũa tới thịt cá. Không hẳn chỉ vì lý do tín ngưỡng mà vì bà đã ý thức rõ ràng lợi hại của thực phẩm. Andreas vừa ăn vừa nhũn nhận bàn chuyện. Những đề tài của buổi thuyết trình sáng nay rất độc đáo, thú vị. Ba chuyên gia từ Đông Nam á với ba chủ đề tưởng lỗi thời nhưng vẫn còn thích ứng tuyệt đối với thời đại vì tính hiện nay. Anh làm tôi nghĩ tới vị học giả đến từ Vạn tượng đã luận bàn vừa vặn mười lăm phút về không tính trong Phật học. Người dịch thuật không tránh khỏi lúng túng nhiều đoạn trong máy nghe. Thoạt đầu Andreas lo ngại, nội dung đề tài quá phức tạp, ít ra đối với những bạn trẻ thuộc thế hệ lưu vong thứ hai. Nhưng vị giáo sư Lào, vóc người nhỏ thó, nước da nâu sạm, đã linh hoạt dụng ngữ bình dân, gần như khinh suất. Ông so sánh tính đối đãi của Phật triết với mô thức có không căn bản của tín học hiện đại. Con người cần có sức công phá siêu việt của một loài vi khuẩn điện tử cực kỳ thông

minh để huỷ diệt toàn bộ hệ thống, xoá sạch, tìm cách đạt tới chân lý tuyệt đối. Rồi ông xuống giọng, ít ra trong khoảng thời gian lắp ráp lại tầng cấu trúc có không của mạng lưới điện tính. Vài tiếng cười vang lên rắc rắc, chứng tỏ có người hiểu ý. Điều này khiến Andreas vô cùng phấn khởi, đã không phí sức chuẩn bị đằng đằng hơn nửa năm trời chỉ cho hai ngày cuối tuần. Bà Moretti ngồi lắng tai chăm chú. Tôi để ý thấy bà đôi lúc choàng tay đặt lên lưng ghế trống bên cạnh. Cung cách bà âu yếm kỳ lạ, như thể thanh gổ vô tri là bờ vai gầy gù, thân quen. Chén cơm xới lưng lạnh lẽo hương lửa. Vai ghế ấm động hơi ấm tay người. Sóng mắt người đàn bà lặng lẽ mặt nước mùa lặng gió. Andreas thỉnh thoảng lại xoay người, nắm tay mẹ lắc nhẹ như muốn lay thức bà ra khỏi cơn mê bất chợt. Bà Moretti góp ý, giọng thân nhiên không ngờ: Nghe các ông chuyện văn tưởng như mấy mươi năm chiến tranh kinh hoàng hoàn toàn không có. Vậy mới biết, con người là một sinh vật có khả năng sinh tồn dai dẳng, dám chùng hơn cả loài gián. Andreas gọi khẽ, mẹ ơi... Giọng anh lệch đi, nghe như 'mè ơi', buộc tôi phải nghĩ tới những hạt mè rang bụi bặm trong chén chè men trắng. Những viên bánh bột nếp vo tròn, cỡ đầu ngón tay cái, lấp lửng trắng đục trong ngấn nước đường nâu sánh, thơm ngát hương gừng non, xoáy vòng nước cốt dừa trên mặt. Và lấm tấm hạt mè rang ray rít mảnh vụn cổ tích quê hương, mộc mạc đầm đẫm giấc ngủ ấu thơ qua giọng kể của bà.

Tất cả những hương vị thuần gạo nếp quê nhà có sao tồn tại ở một nơi quanh quẩn đất Âu châu ấy? Trong khi ngay trên đất quê hương, khó tìm lại. Có phải đó là ý nghĩa thâm kín của chữ Hạnh với đất, với những nặng nợ cưu mang, với cả hồn ma người phối ngẫu không cùng màu da, ngôn ngữ? Tôi nghĩ mình đã thoáng gặp bóng quế ông Moretti hiện về trong chén trà chiều hiền nhà.

Trên đường về lại chỗ trọ, Andreas tỏ ý lo ngại cho sức khoẻ của mẹ anh. Những lúc gần đây, anh cho biết, anh nhận thấy hành động và cách nói của bà lộ vài dấu hiệu khác lạ. Bà ngủ ít, dễ giấc thường xuyên bằng tiểu thuyết, thỉnh thoảng còn uống thêm thuốc an thần. Những liên hệ bè bạn thưa dần. Bà chỉ rời nhà để lo liệu những chuyện cần thiết. Điều làm anh bận tâm nhất, bà thường kể chuyện gặp lại cha anh. Andreas ngó lơ, sẽ sắp xếp để về sống chung với mẹ. Tôi tán đồng ý kiến này. Tôi thấu hiểu tâm trạng cô đơn của bà Moretti hơn ai hết. Một mình trong ngôi nhà ngập ngụa vết tích của một thuở như đũa có đôi. Tôi, một kẻ còn nguyên vẹn người thân, quê hương, ngôn ngữ vây quanh. Ngặt nỗi, chúng đã trở nên què quặt, chỉ vì thiếu sót mỗi một chữ Hạnh."

(tháng 8.2006)

Minh Nguyệt

HƯƠNG LÒNG

Tình chung thủy ngàn dâu phơi áo trắng
Cội Bồ-đề hương ngát tỏa lòng trang
Có cành lan tặng em thơm ngào ngạt
Vìn trên cành lộc biếc đón đầu năm.

Tay khẽ chạm - giật mình trông vật nặng –
Gót chân xưa quỵên âm cội lòng nhau
Tình hư không cầu Thế Tôn chứng giám
Nguyện đêm xuân bày sẻ cũ reo mừng

Buổi sáng - buổi chiều - từng ngày dầu dãi
Trông tin nhau – lo lắng mảnh đời nhau
Bờ cát mịn - biển xanh màu ngọc bích
Đêm nhớ thương - nắng dịu dịu thùy dương

Thành phố ấy mây xanh vờn trong nắng
Chim liú lo tâm sự suốt ngày đêm
Buổi đầu xuân ướp chung trà khai vị
Dâng lên môi - ngọc ướp sát kẻ môi.

Hawaii 01/2007



Đá Mòn Nhưng Dạ Chẳng Mòn

Tiểu Tử

Vợ chồng tôi dọn về ở trong cái làng nhỏ này đã hơn ba tháng. Mấy đứa con của chúng tôi nói: Ba má già rồi mà ở trong Paris đâu có tốt. Nội cái không khí ô nhiễm cũng đủ làm cho ba má bệnh lên bệnh xuống hoài. Vậy là chúng nó kiếm mua một cái nhà ở xa Paris...

Nhà có đất chung quanh, có mấy cây pomme, mấy cây cerise. Hồi dọn về là đầu mùa xuân, mấy cây đó tro bông màu hường màu trắng đầy cành. Ở mấy nhà hàng xóm cũng vậy, hoa nở rộ hầu như cùng một lúc, nên trông thật là đẹp mắt.

Biết là mùa xuân nhờ hoa nở và chồi non, chớ thật ra thời tiết ở Pháp mấy năm gần đây đi... trập lắt. Mùa xuân mà cứ tưởng như mùa thu, cứ mưa lất phất rồi hết mưa là trời đổ sương mù. Cứ như vậy kéo dài đến bây giờ, theo trong lịch, là đã đầu mùa hè mà vẫn còn nghe lạnh lạnh!

Hôm nay tự nhiên trời bỗng trở nắng. Nắng thật ấm, thật trong. Người ta vội vã mang đồ ra phơi đầy sân: quần áo, drap, mền... Đủ màu sắc, đủ cỡ, coi vui nhộn như một ngày lễ!

Tôi cũng thấy phấn khởi, bèn rủ nhà tôi đi chơi một vòng. Bởi vì từ ngày dọn về đây, ngoại trừ những lúc phải 'xẹt' ra tiệm thịt, lò bánh mì, hàng rau cải v.v... chúng tôi cứ ru rú ở trong nhà vì thời tiết xấu. Nhà tôi không chịu đi, nên tôi đi mình ên...

Làng này tuy nhỏ nhưng ngăn nắp, sạch sẽ. Ở đâu cũng thấy trồng bông: dọc theo vỉa hè, ở các ngã ba ngã tư, mặt tiền nhà phố... Giữa làng là một nhà thờ nho nhỏ nằm trên một vuông đất cao hơn mặt đường gần một mét, cũng trồng đầy bông.

Chảy ngang qua làng là một con suối nhỏ, rộng độ mười thước, chui dưới cây cầu đá rồi uốn khúc quanh quanh trước khi rời làng xuôi về phía dưới. Hai bên bờ suối là hai con đường tráng xi-măng chạy dọc theo hai hàng cây. Rải rác, có mấy băng gỗ đóng thô sơ, nhưng vẫn nằm giữa những lùm bông đầy màu sắc. Có nơi, không hiểu sao người ta đặt băng gỗ nằm cạnh bờ nước giống như làm chỗ ngồi cho người đi câu!

Tôi ngồi xuống một cái băng cạnh bờ nước. Vì không nằm dưới tàn cây nên ở đó đầy nắng. Tôi đốt điếu

thuốc rồi nhìn quanh: chẳng có ai hết. Nhớ lại, dân trong làng chỉ đổ ra đường vào ngày chủ nhật, bởi vì ngày đó nhóm chợ lộ thiên và lại là ngày phải đi Lễ nhà thờ. Còn ngày thường thì chỉ có mấy ông già bà già đi khệnh khạng trên hè phố hay dọc bờ suối khi nào trời tốt. Hôm nay, trời tốt đó chớ, nhưng sao chẳng thấy ai đi. Tự nhiên, tôi cảm thấy bơ vơ lạc lõng... Lại nhìn quanh, chỉ thấy xa dưới kia là gác chuông nhà thờ một mình đứng cao lêu nghêu!

Con suối không sâu, nước trong nhìn thấy đáy. Dòng nước chảy nhanh nhanh. Khi gặp mấy tảng đá lớn, nước bắn lên trắng xóa coi thật sinh động, nhìn không chán. Lòng suối đầy đá cuội tròn tròn. Cũng có những cục đá to nhưng chẳng có viên đá nào còn góc cạnh. Viên nào cũng nhẵn thín.

Nhìn nước chảy, nhìn đá mòn, tôi bỗng nhớ đến hai câu chót của bài học thuộc lòng thuở nhỏ:

*"Đá mòn nhưng dạ chẳng mòn,
Tào Khê nước chảy vẫn còn tro tro..."*

Hai câu thơ đó không có gì hết, vậy mà nó làm tôi ứa nước mắt! Không phải nó chỉ nhắc tôi thời thơ ấu, thuở học vui học buồn bằng quyển "Quốc Văn Giáo Khoa Thư", mà nó còn nhắc tôi một cái gì sâu đậm hơn là kỷ niệm, một cái gì to rộng mênh mông hơn là không gian thời gian, một cái gì mà trong cuộc đời lưu vong này tôi vẫn mang mệnh trong tâm tư, giống như một chất ma túy: nó nhắc tôi quê hương, cái quê hương xa cách ngàn trùng!

Tính ra, tôi bỏ xứ ra đi đã hơn hai mươi bốn năm. Một phần tư thế kỷ! Trôi nổi đó đây với nhiều âu lo dằn vặt, thêm tuổi đời cứ chồng chất mãi lên... nên ký ức bị xói mòn theo năm tháng. Đến nỗi chuyện gì xảy ra hôm tuần rồi, hôm tháng trước... có khi không nhớ! Vậy mà hình ảnh của quê hương vẫn còn nằm nguyên đâu đó ở trong lòng, với những kỷ niệm vụn vặt của năm sáu chục năm về trước! Chỉ cần một chút xúc tác là nó bật lên rõ rệt, không thiếu một chi tiết, làm như mình đang sống trong đó mới hôm qua hôm kia... Tình yêu quê hương sao mà kỳ diệu như vậy được?

Nơi tôi sinh trưởng cũng là một cái làng nho nhỏ. Nó không ngăn nắp sạch sẽ, không được trang hoàng bằng những bông hoa đầy màu sắc như ở đây. Cũng không có con suối nhỏ chảy ngang để hai bờ được nối với nhau bằng cây cầu đá...

Làng tôi nằm bên tả ngạn một con sông lớn, quá lớn nên thấy cái làng như nhỏ xíu! Con sông đó có cái tên chẳng chút gì ‘văn chương’: sông Vàm Cỏ. Trong làng chỉ có một con đường tráng nhựa: đó là đường liên tỉnh, cũng còn được gọi là ‘con lộ cái’ nối xóm trên xóm dưới. Ngoài ra, toàn là đường đất mà tiền thân của chúng nó là những con đường mòn, nối xóm Nhà Máy, xóm Lò Heo qua xóm Lò Gạch, xóm Chùa... Cho nên những con đường trong làng đều chạy cong cong quanh quanh!

Làng tôi cũng có chợ nhà lồng, ngày nào cũng nhóm, nhưng chỉ nhóm có buổi sáng. Nằm cạnh chợ là ‘Nhà Việc’, nơi... làm việc của những ‘nhà chức trách’ trong làng. Xế xế về phía con lộ cái là trường tiểu học với hàng rào cây bông búp, lá xanh um láng mượt.

Làng tôi không có nhà thờ nhưng có một ‘kiếng’ chùa nằm trên một khu đất cao, có rào tre xanh chung quanh. Hồi tôi còn nhỏ, thấy cũng nằm xa dân chúng, vắng vẻ u tịch (hồi đó, tôi ít dám đi ngang qua đó một mình vì... sợ ma!) Về sau, dân chúng càng ngày càng đông, nhà cửa cứ xây cất tiếp nối nhau kéo dài ra hướng chùa, rồi ‘đi’ xa hơn về phía con lộ cái. Vì vậy, chùa bị lọt trũng giữa khu nhà dân, không còn biệt lập như trước.

Nhà cửa trong làng nhỏ lớn gì cũng có hàng rào. Phần nhiều là hàng rào cây xương rồng và cây bông búp (cũng gọi là bông lồng đèn) Xương rồng cũng trở bông lai rai, hoa trắng nõn nà mỏng manh như lụa, khác hẳn với thân cây mang đầy gai góc! Còn bông búp thì cứ nở thè lè đỏ cây...

Đó! Làng tôi đó! Quê thân! Chẳng chút màu mè. Vậy mà sao tôi vẫn thương.

... Thương những con đường đất mà hai bên là bờ cỏ may. Đến mùa, cọng cỏ may đưa bông lên tua tủa tím ngắt, chỉ chực bám đầy ống quần nào bắt chợt đi ngang.

... Thương những đoạn đường quanh, mùa mưa nước ngập phải xắn quần tét áo để đi qua, trong lúc trẻ con một lũ ở trường nằm lẫn chập chững, tóe nước nhau cười vui như hội.

... Thương bờ sông Vàm Cỏ với những cây dừa trồng không thẳng hàng, cũng không chia đều khoảng cách, giống như ‘mạnh ai nấy trồng’! Mấy cây dừa đó, nằm quá gần bờ nước nên rất nhiều cây thiếu đất để giữ gốc, chúng nằm dài ra phía sông cách mặt nước độ một đôi thước rồi uốn mình đưa ngọn đứng thẳng lên cao. Vậy mà cũng đơm bông kết trái! Trẻ con thường trèo lên đó để phóng xuống nước nô đùa lặn hụp, và dân ở dọc bờ

sông hay đem mền chiếu ra vắt lên đó để phơi.

... Thương con đường lên chùa có hai bờ tre xanh lá ngọn giao nhau làm cho con đường giống như một cái hang mát rượi. Ở đó, mỗi trưa đứng bóng, những người dọn hàng từ chợ về nhà thường dừng chân núp nắng, và chiều chiều đường vắng cũng thấy thẩn thơ một cặp gái trai...

... Thương cả cây phượng nằm bên bờ đường trước nhà ông Cả. Thân nó to bằng ba người ôm, gốc rễ luôn ra mặt đường. Ai đi qua cũng phải bước vòng để tránh! Đó là cây phượng độc nhút ở trong làng. Không biết ai trồng và tại sao lại trồng ở đó? Chỉ biết hằng năm vào mùa thi là cây trở hoa đỏ trời. Sau đó là hoa rụng đỏ đất.

... Và còn thương nhiều thứ nữa, kể biết bao giờ cho hết!

Nhà tôi ở trong Xóm Mới. Gia đình tôi nghèo. Cha tôi trồng rau cải, mẹ tôi hằng ngày gánh xôi ra ngồi bán ngoài chợ. Cha mẹ tôi chỉ có hai đứa con trai: tôi và thằng Cu, nhỏ hơn tôi sáu tuổi. Cha tôi chết bệnh hồi mẹ tôi sanh thằng Cu...

... Nhớ hoài, thời tôi học tiểu học. Sáng nào, sau khi húp tô cháo với miếng đường thẻ, tôi ôm cặp đựng sách vở mà ông nội tôi làm bằng giấy dầu để khỏi bị ướt nước mưa, đi theo mẹ tôi ra chợ. Vì phải đem thằng Cu theo - lúc đó nó được hơn hai tuổi - mẹ để nó ngồi trong một cái thúng, giống ở đầu đòn gánh phía trước, còn lá chuối, xôi, nhum, dừa nạo v.v... dòn trong một thúng gióng ở đầu sau. Mẹ gánh như vậy mà bước chân đi sai sải. Đòn gánh nhún lên nhún xuống làm thằng Cu khoải lăm. Lâu lâu, mẹ đổi vai, đầu đòn gánh nhún xuống hơi sâu và tung lên hơi cao làm anh ta cười hắc hắc để lòi bốn cái răng cửa nhỏ xíu. Những lúc đó, anh ta thường gọi tôi để khoe: “Hai! Hai! Coi nè! Coi nè!”

Tôi học chỉ có buổi sáng. Mẹ tôi bán ở chợ cũng vậy. Trưa, chợ tan sớm hơn trường học, mẹ gánh thằng Cu đến ngồi đợi tôi dưới cây trướng cá gần cổng trường. Thấy tôi ra, thằng Cu đứng lên, vừa nhảy tung tung trong cái thúng vừa la: ‘Hai! Hai!’ Anh ta ở trường - lúc nào cũng ở trường - bên trên bận áo bà ba vải đen của bà nội may cho, đầu đội cái nón hình chóp bằng lá chuối mẹ xếp rồi ghim bằng cọng chân nhan... Mẹ đưa tôi gói xôi (đã thành lệ, ngày nào mẹ cũng chữa cho tôi một gói), tôi ngồi xôm cạnh mẹ, vừa ăn vừa đút cho thằng Cu. Ăn xong, tôi chạy qua bên kia đường xin một gáo nước ở nhà thầy giáo Hiền, rồi mang cho ba mẹ con uống (vì trong trường chỉ có một lu nước, không đủ cho đám học trò nên thầy Hiền đặt trước nhà thêm một lu. Vào giờ ra chơi, học trò bu qua đó đông như kiến). Uống xong, mẹ gánh thằng Cu bước đi thong thả, tôi lon ton chạy theo

song song...

Hồi đó, vì phải chạy lúp xúp nên có lần tôi nhìn xuống bước chân của mẹ, coi mẹ đi cách nào mà mình cứ phải chạy theo lúp xúp! Mẹ đâu có bước lẹ, mẹ bước đều. Mẹ đi chân không, mỗi bước chân của mẹ giậm xuống làm tung lên một chút bụi đường. Tôi nhìn chỉ thấy có như vậy. Bây giờ, hơn sáu chục năm sau, ngồi ở trời Tây này, tôi đâu cần nhìn mà sao vẫn thấy được - thấy rõ - hai bàn chân của mẹ. Hai bàn chân to bè ngang, mấy ngón chân chè bè không bao giờ xếp lại được. Hai bàn chân xấu xí đó chưa từng đụng tới đôi giày đôi dép. Hai bàn chân chỉ biết có đôi guốc dong khi rửa chân đi ngủ, hay khi đi dự đám giỗ, đám tang... Hai bàn chân đó đã bám lấy đất để đứng vững một mình nuôi hai thằng con, hồi sao không chè bè cục mịch cho được?

Tôi bồi hồi nhớ lại lần tôi lau rửa đôi bàn chân của mẹ. Đó là hồi mẹ tôi mất sau một thời gian dài nằm bệnh ở nhà thương (Mẹ ngã bệnh từ ngày hay tin thằng Cu chết trận ở Đắc Lắc...). Tôi lau chân mẹ lần đó là lần đầu và dĩ nhiên cũng là lần cuối cùng. Tôi lau gót chân nứt nẻ. Tôi lau lòng bàn chân chai mòn. Tôi lau những ngón chân tròn cứng như những hòn sỏi. Tôi lau chân mẹ bằng nước mắt và bằng tất cả sự thận trọng như khi lau một món đồ thật là trân quý...

Tôi đốt điều thuốc, thờ một hơi khói dài. Lại nhớ hồi học lớp nhứt, có hôm tôi bắt chước bạn bè lén hút thuốc. Mẹ tôi thấy được, lôi tôi vào nhà bắt đứng khoanh tay để ‘hỏi tội’: “Hai! Ai cho mày hút thuốc, hả? Ai dạy mày hút thuốc, hả? Mày bắt chước ai, nói tao nghe coi? Mới có bấy lớn đó mà bày đặt hút thuốc!” Rồi mẹ chụp cây chổi chà dựng gần đó: “Tao phải đánh mày cho mày chữa”. Mẹ vừa nói ‘Chữa nè!’ vừa đập cây chổi lên đùi tôi thật mạnh. Cứ mỗi một câu ‘Chữa nè!’ là một phát chổi. Mẹ đánh một lúc rồi liệng cây chổi, trèo lên bộ ván, ngồi co chân, rút cái khăn rằn đắp lên mặt khóc. Tôi đứng chết đĩnh, nghe mồ hôi chảy dài theo xương sống, không thấy đau ở đùi mà đau ở đâu trong lòng. Bởi vì đó là lần đầu tiên tôi làm cho mẹ tôi khóc. Tôi meo máo, rặn ra mấy tiếng: “Dạ... con xin chữa...”

Vậy mà lớn lên, khi ra đời, tôi đã... không chữa! Tôi tập tành hút thuốc hồi tôi đi lính, bởi vì ‘ở tiền đồn trời khuya đêm lạnh, ta chia nhau điều thuốc ấm lòng’... Mỗi lần về phép, chẳng bao giờ tôi dám hút ở nhà vì trận đòn chổi chà thuở nhỏ vẫn còn đeo theo ám ảnh! Tôi hút ngoài đường...

Một hôm, đang đứng hút thuốc với mấy thằng bạn cùng xóm, bất thần mẹ tôi đi qua. Tôi vội vã liệng điều thuốc xuống đất. Mẹ tôi dừng lại, mỉm cười: ‘Mày làm cái gì vậy, Hai? Mày lớn rồi chớ bộ còn con nít sao. Bây

giờ, mày có hút thuốc, tao cũng đâu có bắt mày chữa!’ Rồi bỏ đi một nước!

Mẹ tôi như vậy đó. Quê mùa mộc mạc như làng của tôi, vậy mà tôi vẫn thương. Tôi thương, đâu cần mẹ tôi phải đẹp, quê hương tôi phải sang. Tôi thương, vì tất cả đều gắn liền với tôi từ thuở tôi ra chào đời. Tôi đã quen thờ, quen sống trong vòng tay của mẹ, giữa lòng quê hương; đã lớn lên trong cái thật thà chân chất đó. Cho nên hình ảnh của mẹ, của quê hương đã ghi sâu vào lòng tôi đến độ khi thiếu vắng, tôi thương tôi nhớ. Và tình thương đó vẫn chưa thấy mòn, mặc dầu bây giờ tôi đã ngoài bảy mươi...

* * *

Mặt trời đã lên cao. Thấy có vài người húng nắng bên bờ suối. Tôi đứng lên đi về nhà mà miên man nghĩ: “Những hình ảnh mà mình vừa gợi lại khi nãy sao mà dễ thương như vậy. Mình phải viết ra để cho nó có chỗ đứng bên ngoài ký ức, cho các con các cháu của mình thấy và hiểu tại sao hơn hai mươi bốn năm sống trên đất Pháp, cha và ông của chúng nó không nói ‘thương nước Pháp’ mà cứ nhắc hoài người mẹ đi chân đất và cái làng quê mùa không có đến hai con đường tráng nhựa!”

Vào nhà, tôi đi thẳng lại bàn viết. Vợ tôi chắc đang nấu bếp nên nghe phát ra thơm phức mùi thịt kho tiêu. Tôi lấy xấp giấy trắng, không cần đốt điều thuốc, không cần hớp mấy ngụm nước trà để trợ hứng. Bởi vì cái hứng đang ở ngay trong tôi, căng đầy...

Tôi cầm bút nắn nót viết cái tựa bằng chữ hoa: ‘ĐÁ MÒN NHƯNG DẠ CHẴNG MÒN’...



Thơ *Ngọc Thiên Hoa*

CHO MÙA XUÂN THỨC DẬY

Mai rực vàng.
Hoa Đào tung cánh nở.
Dạ Hương mỹ miều theo gió trở về đây.
Hạt nắng long lanh
Cỏ xanh màu tình tự.
Mùa yêu thương như chín ngập trong lòng!
Mùa đông sang sông
Những nụ hồng còn ngủ.
Chiêm bao về nửa trái đất đơm bông.

Mây ngũ sắc vẽ bành bồng trí nhớ
Những màu hoa trí tuệ của nhân loài.
Mưa đôi bờ thánh thót khúc tình ca
Thương khó nhọc nên hạt thắm lã chã...

Mùa sen chín thơm câu kinh Bát Nhã...
Hương trầm thơm đưa tâm Phật khắp nhà.
Đem thật thà đổi lấy nẻo trầm luân
Cho mai vàng mang đến những mùa xuân!
(Tháng 1/25/07)

EM VÀO XUÂN, TA VẪN CÒN ĐÔNG

Đâu đây từng lời gió nói với em rằng:
- Mùa đông qua đi, cây lá thôi cỗi cằn.
Khi chia tay mùa đông, ta băn khoăn:
- Đông qua rồi, lòng có thôi giá băng?

Nghe sóng ủa về tiếng hát những năm nào
Mùa xuân qua đây mang đến những ngọt ngào.
Hoa như em làm xuân ta xôn xao
Khi từng mùa rồi cũng vẫy tay chào!

Hoa màu nào rực rỡ khi xuân sang
Áo màu nào xua nỗi đắng riêng mang?
Hồng mùa đông của anh còn ngủ muộn
Cho Mai em kịp nở những cánh vàng.

Chia tay mùa đông
Đón xuân về khát vọng.
Em vào xuân
Riêng ta vẫn còn đông!

Niềm hạnh phúc tình cờ xóa nỗi buồn
Ta bắt gặp mình òa khóc với mưa xuân.
Trong mắt em mùa nào còn ở lại?
Mưa đôi bờ, mưa thương nhớ:
Mưa xuân!

(Tháng 1/25/07)



Một thoáng xa xưa

Biện Thị Thanh Liêm

*Vây đó bỗng nhiên mà họ lớn
Tuổi hai mươi chợt đến có ai ngờ
Một hôm trận gió tình yêu lại
Đứng ngẩn trông vời áo tiểu thư.”
(thơ Huy Cận)*

Có lẽ, khoảng thời gian đẹp nhất một đời người là thời học sinh trung học. Cái thuở lấp lửng nửa chừng của ước mơ và hiện thực. Thuở của nửa những băng khuâng chuẩn bị bước vào đời và nửa như nuôi tiếc những ngày qua êm ả. Bỗng thấy như ngại ngừng với chút khối sương buổi sáng. Bỗng nghe như nôn nả với nắng vương trong trời tháng hạ. Không biết nắng sẽ nung cứng bước chân hay nắng sẽ hong khô những mộng ước trẻ tràng. Phía trước là sự gọi mời rực rỡ ánh hào quang hay chỉ là chút nắng của đông sang giá buốt?

Trong khung cửa nhà trường, là thế giới của tình yêu và mơ mộng. Nhóm báo chí Trung Vương đạo ấy gồm 4 đứa bọn tôi, như mang một khuôn mặt của mỗi cuộc đời ẩn hiện đậm nét bên nhau, không chỉ với những ước mơ xanh thắm mà đôi khi cũng loáng thoáng nét ủ ê của sông nước chẻ chia thành những con rạch nhỏ, buồn tênh. Cây điệp già sau sân trường là nơi để bọn con gái học trò ban C chúng tôi hay ngồi nói chuyện ước mơ.

Nếu cô bé Trúc Nghiêm hay nghĩ về một đời sống khác, cuộc đời ẩn khuất của một nữ tu trong nhà nguyện; cô bé Bắc kỳ nhỏ nhỏ Đạm Hương mơ người tình sẽ là thi sĩ để có thể lắng nghe tiếng thì thầm tình tự của thính không; và nhỏ Khánh Trường với nét đẹp dịu dàng vẫn ấp ủ giấc mộng trở thành "mệnh phụ", thì tôi lại mơ mỗi tình của cô Giang và Nguyễn thái Học. Người tuổi trẻ trong tim sáng ngời lý tưởng và niềm tin, cười đùa với hiểm nguy trước mặt và bình thản với cái chết cận kề trên vùng trời Yên Bái. Tôi như nghe thấu nỗi đau của Cô Giang khi can đảm đứng lần khuất trong đám đông nhìn chiến hữu và cũng là người yêu của mình bước lên pháp trường trong giờ tử biệt. Rồi lặng lẽ trở lại Thổ Tang, Vĩnh Yên. Mỗi tình đã nửa chừng đứt đoạn nhưng cuộc chiến đấu vẫn tiếp diễn hào hùng. Đó là một thời đại may mắn đã có những lãnh tụ tài ba và lương thiện.

Tôi thương những mối tình đẹp cũng như thương lớp tuổi trẻ của mình trôi qua trên những con sông chợt chuyển dòng, nghiệt ngã. Những tuổi trẻ sống thẳng thắn và chân thành. Không có ánh sáng của hào quang và cũng không có bóng tối của đời mình...

* Những cuốn báo Xuân mang tên *Mê Linh* của Trung Vương đã in xong, được xếp thành từng hàng, gọn ghẽ nằm tĩnh yên trong thư viện giống như cô gái xuân thì đang lắng nghe nhịp tim mình nôn nả ngóng mong người rắp tâm theo đuổi. Và người đọc. Sự khai mở cho cuộc hành trình về một chuyến tiếp cho nhịp cầu tương giao kiếm tìm nơi chốn để dừng chân. Để từ đó những cánh cửa sẽ mở ra. Khoảng trời cũng vẫn vậy nhưng có thể đã có chút khác, tùy một cảm quan, góc độ của cách nhìn mỗi người. Người đọc và người viết, đến cùng nhau trong niềm hạnh ngộ như một ước mơ trùng phùng của ngôn ngữ.

Sứ mạng của ngôn ngữ là nối kết những cảm thông, giải bày những ẩn nguyện mà độc giả là chiếc cầu nối giữa ước mơ và hiện thực. Người đọc giúp cho ngôn ngữ làm tròn sứ mạng của nó (dù đôi khi ngôn ngữ cũng là một trò đùa thập phần nguy hiểm, có thể gieo rắc bao điều ngộ nhận phiền lòng). Nếu không có người đọc, ngôn ngữ cũng chỉ là những đụn cát trong sa mạc, những xác chết vương giả ướp hương trong Kim Tự Tháp muôn đời với giấc mộng hồi sinh.

Qua ngôn ngữ. Người viết đã lên đường đơn độc. Khoảnh khắc đã bỏ quên *tự ngã* để ruổi dong trong cuộc hành trình và người ta có thể quay ngược về quá khứ âm yên hay truy nã một tương lai bất định. Đôi lúc hạnh phúc của người viết chỉ là sự thoát ly chốc lát của tự thân, để bắt lấy niềm viễn mơ như ánh sao chợt tỏa sáng trên bầu trời. Bởi vì, con người muôn thuở cũng chỉ là kẻ độc hành trong khát vọng của chính mình.

* Những bài 'viết ngẩn' của Khánh Trường như cơn lốc mịt mù của những câu hỏi không kịp nghỉ ngừng. Sự tra vấn miên man về đời sống như cơn sông lao đi trăm ngã. Nẻo ra phố thị, nẻo xuống đồng bằng hay

ngược về thác nguồn hoặc bươn ra đại dương sâu thẳm mà bên nước đục trong chỉ có lòng sông bao dung mới cuu mang hết được những nỗi niềm.

Truyện ký của cô nhỏ Trúc Nghiêm nghe buồn vơi vơi như tiếng thở dài của người sương phụ trong đêm hiu hắt về một khắc thời đã lần khuất âm hao... Có lúc lại nghen ngào tức tưởi như đứa bé hóa thạch không hề biết đến ước mơ. Thấp thoáng bóng dáng của mẹ nó, người đàn bà mà hạnh phúc đã lãng quên, mơ hồ đang trầm mình trong cát, như trong lắng sâu có thể nghe được nỗi xao xuyến khôn cùng của bước chân mình đơn lẻ. Giữa nỗi đau của mẹ và sự hồ hững của cha, nó như một chứng nhân giữa hai đầu hệ lụy tương tranh.

Tự truyện của Đàm Hương đẹp như bức tranh vờ mây trời lãng đãng ở đầu non và cơn bão còn ngai ngừng chưa đổ ập xuống đồng bằng vì gió vẫn rong chơi trong trời cuối hạ. Bằng bạc một tâm thức nửa như ra đi nửa như dừng lại. Cái ngưỡng cửa hững hờ của buông lơi và tham đắm. Ngọn núi cô độc tràn ngập ánh trắng thanh nhã vẫn không thể phân ly với giòng sông đang cuộn khúc hoan ca. Như thấp thoáng hình ảnh của người nghệ sĩ và kẻ tu hành. Đời sống khiêm hạnh và nỗi đam mê của buổi tiệc chưa tàn... Phải chăng, người đạo hạnh, kẻ rao giảng đức tin và sự cứu rỗi sau cũng đâu khác chi người nghệ sĩ?

Nghệ sĩ, người ngợi ca nét đẹp của thể nhân, đã đắm mình trong yêu thương và tuyệt vọng. Nét đẹp không chỉ có những ngọt ngào hạnh phúc mà lắm khi rớt động với những bất hạnh khôn cùng của kiếp người đầy bất trắc lao lung. Hai cuộc sống hai lối đi nhưng chỉ có một điểm về vì khối óc và trái tim cũng là nhịp sống trong lòng cuộc đời. Không khác. Đó là sự nhập vai của người diễn viên trên sân khấu đời, phải diễn cho tận tình để hoàn tất vai trò của vở kịch do chính mình thủ diễn, không có vai phụ làm nền, cũng không có khán giả để hoan hô hay đã đảo. Chỉ có một mình ngời dờ những trang sách của cuộc đời để nhìn ngắm bóng dáng khắc nghiệt của chính mình qua trò đùa tạo hóa, trong đó hạnh phúc cũng là thứ bóng dáng hư ảo của khổ đau. (và rốt cùng để nhận ra rằng *khổ đau cũng-là-điều-không-thật-có!*). Như sa mạc bỏng cháy để thử sức lạc đà, như loài cỏ cú để hóa thân đại thụ, như rừng xanh núi thẳm bỗng chốc biến thành đê lao để thử lửa con người.

Nghệ sĩ, kẻ cuồng ngồng trong cuộc sống - phải ra đi, phải lạc bước - phải nổi trôi giữa cơn trốt xoáy của dòng đời bi thiết hẳn mới nhận ra sự *trong sáng và vô nhiễm của thường-hằng*. Như lòng sông chứa đầy rác rưởi tanh hôi và bùn lầy nhơ nhớp nhưng *tánh nước* của sông vẫn bao dung tịch tĩnh mới phản chiếu được ánh trắng thanh thoát trên dốc núi cheo leo. Hơn ai hết, hẳn - người nghệ sĩ - đã khám phá ra khả năng *tự- ngã* của

mình, và do đó sự khao khát *xả ly* mới có cơ để quay lui hiển lộ.

Và người đạo hạnh? hành trình chỉ là sự *trở về*, nhận diện lại những tiềm ẩn đã có sẵn nơi mình và không có gì để thủ đắc, dù là cực-lạc hay niết-bàn. Phải chăng chỉ là một khoảng thỉnh không bắt ngát mà trí tuệ đã sắc bén như lưỡi gươm sẽ chặt rơi dần những oan khiên kết tụ bao đời trong dòng sinh tử? Đó cũng là thời khắc mà ánh sáng sẽ hiện ra như người bạn lâu xưa quên lãng. Thứ ánh sáng không chợt đến từ thiên quốc xa xăm mà chính là ánh sáng thuần khiết của *tự thân* vẫn tràn ngập bấy lâu. Nghệ sĩ cũng như người đạo hạnh, đó là những kẻ trắng tay trong cuộc sống. Họ chỉ có yêu thương và sáng tạo với niềm hỷ lạc trong tâm thức đã được chuyển hóa và tái sinh. Còn ta? những kẻ nối tiếp nhau trên mọi nẻo đường, để tìm cầu chiếm hữu và sát phạt nhau trong canh bạc đời không hề mỗi mội. Chỉ càng lúc, sự thỏa mãn mong cầu như dây leo chẳng chịt trong khu rừng đã bít kín lối về. Và tâm thức đã trở thành nghèo nàn cạn kiệt mà khổ đau và bất ý vẫn cứ chất chồng theo năm tháng mòn hao.

Giữa những lối đi như chập chùng gai góc ấy, tôi cũng viết về tình yêu mệnh mang như huyền thoại. Nỗi huyền dụ đầy bí ẩn của đời sống như một trò chơi muôn phần khốc liệt. Trong đó, hạnh phúc chỉ đẹp như một nỗi phỉnh phờ. Tôi quay mòng mệ lữ. Hạnh phúc như chỉ sáng lên trong đêm hôm đợi chờ tăm tối mà thoáng khi cuộc trùng phùng sẽ làm tan vỡ những uơ mơ. Tôi lắng nghe những nỗi vọng vang mơ hồ như loài cây chưa kịp tươi xanh đã chín héo, vỡ vàng.

* Những cuốn báo Xuân đẹp lóng lánh như cánh bướm tung tăng bay đi muôn nơi, mọi phía. Tặng nhau cuốn báo Xuân thay cho cánh thiệp đầu năm, chút quà gởi anh chiến sĩ phương xa của những em “người yêu của lính” thuở ấy đã rộn ràng như tiếng pháo Xuân làm vang động cả một góc trời tuổi nhỏ...

Ban Báo chí bọn tôi được nhà trường trích quỹ khoản đãi cho những đóng góp tích cực vào sinh hoạt nhà trường. Bọn tôi bàn nhau nên đi xem film vì lúc ấy Rex đang trình chiếu “La fille de Ryan” thật hấp dẫn.

Đạo ấy bọn chúng tôi có rất nhiều giờ trống vì giáo sư bận và nghỉ ở những môn phụ của ban C. Lúc đó chúng tôi hay kéo nhau ra khoảng sân sau của trường nơi góc điệp già... ‘luận bàn’ nhân vật. Chúng tôi mê “The 25th hour” của Virgil Gheorghiu để thương cảm với Moritz bị vùi dập qua các trại tập trung của Đức quốc xã; chàng như mang cả cái long đong của nhân loại vào chính thân phận mình. Cũng như thao thức với Hermann Hesse, nhà văn vĩ đại của Đức, lắng nghe sự huyền bí của dòng sông đang biến dịch đổi thay. Nhưng cách nào

thì nó vẫn luôn là *chính nó*: tiếng hát của nó nhưng cũng bao gồm muôn ngàn giọng điệu khác nhau. Giống như đời sống đang từng phút giây tuôn chảy trong ta với những cảnh đời lao xao nghiệt ngã mà ta không thể bỏ cuộc qui hàng. Cuộc phiêu lưu của nhân vật Sidhartha đi vào *đại ngã*, biến bóng tối thành ánh sáng, soi thấu những ngõ ngách cùng thẳm của những trái tim băng giá phải rực lửa yêu thương.

Lần này bọn tôi bày trò ‘luận giải’ về tình yêu của mỗi nhân vật: *La fille de Ryan*, là câu chuyện tình xoay quanh 4 nhân vật:

Rosy (do Sarah Miles thủ diễn) người vợ, cô gái trẻ. Nàng đẹp như trái tim cuồng nhiệt của làng mạc mộng mơ quanh năm chỉ có mặt trời và sóng biển.

Charles (Robert Mitchum đóng) người chồng và cũng là ông giáo mẫu mực đầy uy nghi của trường làng. Đó là hình ảnh thần tượng đầu tiên của Rosy khi mới chớm vào yêu. Nhưng chàng đạo mạo, khiêm cung và cách biệt... đã làm héo hon trái tim son trẻ của nàng. Ôi tình yêu và hôn nhân là hai điều khác biệt!

Randolph (được thủ diễn bởi Christopher Jones) viên sĩ quan Anh, người tình cháy bỏng của Rosy. Chàng như trận bão thổi tạt vào quãng đời nàng tưởng đã bình yên, lặng lẽ. Chàng đã cuốn quẩn bước chân nàng phiêu lưu say đắm. Và chàng xuất hiện như một ngẫu nhiên kỳ thú, một dung rủi bất ngờ. Đã như như ngọn cuồng lưu xô dạt đời nàng quay đi néo khác.

Michael (là John Mills) anh gù xấu xí lại yêu Rosy xinh đẹp. Đó là biểu tượng cho nét đẹp toàn thiện đã bị lãng quên khi giữa dòng đời con người chỉ biết chạy theo những hư ảo giả hình.

Trúc Nghiênn thích Charles, người chồng: chỉ với tấm lòng rộng khắp của biển cả và đất trời mới *dung nạp* được điều thiện lẫn cái ác, cái tốt và cái xấu của thế gian. Trong *tâm lượng* bao la, bát ngát... lửa đã không cháy từ địa ngục khảo tra tội lỗi mà lửa đã thấp sáng trái tim và tỏa ngát yêu thương. Đó là một Tình Yêu thật sự đã thăng hoa đến cõi an bình.

Khánh Trường thì ‘mê’ cô gái Rosy như một hiện thân cho *nét đẹp của chân lý*: trong đó tình yêu không có biên cương luân lý và nàng đã sống trọn vẹn cho giây phút hiện tại. Tình yêu thuần bình minh của nhân loại làm gì có ranh giới của so đo hay toan tính. Đó là sự thánh khiết của Adam trước khi nếm thử *Trái Cấm Tri Thức* để bị trục xuất ra khỏi vườn địa đàng. Sự ngây thơ của Adam là sự ngây thơ của đứa bé trước khi có *Ý-thức* dự phần. Khi ý thức có mặt thì đứa bé cũng sẽ mất thiên đường vì tội lỗi và khổ đau là vòng giây đã bám xiết thân phận cho đến khi nó trưởng thành và *tỉnh thức* trong đớn đau.

Đạm Hương chỉ nhìn thấy có Randolph, viên sĩ quan

trẻ tuổi. Chàng đến, đánh thức bản năng yêu thương của Rosy và đồng thời còn là thứ lửa để thanh tẩy những bất tịnh từ ngưỡng cửa của đổ vỡ, chia lìa. Sự dung rủi tình cờ đã thấp sáng đời nàng – *Rosy* - Và bước chân nàng sẽ dừng mãi để khôi phục lại thiên đường đã mất. Chàng quả là cái cớ của định mệnh để nàng có thể tự nhìn lại chính mình. Khôn lớn và chín muồi. Chàng đẹp, hào hùng nhưng đơn độc trong cuộc viễn chinh nơi bờ biển xứ sở của Ai nhĩ Lan xinh đẹp. Mắt chàng xanh thẳm, cương nghị nhưng đa tình. Ôi! sự chinh phục phần đất Ai nhĩ Lan không bằng chinh phục trái tim người phụ nữ nồng nàn và khát sống: Rosy. Mặt trăng đã vỡ tan trên sóng nước của những buổi chiều vàng hạnh phúc. Và bờ cát đã xô xao bên những tối hẹn hò, tình tự. Nhưng rồi người tình, chàng đó -Randolph- như một ước mơ lạ lẫm của đời nàng. Chàng đến như cơn bão rút, rồi chàng cũng già từ nàng thảng thốt như một cơn mưa. Chàng quay về xứ sở của chàng, một xứ sở mà “mặt trời không bao giờ lặn” của đế quốc Anh vĩ đại. Rosy trở về với chồng, Charles. Nét Đẹp.Vẫn là một điều hằng hữu trên cõi đời thoáng chốc phù du. Chàng vẫn có đó - muôn thuở - của cõi lòng bao dung và từ ái.

Tôi chọn anh chàng lưng gù xấu xí Michael. Cục mịch, thơ ngây nhưng ngộ nghĩnh như một thiên thần: yêu Rosy trong lặng lẽ. Anh là người sống hạnh phúc nhất, đơn thuần với tình yêu thánh khiết không hề mưu toan hay chiếm hữu nên không có gì để mất mát khổ đau. Tình yêu của anh là sự quên mình và dâng hiến như Thiên sứ mang Thánh Kinh truyền bá Tin Mừng. Mọi người đã quên anh khi họ vinh quang hay hạnh phúc còn anh thì luôn có mặt bên họ trong những phút giây cay đắng của những cảnh đời. Âm thầm và lặng lẽ, như bóng dáng đêm đen huyền nhiệm, thai nghén cho mặt trời tỏ rạng ban mai. Đó là nét đẹp của *Chân-không* (blankness) *diệu hữu*. Anh như bóng mát lạ kỳ luôn ẩn hiện khắp nơi để quán phòng bước chân nhảy nhót của cô bé Rosy, lêu lổng mà thật lòng.

* Đây là một tác phẩm tuyệt vời của thời đại khát khao Chân lý. Một thời đại mà con người như chơi vui hệt hăng sau hai trận thế chiến kinh hoàng. Đã như luôn thao thức trong nỗi kiếm tìm nét đẹp Chân-Thiện-Mỹ từ đời sống đang muôn ngàn biến động. Sự khát sống để yêu thương và bình đẳng bất chấp những tai ương đang bủa vây từ mọi phía, lúc nào cũng như những đợt sóng chỉ chực tràn bờ cuốn quẩn con người mất tầm dấu tích.

Những nhân vật đã sống hết lòng với định mệnh do chính mình lựa chọn. Không thở than, oán hận dù Rosy với cái giá phải trả rất thảm thương. Dân làng đã lãng nhục nàng. Họ nguyên rủa và xén nát mái tóc của Rosy. Để cuối cùng Charles phải đưa vợ rời làng, bỏ biển ra đi.

Charles dìu Rosy bình thân bước đi trong tiếng rì rào của sóng biển xa khơi và với muôn ánh mắt đổ dồn của dân làng soi mói. Họ đứng thành từng nhóm, tụ tập nơi góc làng, quán rượu. Cầm thù và ao ước. Nguyên rủa và thề thề. Bất chợt.

Gió thổi vật vù từ biển. Gió hất tung chiếc nón trên đầu Rosy, phơi trần nhẵn nhụi những mảng tóc từ nỗi hờn ghen thô bạo của dân làng. Gió cuốn theo chiếc nón Rosy lăn dài trên bãi cát... Rosy bàng hoàng, người chồng lúng túng và dân làng hả hê.

Ồ! chàng gù Michael! người bạn thân thiết của mọi người, thân với người tốt lẫn kẻ xấu từ người già cho tới đứa bé. Anh đã chạy theo cơn gió và nhặt chiếc nón lên, buồn bã và hồn nhiên đưa lại cho Rosy với cái vẫy tay, như lời chào tiễn biệt sau cùng.

ĐÍNH CHÍNH:

Trong báo xuân số 8, tháng 01-2007, ở bài “*Prabha và Tôi*” của Biện Thị Thanh Liêm có một lỗi sai do nhầm lẫn của tòa soạn PTCR. Lật trang 33, cột thứ 2, dòng thứ nhất, bạn đọc sẽ thấy cụm từ “xé xác”, xin đổi lại cho đúng là “xé nát”.

Kính mong tác giả và quý độc giả lượng thứ.

Những sơ xuất về chính tả và nhầm lẫn khi đánh máy, trình bày, rất thường xảy ra cho những người làm báo. Xin quý văn thi hữu và độc giả vui lòng mách bảo khi phát hiện để chúng tôi kịp thời đính chính. Trân trọng cảm ơn.

PTCR



Thơ

Mãn Đường Hồng

LÊN CHÙA

*Nắng nghiêng chênh chếch sau chùa
Dừng chân miệng đếm chuông vừa ngân vang
Khói nhà trù toả xanh lam
Chúng sinh chợt nhớ chưa ăn nửa ngày...*

*Già lam tịch mịch đứng đây
Xác còn nặng nợ, hồn bay phiêu bồng
Mây còn lững thững trời đông
Tà dương đang trốn vào lòng núi Tây*

*Nhớ xưa vắng vắng lời thầy
“Yêu là đau khổ, Đời đầy bi ai”
Mà sao dại cứ yêu hoài
Để con tìm nhỏ dăm chồi nẩy hoa?*

*Dùng dằng bậc cấp bước qua
Tiếng chuông vọng cõi Ta Bà gọi tên
Tan bay trần trở kim tiền
Chập chờn khoảnh khắc nhớ quên nợ trần*

*Hương về chánh điện phân vân
Phải mình chơi với đang cần dựa nương?
Đã quen với lẽ vô thường
Thì thôi gánh chịu vui buồn ghét yêu*

*Giỡn đùa chi với cao siêu
Trở về phố thị mà liêu cuộc chơi
Chuông ngân tiền khách xa rồi
Hồi đầu thấy một nụ cười nhẹ tên...*

WILBERT RIDEAU: kẻ tử tội thất học trở thành một cây bút lừng danh

Phan Bá Thụy Dương



Không phải kẻ nào mang án tử hình cũng hoàn toàn tuyệt vọng, mất đi niềm tin về sự sống còn của mình. Thậm chí trong cùng nhục cảnh tù đầy nhiều lúc lại là môi trường, cơ hội tốt để con người có thể phát huy, ghi lại những suy tư, những khổ ải, gian truân mà họ đã kinh qua, chiêm nghiệm... Tác phẩm của họ

thường được người đọc ưu ái đón nhận và được xem, liệt vào hàng kiệt tác trong các lãnh vực báo chí, văn học, chính trị...

Chỉ mới vài ba thập niên trở lại đây thôi người ta lại có dịp được hiểu biết thêm những danh tài mới. Chẳng hạn như Jack Henry Abbott - tác giả mấy cuốn sách đặc giá: *My Return* và *In The Belly Of The Beast: Letters From Prison* thuộc loại best-seller toàn cầu. Theo tin của các giới báo chí, truyền thông và viên chức cải huấn trại Wende Correctional Faculty thuộc New York loan báo thì nhà văn da đen này đã treo cổ tự vận trong phòng giam cầm cố, biệt lập của mình vào buổi sáng chủ nhật ngày 10 tháng 2 năm 1968 khi vừa 56 tuổi.

Chẳng hạn một nhân vật lừng lẫy khác là Eldridge Cleaver nguyên chủ bút tạp chí *Remparts*, tác giả tập *Soul on Fire* và nhất là tác phẩm thời danh *Soul on Ice*. EC là một tay hùng biện giỏi và đã từng gây nhiều cuộc tranh luận sôi nổi, ồn ào trong giới ủng hộ và phản đối. Đã có thời ông làm ủy viên Thông Tin cho đảng Black Panther và năm 1968 EC cũng đã từng đứng ra tranh cử Tổng Thống Hoa Kỳ dưới màu cờ của đảng Peace and Freedom. Ông ta còn là một nhà tranh đấu chủ trương bạo động và đã làm nhiều giới lãnh đạo hành pháp, tư pháp nhúc nhích. Khi cố Tổng Thống Reagan còn là Thống Đốc tiểu bang California, có lần ông đã tuyên bố một cách giận dữ - khi được biết vài trường đại học và

nhất là University of California tại Berkeley mời Cleaver giảng thuyết cho sinh viên của họ: *Nếu để cho EC dạy dỗ con em chúng ta, coi chừng có ngày bọn chúng trở về nhà cắt cổ chúng ta vào ban đêm.*

Nghe nói vào cuối thập niên 60 Eldridge còn ngang nhiên thách đố ông Ronald Reagan cùng chơi trò sanh tử tay đôi theo kiểu cao bồi miền Tây và dành cho thống đốc quyền tự ý chọn vũ khí giao đấu. Liều lĩnh, chơi bạo như thế có lẽ vì EC biết rõ Reagan trước khi bước chân vào lãnh vực chính trị đã từng là tài tử đóng phim Western.

Eldridge đã mất đi vào ngày 1 tháng 5 năm 1998 tại Pomona Valley Hospital ở ngoại ô Los Angeles, chấm dứt một cuộc sống đầy sôi nổi, sóng gió, vì chứng ung thư nhiếp hộ tuyến, hưởng thọ 62 tuổi. Ông còn được nhiều người truyền tụng xem như là hậu thân, hiện thân của Malcom X.

Ngoài ra, chỉ kể riêng từ trại Louisina State Penitentiary [khu cải tạo Angola] trong nhiều năm qua người ta đã có cơ hội biết thêm về những người-tử-tội-trở-thành-nhà-báo như Billy W. Sinclear, Ron Wikberg, Tommy Mason... Ba người này đều do WR đưa về từ Angolite. Đặc biệt là trường hợp Wilbert Rideau kẻ được rất nhiều người ủng hộ và tên tuổi lừng danh nhất.

Cuộc đời của WR mang nhiều sắc thái đặc thù, đầy hấp lực và là một tấm gương trong sáng. Nhờ những nỗ lực vươn mình hướng thiện không ngừng mà ông, từ một kẻ sát nhân, mang án tử hình, bị thất học, trong thời gian chờ ngày lên đoạn đầu đài đã chịu khó tự học, đọc sách để trở thành một nhà báo, nhà văn được nhiều giải thưởng và sự nể trọng, ưu ái của mọi giới, mọi người.

Vào tháng 3 năm 1993 tạp chí *Life* đã vinh danh WR là: *"tù nhân hoàn lương được phục hồi danh dự nhất nước Mỹ"*. Đó cũng là câu nói mà những người gần gũi Wilbert, các bạn tù, nhân viên giám sát, cũng như viên chức cải huấn thường miêu tả, phát biểu khi đề cập về ông.

Chính Edwin Edwards vị Thống đốc tiểu bang Louisiana cũng tuyên bố trong cuộc họp báo ngày 17-6-1986 rằng: *Nếu có quyền hành xử riêng theo niềm tin của mình, tôi đã ký lệnh phóng thích WR. Tôi đồng ý với những người nói rằng ông ta đã được phục hồi danh dự.*

NHỮNG NGÀY CÙNG KHỔ

WR sanh ngày 13 tháng 3 năm 1942 trong một gia đình nghèo, bắt ớn tại xóm Lawtell thuộc tiểu bang Louisiana - nơi năm vừa qua đã bị cơn bão Katrina tàn phá dữ dội. Tháng trước lại bị thêm nạn hạn hán và hiện đang cố gắng phục hồi, lôi kéo cư dân trở lại. Mới đây, người ta lại vừa tổ chức tại N.O Fairgrounds Race Course một chương trình đại nhạc hội quan trọng về nhạc Jazz, Blues, Rap, Zydeco... liên tục trong hai cuối tuần, gồm 6 ngày. Cuộc trình diễn đã bắt đầu vào ngày thứ sáu 28-04-06 và vừa chấm dứt vào đêm chúa nhật 07-05-06, với những ca nhạc sĩ thượng thặng như Bob Dylan, Dr. John, Bruce Springsteen, Ani DiFranco, Peter Seeger, Keith Urban, Paul Simon, Irma Thomas, Pete Fountain, Lionel Richie...

Khi ông lên 6 thì theo cha mẹ di chuyển về khu Lake Charles - Jim Crow South ở miền Tây Nam Louisiana, chỗ tiếp cận với ranh giới miền Đông tiểu bang Texas. Đó là một thị trấn phát triển và khai thác dầu khí với nhiều sông bãi, nằm trong khu vực được gọi là vùng "Deep South". Nơi đây vẫn đề kỳ thị chủng tộc, màu da đã được định hình, đậm nét cố hữu. Tính chất phân biệt này đã hoàn toàn chia cách cuộc sống xã hội và nếp sinh hoạt văn hóa của người da trắng và da màu.

Ký giả Ray I. Broussarf của tờ News Banner tại Covington - Louisiana, trước đây trong một bài báo lên tiếng yêu cầu trả tự do cho WR đã viết: *"Nếu quý vị chưa từng sống trong vùng Cực Nam vào thời kỳ quyền bình đẳng chưa được thực thi thì quý vị không thể nào hiểu rõ miền Nam và chắc chắn là quý vị không biết gì về Louisiana trong giai đoạn đó... Tôi đã từng nhìn kỹ vào mắt của những người da đen khi thấy bọn thanh niên da trắng to con ra lệnh cho họ đi xuống xếp hàng đằng sau, ngồi vào phía chót xe bus, hay đuổi họ ra khỏi cửa các quán cà phê, các quầy hàng tiệm ăn chỉ dành riêng cho người da trắng. Quý vị có thể nhận thấy rõ ràng được những ánh mắt của người bị hạ nhục kia chứa đầy sự phân uất, thù ghét."* Nhà báo Broussart là một trong những người da trắng luôn ủng hộ việc xin phóng thích WR sau khi nhận ra các nỗ lực hoàn thiện, hướng thiện đáng khen qua những hoạt động xây dựng tích cực của người tử tội này.

Khi còn thơ ấu Wilbert đã theo học tại Second Ward Elementary School một trường tiểu học dành riêng cho

người da đen và là một học sinh giỏi, thông minh, linh hoạt, yêu thích khoa học. Có lúc cậu bé nhút nhát này đã mơ ước mai sau sẽ trở thành một nhà du hành vũ trụ giống như nhân vật anh hùng Flash Gordon luôn luôn bay bổng, ngao du trên không, được miêu tả trong các tập sách truyện vẽ bằng tranh.

Gia đình WR vốn nghèo khó - nghèo khó hơn cả mức độ thiếu kém của những người khác trong cộng đồng người cùng màu da. Đời sống gia đình lại càng tụt dốc, tồi tệ hơn sau khi cha mẹ ông ly dị. Wilbert sống với mẹ và thức ăn trưa mỗi ngày đi học của cậu học trò ốm yếu, cơ hàn này chỉ là một củ khoai lang lạnh ngắt. Nhiều khi Wilbert phải vất ném đi vì cảm thấy ngán ngẩm, xấu hổ. Mặc cảm thua thiệt cùng bản chất rụt rè, vụng về khi giao tiếp, thân cận đã làm WR càng ngày càng xa lánh, mất đi các bạn cùng trường.

Sau khi lên lớp 8 thì WR được chuyển về trường W.O Boston Colored HS. Từ đó ông bắt đầu biết trốn học để đi chơi xức xắc với bọn trẻ lêu lổng bên những ngôi mộ bị phá hoại, cỏ mọc um tùm trong khu nghĩa trang trước mặt nhà ông. Cuối cùng ông bỏ học. Khi ấy ông vừa mới 13 tuổi. Nhờ khai gian là đã 16 nên Wilbert xin được việc dọn dẹp, lau chùi cho một tiệm tạp hoá của người da trắng với tiền lương dưới mức tối thiểu. Sau đó xin được những công việc bán thời gian khác, thông thường một ngày làm 2, 3 nơi, nhưng cũng chỉ là công việc thấp kém như ban ngày thì cầm chổi quét dọn, ban đêm thì đẩy xe cút kít. Bị hắt hủi và kỳ thị nhiều lần khiến WR cảm thấy chán đời và tự ghét thân phận mình hơn.

Năm 1990 ông đã kể lại với cô Anne Butler một cây bút tại Louisiana: *"Sau khi nhìn qua sự phân biệt giữa chúng tôi và họ, có lúc tôi đã phát hiện và khẳng định rằng cuộc đời chỉ mang ý nghĩa hể là người da trắng là có tất cả và đó là phương thức mà người ta đang áp dụng, hành xử. Tôi không chấp nhận sự việc này. Sự việc đó phi lý, không thể dung dưỡng được. Tôi cần sự thay đổi, tôi muốn có điều kiện tốt đẹp hơn... và thoát khỏi tình trạng tuyệt vọng, mất niềm tin mà tôi đã gánh chịu."* Đó hẳn là cảm nghĩ mà ông và đã thừa hưởng từ những người lớn tuổi trong cộng đồng da đen.

Tuy những công việc bấp bênh, bị khinh bạc kia chẳng cải thiện được cuộc sống bao nhiêu nhưng với số tiền kiếm được \$35 mỗi tuần cũng giúp WR phần nào trên lộ trình kết giao bằng hữu mới qua các cuộc uống rượu "gin" hay trong hội trường bài bạc, cá độ... Môi trường xấu này đã vô hình chung dẫn dắt WR vào ngõ cụt. Cho đến ngày 16-2-1961 lúc vừa 19 tuổi Rideau đã liều lĩnh dùng súng lục cướp chi nhánh ngân hàng Gulf National tại thị trấn Lake Charles.

Khi bị phát hiện, để thoát thân WR đã bắt cóc ông

giám đốc và hai nữ nhân viên làm con tin. Cả ba đều là người da trắng. Trên đường đào tẩu, khi ra tới vùng ngoại ô thì cô Julia Ferguson cho xe chạy chậm lại và họ tìm cách trốn thoát. Kêu dừng lại không được, Wilbert đã nã hết 6 viên đạn và làm 3 người bị thương. Khi Julia gượng đứng dậy thì WR dùng dao đâm vào ngực cô. Theo lời của cảnh sát thì cô này gượng dậy để xin tha mạng. Còn theo lời khai của Wilbert thì ông dự tính sau khi đến nơi có thể thoát thân ông sẽ thả họ về. Việc giết cô Julia chỉ là hành động thiếu suy nghĩ trong lúc lo sợ, bối rối.

BƯỚC VÀO CON ĐƯỜNG SÁNG TRONG BÓNG TỐI LAO LUNG

Bị buộc tội cố sát và kết án tử hình 3 lần vào các năm 1961, 1964, 1970, với các bồi thẩm đoàn toàn người da trắng. Nhưng các phán quyết trên đều lần lượt bị các Tòa Thượng Thẩm, Tòa Phá Án liên bang tiêu hủy bởi vì các tiến trình xử án này đều bị xem là bất hợp lệ, sai lầm, thiếu vô tư. Sau đó không lâu, vào năm 1972 Tòa Thượng Thẩm lại tuyên bố hình phạt tử hình là vi hiến. Nhờ vậy WR thoát chết, trở thành tù nhân chung thân khổ sai và năm 1973 ông được đưa ra khỏi khu biệt lập dành cho những người chờ ngày ra pháp trường thọ lệnh hành quyết.

Theo lời tường thuật của ông qua bài *Why Prisons Don't Work* thì năm 1962 ông cùng với 30 kẻ sát nhân khác bị chuyển sang trại Louisina State Penitentiary để chờ bị xử tử hoặc thọ án chung thân cấm cố. Tuy gương mặt của những người phạm tội này có sự khác biệt nhưng họ đều có chung nhiều điểm tương đồng: thiếu tay nghề, thất học, bốc đồng và đã từng làm những việc nông nổi, hồ đồ, thậm chí ngu xuẩn. Họ là những người đã từng thất bại, từ chối hay không thích ứng, hội nhập được với xã hội bên ngoài.

Cảm thấy ân hận về tội lỗi của mình Wilbert bắt đầu miệt mài tự học và đọc sách. Ông đọc một cách say mê các sách về tôn giáo, thánh kinh mà luật lệ nhà giam cho phép cũng như những thể loại, đề mục khác bị cấm. Qua sách vở cũng như sự thân cận, trợ giúp của những người trong trại tù ông thấy xã hội, đời sống quanh ông đầy đầy những nhân vật anh hùng và người tốt bụng. Trường hợp kẻ cận bên ông nhất là những nhân viên cải huấn - những người có nhiệm vụ canh chừng ông, cải tạo ông lại là người thường lén lút cung cấp sách vở bị cấm đoán cho ông trau dồi kinh sử và mở mang kiến thức. Tương cũng cần nói thêm là những người tạo dựng con đường thẳng tiến cho Wilbert ở đây đều là người da trắng. Điều này đã giúp Wilbert thay đổi hẳn nhân quan của mình. Có lẽ đối với ông, đó là một dấu mốc quan trọng, mới mẻ. Ông

nhìn cuộc đời và con người bằng một lăng kính trong sáng hơn. Những ý niệm vẫn đục, mơ hồ cũ đã hoàn toàn tan tác theo sương khói.

Sau một thời gian tự học hỏi, ông thấy hứng thú trong việc sáng tác và bắt đầu viết. Khởi đầu bằng cách viết thư giúp các bạn tù, rồi những bài nhận định, phân tích về tội phạm, hình luật thành một cuốn sách dày và bản thảo một tập truyện dài mà ông hy vọng người ta có thể tìm thấy sau khi ông bị xử giáo.

Dần dần nhờ được giao dịch thư từ với thế giới bên ngoài và sự hướng dẫn thường xuyên của Clover Swann - một biên tập viên trẻ của một nhà xuất bản ở New York, ông trở nên hăng say sáng tác, cống hiến những nhận xét, suy luận của mình về thế giới tội phạm trong những bức tường, hàng rào kiên cố. Tiếng nói của ông càng ngày càng được người ta quan tâm, tiếp nhận. Nhờ vậy Wilbert cũng tìm thấy cho riêng mình một niềm hứng khởi, hy vọng mới.

Nhiều nguồn tin cho biết trong suốt 44 năm trong trại giam ông luôn giúp đỡ các bạn tù khác và tuân thủ luật lệ, qui điều nghiêm ngặt và cũng chưa bao giờ bị sai phạm. Công việc nào ban quản huấn trao cho, nhờ cậy cho dù khó khăn, gian nan Wilbert Rideau đều hoàn thành mỹ mãn, xuất sắc, chẳng hề so đo, từ chối.

Năm 1973 ông xin cộng tác với tờ Angolite nhưng bị khước từ vì BBT và nhân viên của báo này đều là người da trắng và chỉ dành cho người da trắng. Không nản chí ông đứng ra qui tụ nhiều người da đen khác để tự thành lập tờ *The Lifer* với chủ trương phục vụ giới mang án tù chung thân. Năm sau đó ông bắt đầu viết hàng tuần mục *The Jungle*.

Năm 1975 Tòa án liên bang ra lệnh cải cách toàn bộ thể chế nhà tù tại trại cải tạo Angola và mở rộng quyền bình đẳng cho tất cả tội phạm. Vị quản thủ trại - ông Paul Murray Henderson, trước khi đi đã vội vã ủy nhiệm tờ Angolite cho Wilbert. Ông Paul Phelps - người kế thừa bèn hợp thức hoá việc bổ nhiệm ấy, đồng thời còn thoả thuận để WR được toàn quyền điều hành tờ báo đúng theo tiêu chuẩn áp dụng cho giới báo chí của thế giới tự do bên ngoài. WR có thể viết, cho đăng bất cứ chuyện gì, ngay cả tố giác các sai trái trong trại miễn là ông có chứng cứ trung thực.

Sau khi nắm tờ Angolite, Wilbert đã đưa Billy W. Sinclair, Tommy Mason - người cùng chủ trương tờ Lifer về với ông. Họ đã nhanh chóng biến bản tin tức quay bằng ronéo thành một tạp chí có giá trị và hoàn mỹ. Ngay năm sau, tờ Angolite đã đoạt nhiều giải thưởng toàn quốc. WR đã chính tay tuyển chọn các biên tập viên, văn nghệ sĩ cho tờ báo... Nhiều người khác trong bộ biên tập cũng đã thu hoạch được những giải thưởng quan trọng. Đồng thời tờ Angolite còn được giới

truyền thông trên thế giới tự do ca ngợi, đánh giá cao. Bình bút của ông là Ron Wikberg - người cùng viết cuốn *Rage and Survival Behind Bars* với ông, được xem là người có công trong việc khiến nhà tù hủy bỏ việc xử giáo tử tội bằng ghế điện để thay thế bằng phương pháp tiêm độc được đề giảm trừ sự đau đớn, kinh hoàng, qua bài *The Horror Show*.

Tiếng nói của ông càng ngày càng được thế giới bên ngoài tán thưởng. Cho đến cuối thập niên 70, WR đã trở thành một diễn giả xuất sắc về lãnh vực tội phạm và báo chí. Ông thường được mời thuyết trình, nói chuyện tại các trường đại học, trên các đài truyền thanh, truyền hình khắp nơi. Trong nhiều lần xuất hiện trên chương trình *Nightline ABC-TV*, có lần ông đã cùng ngồi bàn luận với vị chánh thẩm Tối Cao Pháp Viện Hoa kỳ là Warren Burger về những vấn đề lịch sử. Liên tục 2 năm 1989 và 1990 ông đã bay về Washington DC để thuyết trình trước cuộc họp thường niên của American Society of Newspapers Editors. Ông và Ron cũng đã từng cộng tác với giáo sư Burk Foster của University of Louisiana năm 1991 để viết cuốn sách giáo khoa về tài phán tội phạm và quyền này được áp dụng cho đến ngày nay. Kể từ 1974 về sau ông thường xuyên công tác với tiểu bang, với giới tư pháp, các trường học, các cơ sở, đoàn thể công, tư... về việc cải tiến chế độ lao tù, tạo công ích cho xã hội, những chương trình ngăn chặn việc học sinh bỏ học... Để có thể dành nhiều thời gian hơn cho công cuộc nghiên cứu và những hoạt động xây dựng, năm 1995 WR đã từ chức, nhường tờ Angolite cho các trợ thủ của mình.

Với những hoạt động, đóng góp tích cực, không ngừng như vậy ông đã được trao tặng nhiều giải thưởng và tuyên dương danh dự của các giới chức hành pháp, tư pháp, hiệp hội báo chí, luật gia, truyền thông, truyền hình... Trong số đó đáng kể nhất là:

- Giải Silver Gavel của Hội Luật gia Mỹ năm 1980. WR là tù nhân đầu tiên được vinh dự cao quý này trong suốt lịch sử hơn 100 năm của A.B.A.
- Giải George Polk của trường đại học Long Island. WR cũng là tù nhân đầu tiên được L.I.U trao tặng
- Giải Ó vàng của CINE và giải Thurgood Marshall Justice về truyện *Final Judgement: The Execution of Antonio James*, chiếu trên đài Discovery...

Trong thời kỳ sửa soạn việc tuyển chọn giải Oscar năm 1999 cho cuốn *Life Sentences*, ông là chủ đề trong các bài tường thuật, phỏng vấn trên các đài Good Morning America, CBS, Fox, CNN... trên các báo nội địa Hoa kỳ và các quốc gia khác như Anh, Pháp, Đức, Úc, Hoà Lan, Bỉ... Trong hơn 30 năm qua ông luôn là đề tài chính cho vô số bài viết lưu truyền khắp nơi.

Ngoài 2 cuốn *Life Sentences*, ông còn thực hiện

nhiều phim tài liệu, tranh ảnh, videotape cho các lớp học... Riêng cuốn phim tài liệu *The Farm* chẳng những trúng giải trong kỳ đại hội Sundance 1998 mà còn được đề bạt giải Oscar.



Photo by Ho Ngoc Thanh

XÂY DỰNG CUỘC ĐỜI MỚI VÀO LÚA TUỔI VỀ CHIỀU

Nhờ sự tranh đấu của nhiều lực lượng, hội đoàn hỗ trợ để xin cải danh tội trạng, đặc biệt là sự can thiệp, tiếp tay của NAACP và Educational Fund cùng sự bào chữa của luật sư Johnnie Cohran ông được giảm án và tức khắc được trả tự do ngày 15 tháng 01 năm 2005 vì thời gian ông ở tù đã gấp đôi hình phạt dành cho tội ngộ sát.. Nhiều người cho rằng ông phải nằm khám 44 năm có thể vì ông là một tù nhân đặc biệt và quá nổi tiếng, trong đó có ký giả Mathew W. Jacobs của nhật báo Shreveport, James Gill của tờ Times-Picayune, Ray I. Broussard của New Banner...

Trong lúc mọi người cùng tuổi đang hay sắp an hưởng cảnh nhàn hạ trong tuổi hưu trí thì Wilbert mới khởi đầu xây dựng lại cuộc đời. Một tuần lễ sau ngày được phóng thích ông đã phải đi xin thẻ căn cước vì trước đó, khi ông đến phi trường để bay đi Washington xuất hiện trên chương trình *Nightline* thì ông bị từ chối vì chưa có thể nhận dạng và giấy an sinh xã hội... Tại Nha Lộ Vận ông đã phải trưng dẫn các trang đầu của 3 tờ báo đã đăng hình ông trong các bài tường thuật sau khi ông được trả tự do, ông mới được cấp thẻ nhận dạng đặc biệt [unusual ID] để xử dụng. Ông cũng hy vọng sẽ lấy được bằng lái xe đầu tiên vào mùa Xuân năm nay.

Ông cho biết: *Việc trước mắt là tôi cần phải làm ra tiền. Đó là một ưu tiên, kiếm tiền để lo an định tương lai, bởi vì tôi chỉ còn được vài năm để làm việc.* Vấn đề hội

nhập lại với xã hội mới, rộng lớn sau hơn 4 thập niên sống trong những bức tường kiên cố, ở lứa tuổi về chiều như ông hiền nhiên không tránh khỏi nhiều khó khăn, bất tiện. Từ việc phải mua bảo hiểm sức khỏe, tập lái xe, học cách sử dụng cellphone, thẻ rút tiền... cho đến cả việc học thắt cà vạt đối với ông có khi vẫn còn lúng túng, bỡ ngỡ. Linda LaBranche một chuyên viên nghiên cứu về pháp luật cho *Rideau Project* tại Đại học Loyola và cũng là bạn thân của ông đã nói: “*Việc học lái xe không phải là điều dễ dàng gì đối với một người đã 63 tuổi. Việc ấy sẽ tiến hành một cách chậm chạp.*”

Sau khi gặp lại gia đình ông cho biết: “*tôi phải tập làm quen với ý nghĩ được tự do. Tôi phải tập thích ứng với một thế giới tương đối khác biệt với thế giới trước ngày tôi vào tù...*”

WR đang định viết sách và muốn chuộc lại lỗi lầm, cũng như làm những việc hữu ích cho đời, cho những người đã đặt kỳ vọng, niềm tin nơi ông bao nhiêu năm qua có thể nhìn thấy. Mới đây, có nguồn tin cho rằng Rideau sắp ký một hợp đồng đầu tiên trị giá năm trăm ngàn Mỹ kim. Bây giờ, với trình độ cao và nhiều kinh nghiệm, mỗi ngày được tự do đi lại, có nhiều thời giờ nghỉ ngơi, làm những điều mình ưa thích, tâm nguyện chắc hẳn là một niềm vui vô bờ cho riêng ông: một-người-về-từ-cõi-chết.



Thơ

NGUYỄN THỊ KHÁNH MINH

NHỮU THÂM

*Dặn đừng nhớ. Để được quên
Dặn đừng đến. Để mãi tìm. Mãi đi
Mới thấu những nỗi đau, vì
Không hạt nước mắt lấy gì tôi cho*

MẶT TRỜI ĐÃ MỘC

*Mặt trời đã mọc
Vẫn bước chân ấy
Ban mai tới gần
Phủ phê uống hết những bóng mát
Cạn dần tôi*

*Mặt trời đã mọc
Vẫn nắng, che kín nơi nó đến
Tôi đến, tôi xóa đi một ít nắng trên đường*

*Mặt trời đã mọc
Những âm thanh đang đi tới, và hát lên
Tôi tới, tôi chêm vào một dấu lặng*

*Mặt trời đã mọc
Những sắc màu đang được thắp sáng
Đường như cả sắc trắng áo tôi*

*Mặt trời đã mọc
Mặt trời đã mọc
Trời ơi, tôi muốn khóc*

Bài học canh tân của Vua Phật xứ Thái Mongkut

Lưu Văn Vịnh

Thế kỷ XIII VN có vua Phật Trần Nhân Tôn (1279-1293) thì Thái Lan cũng có một vị vua, đáng gọi là vua Phật ở Thế kỷ XIX, đồng thời với vua Tự Đức (1843-1883) bên ta: đây là vua Mongkut (1851-1868) mà thế giới biết đến qua phim ảnh, The King and I (Nhà Vua và Tôi), thời 1960. Không phải ngẫu nhiên tài tử trọc đầu Yul Brynner được chọn thủ vai vua Mongkut và Deborah Kerr thủ vai cô giáo dạy tiếng Anh Mrs. Anna Leonowens: phim ảnh dựa phần nào trên sử liệu, nhà vua Mongkut trước khi lên ngôi đã xuống tóc xuất gia 27 năm, sống trong chùa và từng giữ chức Sư trưởng một tu viện, còn Anna là cô gái dạy Anh ngữ từ Singapore sang, 1866-68, với hợp đồng 3 năm, nhưng mới 2 năm thì vua Mongkut mất, phim bản thêm chuyện cô giáo Anna khiêu vũ với nhà vua và đứng cạnh giường vua khi vua thăng hà. Cô giáo Anna thật ra không phải là người dạy vua tiếng Anh. Vua Mongkut học Anh văn với các giáo sĩ Hoa Kỳ, từ khi còn ở chùa, học 3 năm với Dr. Caswell và sau đó với Dr. Bradley và Dr. House.

Khi lên ngôi vua, nhà vua nhờ Dr. Bradley tổ chức lớp dạy Anh ngữ cho chín phi tần trẻ tuổi trong cung. Dr. Bradley cử ba bà giáo thay phiên vào dạy, từ tháng 8 năm 1851, sau ba năm lớp học bị ngưng vì các bà giáo bắt đầu mang Kinh Thánh Cơ Đốc ra dạy và lại còn chỉ trích nhà vua đa thê! Vua Mongkut chỉ có 39 cung phi, không phải 600 như Sir J.Browning viết! Vua rất rộng lượng, cho phép các cung phi rời cung nếu không sinh hoàng tử và được tái giá. Nhà vua muốn các cung phi và công chúa, hoàng tử, được giáo dục theo kiểu Tây phương nên mới nhờ quan lãnh sự ở Tân Gia Ba tìm được bà giáo Anna sang Thái, với điều kiện dạy Anh ngữ chứ không dạy giáo lý!

Vua Mongkut và truyền thống giáo dục nhà chùa

Cho đến thời vua Mongkut, Thái Lan không có cơ chế giáo dục thi cử Tổng Nho như Tàu, Việt. Thái vẫn như thời Lý bên ta, việc giáo dục dành cho nhà chùa,

giao cho các sư sãi. Từ nhỏ, hoàng tử Mongkut đã được gởi tới chùa để học đọc và viết chữ, đồng thời học cách cưỡi voi (elephantry), năm 13 tuổi xuống tóc (lễ cắt cuộn tóc dài quấn cao đỉnh đầu) và trở thành chú tiểu trong tám tháng theo truyền thống. Hết tám tháng tu tập mới được trở về cung và được vua cha trao cho chức vụ tượng trưng trong triều. Năm 21 tuổi, 1824, Mongkut chính thức trở thành Sa môn và cũng vào năm này vua cha, Rama II, mất. Hoàng tử Tap, con một thứ phi, lên nối ngôi, Rama III. Tuy không phải là con hoàng hậu như Mongkut, nhưng hoàng tử Tap đã được vua cha yêu quý, có kinh nghiệm ngoại giao (ký hiệp ước 1821 với Crawford) và cai trị nên được hoàng gia ủng hộ lên ngôi. Sư Mongkut, hoàng thế tử, không tranh giành với em, sư chọn ở trong chùa suốt 27 năm.

Công cuộc hiện đại hóa Phật giáo của sư Mongkut

Cư trú tại chùa Mahatat, sư Mongkut nhận thấy tăng sĩ không giữ đúng giới luật và đi sai với kinh kệ mà đức Phật truyền dạy. Mongkut ra công học chữ Pali để khán kinh trực tiếp không qua bản dịch. Trình độ Pali của Mongkut được xác định qua kỳ giám định "thi đình", cấp Thái học sinh, đệ cửu đẳng, cao cấp nhất của Phật học thời đó. Mongkut từng thệ nguyện: nếu trong bảy ngày mà không gặp được chân sư thì sẽ vĩnh viễn hoàn tục rời chùa. Chư Phật đã đáp lời nguyện đó: Mongkut gặp được một vị sư người thiểu số Mon xứ Miến Điện hiện đang trú ngụ ở Thái. Sư mặc áo vàng, liểu kinh đúng như Mongkut đã đọc. Mongkut khâm phục, xin nhà sư người Mon làm lễ đại thọ giới cho mình.

Mongkut bắt đầu thanh lọc đạo Phật xứ Thái: sư cho vứt bỏ một lúc 500 cuốn kinh sách, viết sai, dịch sai, và cho dịch kinh sách lại từ cổ ngữ Pali. Năm 1836 nhà Vua phong Mongkut làm viện chủ chùa Bovorniwet, đào tạo sư sãi, từ 5 người lên cả trăm người mỗi khóa. Sư Mongkut không tin loại kinh chứa chất huyền thoại như kinh Bản sinh Jakata, cuốn kinh kể lại các kiếp xưa của

đức Phật. Năm 1840 nhân có năm nhà sư Tích Lan sang thăm, vua Thái cho cả năm vị tới tu viện tham luận với sư Mongkut và sư nhận ra ngay là đạo Phật Tích Lan nguyên thủy, tinh ròng, chưa bị uốn cong thay đổi và Tam Tạng Kinh ở Tích Lan còn trọn vẹn. Năm 1842 Mongkut cử năm vị sư sang Tích Lan mượn 40 bộ về dịch; năm 1844 sang Tích Lan trả kinh và mượn nốt 30 bộ khác. Bốn mươi nhà sư Tích Lan nhân đó theo sang Thái, ở lại năm năm, và toàn bộ Tam Tạng được dịch sang Thái ngữ nhưng mãi tới năm 1893 mới được in ấn (đời vua Rama V, con Mongkut).

Trong thời gian làm sư trưởng viện, Mongkut giao thiệp với các giáo sĩ Thiên chúa giáo, học Anh ngữ với các giáo sĩ Mỹ, lại học cả Pháp ngữ với giám mục Pallegois, giám mục dạy Latin cho Mongkut và đổi lại ngài dạy Pali cho giám mục. Mongkut không ngần ngại học hỏi và áp dụng phương pháp hoàng đạo của Thiên chúa giáo cho Phật giáo và thiết lập pháp môn mới, Dharmayukta, cùng với pháp môn cũ, Mahanikaya, phát triển trên xứ Thái, ảnh hưởng sang cả Cao Miên, Lào cho tới ngày nay.

Mongkut dùng chữ Pali viết kệ tụng và tu chỉnh nghi lễ. Sau này, khi lên ngôi vua, 1851, Mongkut phạt nặng các tu sĩ phạm giới rượu chè, thuốc phiện, dâm dục, ăn quá độ: họ phải hoàn tục, hay đi cắt cỏ cho voi ăn.

Một chính sách cai trị phá chấp

Vua Rama III mất năm 1851, hoàng tử lại nghiện thuốc phiện nên không được truyền ngôi. Hoàng gia họp lại và đi mời sư Mongkut, hoàng thế tử đích vị, anh của Rama III về làm vua, tức Rama IV. Năm ấy Mongkut đã 47 tuổi, dày kinh nghiệm đời và dày đạo đức. Ngay lễ đăng quang ngài đã phá chấp: mời người ngoại quốc dự lễ và họ không phải quỳ mọp như thần dân Thái, treo chuông cửa cung cho dân tới đánh chuông khiếu nại... cấm hoàng gia và quan chức bắt nô tỳ, cấm ép gái đẹp làng xóm về phủ đệ làm màn ca múa riêng...

Mongkut đặc biệt cởi mở với các giáo sĩ Cơ đốc, ngài từng nói với một giáo sĩ Mỹ: ông có thể cải đạo toàn dân Thái nhưng còn một người ông không cải được là tôi! Có lần một tăng sĩ cải sang Cơ đốc giáo, vua Rama III đòi trừng phạt, ngài Mongkut đã ngăn lại và chủ trương mọi người được tự do lựa chọn tín ngưỡng. Năm 1850 Thái bị dịch tả hoành hành, nhà vua Rama III đòi các giáo sĩ cung cấp chim để làm lễ phóng sinh, các giáo sĩ Hoa Kỳ tuân lệnh nhưng tám giáo sĩ Pháp bắt tuân liền bị trục xuất sang Tân Gia Ba; riêng giáo sĩ Pallegois, bạn của sư Mongkut, đã linh động, cổ thuyết phục giáo sĩ Pháp là trong Thánh Kinh không có câu nào cấm thả chim muông cả! Vua Mongkut còn cho phép các

giáo sĩ cất nhà thờ, khuyến khích và bảo vệ họ khi đi truyền đạo, tặng tiền bạc và khi mất, như giám mục Pallegois, được tẩm liệm theo nghi lễ hoàng gia với thuyền bát nhã và súng chào.

Vua Mongkut chẳng những mài miệt học văn hóa, thần học, mà ngài còn say mê tân học, địa lý... ngài tính nhật thực ngày 18 tháng 8 năm 1868 chính xác hơn các nhà thiên văn học Pháp tới 2 giây đồng hồ! Mỗi lần sứ thần Thái đi Âu châu ngài đều gửi mua dụng cụ máy móc và sách báo khoa học. Ngài thường xuyên đọc báo Anh ngữ từ Singapore gửi qua. Ngay từ năm 1835 khi thấy giáo sĩ Hoa Kỳ có máy in Kinh Thánh, ngài đã lập ngay một nhà in trong chùa Bovorniwet; khi ngài lên ngôi nhà in được chuyển vào cung Grand Palace và bản tin *The Royal Gazette* được phát hành cho hoàng gia triều đình đọc.

Thân Anh Quốc

Vua Mongkut đặc biệt thân thiện với Anh quốc; ngài dùng một Đại úy Anh luyện quân sĩ và các sĩ quan Anh chỉ huy thuyền chiến Thái, người Anh luyện cảnh sát còn người Pháp chỉ được dùng vào việc luyện lính gác! Ngài cho người Anh vào kỹ nghệ làm đường mía, khai mỏ... xưa nay vẫn trong tay người Tàu.

Năm 1853 vua cho nhập cảng máy in tiền giấy, lập đường dây điện tín với Miến Điện và Penang, đặt đường xe lửa. Ngài cử sứ thần sang Anh với cả thuyền chở phẩm vật dâng tặng nữ hoàng Victoria kể cả một thớt voi, ba tranh Phật, kéo vàng cắt tóc và quần lót lụa Thái! Ngài còn tự tay viết thư bằng Anh ngữ cho nữ hoàng, cuối thư ngự bút là người anh em thân mến của nữ hoàng: her affectionate brother. Về sau, trong thư đáp lễ, nữ hoàng Victoria cũng vui vẻ kết thư bằng câu "your affectionate sister and friend" - chị em và bạn thân mến của huynh. Giữa thế kỷ XIX, đệ nhất cường quốc là Anh, mà giao hảo thân thiện như thế quả là khôn ngoan và nhìn xa thấy rộng.

Vua Mongkut và Việt Miên Lào

Năm 1864, thế tử Norodom chạy sang Thái cầu cứu vì bị em đoạt ngôi. Thái cho quân đưa Norodom về và cai trị Cao Miên. Sau trước áp lực của giám mục Pháp Miche (dự Cao Miên về với Pháp) và đại úy Doudart de Lagrée mang quân Pháp sang, Thái phải rút quân vào năm 1864 nhường Cao Miên cho Pháp đô hộ. Trong bức thư sứ thần Thái dâng lên nữ hoàng Anh, vào năm 1857 có câu xác định đất đai vương quốc Thái. King Mongkut the Supreme or Major King of Siamese Kingdom and its adjacent tributary countries: Laos, Cambodia, and

several provinces of Malay Peninsula ect, ect... Các thư ngoại giao của Mongkut thường rất dài và thêm chữ vân vân và vân vân - etc, etc... như phim *The King and I* đã mô tả. Qua các lá thư này có thể hình dung sự tranh chấp ngầm ngầm giữa thực dân Anh và Pháp ở Đông Á cùng ảnh hưởng của các nhà truyền giáo. Thái khéo léo kết bạn với nhiều nước Âu Mỹ, nghiêng về Anh vì Anh mạnh nhất, nghiêm chỉnh nhất, và không có dã tâm đánh bật gốc văn hóa tín ngưỡng địa phương. Anh chỉ chú trọng tới thương mại, dù ở Trung Đông, Ấn, Miến Điện, Mã Lai hay Thái.

Trong hiệp ước ký kết với Anh qua sứ thần Parkes năm 1856 xác nhận quan hệ ngoại giao song phương, chính vua Mongkut đã dịch sang Thái ngữ và còn dịch sang Hán văn lẫn Việt văn (chữ Nôm?) để Hoa kiều và Việt kiều ở Thái có thể hiểu được. Cuộc tiếp rước sứ thần Anh và tiếp nhận thư của nữ hoàng Anh được tổ chức hết sức trọng thể, hơn 2500 lính chào và một cỗ voi của chính nhà vua che lọng chờ thư nữ hoàng Anh vào cung! Trong 17 năm trị vì, vua Mongkut ban rất nhiều chiếu chỉ và châu phê ngự bút, châu bản số 144 đoạn liên quan tới VN như sau: *"Năm nay có thể hạn hán 60 ngày, chưa biết hạn hán nặng hay nhẹ, chưa cần ngăn cấm xuất cảng gạo, cứ tiếp tục cho dân chúng giao thương. Chớ nghe lời bày đặt của một số sư, tiểu và những người thiếu hiểu biết, phao tin là người Anh thu mua gạo đổ xuống biển, đây là tin thất thiệt vô lý, chớ phao tin đồn nhảm là người Anh lấy gạo Thái mang cho VN (Yuan). Người Việt là cha của người Anh từ bao giờ mà dám nói như thế!"*



Bài học canh tân của vua Phật Mongkut

Vua Mongkut mất năm 1868, sau khi lên vùng rừng núi, cùng với thống đốc Anh ở Singapore, Sir Harry Ord, để quan sát nhật thực, ngài bị mắc bệnh sốt rét rừng và 2 tháng sau, thăng hà ở Bangkok. Tuy không được sang thăm Anh quốc, nhưng mối giao hảo giữa hai nước đã

đặt đầu cầu cho công cuộc canh tân Thái: con vua Mongkut, Rama V đã sang thăm nữ hoàng Anh năm 1893 và tới năm 1926 thì Thái đã có trên 2000 sinh viên du học Anh quốc! Sứ thần Parkes gọi vua Mongkut là vị lãnh tụ tân tiến nhất Á Đông, vượt xa thời đại; Bowring thì tán tụng Mongkut là ông vua vĩ đại nhất Đông phương và là một trong những học giả uyên thâm nhất về Phật giáo.

Công cuộc canh tân đất nước của vua Mongkut đi trước Minh Trị Thiên Hoàng Nhật Bản (1867-1912) cả một thế hệ, hai hạt giống thiện mà vua đã gieo trồng nảy nở viên mãn trên xứ Thái: Thái cả 150 năm nay tránh được họa thực dân, họa CS và họa mất gốc. Nếu kể từ sau cuộc chiến xâm lăng của Miến Điện vào Thái năm 1767, thì suốt 238 năm nay Thái được hưởng thái bình thịnh trị và triều đại Chakri tới nay đã truyền được chín đời vua, vua Rama IX hiện tại trị vì hơn 60 năm, một minh quân đã và đang được toàn dân và thế giới mến phục. Một số bài học canh tân có thể rút tía từ vua Mongkut:

- Việc canh tân đất nước cần khởi đầu bằng việc xây dựng căn bản tinh thần dân tộc, tinh thần ấy sẵn có trong Phật giáo Thái, chỉ cần hiện đại hoá và tẩy rửa một viên ngọc quý, không cần vay mượn ý thức hệ hay đạo giáo nào khác. Giáo dục nhà chùa trang bị cả văn lẫn vũ cho hành giả; riêng số lượng kinh sách đã là đại bách khoa, dạy từ đạo đức đến vũ trụ thiên văn, rất ráo và rộng lớn hơn Tứ Thư Ngũ Kinh nhiều. Cho nên không lấy làm lạ, thời kỳ Lý-Trần các hiền nhân như Thường Kiệt, Tô Hiến Thành, Hưng Đạo, Quang Khải, Ngũ Lão... không có bằng cấp khoa bảng, nhưng giống lớp Samurai Nhật Bản, họ văn vũ song toàn.
- Phật giáo nguyên thủy (tiểu thừa) hữu hiệu trong cuộc chấn hưng đạo đức là vì: tự giác ưu tiên, chưa tu thân mà đã vội lý luận kinh kệ, chưa tự giác giữ giới mà đã đi bỏ thí pháp như Bồ Tát thì dễ rơi vào vòng luân quần kiến chấp triết lý ngôn từ. Hình ảnh một tu sĩ chân đất khát thực là tấm gương nhần nhục khổ hạnh sống động, tự nó toả ra ánh sáng chinh phục giác tha quần chúng hàng cùng ngõ hẻm; vì thế từ Tích Lan, Miến Điện tới Thái, Lào... Phật giáo nguyên thủy đã giữ được thể sâu rễ bền gốc trước các tôn giáo ý hệ Tây phương.
- Vua Mongkut đã để lại cho Thái một truyền thống tăng sĩ tài đức, những bậc đại sư cao tăng lần lượt tiếp nối xuất hiện. Sau khi lựa chọn đúng đường thì phần cốt yếu là huấn luyện thanh lọc nhân sự: sư sãi giữ giới làm gương

cho tín đồ, thực tập hỷ xả phá chấp tạo hoà khí với mọi người. Thái không giết người theo đạo Cơ đốc như ở các nước Phật giáo bị bôi bác bởi Tống Nho như Việt, Tàu, Hàn, Nhật. Tinh thần phá chấp cao thượng dung hóa kẻ cơ của nhà Phật đủ sức chinh phục các tôn giáo khác, đủ sức giữ vững nền tảng quần chúng, mà không cần tới chính quyền yểm trợ qua bạo lực. Cũng như giáo sĩ Cơ đốc Pháp, Bồ Đào Nha khi tới Thái thì họ cảm phục, mà tới Tàu, Việt, Hàn, Nhật thì xảy chuyện lần áp xung khắc, đây chính là vì ở Thái họ gặp chính pháp chân tu, mà ở nơi khác thì họ gặp mặt pháp hủ Nho phong kiến.

- VN khó được như Thái: các nước nghiêng về văn hóa Ấn Độ và Anh dường như tránh được điên đảo tướng loại hiện sinh, Mác xít, còn các nước theo văn hóa Tàu, Pháp dễ rơi vào nhị biên lý luận ngã mạn, từ đó tới độc tài phong kiến cực đoan. Là vì văn hóa Anh thực tiễn, trí thức gentleman Anh trọng danh dự và quân tử, họ gặp Gandhi thì trả lại độc lập, gặp Mongkut thì giao hảo thân tình; còn Pháp, Tàu thì ưa biện chứng lý luận đỉnh cao trí tuệ, vì thế nên mới kiến chấp Judeo Mác xít mới có môi trường phát triển, và Pol Pot cùng nhóm nguy trí thức Tây học, mới mất quân bình tâm trí điên đảo sát sinh gây họa cho Đông dương!
- Trí thức VN, từ thời Tự Đức, cũng cố gắng đi tìm lối thoát cho dân tộc: sang Nhật, sang Nga, sang Pháp, Tây du, khuynh tả khuynh hữu, cần vương, xã hội... mà vẫn lẩn quẩn trong rọ điên đảo tướng cho tới hiện tại. Thậm chí đến tinh thần phá chấp từ bi của nhà Phật cũng nhiều khi bị biến thể thành triết lý suông với số học giả tầm chương trích cú kinh kệ nhiều hơn số tu tập thực chứng; bàn về Thiền thì nhiều mà thực sự tu thiền thì ít, thuyết là vô tâm đối cảnh, vượt biên kiến, lắng nghe nỗi khổ tha nhân, mà thực tế có khi lại lộng ngôn bênh phe này, hạ phe kia, nghiêng về tả, khuynh về hữu, chân giả thiện ác, đạo để tục đế, bất phân minh, chẳng khác gì phạm phu vô minh vậy.
- Người Thái, gốc Âu Việt từ Nam Chiếu xuống, là anh em của Lạc Việt, là láng giềng thân thiết của ta. Bất chước lối sống hoà hợp cởi mở khiêm nhường của láng giềng cũng là điều hay trước khi đi tìm ở đâu xa.
- Một thể chế quân chủ lập hiến là đường lối dân chủ thích hợp cho Đông Phương, nhưng muốn

có một vua Phật như Mongkut, như Lý Công Uân, như Trần Nhân Tôn không phải dễ, dân tộc phải tạo phước lành, trồng cây đức, đợi thời:

Bảo sơn thiên tử xuất

Bất chiến tự nhiên thành

May ra mới gặp thiện duyên chuyển hóa vậy.

Tham khảo:

- King Mongkut and The British by M.L. Manich Jumsai-Chalermnit-Bangkok. 1991
- In His Own Words by Vasana Chivarakorn-Bangkok Post 12-18-2004 - Excerpts fom Collected Proclamations.
- Thái Air Magazine 12-04
- VN Sử Luận - Trần Trọng Kim
- Sử liệu Thái liên quan tới VN khá nhiều: thế kỷ XVII có nhóm người Cơ Đốc giáo VN chạy sang Thái tị nạn, vua Rama V con Mongkut đi thăm Java (Nam Dương) cũng là nơi mà phái đoàn VN với Cao Bá Quát từng thăm viếng buôn bán; vua Rama VI cũng đi thăm Nam Dương và mang về Thái một số thợ thêu lụa người Việt, chính nhóm thợ Việt này đã dạy cung nữ của Hoàng Hậu Thái thêu thùa và chỉ cách thêu trên lụa láng (flat silk embroidery). Với số trống đồng khá nhiều ở Thái, nhất là Bắc Thái, nền văn hóa Lan Na hẳn có nhiều liên hệ với Nam Trung Hoa, và theo các nhà khảo cứu Tàu, Âu Mỹ và Thái hiện tại thì người Nam Chiếu -Nanchao- khi bị nhà Nguyên đánh đã chạy sang Thái năm 1253 và từ vùng Chiang Mai đã bành trướng Nam tiến, thành lập nước Xiêm La ngày nay. Thái đã phải nhượng đất đai cho thực dân Pháp như vùng Luangprabang, Vientian... nhượng mấy tỉnh phía Nam sát Mã Lai ngày nay cho Anh, để mưu cầu hoà bình. Đế Nhị thế chiến Thái mềm dẻo với quân chiếm đóng Nhật, sau 1975 Thái cũng đạt được yêu cầu 23.000 quân Mỹ trú đóng rút đi. So với VN thì chính sách ngoại giao Thái lấy 'dĩ hoà di quý' làm chuẩn, tránh đổ máu vô ích cho dân. Nói theo nhà Phật thì họ ở quốc độ gần cực lạc, còn ta vẫn giậm chân ở quốc độ sân hận nóng này sát phật A tu la.





thơ

Từ Tú Trinh

NHỮNG MÙA XƯA ĐÃ MẤT

Tôi cố trông một lối tình vời vợi
Chốn mù tăm tha thiết một mùa yêu
Cõi xa nào mờ mịt dấu cô liêu
Trong sâu thẳm lời tình xưa réo gọi

Người năm cũ biết có còn ngóng đợi
Một ngày về cùng năm tháng qua đi
Mùa xuân nào trong tiếc nhớ từng khi
Đã khuất trôi theo cánh đời gian khó

Rồi mùa xuân cứ từng năm lần lửa
Mùa trôi trôi trong tiếc nhớ âu sầu
Mùa từng mùa thêm buốt lạnh tàn hao
Tình đóng băng nơi xứ người xa lắc

Tháng ngày lụn cho lòng ai tan tác
Vọng tình buồn trong đáy mắt ngu ngơ
Hình bóng phai theo mộng vỡ ơ thờ
Chỗ quê hương chấp chùng như ảo ảnh

Trong tình yêu vốn có nhiều bất hạnh
Là vết thương âm ỉ giữa tâm hồn
Phận đời nào nửa chặng đã hư không
Ngoài vẫn tươi mà cõi lòng khô đắng

Mùa xuân về cho ngàn hoa xanh thắm
Người hân hoan nô nức đón xuân hồng
Ai một mình quạnh quẽ giữa đêm đông
Trưởng nhớ xuân bằng mù tăm dĩ vãng!

BÀI THƠ HẠNH PHÚC

Em muốn reo lên như cái thời thơ bé
Được phần quà yêu thích nhất người trao
Lòng em bùng tia nắng ấm dạt dào
Khi người về tựa ngàn muôn ánh lửa

Em muốn hát vang từng bài ca năm cũ
Từng bài ca nào một thuở đã say mê
Em muốn dang tay ôm cả khoảng trời Thu
Gom kết lại làm thành hương vị sống

Em muốn ôm nốt đêm khuya và gió lạnh
Cất vào lòng chuyển hơi ấm yêu thương
Em muốn nhòa tan vào vũng mù sương
Đem hạnh phúc thanh thanh hoà vũ trụ

Em muốn cả không gian sâu ử rử
Sáng bừng lên ngàn tia nắng hừng đông
Em muốn làm loài chim nhỏ đêm Xuân
Cất tiếng véo von cho một ngày tươi mới

Em muốn nói cùng ai vạn lời thân ái
Em muốn cùng người chia sẻ mọi niềm vui
Những niềm vui ngàn thuở đã hiếm hoi
Chợt sống lại trong em từ khoảnh khắc!

7.02.2007

Đáng lẽ...

Hàn Tâm



Đáng lẽ, giờ này hân đang ở nhà, đang cố hốc cho xong bữa cơm nhằm chán như chiếc xe bắt buộc phải đổ xăng để mà lết cho hết vòng. Đáng lẽ, hân đang bế thằng út, hôn lên đôi má thơm mùi sữa và lắng nghe nó bi bô những câu chuyện không đầu không đuôi. Đáng lẽ, hân đang nằm dài vắt tay theo dõi chương trình thời sự, hay hồi hộp nhìn chú nai cắm đầu cắm cổ chạy trốn nanh vuốt của con sư tử cái. Có nhiều cái đáng lẽ thật buồn, thật vui hay thật dở hơi mà hân muốn chấp nhận như thời tiết bốn mùa. Ở cái tuổi mà sự bông bột hăng say như đám tro tàn lạnh không còn chút hơi ấm, hân thấm thía hai chữ số mạng như một thứ dấu ấn đỏ loè đóng vào móng con bò, quy định sắp đặt cho một giống loại chỉ khác với hân bằng hai chân đứng thẳng và đôi vai tròn mồm không đủ sức gồng gánh món nợ trần gian.

Hân chậm rãi gõ từng chữ, nắn nót từng hàng, đánh nhịp đều đặn với thời gian, là thứ tài sản mà bây giờ hân có rất dư thừa. Người ta chạy đua với cuộc sống để làm gì, khi ai cũng biết một lúc nào đó con người chỉ là một cái xác thôi không còn gì ngoài sự thoải tha? Được thua, còn mất của ngày hôm nay chỉ là tạm bợ! Vậy mà ai cũng đòi hỏi, có rồi chờ đợi để nuôi tiếc, không có để hy vọng rồi chán nản. Phải chăng đó là thứ công thức của kiếp con người? Hân châm điều thuốc, rít mạnh từng hơi rồi thả những vòng tròn bay lơ đãng. Ngày xưa hân thường trách những người lỡ thời thất vận, những người mà với hân chỉ là một đám người biếng nhác, thiếu ý chí và nặng tính uỷ mị ti tê như bọn đàn bà vô tích sự! Nhưng lúc này, hân thấy lũ đàn bà đó quả thật lợi hại hơn suy nghĩ non dại của hân. Chỉ một nụ cười băng quơ cũng đủ để hân đo ván rũ liệt chứ chưa cần đến mái tóc óng mượt lấp lánh dai dẳng hơn cả những sợi thép kim loại cứng chắc nhất. Chưa kể đôi mắt long lanh sâu thẳm mà tất cả nước trong ngũ đại hồ chỉ vừa đủ để trào ra ngoài thành những giọt lệ hiểm ác, cay đắng, chua xót hơn cả thứ ất xít đậm đặc. Đàn bà tạo ra hân nên đàn

bà có thể huỷ diệt hân! Đó là thứ định luật bất biến vô hình mà hân sợ ý không nhìn thấy ngay từ khi hân biết chú ý đến bước chân khoan thai dịu dàng của họ. Hân đã nhìn ngây ngất say sưa đến độ quên bằng đồ hình của những bước chân đang vẽ thành tấm bùa yêu vĩ đại bùa chụp lấy hân. Con sư tử cái đáng yêu vừa cào trên mặt hân những lần đỏ rướm máu, vết thương không lành tiếp tục rỉ máu và cái máy tim ngu si vẫn miệt mài bơm không một lần nhìn nhận sự mất mát hay đo lường sức tiếp ứng của hân có thể kéo dài đến bao giờ.

- Mày viết những viết cuội như mấy tên triết gia dở hơi!

- Tao làm gì mà dám so sánh với triết gia?

- Đó là tao nói an ủi! Chẳng lẽ nói thẳng huých tặc rằng mày lắm cà lăm lắm như thằng thất tình!

Hân yên lặng, bập mạnh hơi thuốc đỏ loè rồi bình thần nhả những vòng khói tròn. Một loạt con số không nhè nhẹ bay, tản mạn trong căn phòng sặc sụa hơi thuốc.

- Tao cần một thời gian để ổn định lại.

- Làm gì thì làm! Mày phải dứt khoát một lần cho xong. Quay đi quay lại đã mười sáu năm. Chỉ thêm mười năm nữa, lúc thân tàn ma dại rồi có muốn dứt khoát cũng chẳng được nữa. Quá tam ba bận...

Hân vẫn yên lặng. Thằng bạn thân thiết gắn bó với hân như hình như bóng. Lúc nào cũng tìm cách lôi hân ra khỏi mái nhà mà hân nhắm mắt chấp nhận cho xong. Nhưng khổ nỗi bạn hân không bao giờ để hân yên. Mỗi lần gặp chuyện bức dọc là y như rằng hân xuất hiện với đủ thứ lý luận danh thép để cắt đứt hân khỏi cái mà hân gọi là số phận. Hân uống cạn tách cà phê, uống theo thói quen rồi lững thững nô mấy xe. Chiếc xe bình tĩnh di chuyển theo những băng dấu, những đèn hiệu xanh đỏ không vấp vấp. Gió lạnh lùa qua cửa sổ khiến hân cảm thấy buồn ngủ. Hân tấp vào lề đường, châm thuốc hút. Xe cộ thưa thớt càng làm cho hân cảm thấy cô đơn. Thằng bạn phải gió lại ào đến rỉ rả những câu chuyện

xưa cũ, nhằm chán đến độ hẩn ngủ thiếp đi...

.....

- Sao bố không đón con về nữa bố?
- Mùa hè rồi, con đi học xe bus được mà!
- Sao bố không về ăn cơm nữa bố?
- Ừ, bố bận nên ăn ngoài cho tiện, nhà khỏi phải chờ

cơm.

- Em nó lại sốt, bố không ở nhà nhờ nó lại lên cơn động kinh như lần trước làm sao bố?

- Không đâu, em chỉ cảm chút thôi.

- Bố có vợ mới phải không bố?

Hẩn giật mình, lơ lảo nhìn người cảnh sát đang soi đèn bin vào mắt hẩn chói loà. Hẩn quay cửa kính, giải thích gượng gạo trong khi lục tìm giấy tờ. Thủ tục pháp lý trông có vẻ rườm rà đáng sợ, nhưng lại được giải quyết nhanh chóng, mạch lạc như bài toán đơn giản. Hẩn lúi thúi nỗ máy lái xe về... hăng. Từ sáng đến giờ hẩn vẫn chưa ăn tí gì vào bụng ngoài những ly cà phê đen quánh không đường, nhưng hẩn không thấy đói. Lúc này sao hẩn nhớ thằng bạn chết tiệt quá. Có được người bạn như vậy cũng đỡ. Hẩn gác chân lên bàn, vòng bàn tay bắt ngang trán chờ đợi, ánh đèn sáng choang làm hẩn phải nhắm mắt lại cho dịu bớt chất cay của gần một tuần ngủ lầy ngủ lất. Đầu óc hẩn vẫn rỗng tuếch, thằng bạn không đến rí rả chuyện phong thần với hẩn nữa hay lại trôi sông lạc chợ đâu đó?

- Tao chán mày quá rồi! Mày chỉ mượn tao để có cớ dựa vào rồi lại quay về nơi mà mày cho là số mệnh. Đời là một cuộc đánh đổi. Nếu mày không dám đánh đổi thì rút về nhà đi. Câm họng lại và đừng bao giờ làm xáo trộn tao nữa.

Hẩn uể oải mở máy điện toán, hai ngón tay phản xạ nhảy múa trên bàn phím.

"Đáng lẽ giờ này hẩn đang ở nhà, đang cố hốc cho xong bữa cơm nhằm chán như chiếc xe bắt buộc phải đổ xăng để mà lết cho hết vòng. Đáng lẽ hẩn đang bế thằng út, hôn lên đôi má thơm mùi sữa và lắng nghe nó bi bô những câu chuyện không đầu không đuôi. Đáng lẽ hẩn đang nằm dài vắt tay theo dõi chương trình thời sự, hay hồi hộp nhìn chú nai cắm đầu cắm cổ chạy trốn nanh vuốt của con sư tử cái. Có nhiều cái đáng lẽ thật buồn, thật vui hay thật dở hơi mà hẩn muốn chấp nhận như thời tiết bốn mùa. Ở cái tuổi mà sự bông bột hăng say như đám tro tàn lạnh không còn chút hơi ấm, hẩn thấm thía hai chữ số mạng như một thứ dầu ản đồ loè đống vào mộng con bò, quy định sắp đặt cho một giống loại chỉ khác với hẩn bằng hai chân đứng thẳng và đôi vai mồn mồi không đủ sức gồng gánh món nợ trần gian..."

THƠ

HUỆ GIÁO

MƯA PHÁP

*Mưa rơi từng hạt nặng
giữa cõi mộng bao la
để cây thường xanh tốt
có hoa thơm tặng đời.*

*Mưa pháp cũng như thế
xông ướp cả thân người
nguồn tâm thêm rộng mở
nở hoa tươi cuộc đời.*

*Một hạt mưa trân quý
giữa nắng trời thênh thang
một tâm Phật tỏa sáng
trôi đi những chướng tà.*

SUỐI NGUỒN

*Thênh thang muôn cánh hoa vàng
đổ về bất tận trôi ngàn dòng lưu
em mang một khoảng tình thân
xuôi dòng nổi nhớ chở che nhiệm mầu
Ngày về biển động phù tang
trôi tiêu giọt lệ chứa ngàn niềm đau
suối nguồn như hạt cung lâu
trần gian túi rách mơ màng huyền không.*

TUYỆT PHẨM THIÊN NHIÊN

Cư sĩ Liên Hoa

Trời vào Thu mang lại cảm giác lạnh lạnh, nhẹ nhàng. Qua những ngày hè oi bức, ai cũng mong đón nhận được những luồng gió mới, như xoá bỏ cái cũ để trôi qua, tìm lại bầu không khí mới mẻ. Cuộc đời là những cái mới trong những giây phút hiện tại, đó là lời tâm niệm của những người con Phật, bởi vì sự mầu nhiệm của cuộc đời đều bắt đầu hay khởi sinh từ giờ phút hiện tại này.

Vừa ra khỏi nhà tắm, nhìn Thanh - vợ tôi, tôi chợt hỏi: “*Thanh chải tóc dùm anh được không?*” Người này mỉm cười, một nụ cười dễ thương làm sao ấy..(Đây là lời nói được gọi là nịnh đầm mà lì, nhưng không có nói ra thành lời). Thanh vội cầm lược chải tóc dùm tôi: “*Anh có cần chẻ ngôi không? Tóc anh rụng nhiều quá. Lúc trẻ tóc anh thật nhiều, nhiều lắm, nhưng giờ lại thưa thớt... nhìn thấy xót ruột lắm*”. Nghe được câu nói này, lòng tôi buồn lắm ai ơi!

Nhưng nghĩ lại thì không sao vì vẫn còn có sự an ủi khi so sánh với tóc của Thầy tôi, lúc nào cũng không còn, nhất là vào ngày Rằm hay 30 của tháng ta âm lịch. Tìm cách để nâng tinh thần mình lên, nhưng vẫn không thấy ổn lắm, vì Thầy thì tự nguyện cạo đầu- dù có phải đúng câu tục ngữ: “*Ăn chay rất ruột, cạo đầu rất da*”, còn mình thì cố ráng dưỡng tóc mà “*Cái tóc là vóc con người*”, cho nên; phải dùng đủ mọi thứ thuốc cho mọc tóc, nên rất ư là khác lắm lắm. Nhìn thấy một sợi tóc non vừa đâm chồi nảy nở trên đầu là mừng rỡ, khoe với mọi người, dù chỉ vài ngày sau thì nó biến đâu mất.

*Chạy theo em, chạy theo từng sợi tóc
tóc em dài, sao lại ngắn bở mai
trong tâm ta, hình hài em là mái tóc
nay đổi hình, phải em đó hay ai ?*

(Minh Thanh)

Tôi không phải đề cao đến mái tóc, nhưng mái tóc cũng là một trong khởi đầu của đạo, sự hoại sắc để đi đến một bản sắc dần thân mới. Như vậy là mái tóc tôi đã tụt đi nhiều rồi, một sân bay sắp sửa được thành lập, đang chờ ký hợp đồng... . Đôi khi cuộc sống ở nước ngoài, thời

giờ bận rộn, chi phối thật nhiều trong cuộc sống, nên thời gian cho mái tóc cũng eo hẹp, nhiều khi rảnh rỗi mà cũng cảm thấy như bận. Ôi còn đâu là thời trai trẻ, hiên ngang, oai hùng... coi trời như đang ở trên cao.

Tôi hay quán chiếu đến những gì đang xảy ra thường ngày, chung quanh và trong tâm của mình. Không cố công để tìm, nhưng mỗi hiện tượng đều được soi xét tới để chiêm nghiệm, để thường thức và nhận thức rằng Đức Phật có mặt ở mọi nơi chốn như câu “*Kính lạy Ba đời tất cả chư Phật ở khắp mười phương*”. Sợ dĩ phải vòng vo, nói tới nói lui cũng bởi có nhiều hiện tượng rất tầm thường, nhưng lại hàm chứa sự mầu nhiệm có mặt, mà có thể các sự kiện này hiện diện thường xuyên quá, ta không thêm chú ý tới. Chúng ta chỉ quan tâm đến những gì mà mình nghĩ là liên quan đến mình từ vật chất đến tinh thần...sao cơ thể mình hay phình lên xẹp xuống quá vậy? (*Câu này có nghĩa là trọng lượng không quân bình, nay ốm mai mập, nhưng vì đây là vấn đề nhạy cảm, nên phải tế nhị nói cho nó văn vẻ một chút, chứ cơ thể nào phải là bong bóng*). Sao tóc mình thưa quá không còn đen bóng bấy nữa, sao mặt mũi mình, quần áo mình, rồi sao không ai chú ý đến mình hết bởi vì dù sao mình cũng là thứ thiệt, ngon lành lắm chứ bộ (*Giống như tôi vậy, nhiều khi tưởng mình ngon lắm, nhưng khi đụng chuyện gì thì như bún bị thiêu. Ai từng bị ăn nhầm bún thiêu- chứ không phải bún riêu- thì biết liền...*). Ở chỗ này nhộn nhịp quá, chỗ nọ nhiều cái lạ quá, chứ không quen thuộc, nhầm chán như những gì mình đang hạnh phúc có được. Và sao người này hay quá, giỏi quá v.v... Cứ chạy theo bóng và quay cuồng theo những mảnh ráp nối của từng đoạn phim kết lại và một lúc nào đó, chợt giật mình thấy đã đi quá xa, rồi khỏi thực tế. Ngài Lama Thubten Yeshe nói rằng: “*Vì tâm mình chao đảo, đứng núi này trong núi nọ, nên nhìn những đoạn phim được tạo ra từ ảo tưởng và người khán giả ôm ảo tưởng của nhà sản xuất phim, lại cứ tưởng là thật và mình đang ở trong đó*”.. (Trích trong “*Nghiệp và Tánh không*” do Cư sĩ Liên Hoa dịch) Sự khổ đau cũng bắt đầu từ đó, để chúng ta không dám đối diện với mình,

rồi tự dối gạt mình, dối gạt mọi người và đến khi tự suy nghĩ hoài, và đi đến kết luận rằng: *Ôi ta là kẻ cô đơn nhất trần đời, không ai thêm hiểu ta. Đời sẽ thiếu sót trăm trọng vì không nhìn nhận ra ta, một thiên tài trên thế gian này. Ta là kẻ cô đơn... Ôi ta buồn ta đi lang thang bởi vì... ta!!!*

Đó là tâm trạng chung của chúng ta, vì luôn chấp vào ngã ái. Đứng về xã hội, nhiều khi chúng ta may mắn hạnh phúc hơn biết bao nhiêu người. Họ khổ sở từ miếng ăn, cái mặc. Họ thiếu thốn về mọi mặt trong đời sống, nhưng họ vẫn mỉm cười, dù là ránh sức, vì có khóc cũng chẳng ai để ý đến. Về cơ thể, chúng ta được điểm phúc lành lặn tay chân, đầu óc minh mẫn... còn biết bao người mù chữ, thất học, cơ thể không còn nguyên vẹn, cụt tay cụt chân vì chiến tranh hoặc bị thảm hơn nữa, nhà tan cửa nát, thất lạc người thân v.v... Về phương diện tinh thần, khi chúng ta cảm thấy sự cô đơn trống vắng, có nghĩa là chúng ta có sự nhận thức về những cảm giác, tri giác về những hiện tượng của tâm này và có nghĩa là mình đang có đầy đủ sự sáng suốt để nhận thức, nhưng bị tri kiến dẫn sai lầm do ái ngã. Trên cuộc đời này, có gì là toàn thiện toàn mỹ và *tất cả chỉ là những gì sẽ trở thành...* trừ những bậc Thánh Tăng, Bồ tát hay các vị Phật. Như chính con người tôi, người đang viết bài này, là hiện thân của tất cả sự bất toàn: Về ngoại hình thì xấu xí, hơi thấp, tóc rụng ... về học thức thì kém cỏi, chỉ hay copy, lấy văn của người làm của mình (*nói đúng là đạo văn, vì văn người ta hay quá mà lị*). Còn về tâm hồn, tánh tình v.v... thì rất khác xa với những gì tôi đang viết, đang nói. Thú thật thì tôi rất ích kỷ, bòn xén, chấp nhất, tham lam và rất ư là tệ... vì hay nghĩ đến mình mà quên người. Thừa vâng, nói lên được những điều này, phải nói nhờ Phật Pháp, dám nhìn thẳng vào mình để quán chiếu. Cảm ơn Đức Phật và Giáo pháp của Ngài. Khi mình thấy được những điều dở về mình, thì những người bạn hay tất cả mọi người đều *“dễ tiếp cận với”*, vì đang giao tiếp với một con người bình thường, còn mang đầy tục lụy. Còn những ai nhận thấy con người này tầm thường quá, không đáng gần gũi, vì ta là ai ai khác hơn, cao cả hơn, thì tránh xa ra. Thế là đủ rồi, mình đành phải vui vẻ chấp nhận số phận hẩm hiu với tánh nết của mình như vậy. Hãy để gió cuốn đi... Trong những cái bất toàn, khi nhận diện được nó, ta mới cảm nhận được sự tiềm ẩn của Chân tánh thường hằng không sanh diệt- *đó là Phật tánh*, nên cần phải khai phá và phát triển.

Đề nổi tiếp là sự cô đơn. Sự cô đơn là sự trưởng thành của tâm, khi nó lìa xa dần những tham chấp về bản ngã. Cô đơn không phải để biến chúng ta thành cuồng sĩ, lang thang sĩ, cô đơn sĩ, la hét sĩ v.v... mà cô đơn là làm cho chúng ta có giá trị hơn. *Tại sao vậy?* Bạn hãy nhìn xem, tất cả các pháp môn tu học học hay hành trì trong

Phật giáo, chúng ta nhận thấy đều bắt nguồn từ sự cô đơn, vì sự xả ly, yếm ly, miên mật... Những tích lũy do tham đắm và trong vô thức chỉ là làm đầy bản ngã yếu đuối- mặc dù sự gom góp để chật đầy trong tâm làm cái “chấn che” cho và biến chúng ta thành như một kẻ anh hùng. Nhìn bề ngoài thì chúng ta cần phải có mặt, phải hiểu, cần phải được nhìn nhận v.v... và rồi, chúng ta phóng tâm đi tìm những bù đắp qua những sở hữu tiếp nối như tài sản, danh vọng, tình cảm, sắc đẹp hoặc vị thế hơn- cho cái ngã ái yếu đuối. Bởi vì bỏ đi lớp sơn dày bao phủ, chúng ta thấy nó chỉ là rỗng không, không thực hữu, không tồn tại biệt lập mà chỉ là duyên sinh duyên hợp, chúng ta sẽ trống vắng và giả cô đơn. Bởi thế, theo Đạo Phật, cô đơn là sự nhận thức và trưởng thành, chứ không phải là sự phóng ngã, bám víu.

Nhân thức được như vậy, chúng ta mới cảm thấy mình rất hạnh phúc vì hưởng thụ quá nhiều trong đời sống, nhưng mình lại quên lãng vì chỉ cầu cạnh cho cái ta hay cái gì của mình, quên nghĩ đến người khác cũng như cảm giác của họ hay cho những gì xung quanh mà cái ta mình tạo ra.

Qua đó, chúng ta mới cảm thấy có những thứ tình yêu đã làm cho cuộc đời con người có giá trị nhân bản, làm người- như tình hy sinh của bà mẹ. Sự hy sinh là quên đi bản ngã, quên cái ta nhỏ bé của mình vì sự hiện hữu của người và qua người khác, vì đó chính là sự hiện hữu của mình- một hình ảnh quả tuyệt đẹp. Bà mẹ lo cho con không phải để cầu được sự báo đáp, nhưng lo cho con chỉ duy nhất vì hạnh phúc của con và đó là món quà tinh thần vô giá đối với mẹ.

Sau cuộc bể dâu biến động của năm 1975, chúng ta chứng kiến rất nhiều những hình ảnh cao đẹp, sáng chói... như những vị Bồ tát. Chỉ có một số nhỏ người phụ nữ bị sa ngã, còn tuyệt đại đa số người đàn bà Việt Nam- những người phụ nữ chân yếu tay mềm ngày nào, bỗng trở thành những huyền thoại đầy xúc động, đầy tính nhân bản qua những sự hy sinh cho chồng cho con, dù thân thể bị thiệt thòi, thiếu thốn. Những sự hy sinh đó, không có bút mực hay giấy nào có thể nào có thể kể hết được.

Chợt nghĩ đến những người bạn mà tôi gọi phone thăm sáng nay. Một người bạn thân đã lâu năm, từ Louisiana chuyển về định cư ở Florida sau cơn bão Katrina vừa qua. Sức khỏe của anh rất kém, vì bệnh hoạn đã lâu năm, nay lại khám phá ra dưới chân thủy (xương ức) có cục bướu rất lớn, đang test và chờ mổ. Một người thì hiện ở Louisisana, vợ cũng bệnh nặng... Cuộc sống xa xứ, những gia đình mà vợ chồng tôi quen biết đã lâu năm, thân tình, gần gũi hơn là ruột thịt. Chúng tôi thường nói với nhau *“Hãy gọi phone thăm nhau khi nhớ đến nhau, để biết khỏe mạnh hay đau yếu ra sao và để*

cầu nguyện cho nhau... vì ai nấy đều có tuổi đời chồng chất". Theo chị bạn (đang bệnh) của gia đình kể lại: "Vì biết em bệnh nặng, nên chồng em ảnh hưởng an ủi và nói rằng: Em hãy ráng điều trị để mong hết bệnh. Nhưng nếu em có mệnh hệ nào, thì anh sẽ đi vào chùa, để theo tu với Thầy... Vì con cái đều cũng đã lớn, đã trưởng thành hết rồi". Những lời nói bộc bạch, chân tình của người chồng khi nói cùng vợ khi vợ đang bệnh, nghe sao thật đẹp, thật tuyệt vời, khiến lòng người ấm lại.

Kể lại những chuyện trên, chúng tôi không đề cập đến sự quyến luyến, tham đắm theo những lời nói, những bận bịu để làm nội kết cho những kiếp tương lai, như lời nói: *"Tình đa thiếu tướng, lưu nhập..."*, thì đó là một khía cạnh khác của vấn đề. Còn con người- làm được như một con người bình thường, quả đã là khó, huống hồ là một gia đình. Theo Dịch học: *"Vạn vật bồng Dương công Âm"*. Một cá nhân riêng lẻ- dù nam hay nữ- cũng đều có những mâu thuẫn nội tại, cho nên khi hai cá thể hợp lại để thành vợ chồng hay một gia đình, cũng đều mang những mâu thuẫn đó để hoà hợp lại. Trên thế gian này, bất cứ gia đình nào cũng có sóng gió, có xáo trộn, có tranh cãi v.v... như một lẽ đương nhiên vì những mâu thuẫn như vừa đề cập ở trên, nhưng tự bản chất hay trong chiều sâu nội tâm- *"con người ai nấy đều mong cầu hạnh phúc an lạc"*, cho nên những mâu thuẫn đó lại là những biểu hiện của sự chia xẻ, cùng nắm tay nhìn về một hướng- vì gia đình, vì tình yêu và còn vì những thế hệ kế tiếp. Ở đây, chúng tôi muốn nói đến tâm lòng hay chân tình. Là một người bình thường theo *Tục đế*- lời ái ngữ này là tình nghĩa vợ chồng cho nhau trong những lúc nguy nan của cuộc đời, vì bao năm chung sống thì những lời nói chia xẻ, an ủi này ít khi được nói ra mà chỉ được biểu lộ bằng sự trọn vẹn tình yêu của đạo vợ chồng. Nhìn qua *Chân đế*- vì là người Phật tử có tu học, đó là những lời nói pháp sâu xa để vực dậy một sức sống, làm hồi sinh một sinh mạng tâm linh để hiểu và nhận thức về cuộc đời và làm sao cho có ý nghĩa. Sự thịnh suy, vinh nhục, mất mát, sinh tử v.v... chỉ là những đợt sóng trong muôn vàn đợt sóng. Chúng ta không cho nhau những giây phút này, thì còn gì cho nhau nữa...

Có những dữ kiện là một định luật thiên nhiên như: sinh già bệnh chết- không ai có thể thay đổi được. Chúng ta chỉ có thể thay đổi mọi hoàn cảnh để làm sao cho cuộc đời có giá trị thực sự. Trong một bài thơ nói về *"Chân tâm"*, trong đó có vài câu đã đi vào tâm tôi:

*Em về tóc xoã lưng trời
Đôi vai trĩu nặng đôi bờ tử sanh
gặp em mới biết luân hồi
Nếu không muôn kiếp, ta còn nơi đâu...*

(Minh Thanh)

Ta còn nơi đâu như một linh hồn vất vưởng, hay

chúng ta còn nơi đâu, bơ vơ, lạc lõng giữa cuộc đời? Không phải bi quan cho cuộc đời, nhưng như một nhận diện, tiếp cận và chuyển hoá... Ta không thể kêu thảng thốt lên một cách tuyệt vọng...

*bạn hãy chỉ dùm tôi- nơi nào tôi ở
cuộc luân hồi, thay đổi mặt muôn nơi
hình hài xưa, bỗng chốc là hư ảo
đôi tay gầy, gỡ nội kết rời bay...*(Minh Thanh)

Thưa bạn, Đạo Phật chưa bao giờ chỉ cho chúng ta con đường để bi quan, yếm thế... mà con đường *Khổ Đế*- chỉ là nhận diện, vì chạy trốn chỉ đem lại khổ đau và đau khổ. Sự trực diện để chuyển hoá (*Tập đế*)-với chính cái mà mình thấy sai lầm, đó là một tác phẩm tuyệt đẹp đang thanh hình nơi bạn, nơi chính những hữu tình là chúng ta.

Chiều nay, tôi đi bộ quanh bờ hồ sau lưng nhà. Cái hồ rất rộng, từng miếng xi măng nối nhau để tạo nên đường đi vòng quanh hồ, dành cho những người cư trú trong khu này xử dụng, đi bộ. Nếu dạo chung quanh hồ, thông thả từng bước một hay đi hơi vội vã một chút, cũng mất khoảng 25 đến 30 phút. Giữa hồ có 3 cột phun nước, xoè ra những vòi rồng bắn nước tung toé, tạo nên những tiếng róc rách như tiếng thác đổ, thật đẹp và nên thơ. Không khí trong lành, thoáng mát. Đã dọn về đây hơn ba năm, và nhìn thấy bao lần mùa thay đổi, nhưng đầu phải lúc nào ta cũng cảm thấy được những cảnh đẹp hiện hữu chung quanh.

Những cánh chim bay từ cao xà xuống mặt nước, rồi lại bay lên. Cạnh đó, có đàn thiên nga đang vờn vui trong nước một cách thoả thích. Có những chiếc lá rơi rụng trên mặt hồ, đọng đưa như những chiếc thuyền lơ lửng trên dòng nước cuộc đời.

*Thuyền lặng lẽ, một mình trên biển nước
đi về đâu bao sóng cuộn luân hồi
nơi bến cũ, một lần thuyền cập bến
sóng muôn trùng, thuyền-bến nơi đâu???*

(Minh Thanh)

Đâu phải hôm nay, mặt hồ mới trẻ trung, đẹp. Dù là cái hồ nhân tạo, nó cũng hiện diện một khoảng thời gian qua. Gió vẫn thổi vi vu. Đâu đây vài tiếng chim hót líu lo, rộn ràng những âm thanh ngọt ngào. Cảnh Cực Lạc nơi đâu, tôi chưa thấy vì chưa đến hay thể nhập được (?), nhưng không khí êm dịu, lặng lẽ... và nơi đây, tiếng chim hót, gió, tiếng cò non cựa mình, tiếng lá rơi, tiếng của vạn vật chuyển mình, bỗng trở nên xuất thần như là tiếng thuyết pháp... những lời pháp âm tuyệt diệu, lóng lánh như những hạt kim cương trong bài Tâm Kinh Bát Nhã... năm uẩn có còn không, một cơn gió thoảng, mộng mị vỡ tung, đừng sợ hãi, hãy bước vào đời, vượt qua đi, bằng trái tim ngọc... trái tim kết bằng những cánh sen...

Tôi không muốn lơ lửng trên bầu trời của âm thanh và màu sắc, vì nó rục rở ở muôn nơi. Tôi không muốn gom lại tất cả để chỉ vừa đủ tròn trong lòng bàn tay, vì nó là bầu trời là đại dương, là thế giới kỳ vĩ của thiên nhiên, của tâm... mà chính tôi muốn nói đến những hạt tham sân si đã vô tình trút lên thân phận của thiên nhiên, trong đó là chỗ trú ngụ của chúng ta trong cuộc làm người.

Chúng ta nói là yêu thiên nhiên, thềm nhìn cảnh có bầu trời, có mây nước, có những không khí trong veo lành lặn v.v... nhưng chúng ta lại bắt tất cả hy sinh chỉ để phục vụ cho mình một cách không thương tiếc. Hiệu ứng nhà kính đã làm bao tai trời ách nước xảy ra. Môi sinh được chúng ta cải tạo bằng cách như vậy, bằng chiến tranh, bằng bom đạn, bằng hận thù v.v... trong lúc biết bao cảnh điều tàn, đổ nát diễn ra hằng ngày....

*Hãy ngủ đi em, để cho ngày đến bình thường
ngủ đi em, để lắng nghe tiếng trống trường đã điểm
ngủ đi em, để nhìn thấy ánh mắt mẹ cha ngời sáng
ngủ đi em, con đường nào có hoa vàng, đón một
ngày vui*

*hãy ngủ đi em, giấc ngủ sẽ đưa em vào ngày mai
vì ngày hôm nay, em không là gì
vì ngày hôm nay, em không còn gì
những hố bom, tan nát cửa nhà
những hố bom, chôn xác bao người
những người còn sống, đầu chít khăn tang
người ốm yếu, còn nhìn nhau, mắt mồn hy vọng
đôi tay còn lại gì
đôi mắt này còn thấy gì
ngủ đi em để ngày đến bình thường
hãy ngủ đi em, giấc ngủ đưa em vào ngày mai....*
(Minh Thanh)

Có bao giờ chúng ta nghe được tiếng của cây, của lá, của cỏ... than van... Bạn ơi! Tôi đã sống trọn vẹn cho bạn ngày hôm qua, hôm nay và ngày mai, vì tôi đã hút hết thán khí độc carbonic để dành cho bạn hít thở bầu không khí oxy trong lành. Bạn có nghe được tiếng nước của mặt hồ không... thân tôi là những tế bào nước kết nối lại, tôi đã bốc khói lên dưới ánh nắng mặt trời, làm đám mây, làm mưa và là nước... trong thân thể của bạn, của muôn loài đều có tôi... có bao giờ bạn biết như vậy không?

Chúng ta cô độc trong mùa đông, rạng rỡ trong mùa xuân, hối hả trong mùa hè, trầm lặng trong mùa thu và lại tiếp nối, nhưng bạn có biết bốn mùa là sự vận chuyển kỳ diệu để nuôi dưỡng vạn vật và cho cả chính bạn.

Tuyệt phẩm thiên nhiên này cần phải được tinh giác mới nhận thức, chiêm nghiệm và gìn giữ được và bóng

dáng của Đấng Đại Giác lại trở về làm hiển lộ hơn tác phẩm kỳ vĩ này. Chúng ta thường nghe nói “hiếu để thương” nhưng lại quên rằng “thương cũng hiếu”, bởi vì chúng ta đã phân cách và cắt đoạn ra để nói, mà quên rằng “hiếu và thương” là cặp bài trùng, song sinh và không thể cắt phân đoạn được. Giữa “*tuệ nhật phá chư ám*” và “*từ nhĩ thị chúng sinh*”, nơi nào là kẻ hở để phân chia.

Trong tình yêu của Như Lai Tỳ Lô Giá Na dung chứa cả khắp vũ trụ, vô biên thế giới cũng tràn đầy ánh sáng của Như Lai Đại Nhật. Nếu khi nào chúng ta phân đoạn, thì chúng ta đang sai lầm vì cho cái này quan trọng hơn cái kia. Vô lượng vô biên các Đức Phật cũng như vô lượng vô biên các vị Phật Đồng Danh Đồng Hiệu đều hiện thân xuống cõi Ta bà hay các thế giới khác để ban vui cứu khổ cũng vì “hiếu và thương”. Trong những chặng cuộc đời của tôi đã bao lần gặp sóng gió. Có những sự việc xảy ra đã làm cho nước mắt tôi nhiều lần chảy xuống, bế tắc cuộc đời, “*tiền lộ mang mang bất tri hà vãng*”, tại sao lại xảy ra cho tôi? Tôi làm gì nên tội? và cảm xúc khổ đau dâng tràn như những vết dao xẻ từng thớ thịt, đau và xót xa lắm... Nghiệp lực không chừa một ai, và đùa giỡn trên sự đớn đau của mình. Tôi đã cầu nguyện đến Bồ Tôn của mình- Bồ Tát Đại bi Quán Thế Âm, Người đã và đang đi bên cạnh tôi trong những thời gian qua- nhưng không phải tôi cầu nguyện để cầu xin một tha lực che chở, giải cứu cho tôi trong nỗi bấn loạn này. Và Ngài đã đến, xuyên qua cánh cửa Phổ Môn huyền diệu, xuất hiện trong tâm tôi... “*Dù hoàn cảnh nào, con cũng đừng bao giờ bỏ mất Tâm Bồ Đề, vì khi con còn nuôi dưỡng và gìn giữ tâm Bồ Đề thì lúc nào ta cũng có bên con*”. Lời nói êm dịu đó có sức bật dậy, vì bao hàm cả “hiếu và thương”, làm sống trong tôi những lời sám hối.

Thưa bạn, cuộc đời thì quá ngắn ngủi, rồi mai này ai này đều phải ra đi. Chúng ta không biết lúc nào mình là người kế tiếp. Có những cái chết “*nhẹ như lông hồng*,” nhưng cũng có cái chết “*nặng tựa Thái sơn*”. Kinh qua cuộc làm người với những đau khổ và hạnh phúc, chúng ta có được bài học của tinh thức. Đạo Phật đánh thức chúng ta để trở nên con người bình thường, quán chiếu lại mình và sống sao cho có ý nghĩa. Đừng bao giờ đòi hỏi mình phải là gì, được gì, chứng gì... chỉ duy nhất khi biết mình có tánh Phật, cần phải khai phá *tánh giác* này, cũng đủ làm đảo lộn con người của chính ta và đó là tác phẩm thiên nhiên cao quý nhất mà bạn có thể dâng tặng cho cuộc đời. Những lời này xin dâng tặng tất cả mọi người, dù bạn có đồng ý hay không, *xin hãy tự trả lời*.

Cuối Thu năm 2006.

NÉN HƯƠNG TRẦM

Lam Khê



Những buổi chiều tàn, khi khách hành hương đã vắng, thì thằng Hoàng thường thơ thẩn một mình quanh các con đường mòn ngoằn ngoèo bên sườn núi đá lởm chởm với đầy hang hốc. Lúc này, cảnh núi rừng mới thật sự trở lại với vẻ hoang sơ thanh tịnh vốn có. Màu xanh thẫm của núi đồi trải dài đến ngút mắt, quện với màu mây trời bàng bạc trên cao trông như tấm thảm nhung bọc lấy mọi cảnh vật nơi này khi đêm xuống.

Đọc theo triền dốc núi tọa lạc rất nhiều ngôi chùa lớn nhỏ, những ngôi Tịnh viện, Am thất làm bằng tre lá đơn sơ cũng nằm rải rác khuất sau mấy rặng cây rừng. Từ chân núi lên đến đỉnh phải vượt qua hơn ngàn bậc thang cấp. Những bậc thang này mới được xây dựng vài năm nay khi Hòa thượng về trụ trì ngôi tổ đình trên đó. Tổ đình cũng vừa sửa sang lại nên trông bề thế và khang trang hẳn lên, xung quanh có nhiều di tích mang đậm dấu ấn truyền thống Phật giáo lâu đời. Khách hành hương chủ yếu lên đây vãng cảnh, tham quan lễ lạy mấy ngôi bảo tháp của chư vị Tổ sư tu hành đắc đạo từ thuở xa xưa từng lưu tích lại. Hòa thượng chỉ về đây vào những ngày rằm, lễ lớn để giảng pháp đem theo một số Tăng Ni Phật tử rất đông đảo. Xe du lịch, xe đồ đạc san sát dưới chân núi. Lúc này tụi con nít bán hàng rong, bán quà lưu niệm và cả bán nhang đạo như Hoàng thì tha hồ chạy theo chèo kéo nài nỉ khách mua cho được một vài bó hương nhỏ.

Hoàng chợt nghe có tiếng chuông vang lên từ một hang động bên kia... Tiếng chuông nhẹ như làn gió thoảng qua tai giữa cái nắng chiều bàng lãng đang khuất dần phía chân trời càng thôi thúc bước chân nó tiến tới. Dù quanh quẩn nơi ngọn núi này đã lâu nhưng Hoàng chưa bao giờ dám vào sâu. Nó nghe người ta nói có nhiều vị thầy chuyên tu thường đến ở trong các hang động đó. Một nơi vắng lặng như thế thì khách hành

hương ít lui tới, họa hoằn lắm mới có người vì cảm cảnh thiên nhiên hùng vĩ, hay thích tìm chút thư thái cho tâm hồn mới lạc bước vào. Đối với thằng Hoàng, việc nó thích đến những chốn không người này chỉ vì muốn tránh xa mọi sự huyên náo ồn ào quen thuộc cứ tái hiện trước mắt hằng ngày. Trong thế giới trẻ thơ buồn chảnh như nó cũng lắm cảnh ầu ẩu tranh giành lãnh địa khách hàng. Hoàng không muốn như vậy, nhưng cũng không thể làm gì khác hơn được.

Tần ngần đứng trước một cửa hang động, Hoàng vẫn chưa dám nhìn vào trong, mãi khi nghe giọng niệm Phật nho nhỏ hòa cùng tiếng chuông ngân rất khẽ thì nó mới mạnh dạn đi tới. Hơi e ngại vì cảnh tranh tối tranh sáng, Hoàng cố mở mắt to ra nhìn và thấy một vị Sư đắp y vàng đang ngồi niệm Phật chính giữa nhà. Phía trên cái kệ thấp có đặt bức tượng Phật nhỏ, mà sao không thấy có nhang đèn gì cả. Hoàng ngập ngừng nhìn nén nhang trầm còn lại đang cầm trên tay. Nén nhang này nó lấy vốn hơn mười mấy ngàn vẫn chưa bán hết. Nghĩ ngợi một chút Hoàng liền mở bao lấy ra một cây nhang rồi bật quẹt ga đốt lên như nó vẫn thường hay giúp khách khi họ hành hương cúng Phật. Hoàng bước tới thắp cây nhang lên bàn Phật và đặt luôn nén nhang bên cạnh đó. Xong nó trở lui ra ngồi phía sau, chấp tay nghiêm trang nhìn lên bàn Phật lúc này đang tỏa ra mùi hương trầm dịu dịu. Vị Sư tụng niệm rồi yên lặng tịnh tọa. Hoàng nhìn vị Sư với vẻ cảm kích sâu xa. Chắc người đã biết có kẻ đột nhập vào đây nhưng vẫn ngồi yên. Hoàng bắt chước tư thế của vị sư, song chỉ được một chút thì mắt nó đã lim dim, cơn buồn ngủ kéo đến. Chưa bao giờ Hoàng ngủ nhanh đến thế. Một giấc ngủ bình yên mộc mạc không bị vấy đục bởi những toan tính vật vã đời thường.

Hoàng thức dậy khi nghe tiếng chim hót líu lo rộn rã ở ngoài hiên. Nó đưa mắt nhìn quanh, không thấy vị Sư

đâu cả. Mùi hương trầm lan tỏa thật dễ chịu trong một không gian êm đềm lắng đọng. Đứng dậy vươn vai bước ra sân, Hoàng bắt gặp cảnh núi rừng vào buổi sáng thật tuyệt vời. Từng mảng sương mù vươn dài lên đỉnh núi, tạo nên một màu trời trong biếc mỏng như tơ ôm lấy cả vũ trụ mênh mông sâu thẳm. Trên mặt đất trải đầy những loài thảo mộc xanh tươi, hoa và cỏ mọc chen chúc bên những thân cây cổ thụ to lớn, giữa những đụn đá xanh rêu nhàn nhạt mà vẫn hài hòa trong thế giới muôn hình. Tiếng gió, tiếng chim và cả tiếng suối róc rách chảy xuyên qua kẽ núi dịu dặt như khúc nhạc rừng êm ái. Hoàng chưa từng nhìn thấy một buổi sáng yên tĩnh và thuần túy thơ mộng như thế này, đơn giản chỉ vì nó theo chân những đoàn du khách đến đây khi nắng đã lên cao, cũng chẳng có tâm trí đâu mà ngắm cảnh trời mây non nước. Hoàng không ngờ mình đã trải qua đêm trong ngôi thạch động này, được đắp lên mình chiếc y vàng của vị Sư, mùi nhang trầm dường như được thắp suốt đêm. Không biết vị Sư có ngủ không khi nhường chiếc chiếu duy nhất cho nó nằm, và người đã đi đâu mất rồi. Thế nhưng bây giờ nó phải xuống núi. Hôm nay ngày rằm, sẽ có nhiều khách hành hương. Hoàng đi quanh mà vẫn không thấy vị Sư đâu cả. Ánh nắng đầu tiên đã lọt vào khe động. Núi rừng đang bước vào một ngày mới. Từng bước chân người rộn rã xuống lên. Có biết bao niềm tin và ước nguyện từng được khơi dậy ở giữa chốn tịch nhiên này.

Từ đó mỗi buổi chiều, Hoàng thường ghé vào tịnh thất của Sư, có khi nghỉ lại cả ban đêm. Những lúc vắng khách, nó có mặt ở đây luôn để phụ Sư chút công việc như quét tước nhỏ cỏ xung quanh hang động, rồi xuống suối xách vài can nước lên. Sư hay để dành cho Hoàng phần cơm bánh mà Phật tử cúng dường hay trên tổ đình mang xuống cho. Ngày qua ngày, nó càng cảm mến đức độ của Sư và yêu thích không khí tĩnh lặng trang nghiêm của thạch động. Thích nhất là nghe Sư nói chuyện. Một thằng bé bán nhang vô gia cư, lại được Sư chuyện trò thân mật như thâm tình thầy trò. Người chỉ dạy tận tình cho nó về những điều hay lẽ phải trong cuộc sống. Những câu chuyện Phật Pháp, những bài kinh tụng vờ lòng ít nhiều cũng giúp cho Hoàng có đôi chút nhận thức sâu xa ý vị.

Hàng đêm, Hoàng thích ngồi nhìn Sư tĩnh tọa dưới ngọn nền lung linh và khói hương trầm tỏa ngát. Màu vàng y người đắp cũng sáng rực lên một cách kỳ diệu. Những lúc này, Hoàng ngồi thật yên lặng phía sau, tư tưởng của nó chẳng khác nào như đóm lửa nhỏ nhoi được toát lên từ một niềm tin, từ lòng cảm khái và biết ơn. Rồi cũng như mọi lần, nó ngủ liền sau đó không lâu trong cảnh đêm tịch mịch của núi rừng. Thỉnh thoảng trong tiềm thức, nó còn nghe cả tiếng chuông ngân vắng

vắng từ cõi xa xăm.

Một hôm, khi Hoàng mang đến một bó hương trầm khác đặt lên kệ Phật thì Sư bảo:

- Nhang trầm mắc lắm sao con không để bán, cúng nhang thường cũng được rồi. Vậy để Sư gọi tiền lại nhé.

- Dạ thôi bạch Sư... cũng không bao nhiêu, để con cúng dường cho có phước. Miễn Sư cho con đến đây thường là được.

Về mặt hiền từ của Sư thoáng chút dăm chiêu. Sư nhìn thẳng bé giây lâu rồi cất tiếng nói:

- Tuần tới Sư xuống núi trở về chùa rồi. Chúng ta biết có còn nhân duyên gặp nhau nữa không?

Thằng Hoàng ngờ ngác, cất giọng run run:

- Vậy Sư không ở đây nữa à?

Sư lắc đầu nói khẽ:

- Sư thích khung cảnh ở đây nên xin Hòa thượng về tịnh tu ba tháng. Nay phải trở về chùa lo công việc, mấy chú tiêu lại sắp đi học. Nếu có dịp Sư cũng sẽ trở lại. Con ráng sống cho tốt, quý thầy trên tổ đình cũng thương con lắm.

Hoàng im lặng, lòng nó chùng xuống buồn bã mà chẳng biết phải nói gì đây. Sư chỉ lưu lại đây để tịnh tu ba tháng, còn nó mãi mãi là thằng bé bán nhang, dù ở giữa trời đất bao la nhưng lại chẳng có nơi chốn để đi về.

- Hoàng à! Sư gọi khi nó đang quay mặt ra sân với về thần thờ - Sư và con đã có nhân duyên gặp gỡ ở đây. Thấy con hiền lành đôn hậu lại ưa thích học hỏi nên Sư cũng có ý định như vậy. Nếu con bằng lòng Sư sẽ mang con về chùa cho đi học cùng với mấy chú tiêu. Sau này trưởng thành con muốn tu hay làm việc gì cũng hơn là ở đây lẩn lộn với nghề bán nhang. Sư cười thật hiền - con cứ suy nghĩ kỹ đi rồi cho Sư biết.

Những lời nói của Sư đã mở ra cho Hoàng biết bao là ước vọng. Nhưng nó vẫn chưa biết phải trả lời Sư như thế nào. Hoàng bước ra sân, đến ngồi dưới gốc cây trầm trầm ngâm nghĩ ngợi. Về với Sư, lại được đi học. Nó còn mơ ước gì hơn nữa chứ. Về với Sư nghĩa là nó phải giã từ cảnh núi rừng bình yên này với lắm cảnh đẹp như tranh, với những ngôi chùa, những tòa Bảo tháp mà nó mỗi ngày tới lui nhìn ngắm. Trong cuộc sống hằng ngày, lòng nó đã từng dấy lên một nỗi niềm khao khát chờ đợi. Và bây giờ nhìn lại quãng đời trải qua cùng nhiều viễn cảnh sắp tới, Hoàng chợt reo lên nho nhỏ: “Một ngày nào đó khi ánh dương tỏ rạng, biết đâu mình sẽ trở lại nơi này. Phải, biết đâu được. Cuộc đời luôn tiềm ẩn bao điều kỳ diệu đến không ngờ...”

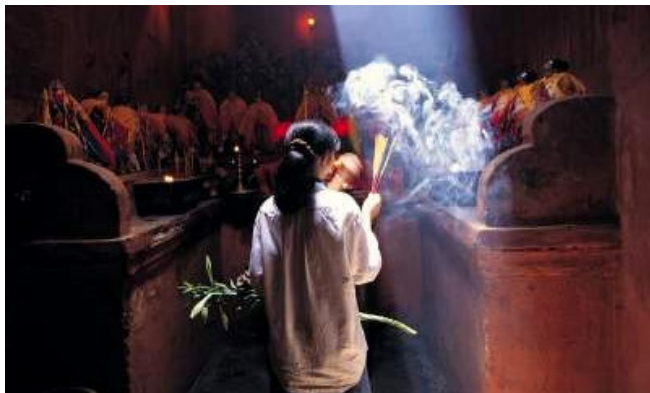
...

Thời gian cứ thế trôi đi, ngôi chùa hoang dưới chân núi gần năm nay đã có vị Sư trẻ về trụ trì. Đắt bên hông chùa còn một khoảnh rộng, vị Sư cho xây cất thêm mấy dãy nhà ngang dọc lớn nhỏ. Có ai hỏi thì Sư nói:

- À! Tôi định mở một lớp học tình thương giúp trẻ con nghèo ở đây được đến lớp học hành ấy mà. Lại có cả khu nhà Mở để các em bé, những người buôn bán dạo không nhà cửa khi đêm về có nơi trú ẩn.

Mọi người có vẻ thắc mắc lắm, nhưng họ chẳng biết gì về vị Sư mới đến này. Chỉ có quý thầy lớn ở đây thì biết rõ về chú bé bán nhang dạo của hai mươi năm về trước. Chú bé thường len lén đứng ngoài hiên nghe Hòa thượng thuyết pháp. Sau đó, nó theo vị Sư trở về chùa miền xuôi. Chú bé được vị Sư nuôi ăn học, rồi chú xuất gia, được thầy gọi đi học các nơi, lại đi ra cả nước ngoài để học nữa. Khi du học về, ước nguyện của vị Sư trẻ là được trở lại nơi này. Thầy muốn làm một điều gì đó để trả ơn cuộc đời, trả ơn cho một nhân duyên kỳ ngộ của những ngày xa xưa ấy. Mấy năm trước, khi Sư phụ viên tịch, thầy giao chùa lại cho quý sư huynh sư đệ, rồi thu xếp một mình lên đây với nhiều dự tính trong lòng. Thầy vẫn nghĩ ngọn núi này chính là nơi phát tích cho sự nghiệp tu hành của mình. Bao năm rồi lòng thầy cứ hướng về chốn cũ, nơi có những mảnh đời mà Thầy từng trải qua. Những cuộc đời cần được ai đó nâng đỡ, dịu dặt để được tiến xa hơn trong cuộc sống, để được trở về với bản tánh thuần chơn muôn thuở.

Chiều chiều, vị Sư thường thả bộ lên ngôi thạch thất nằm bên lưng sườn núi. Thấp một nén hương trầm, thầy ngồi yên tịnh trước bàn Phật cho đến khi trời tối hẳn. Thầy đang tưởng nhớ đến vị ân sư khả kính của mình. Người đã sống trọn đời cho đạo pháp. Người đã đem ánh đuốc từ bi soi sáng cho muôn loài. Nơi đây, thằng bé bán nhang đã đặt một nén hương cúng dường đầu tiên. Mùi hương trầm ngày ấy đã theo dòng chuyển biến của thời gian mà lòng thầy vẫn thấy nó thơm ngát quyện tỏa đến tận bây giờ. Cảnh núi rừng vẫn thiêng liêng kỳ vĩ, và lòng người trở về... cũng đang trải rộng ân tình ngay trong biển đời sinh diệt mênh mông.



Thơ

TÂM TÂN

CHỢ TẾT

*Dưa hờ cửa ngõ, mắt xa trông
Rộn rịp người, xe, kẻ gánh gồng;
Liền-xiến tha mỗi chen chúc kiến,
Lao xao tìm mặt nước nao ong!
Vàng, xanh, đỏ, tím, hồng pha lục
Không bạc trong tay chớ có hồng!
Tôm, cà, cua, bò, gà, vịt, lợn
Không cầm “giấy nớ” chớ hồng trông.
Tàu sang: Hường, Táo; Tây sang: rượu;
Túi lủng thì... no mắt đôi lòng!
Hàng tơ áo gấm chưa may được,
Đừng mộng Xuân này đón cổ-nhân.
Người sang trăm thức tăng xuân vị,
Kẻ tiện loay quay mấy quả bông!
Công lý không đau thẳng bạc-ác,
Thanh bản chỉ thiệt kẻ hiền-nhân.
Thời thôi, ẩn dưới đài thơ ngọc,
Có có, không không, cũng có cần!
Chen chúc xin nhường ai phía chợ,
Quay nhìn sông núi Ý lâng lâng...
Mai rùa kiếp tục thân mang nặng,
Cánh hạc miền Tiên trí vượt tầng
Mộng đắm Nghê-thường giao Vũ-Khúc,
Hồn mơ Minh-nguyệt luyện Thanh-vân.
Thiên Y núi Tháp sương huyền ảo,
Sư Nữ chùa hương khói thoát trần...
Cay đắng lưỡi từng tê vị thế,
Ngọt ngào môi động chất Tiên-Trân:
Phút giây “thoát xác” hồn mây núi,
Để khối thân tro gió bụi Trần!
Sực tỉnh, mới hay mình đang trí:
Kìa kìa, bên chợ khó chen chân
Trai mua, gái trả, già xô trẻ:
Thiên hạ tô bồi bộ cánh Xuân!*

Tu Bụi: Cuộc Hành Trình Tìm Lại Chính Mình

Nghiêm Xuân Cường

Vào cuối năm 2006, tôi có xin phép nhà văn Trần Kiêm Đoàn được trích đăng từng kỳ tiểu thuyết “*Tu Bụi*” của ông trên tạp chí *Phương Trời Cao Rộng*. Tác giả hoan hỷ cho phép, sau đó đã gửi sách cùng với bản electronic file toàn bộ tác phẩm (gồm 27 chương) để tòa soạn khỏi mất công đánh máy lại. Đây quả là một món quà cuối năm hậu hĩ. Dự định viết đôi lời giới thiệu thì nay có bài điểm sách của nhà thơ Nghiêm Xuân Cường, tương đối đã nói được thật nhiều và đầy đủ; trình bày được ý chính, nhân vật và tư tưởng cốt lõi của tác phẩm. Vậy, kể từ số 10, tháng 3 năm 2007, PTCR sẽ lần lượt đăng tải truyện dài “*Tu Bụi*” của nhà văn Trần Kiêm Đoàn. Cảm ơn nhà văn Trần Kiêm Đoàn, nhà thơ Nghiêm Xuân Cường, và xin trân trọng giới thiệu đến quý bạn đọc. (VH)

oOo

Ở một góc nhỏ nào đó trong tiềm thức của tôi là một cậu học trò lớp đệ lục, đệ ngũ mê đọc sách, và-cũng như rất nhiều người Sài Gòn của thập niên 60 và 70- mê đọc truyện kiếm hiệp Kim Dung. Tôi vẫn nhớ rõ cái thú vị thả hồn vào trong những trang sách nói về một vùng đất xa xôi có những cái tên lạ hoắc như Đại Lý, Thiểm Tây, Giang Nam... và những nhân vật càn lỵ hơn trong gió bụi của thời mạt Tống, hay Thanh Cung Mười Ba Triều... Tôi say mê theo dõi từng chi tiết về cuộc đời của những người anh hùng như Quách Tĩnh, Hoàng Dung, Đoàn Dự, Kiều Phong... và càng kính phục họ bao nhiêu thì lại càng căm hận những kẻ gian ác trong truyện, những Đoàn Diên Khánh, Nhạc Bất Quần, Tàn Cối... Đọc tiểu thuyết kiếm hiệp của Kim Dung, tôi không chỉ say mê những tình tiết lớp lang của câu truyện mà còn thích thú những chi tiết về địa lý và lịch sử được lồng trong cốt truyện.

Những giai thoại về rượu, về thức ăn, người dân v.v... của những vùng mà các nhân vật trong truyện đã đi qua. Tất cả những chi tiết thú vị này giúp đưa tôi vào trong thế giới nhỏ bé, xa xôi mà kỳ diệu ấy, như một chiếc thảm thần trong nháy mắt đưa người vượt ngàn trùng trời đất. Dòng thời gian trôi mau... gần bốn chục

năm trời ở nơi xứ người, tôi không còn cái thú đọc sách bằng tiếng mẹ đẻ. Sách tiếng Anh thì đọc nhưng phần lớn vì nhu cầu nghề nghiệp; những tiểu thuyết tình cảm thỉnh thoảng tôi cũng đọc nhưng vẫn chưa bao giờ tìm lại được sự thích thú như những ngày xa xưa ấy- có phải bởi vì “*người ta không thể tắm hai lần trong một dòng sông*” như một triết gia nào đã nói?

Thế rồi cách đây vài tuần, tôi được anh Trần Kiêm Đoàn gọi tặng cuốn sách có cái tên thật lạ “*Tu Bụi*”, mà cũng thật dày, ngót năm trăm trang sách về những nhân vật thời Gia Long-Minh Mạng.

Vì bận đi làm nên mãi hai tuần sau tôi mới giờ sách ra. Cầm quyển sách lên, tôi như lạc vào một thế giới khác thường. Thế giới của Triều Nguyễn đầu thế kỷ 18, của tranh chấp và quyền hành, thế giới xa lạ mà sao tự nhiên gần gũi qua ngòi bút tài tình của tác giả. Trần Kiêm Đoàn có lối viết thật nhẹ nhàng làm ta có cảm tưởng như đang nghe mẹ kể truyện thần tiên bên tai. Từng chương, từng chương tôi tiếp tục giờ, mong được biết thêm về cuộc đời của các nhân vật trong truyện. Cũng dễ hiểu thôi, vì anh đã theo “*nghịệp bút nghịên*” từ gần bốn thập niên qua. Thế nhưng có một cái gì khác trong văn phong của anh. Đơn giản mà nghiêm túc. Bình dị mà uyên bác. Anh không giống như một người thầy giáo nghiêm khắc đứng trên bục gỗ giảng bài cho học trò. Trái lại, cách thuật truyện cho ta có cảm tưởng anh là một người dẫn đường trẻ tuổi náo nức muốn đưa bạn bè về thăm chốn quê nhà yêu dấu, nơi mà anh đã cảm nhận trong từng mạch máu, từng tế bào của mình mà người khác thì chưa hề hay biết.

Người đọc có cảm tưởng đang xem một cuốn phim chậm chậm quay đưa mình đến những khung trời xa lạ. Điều khác thường ở đây là cái “*khung trời xa lạ*” ấy tuy xa mà thật là gần. Nó là cái *tâm của chính ta*. Sống với nó mỗi ngày mấy chục năm trời mà bấy lâu nay vì mãi mê theo đuổi hết giấc mơ này đến cuộc phiêu lưu khác mấy khi ta được dịp tiếp cận với chính lòng mình.

Những nhân vật trong truyện: Trí Hải, Phạm Xảo, Thầy Tiều, Ba Gấm, Thiện Giả Tâm An... mỗi người đều có một tâm sự, một hoàn cảnh riêng nhưng tất cả đều mang một kiếp con người và vắn nạn của họ thì tựu chung cũng có ít nhiều đáng đáp của chính ta.

Hiển nhiên là khi bước vào một thế giới xa lạ chưa từng đặt chân đến, ta không biết có nên tin những gì mình đang thấy. Kỳ lạ thay! ta không có cảm giác ây bởi người bạn dẫn đường thân thương kia đã chuẩn bị hành trang chu đáo trước khi đi. Đến mỗi nơi, mỗi chốn, anh ân cần kể cho ta nghe về người, về vật, và khung cảnh chung quanh. Ta mỉm cười đồng tình nếu đôi lúc có những chi tiết hơi khó tin- một liên hệ cần có trong bất cứ một cuộc thuật truyện nào, cái mà các nhà bình phim Tây Phương gọi là *"a willing suspension of disbelief"*. Dĩ nhiên là sự đồng tình ấy không tự nhiên mà có, bởi nếu quả như thế thì tập truyện nào cũng như nhau, một điều không có và không thể xảy ra trong đời thường. Ta mỉm cười dễ dãi vì tác giả đã dày công dàn dựng những chi tiết thật lý thú về các nhân vật trong truyện, xếp đặt các dữ kiện sao cho hợp lý, và nhất là anh đã viết bằng cả tấm lòng mình. Viết tới đây, tôi lại nhớ đến một truyện ngắn thật sâu sắc của nhà văn Sơn Nam về một người lái đò. Đại khái là bà có một biệt tài làm một món ăn thật đơn giản là món thịt luộc mà không ai bắt chước được, dù cũng chỉ là một chút hàn the, chút mắm muối. Bí quyết của bà là *"chỉ cần một tấm lòng"*. Cũng vậy, Trần Kiêm Đoàn đã đem hết tấm lòng của hơn nửa thế kỷ gần bó và sống với cái lẽ tự nhiên, chân thực của Phật Pháp, những thao thức nhiều năm về các vắn nạn của cuộc sống hằng ngày của chính mình, của đạo và đời để từ đó qua ngòi bút sáng tạo tài tình thăng hoa các suy nghĩ của mình thành các nhân vật hư cấu mà sống thực. Từ trang mở đầu của Tu Bụi, tác giả kể cho ta:

"... Cuộc binh đao giữa Tây Sơn và Nguyễn Vương chấm dứt trên chiến trường và thanh bình đã đến với lê dân, chim muông, cây cỏ. Nhưng một cuộc chiến mới âm thầm, không biên cương, không tuốt gươm trần và không vang rền vó ngựa lại bắt đầu khai diễn ở chốn cung đình..."

Đúng là đã có một cuộc chiến mới trong những tranh giành quyền tước bổng lộc ở chốn cung đình và đó là bối cảnh của *Tu Bụi*, nhưng người đọc cũng không thể không thấy sự tương đồng của những tình huống ấy với đời sống thường ngày của mình. Những ghen tuông, tranh chấp, dằn vặt đau đớn... ai đã chẳng có nhiều lần từng chứng kiến. Ta được biết về con người lạ kỳ có cái tên rất thiên là Trí Hải:

... Trong số những người hiếm hoi chọn lựa thái độ

"công thành, thân thoái", theo gót Phạm Lãi, Trương Lương thuở đó là một vị hoàng thân nổi tiếng tài cao học rộng. Vị hoàng thân sống như một nhà ẩn sĩ tại Phủ Ông Hoàng khiêm tốn phía Tây Bắc Chùa Linh Mục, ít người được gặp mặt nhưng hầu như mọi người đều biết tiếng qua tin đồn và giai thoại. "Trí Hải" - là biệt hiệu mà người đời đặt cho ông để chỉ trí óc ông rộng mênh mông như biển cả. Tin đồn rằng trong phủ của ông hoàng Trí Hải không có vàng bạc châu báu mà chỉ chứa toàn sách vở bút nghiên. Sách ông đọc chất cao như núi và mực ông mài để chép sách làm thơ nhiều đến nỗi làm đen thâm cả nước đại hồ. Trí Hải đam mê sách vở đến độ có những gia nhân phục dịch tại Phủ Ông Hoàng đã hơn ba năm mà chưa hề được gặp tận mặt để vái chào chủ nhân lần nào...

Song nếu Trí Hải chỉ là kẻ một sách như trăm ngàn chàng hủ nho khác, câu truyện cũng chẳng có gì đáng nói. Sau cái chết đau thương của cha con người bạn thân là Nguyễn Văn Thành và Âm Thuyền, Trí Hải lên đường, dấn thân vào một cuộc đời mới. Ta hãy nghe tác giả thuật lại điểm khởi đầu của cuộc chuyển hóa:

Sau thảm họa Âm Thuyền, Trí Hải càng nhận rõ hơn cái phù phiếm của sách vở từ chương và cái bọt bèo phi lý của thân phận con người. Đã có tiếng thờ dài trăn trở trong thơ ông:

*Bất chước người xưa ta vẫy màn đọc sách,
Ba năm trường không thấy mặt nhân gian.
Khi ngoảnh lại thấy hồn bay mây trắng,
Và quanh ta cỏ dại mọc hoang đường! (P.Đ.T)*

Rời đến một ngày đầu xuân không lâu sau đó, cả kinh thành và hoàng cung nhốn nháo khi nghe tin Trí Hải cùng đám tùy tùng lặng lẽ rời tư dinh trong một cuộc hành trình đi về hướng Tây Bắc, tìm lên núi Huyền Trang cách xa kinh thành cả năm bảy ngày đường.

Đến gặp Thiền Sư Trúc Lâm, Trí Hải mong được những lời chỉ giáo thâm sâu nhưng vị thầy nổi tiếng chỉ nói vồn vện "Con gà". Hai tiếng "Con gà" đơn giản làm kẻ học giả Trí Hải trần trọc thao thức tìm câu giải đáp trong sự suy nghĩ thường tình. Trí Hải triệu tập "Đại Hội Con Gà" mong tìm ra những điều mới lạ từ con vật tầm thường nhưng cũng vô ích. Đến một ngày kia, hai tiếng "Con gà" như một tia sáng lóe lên xua tan bóng tối đã lâu nay bao trùm cuộc đời ông, để rồi:

Giữa không gian vô cùng và thỉnh không lắng đọng, tiếng chuông công phu buổi sớm của chùa Thiên Mục từng tiếng thông thả nối đuôi nhau. Từ lặng im, một tiếng chuông bỗng vang lên, ngân nga, nhỏ dần rồi tắt lịm như biểu hiện cho một kiếp người.

Từ trong Thái Ấp, một tiếng gà gáy sáng vừa cất lên.

Tiếng gà gáy như một thứ âm thanh nảy mầm từ lòng đất, vắt qua bầu trời và rơi vào một thế giới xa xăm. Hối chuông công phu quyện với tiếng gà gáy sáng có một sức hút lạ lùng làm cho Trí Hải lắng nghe. Tiếp theo là tiếng gà gáy sáng thì nhau rộn rã đủ sức lay động cả bình minh và tâm hồn Trí Hải. Có tiếng gà thanh thoát cao vút với nhiều cung bậc u trầm như tiếng hò ru con của người cô phụ. Có tiếng gà trong suốt mời gọi tươi vui. Có tiếng gà vừa cất lên đã vội vàng rơi xuống. Có tiếng gà khàn khàn như tiếng ho hiu hắt của cụ già. Trong một khoảnh khắc thời gian, trí óc của vị hoàng thân lênh đênh, chơi vơi rồi bùng vỡ ngập tràn ánh sáng. Ông ngạc nhiên nhìn lại chính mình rồi tự hỏi:

- Ta là ai? Ta chỉ là thân xác của một đứa trẻ sơ sanh với linh hồn một cụ già đã chết? Hay ta là một sinh vật vô cơ rớt xuống giữa đời và mọc mầm, đâm nhánh, ăn ngủ, làm việc rồi theo thời gian lụi tàn như một thân gỗ mục? Ta hiện hữu giữa đời mà đời không hiện hữu ở trong ta? Tại sao mấy chục năm qua ta chưa hề nghe được một tiếng gà gáy sáng? Phải chăng chỉ vì ta quên hiện tại rồi loay đào bới một dĩ vãng xa xăm và sống mơ mộng cho một tương lai chưa đến nên đã bao năm qua ta không biết trên đầu có một bầu trời xanh, bên cạnh ta có những con người thân thương đang sống, và trong xóm kia có những tiếng gà?

Tiếng chuông chùa vẫn ngân nga trong gió, tiếng gà vẫn rộn rã trong sương, Trí Hải cảm nhận sự hiện hữu của thế giới, của chính mình và bỗng nhiên cảm thấy một niềm hạnh phúc vô biên tràn đầy trong hơi thở...

Từ đây, chúng ta bắt đầu thích thú theo dõi sự chuyển hình thoát xác của **học giả** Trí Hải thành **hành giả** Trí Hải, một con người hành xử theo đúng tinh thần ung dung của đạo trong từng giây phút đi, đứng, nằm, ngồi. Nếu có một sự tương đồng giữa truyện kiếm hiệp Kim Dung và truyện dài *Tu Bụi* của Trần Kiêm Đoàn là sự cân xứng giữa những đoạn văn hồi hộp gây căng - những cảnh đâm chém võ hiệp ly kỳ - và những đoạn nói về sông núi, tình người và thân phận con người... làm ta thích thú theo dõi câu truyện, thì cũng có một **điểm khác biệt lớn** giữa tác phẩm của anh và những truyện kiếm hiệp ta đọc để tìm quên cho qua ngày đoạn tháng, đó là trong hình ảnh của những nhân vật của *Tu Bụi* ta thấy thấp thoáng đâu đây bóng dáng của chính mình. Đây không phải là vì các nhân vật là người cùng xứ sở, sống tại những nơi có những cái tên rất thân thương quen thuộc, mà còn vì những nghĩ suy của họ về những câu hỏi hết sức căn bản của cuộc sống cũng chính là những điều mà ta đã từng băn khoăn, có khác chăng là, không như Trí Hải, quá bận rộn chuyện công danh, bươn bả với

cuộc sống hằng ngày ta đã cố gạt nó ra khỏi tâm trí của mình. Ta sống vội vàng nên thực ra không biết mình đang sống, ăn ngủ nghỉ ngơi mà đâu biết mình đang ăn, đâu biết là chỉ cần một giây phút khai ngộ mà cuộc đời mình có thể hoàn toàn đổi khác:

Bao nhiêu năm qua, người lão bộc và vị hoàng thân sống kề cận nhau như hình với bóng nhưng chưa một lần nhìn thấy nhau. Vị hoàng thân như một hòn núi Thái Sơn sừng sững nhưng lạnh lùng và cô quạnh. Người lão bộc như một khe suối nhỏ nhoi róc rách chảy dưới chân cầu. Sự "khai ngộ" hôm nay như một trận đại hồng thủy để cho khe suối và núi cao biết nhau rằng, mỗi giọt nước tầm thường đều mang tính chất của đại dương và mỗi ngọn núi uy nghi đều đến từ hạt bụi.

...
Cũng vẫn là tiếng chuông Thiên Mục của trăm năm trước, cũng vẫn là tâm hồn Trí Hải của trăm năm sau sao bây giờ lại khác. Trí Hải sống với tiếng chuông như sống với một em bé nhỏ hay một bác nông phu. Chuông và người cùng sống, cùng ăn và cùng thở. Đêm khuya ông vẫn nói chuyện rì rào với chuông. Ông hiểu chuông hơn bao giờ hết. Trí Hải không cần phải thức khuya dậy sớm mới nghe được tiếng chuông khi trong lòng ông có nắng hòa với tiếng chuông sâu thẳm thăm thẳm phát khởi từ tâm hồn.

Tôi hết sức trân quý những đoạn văn như thế của Trần Kiêm Đoàn. Nó đơn giản mà súc tích, nhẹ nhàng như thơ mà gợi cho ta nhiều suy nghĩ và cùng lúc giúp ta hiểu cái lý trong sáng của đạo vốn ở nơi những cái thường ngày- *Phật pháp bất ly thế gian pháp*. Những kinh, luận có giá trị của nó nhưng không phải ai cũng có đủ duyên hay khả năng để thâm nhập. Đọc "Tu Bụi" giúp tôi thấy rõ ràng con đường mình đang đi, thấy ấm lòng hơn. Tôi vẫn luôn kính mến những nghệ sĩ sáng tạo bởi họ là người vẽ những nét chấm phá điểm tô cuộc đời, giúp kẻ phàm phu nhận ra *cái đẹp lạ thường giữa cái bình thường*. Nhà văn Trần Kiêm Đoàn đã vẽ nên một câu truyện đầy ý nghĩa về cuộc đời của những con người đắm lược bằng *cây cọ là chính ngòi bút của mình và màu là sự thật vi diệu của Pháp*. Bởi lẽ "đời là bể khổ", mỗi nhân vật của anh đều đối diện với những nỗi khổ của cuộc đời như những người bình thường khác. Đức Phật đã dạy chúng ta "đời là bể khổ" nhưng Ngài cũng xác định là chắc chắn là có một *con đường thoát khổ*, con đường của Bát Chánh Đạo và Ngài còn dạy "*Nước biển chỉ có một vị, đó là vị mặn, đạo của ta chỉ có một vị, đó là vị giải thoát*". Cũng vậy, các nhân vật của "Tu Bụi" biết rõ đời là bể khổ bởi bản thân họ đã chứng nghiệm được điều ấy, nhưng khác với chúng ta, họ vượt qua bóng đêm của khổ đau ấy bằng sự nhận thức được

cái phù phiếm hời hợt của đời thường và dấn thân vào đời bằng những hành động lợi mình, lợi người.

Qua cuộc đổi thay, Trí Hải trở nên một con người đơn sơ mà thân thiện, sẵn sàng ứng đáp với mọi tình huống. Ông nhận thấy một chiều sâu chưa từng thấy từ người đến cảnh, sự kiện ở chung quanh mình. Khi xóa đi cái lằn ranh giới giả tạo, cái phân biệt giữa ta và người, đó cũng chính là lúc Trí Hải bắt đầu sống với cái chân thật :

Chính lúc Trí Hải không bắt chước mà sống thực hồn nhiên như tiếng gáy con gà thì cũng là lúc ông đã quên đi bản thân mình là ông hoàng, là chủ Thái Ấp, là người đã ba năm vây màn đọc sách, là nhà quý tộc muốn cúi xuống thật thấp, “hạ cổ” đi vào cuộc đời và bị cuộc đời quay lưng từ khước. Khi ông thôi không còn quay quắt vào đời thì chính cuộc đời tự động mở ra và vây bủa lấy ông. Người dân Thái Ấp đã nhận được tín hiệu từ trái tim nên tự động tìm đến với Trí Hải. Họ vẫn dành trọn vẹn cho ông lễ nghi, cung kính nhưng không còn sợ hãi vì mỗi giao tình phát khởi từ những tấm lòng chân thành và nhân hậu với nhau, đó là sự tương kính gần gũi và yêu thương.

Ta gặp những đoạn văn cô đọng như thể rải rác trong từng chương của Tu Bụi. Với tôi, người đang đi thường lăm cảnh đẹp của đất Thần Kinh qua các nhân vật trong truyện, chúng như một làn gió sớm đem lại hương đồng cỏ nội, làm sáng khoái cả tâm và thân. Như một người đi chơi xa, càng đi càng thấy nhiều cảnh hay vật lạ, càng đọc ta càng khám phá những liên hệ qua lại của những nhân vật trong truyện. Có những sự kiện trong đời ta không nghĩ có ảnh hưởng gì đến cuộc sống của mình nhưng thật sự lại có giá trị rất then chốt quyết định đời mình. Giả thử như Quang Trung Đại Đế đã không chiến thắng hai mươi vạn quân Thanh trong Mùa Xuân Kỷ Dậu, bây giờ thì người Việt Nam chúng ta có mang thân phận là người Việt không? Giả sử vì lý do nào đó cha mẹ ta đã chưa gặp nhau thì bây giờ ta là ai? Cũng vậy, ta dần dần khám những chi tiết lỏp lang trong truyện, việc này đưa đến việc kia, những cái thấy vậy mà không phải vậy..., những danh phận như “Hoàng Thân, Danh Tướng, Công Thần, Phán Tặc, Chủ, Lão Bộc, Bạn, Thù...” đều là tạm bợ. Khi Trí Hải khám phá ra người lão bộc trung thành nhiều năm ở cạnh mình chính là danh tướng Phạm Xảo, ông mất một người “lão bộc” nhưng bù lại đã được một người bạn đồng hành giúp ông tìm lại chính mình. Trần Kiêm Đoàn đã tóm tắt cái liên hệ ấy bằng những lời văn nhẹ như thơ:

Trí Hải nhìn thẳng người đối diện rồi nhìn băng quơ vào bếp lửa đang cháy bập bùng, trả lời:

- Huynh và tôi cũng như bếp lửa này. Lửa nóng bao nhiêu rồi cũng sẽ tắt như con người sống già sẽ chết. Tất cả chỉ là tạm bợ nên xưa nay tôi chẳng coi gì quan trọng ngoài cái giao tình chân thật với nhau. Có huynh là có thêm một cây củi trong bếp lửa đời mình. Bếp lửa đời sẽ sáng hơn và ấm hơn, thích lắm chứ.

...

Khi Hàn Kỳ Vương, một cao thủ cờ tướng trăm trận trăm thắng đến thách đồ Trí Hải trong một trận cờ quyết liệt, ông buộc lòng phải nhận lời nhưng vẫn chưa biết lối ra. Vì biết tất cả đều là tạm bợ nên Trí Hải đã dễ dàng lãnh hội được lời chỉ dạy của người tiểu phụ (Thầy Tiều) "từ trong cái cũ, nhưng thoát ly cái cũ" và "Đừng dính mắc". Thái độ hoàn toàn buông xả vô chiêu thắng hữu chiêu đó đã giúp Trí Hải thoát ra khỏi cái oan khiên của một cuộc đại bại. Bài học lớn cho một đời người phải chăng cũng là thái độ buông xả, đừng dính mắc. Đừng dính mắc hư danh, đừng vương vấn tình lụy. Bát Nhã Tâm Kinh đã chẳng nhắc nhở ta "Bồ Tát Quán Tự Tại khi quán chiếu thâm sâu Bát Nhã Ba La Mật (tức diệu pháp trí độ) bỗng soi thấy năm uẩn đều không có tự tánh. Thực chứng điều ấy xong, Ngài vượt thoát tất cả mọi khổ đau ách nạn.

Không vương mắc còn có nghĩa là làm điều lành bởi vì biết là đó là điều ngay lẽ phải, không phải vì mong cầu được một cái gì đền bù theo tinh thần “cục đất ném đi, hòn chì ném lại” của thế gian thường tình. Ở một đoạn sau ta gặp một cuộc trao đổi giữa Trí Hải và vị thiền giả ung dung, Thầy Tiều:

- Nghiệp do mình tạo chứ có ai trừng phạt hay ban phát cho mình đâu. Rượu không bắt mình say, tiền không bắt mình mắc nợ. Say vì tự mình uống quá chén; mắc nợ vì mình xài quá nhiều. Đừng uống rượu quá đà thì khỏi say. Làm tiền ra nhiều hơn tiêu tiền thì có tiền dành để lại trong tay.

- Nghĩa là mình có thể làm chủ nghiệp của mình?

- Ồ, tất nhiên rồi quý hữu à. Người ta có thể cải nghiệp, giải nghiệp hay không tạo nghiệp.

- Hành động hôm nay là hạt giống cho số phận ngày mai hay đời sau. Tu không phải là chỉ có hình thức vào chùa để làm trụ trì, lên sư ông, thành sư cụ mà tu là tự mình làm thanh sạch cho cái tâm của mình để giải bớt nghiệp chướng cho chính mình bằng cách gieo hạt giống cho ngày mai.

- Có chăng một vùng đất lý tưởng để gieo giống cho đời sau?

- Ba ngàn thế giới, gieo đâu mà chẳng được, miễn sao là giống lành.

“Ba ngàn thế giới, gieo đâu mà chẳng được, miễn

sao là giống lành.” Thật là đơn giản mà cũng hết sức sâu sắc bởi đây chính là tinh thần bổ thí Ba La Mật của đạo Phật, cứ làm với tinh thần hoàn toàn không dính mắc thì mọi sự sẽ đều vào đó. Cuộc đời sẽ tươi đẹp hơn biết bao nhiêu, sẽ không còn chiến tranh, chém giết, hận thù... Đi theo bước thẳng thắn của Trí Hải chúng ta được thấy và biết thêm được những nét văn hóa đặc thù của đất dân tộc như nghệ thuật hát chèo, hoặc những chi tiết lý thú về cuộc sống trong cung cấm, nghệ thuật trồng cây kiểng, đánh cờ tướng. Dưới ngòi bút khéo léo của Trần Kiêm Đoàn chúng không chỉ là những chi tiết lạnh lùng mà là những nét khéo léo làm các nhân vật trong truyện kể thêm phần sống động để người đọc như có thể hình dung ra họ trước mắt mình. Ở mỗi một chương, người đọc được đưa từ những ngạc nhiên này đến những ngạc nhiên khác khi được giới thiệu những nhân vật khác của câu truyện. Chúng ta đã gặp Phạm Xảo, Sư Trúc Lâm ở chương 1 và 2, Hàn Kỳ Vương, Thầy Tiêu ở các chương 4, 5 và 6 và Tâm An ở các chương 10, 11 và 12. Ở mỗi một cuộc gặp gỡ, người đọc lại được học hỏi thêm những điều lý thú. Cuộc tranh tài về cờ tướng cho ta được biết về nguồn gốc của các loại cờ từ Đông sang Tây và quan trọng hơn là việc giữ sao cho tâm được an tịnh:

... Trong tâm ý lý thường lấy khinh an để trị tác loạn. Trong binh thư cũng có nói: “Biết dấy động đến chín tầng trời, cũng bằng biết dấu mình dưới chín lớp đất.” Ra quân với Hàn Kỳ Vương không phải chỉ đấu cờ đơn giản bằng cách di chuyển, tạo thế những quân cờ sắp sẵn trên bàn cờ mà cần phải biết dùng “đạo kỳ” để đem cái tâm lặng lẽ mà dẹp cái gốc ồn ào dấy loạn. Nhưng biết tìm cái tâm lặng lẽ ở đâu mà dựa; biết tìm cái trí an tịnh ở đâu mà làm vũ khí. Trí Hải càng cố nhắm mắt trầm tư thì những vọng tưởng lại hiện đến. Tọa ý khi phát phơ như gió nhẹ, khi khởi động như đám mây giông. Chúng kéo đến ùn ùn làm cho trí óc xiêu đổ như muốn nổ tung thành sấm dậy.

Trí Hải càng cố giữ tâm não trống không, những tạp ý càng khởi lên cố lấp đầy chỗ trống. Trí Hải cố quay đi để tránh, những tạp ý cứ sẵn đuổi bết gót. Người ta có thể dễ dàng xua đuổi một con voi nơi bìa rừng, nhưng lại khó khăn rũ bỏ bầy kiến trong ý niệm. Chân cứ sải dài bước đi thoăn thoắt, nhưng đâu không biết đi về đâu. Ra khỏi Thái ấp, qua khỏi mấy đồng lúa và theo lối mòn của vùng nương rẫy, Trí Hải men theo con đường đất đỏ, đá sỏi nhấp nhô. Cuối dốc lên độn sim, độn móc là lối mòn dẫn tới chân núi Trường Sơn. Mặt trời đang xuống dần bên phía Trường Sơn Tây nhắc nhở cỗ xe thời gian đang tụt dốc bên kia sườn đời của tuổi năm mươi. Nặng nề chiều cắt ngang những ngọn cây cao, trả hai phần bóng mát lại cho phía đông Trường Sơn xanh mượt cây rừng

trùng điệp...

Càng quan trọng hơn là ý nghĩa của việc hơn, thua:

Sự chiến thắng trước thiên nhiên là dấu hiệu tích cực của con người. Nhưng sự chiến thắng của con người trước con người thường mang nỗi xót xa tiêu cực của sự sống còn trên hủy diệt. Tự bản chất, chiến thắng có nghĩa là đề bẹp, loại bỏ, chôn vùi đối thủ yếu hơn. Sự vinh quang náo nức của người chiến thắng là nỗi tủi nhục ê chề của người chiến bại. Nụ cười của kẻ được là tiếng khóc của kẻ thua. Đôi mắt trong ngần không vầng vát chút mê mờ tham vọng và nụ cười vô tư của người đốt than không ngừng hiện lên trong tấm gương soi mình tưởng tượng của Trí Hải. Trận cờ thư hùng sắp đến cứ sau mỗi đêm suy nghĩ lại nhạt dần ý nghĩa ban đầu của nó. Trận cờ như một thách đố phù du. Người thua sẽ bị chôn vùi tên tuổi và sự nghiệp. Người thắng cũng sẽ bị chôn vùi trong tham vọng và kiêu căng. Càng gần đến ngày hẹn đấu, Trí Hải càng ít quan tâm hơn. Không còn những buổi tập trận trên bàn cờ với Phạm Xảo và các danh thủ đất Thần Kinh. Trong lúc Phạm Xảo và mọi người ở phía phe này hay phe kia đang bị thiêu đốt vì sự nôn nóng lẫn lo lắng đang cháy ngùn ngụt về số phận của trận cờ sắp đến thì Trí Hải càng kéo dài hơn những phút ngồi tĩnh tọa trong rừng vắng. Tâm không dính mắc với cuộc cờ nên trí cũng chẳng tư lự với giới hạn hay thế cờ của phe địch, phe ta...

Người đọc thích thú những chi tiết về cờ tướng, cây kiểng, hát chèo cổ... bởi nó khiến cho các nhân vật trong truyện thêm phần sống động. Ta có cảm tưởng như họ đang trực diện với ta, đang nói với ta những suy nghĩ của họ về cuộc đời, về nhân sinh quan. Những chi tiết mà tác giả đã dày công tìm tòi nghiên cứu để lồng vào câu truyện hiển nhiên là những điều cần thiết song tự bản chất chúng vẫn chỉ là một mớ kiến thức không hồn ví như những lọ màu rực rỡ nằm lẫn lộn trước giá vẽ chờ bàn tay người họa sĩ khéo léo biến chúng thành bức họa tuyệt vời. Người đọc cảm thấy chất sống động ở trong các nhân vật trong truyện bởi lẽ Trần Kiêm Đoàn đã gởi vào đây tất cả tâm sự cũng như lòng tha thiết yêu nghệ thuật và đạo pháp của anh. Bằng sự nồng nàn chân thành ấy anh đã thổi một làn hơi ấm vào các nhân vật, đem đến cho họ cái chất sống thực của đời thường chứ không phải những nhân vật hư cấu của hai trăm năm trước. Ở đầu chương 10, tôi gặp một lời đối thoại thật tâm đắc của Thầy Tiêu:

“Mỗi người chỉ có một cuộc đời để sống, vậy mà biết bao nhiêu người đã xài cuộc sống này một cách phí phạm như thể là họ còn có một cuộc đời khác đang cất để dành trong tủ không bằng...”

Một nhận xét đơn giản mà cũng thật chí lý khiến

người đọc sững sờ nghĩ đến bản thân mình. Chính ở trong những cái nhận xét đơn giản mà sâu sắc ấy là một trong những điểm đáng trân quý của *Tu Bụi*. Một điều thú vị của việc đọc sách là được khám phá ra ở câu truyện những gì mình đã không thấy khi đọc qua lần đầu, lần thứ hai... Tôi bắt gặp mình ở trong tâm trạng đó khi kiểm được những nét của các nhân vật mà khi nhìn thoáng qua mình đã chưa nhận biết. Ở các chương 14 đến 20 chúng ta được biết thêm một nhân vật hết sức đặc biệt đó là Ba Gắm. Trong Cung Oán Ngâm Khúc, văn hào Nguyễn Gia Thiều đã viết:

....
Tuồng huyền hóa đã bày ra đấy
Kiếp phù sinh trông thấy mà đau
Trăm năm còn có gì đâu
Chẳng qua một nắm cỏ khô xanh rì...
Trên chín bệ có hay chẳng nhẽ
Khách quần thoa mà để lạnh lùng...
Và:
Thù nhau chi, hời đông phong
Góc vườn dãi nắng cầm bông hoa đào
Tay Tào Hóa có sao mà độc
Buộc người vào kim ốc mà chơi...

Dưới ngòi bút mô tả của ông, người cung nữ là một người đàn bà đáng thương, lỡ mang phận liễu yếu đào tơ, lọt vào mắt xanh của thiên tử song cuối cùng phải mồn trong cung cấm than thân trách phận hăm hiu đen bạc. Đó là hình ảnh của một nạn nhân thụ động khiến người đọc mũi lòng thương xót. Ở người cung nữ Ba Gắm chúng ta thấy một mẫu người hoàn toàn trái ngược. Nàng không phó mặc cuộc đời cho sự đẩy đưa của số phận mà vươn lên tự mình lèo lái đời mình. Khác hẳn với mẫu người phụ nữ đòi bình quyền (feminists) của xã hội Âu Mỹ vào những thập niên cuối của thế kỷ 20, những người có châm ngôn sống là cái ta trên hết- “me first”, sẵn sàng làm tất cả, miễn là có lợi cho mình và chỉ riêng mình. Trái lại Ba Gắm đã phấn đấu vượt lên trên hoàn cảnh tự mình giải thoát ra khỏi kiếp tôi đòi, một là thân phận nữ nhi trong thời đại phong kiến, hai là sự khắc nghiệt của chế độ tam cung lục viện. Song không giống như một người đàn bà bình thường khác khi lọt vào địa vị Chánh Chương phu nhân chắc hẳn sẽ lạm dụng thế lực của chồng để gây lợi cho bản thân, cho gia đình giòng họ mình theo tinh thần “một người làm quan, cả họ được nhờ” của xã hội đương thời, Ba Gắm đã sử dụng cái khôn khéo của người phụ nữ đảm đang, cái kiến thức về tơ lụa cũng như quan chức của chồng mình để tạo dựng cho mình một cơ nghiệp đồ sộ với một mục đích duy nhất là để giúp người, cứu khổ mà không phân biệt như người đọc sẽ được biết ở phần kết câu truyện.

Tình cảm giữa Trí Hải và Ba Gắm được tác giả mô tả một cách hết sức nên thơ và tự nhiên, một sự hòa hợp ắt phải xảy ra giữa đôi trai tài gái sắc:

Không cần phải nói gì cả; cũng chẳng cần phải giải thích gì cả mà ngọn lửa tình bên này và bên kia, dầu gần sông cách núi, vẫn cảm thấy hừng hực hơi nóng khi chỉ cần nghĩ đến.

Tình yêu nửa đời là một sự sáng thế giữa trần thế vốn khô lạnh và quanh quẩn này. Khi người ta yêu, thế giới này bỗng nhiên đổi khác. Mọi người, mọi vật quanh ta đều như có tâm hồn thánh thiện và đáng đẹp đẽ, dễ yêu. Người ta có thể cười rất vô cơ với một đám mây trên trời xa hay rung động vì tiếng con dế mèn thấp thỏm trong đêm. Người ta có một tâm hồn lúc nào cũng đầy vị tha. Thế xác được tắm trong tình yêu sẽ thành tươi mới. Dòng máu luân lưu rần rần trong cơ thể làm cho người ta đẹp hơn. Chàng trai sẽ nhìn đời bằng tia nhìn hiệp sĩ và cô gái má chín ửng hồng, xinh xắn tự nhiên hơn mười lần son phấn. Chỉ cần nghĩ đến người tình, da thịt đã gây gây như thể có bàn tay đang ve vuốt vô hình. Trí Hải đã từng sống đời vợ chồng, nhưng người đàn bà chỉ là người vợ, chưa phải là người tình. Khá lắm thì cũng chỉ là đi song song chứ chưa bao giờ thật sự ở trong nhau. Người vợ truyền thống là người em để phục tòng, người chị để chăm sóc, người mẹ để an ủi bao dung, người đàn bà để làm tình và sinh đẻ. Vợ chồng là để thương nhau chứ không phải để yêu nhau; để chăm sóc và lo lắng cho nhau như một người vợ, người chồng chứ không phải để chia sẻ, mơ mộng, nhớ nhung, xao xuyến, tình tự, lãng mạn như một người tình. Vợ chồng cưới nhau rồi là giống như sắm một cỗ xe song mã. Cô dâu và chú rể trở thành hai con ngựa ngoan ngoãn và miệt mài cùng con lưng kéo cỗ xe gia đình nặng trĩu cho đến ngày cả hai cùng rã long đầu bạc, con cháu đầy đàn. Hầu hết những cặp vợ chồng Việt xưa có tất cả, biết tất cả, trù trạch vị tuyệt vời sống sánh của tình yêu.

Tình yêu tự nó là một nghệ thuật, nghệ thuật đòi hỏi sự sáng tạo và tô điểm thường xuyên như những đóa hoa tươi vẫn nở mỗi ngày. Tình yêu cũng là sự ngạc nhiên khám phá. Khám phá ra nét phù du, niềm cảm xúc ẩn chứa trong mỗi con người. Khám phá ra sự bùng vỡ mong manh của thể xác để đập vỡ biên cương của thể xác cho hai thể giới đam mê cùng tan loãng và hòa quyện với nhau.

Ba Gắm khám phá thế giới tri thức và tâm hồn của Trí Hải từ hơn mười năm trước qua những tác phẩm văn chương mà chàng hoàng thân một thời tuổi trẻ đã viết. Trí Hải khám phá Ba Gắm qua giấc mơ dài hơn nửa đời. Giấc mơ của những mối tình vương giả từ trắng và thơ, từ những chuyện tình trong cổ sử, từ bóng dáng tình tự lãng mạn trong đời sống Paris và cung điện Versailles.

Gặp nhau, không phải tình cờ mà cũng chẳng phải định số. Đây là sự đợi chờ của một viên ngọc quý nằm ẩn trong tim. Viên ngọc không tên, không hình dáng, trong suốt như chẳng có gì. Nhưng khi có luồng sáng đợi chờ đợi đến, viên ngọc sẽ ánh lên nghìn hào quang. Tia hào quang mắt thường của nhân gian không thấy, nhưng hai người yêu nhau bỗng thấy chói lòa và tan biến trong nhau. Từ đó, kẻ có tình yêu nhìn trăng không phải là trăng; nhìn mây không phải là mây... vì tất cả đều đã đổi khác. Cả hai cùng cười trong khổ đau, cùng khóc trong sung sướng, cùng quần quai trong nỗi đam mê cùng tột mà kẻ đứng ngoài thấy không đáng ba xu...

Ở *Tu Bụi*, người đọc có thể cảm nhận là Trần Kiêm Đoàn đã trau chuốt từng đoạn văn, từng ẩn dụ như trong đoạn trích dẫn ở trên về tình yêu, về viên ngọc quý của tình yêu, về trăng và mây v.v... Một điều rất đáng trân quý là *sự tôn trọng người đọc* của tác giả. Ông không nhắm vào những thị hiếu thấp hèn của ta mà sử dụng văn chương như một phương tiện để thăng hoa tâm hồn. Trong đoạn mô tả tình cảm giữa Trí Hải và Ba Gấm, ngay cả việc hai người chung đụng thể xác, tác giả đã mô tả sự việc tự nhiên như nó là, để rồi trong một chương sau đó biến nó thành một tình yêu cao thượng: yêu nhau là cùng nhìn về một hướng, cùng đi về một hướng.

Người đọc thích thú được hướng dẫn qua các tình tiết, xếp đặt của tác giả, những ngã rẽ đi vào lịch sử của nghệ thuật hát chèo thí dụ như giai thoại về một tướng Tàu tên là Lý Nguyên Cát được Hưng Đạo Đại Vương giao lại cho Tướng Trần Nhật Duật để hướng dẫn người nước ta về nghệ thuật ca hát hoặc những điều kỳ bí đằng sau những bức tường của cung cấm, những chi tiết tường tận về thú chơi cây kiểng, uống trà, đánh cờ... Tất cả các chi tiết này tự chúng quả thực là những điều hết sức thú vị song nói chung đó cũng chỉ là những kiến thức vụn vặt nếu không được lồng vào một bố cục chặt chẽ và hợp lý như tác giả đã làm thành công trong *Tu Bụi*. Những tình tiết, bối cảnh lịch sử ở đây được dung như một phương tiện để tác giả có cơ đưa ta đến một đỉnh cao (climax) của câu truyện: đó là những đoạn đối thoại về đạo về đời. Những liên hệ giữa các nhân vật của câu truyện bắt đầu từ Trí Hải và Phạm Xảo, Trí Hải và Hàn Kỳ Vương-Tử Du-Thiện Giả, Trí Hải-Ba Gấm, Phạm Xảo-Trần Minh đều là những xếp đặt tình tiết hết sức khéo léo nhằm về một mục đích làm sáng tỏ những lý lẽ của đạo, những nghiệp và quả trùng trùng điệp điệp. Trong trường hợp của Trí Hải và Hàn Kỳ Vương, hai người đã từng là địch thủ trong trận tranh đua cờ tướng một mất một còn. Sau trận cờ Hàn Kỳ Vương ngậm

ngùi nhận ra mình cũng chỉ là một nạn nhân của một sự lừa bịp và bắt đầu một cuộc đi tìm lại chính mình. Ở một chương sau đó ta gặp lại nhân vật Thiện Giả với một vai trò là vị cứu tinh của Trí Hải khi ông bị lâm vào tình trạng “tẩu hỏa nhập ma” tự xưng mình là Đấng Giác Ngộ. Như vậy một kẻ trước đây là “kẻ thù”, có lúc sẽ trở thành bạn hay cứu tinh. Liên hệ giữa Trí Hải và Ba Gấm là một chuyện tình thơ mộng nhưng nếu vướng vào vòng tình lụy thì duyên sẽ trở thành nợ. Ở các liên hệ này tác giả đã xếp đặt các gút mắc rất tỉ mỉ ở một đoạn trước để rồi gỡ rối ở một chương sau trong tinh thần từ bi và trí tuệ của đạo Phật.

Đọc nhiều lần các đoạn văn, ta tự hỏi đâu là đạo và đâu là đời, có một lần ranh giới chẳng? Cái lẽ tự nhiên ở đời chính là đạo -*Phật pháp bất ly thế gian pháp* là vậy. Đọc xong câu truyện, người ta có cảm tưởng đã trải qua một chuyến đi thú vị, ngồi ôn lại những đoạn đường đáng nhớ vừa qua. Đọc xong *Tu Bụi*, tôi như một người vừa ăn xong một món ăn ngon, muốn chia sẻ với những người bạn thân quen của mình tất cả những vị ngọt của nó một áng văn hay. Đây là một điều nói thì đơn giản nhưng không dễ làm, bởi lẽ mỗi chương của *Tu Bụi* đều có những lời hay ý đẹp về đạo, về đời, hạnh phúc, hơn thua, được mất... trích dẫn bao nhiêu mới là đủ? Và lại cũng như khi ta diễn tả một vị ngon ngọt của một món ăn, chỉ có người đang ăn mới thực sự cảm nhận được cái vị ấy, còn diễn tả chẳng qua chỉ là tường thuật lại.

Cuộc đời là một chuỗi những mâu thuẫn không ngừng. Một trong những mục đích tối hậu của mọi người, mọi vật là mưu cầu hạnh phúc vậy mà chính ở trong sự mưu cầu hạnh phúc ấy người ta đã đi thật xa cái mục tiêu mình tự đặt ra. Mọi việc, mọi sự, muôn loài muôn vật nương tựa nhau mà có, không có việc gì hay sinh vật nào có thể đứng riêng biệt. Vậy mà người ta chấp vào cái ngã đó để rồi tìm đủ mọi cách để thỏa mãn nó. Càng muốn làm thỏa mãn "cái tôi" thì càng không toại nguyện vì lòng ham muốn là cái thùng không đáy - cầu mong mà không được thì sinh ra sầu khổ- lòng lúc nào cũng ở trong trạng thái "cầu bất đắc" mà cầu bất đắc liên miên thì sẽ khổ liên miên. Bản chất cuộc đời vốn là một dòng sinh diệt không ngừng, các hình tướng đều là tạm bợ, bám vào cái hình tướng ấy người ta chỉ tự gieo sâu chuỗi khổ cho mình và người chung quanh. Điều oái oăm trong công việc tôi đang *Tu Bụi* bản chất là một truyện dài nói lên cái lẽ tự nhiên của đạo, đạo tự nó phải được chứng nghiệm, chứ không thể giải thích, không thể nói bằng lời - như Lão Tử đã nói “*Đạo khả đạo, phi thường đạo- Đạo mà ta có thể gọi được không phải là đạo*”. (Đạo Của Vật Lý -The Taos of Physics, bản dịch

Việt ngữ Nguyễn Tường Bách, NXB Trẻ, Việt Nam 2004). Nhà nhân chủng học và thám hiểm lừng danh người Na Uy Thor Heyerdahl (1914-2001), người đã từng dùng một chiếc bè vượt đại dương đi từ Nam Mỹ đến Polynesia, đã nhận định “Cuộc thám hiểm có ý nghĩa nhất chính là cuộc hành trình vào nội tâm” (The most meaningful journey is the journey inward). Trong tất cả các nhân vật của *Tu Bụi*, Trần Kiêm Đoàn đã làm nổi bật ý nghĩa của sự thật này. Ở đầu tác phẩm, Trí Hải là một người suốt ngày say mê với chữ nghĩa, say mê đến độ không biết những người ở cùng nhà với mình mặt mũi ra sao. Qua những va chạm với cuộc đời và nhất là qua cách giải quyết với tình thần vô ngã, ông đã tìm được hướng đi cho cuộc đời của mình. Từ một kẻ lạc đường, Trí Hải đã biết mình đi lạc để hướng về một cuộc sống đầy ý nghĩa như Trần Kiêm Đoàn đã viết thật hùng hồn:

Lạc đường thì cả trăm con đường vẫn không có một lối đi. Khi đã lạc đường thì dù là nhà thông thái, người hoang dã, bà giàu sang, ông bần cùng... cũng chỉ là kẻ lạc đường. Lạc đường là lạc đường. Không có lạc đường cao hay lạc đường thấp; lạc đường giỏi hay lạc đường kém. Lạc đường càng lâu, càng cách xa nơi đến hơn. Tu một trăm năm mà bị lạc thì khoảng cách với bờ giác ngộ càng xa một trăm lần so với người mới đến mà nhận ra rằng, mình bị lạc, để quay về đúng hướng. Mê muôn kiếp mà ngộ nhất thời vì đi lạc suốt muôn kiếp. Bỗng có một giây phút nào đó tỉnh thức quay về đúng hướng để tiến ngay vào điểm chuẩn đã nằm sẵn đợi chờ bao nhiêu đời, bao nhiêu kiếp ngay chính trong tâm mình.

Tác giả viết rất đơn giản và cô đọng, tuồng như ông đã suy nghĩ rất từ lâu về các vấn nạn này. Đúng như thế, ai cũng có Phật tánh, ai cũng có thể thành Phật vì:

- Cõi Phật ở ngay trong lòng quý hữu. Vậy nên ngoài quý hữu ra, không ai đủ sức làm cho cái tính Phật trong quý hữu hiển lộ. Ai cũng có thể thành Phật trong chính mình, chứ không ai thành Phật trong người khác hay phải biến thành người khác mới thành Phật cả.

- Phải bắt đầu từ đâu để có thể làm cho tánh Phật trong ta hiển lộ?

- Quét những lớp bụi mờ mỗi ngày trong kiếp sống hiện tiền và tích lũy từ bao kiếp trước. Quét mỗi khắc, quét mỗi canh, quét mỗi ngày không bao giờ ngưng nghỉ. Cởi chùng lá rụng nhiều hơn lá quét và bụi bám dày hơn bụi lau. Quét dọn siêng năng không bằng ngưng xả rác.

- Phủi bụi hay tu?

- Tu là phủi bụi!

- Tu bụi?

Cảm ơn tác giả Trần Kiêm Đoàn đã đem hết tâm

tình của mình ra để viết nên trường thiên tiểu thuyết này bởi đây là những lời tâm sự của anh. Cũng cảm ơn anh đã cho tôi những phút thật ấm lòng trong một mùa đông giá buốt đến tận xương của vùng Midwest mấy tuần qua và trên hết xin đa tạ anh đã giúp tôi thêm vững tin trong tình người và tình đạo trong cuộc đời đầy gió bụi này.

Michigan 2-10-2007

TRẦN TRỌNG GIỚI THIỆU:



doantran@sbcglobal.net

www.trankiemdoan.net

Sách dày 500 trang

In đẹp tại Papyrus Inc., San Jose, U.S.A.

Ủng hộ ấn phí 18 USD



TRỞ LẠI BẾN THÙY DƯƠNG

truyện dài nhiều chương của HỒ TRƯỜNG AN

(tiếp theo và hết)

Chương Chín

Phần Ngoại Truyện

Tổ Thuận xếp lá thư của Thúy Hoa, bỏ vào ngăn tủ. Khải Vinh ngồi ở bàn viết kế bên bàn máy may của nàng, đang loay hoay vẽ trang điểm tập chép nhạc do bố mình phổ thơ của chú mình. Thắng bé mới mười hai tuổi mà có hoa tay. Nó vẽ những cảnh thiên nhiên rất đẹp: Bó hoa trang chen hoa điệp, nét hoa bóng lá mơ hồ. Khóm lau ngã rạp theo chiều gió, nét vẽ mờ mờ như phảng phất hơi sương. Một con nhái bén ngồi trầm tư trên chiếc lá bông súng, bóng in trong gương nước chập chờn. Hai con cá thia thia hiều chiến đá nhau giữa cụm rong lắt phất. Một ông già chống gậy trúc bước qua cầu vắn đến phía cổ tháp. Một đàn cò bay trong ráng chiều màu lửa rực. Khải Vinh chỉ dùng cọ và màu nước dành cho học sinh vẽ môn hội họa tô màu trong lớp học.

Tổ Thuận âu yếm nghĩ thầm: Gia đình Trần vẫn đã có một nhạc sĩ nổi danh, một thi sĩ được phái đẹp ái mộ say sưa và được các phê bình gia ưu ái. Cứ xem nét vẽ phóng túng, khoáng đạt theo thiên bẩm của cậu nhỏ này, nàng có linh cảm rằng rồi đây gia tộc bên chồng nàng sẽ

có thêm một nghệ sĩ nữa.

Giữa lúc đó, Thiều Hoa tới chơi, đem tặng một ít rau dưa. Nàng chỉ mặc vải bô với chiếc áo túi trắng in hoa đỏ lá xanh li ti, quần vải xiêm đen. Nàng hôn cháu, rồi hỏi em dâu:

- Cháu ngoan chứ em? Nó say mê về thể này rồi sẽ xao lãng việc học cho mà xem.

Tổ Thuận bảo chị chồng:

- Không chị ạ, cứ nhìn học bạ của thằng con trai chúng em, em thấy nó chiếm hạng 10 trên 30 học sinh trong lớp.

Giờ đây là vào buổi bình minh của nền Đệ nhất Cộng Hòa. Đây là giai đoạn phồn vinh rực rỡ nhất trên dải đất miền Nam đất nước. Một đây là ngày đám giỗ ông giáo Cảnh. Khải Tường có mời chú thím mình, ông nhạc bà nhạc của mình bên Mỹ Tho, bà Năm Bông và dĩ nhiên là bà Tám Giỏi. Hòa Phong không về đây dự đám giỗ tiên lần giỗ chánh được, nhưng Thúy Hoa có hứa sẽ đem con cái của mình về thăm quê ngoại ít ngày.

Thiều Hoa nhìn qua cửa chính, thấy hai chậu tùng La Hán bày trong sân, hỏi:

- Cậu mợ mới mua hai cây tùng này à?

Tổ Thuận mỉm cười:

- Cô Thúy Hoa gửi tặng đây. Cô ấy ưa tặng món này vật nọ cho vợ chồng em và vợ chồng chú Khải Thụy luôn.

Thiều Hoa nở nụ cười âu yếm:

- Ai chứ con Thúy Hoa rất rộng rãi và hào hiệp. Nhưng nó ưa chê bai thiên hạ. Kỳ Tết vừa rồi, nó chê chị không biết cái đẹp của chậu tóc tiên. Liền đó nó đến vườn bán cây cảnh ở Khúc Quẹo Long Hồ mua tặng chị hai chậu tóc tiên, kèm luôn hai chậu sứ Thái Lan hoa đỏ chói.

- Cô Thúy Hoa khéo tay bày biện trang hoàng. Cho nên khi xây xong căn gác ở nhà sau, em có nhờ cô ta chỉ vẽ phải mua sắm bàn ghế ra sao, tranh ảnh tàu nào đẹp có bày bán trong Chợ Lớn, các món ngoạn hảo gì đẹp trang nhã.

Thiều Hoa chợt nhớ ra:

- Bà chị Thuần Hoa của chúng mình lại chê con Thúy Hoa điệu đà, đông đánh. Còn con Thúy Hoa lại chỉ ta nhà quê.

Tổ Thuận cười khanh khách:

- Họ chê nhau sau lưng; nhưng khi gặp nhau, họ đâu hót tung bùng.

Thiều Hoa chợt hỏi:

- Em đã sắm sửa gì chưa? Chiều mai là bữa giỗ tiên rồi đây.

- Các món dưa kiệu, dưa củ hành tím, đầu heo ngâm giấm, nem chua, bì gói đã xong. Bà vú đang làm món giò heo hầm măng tươi, món thịt cá kho chung đem trụng luộc, món vịt tiềm. Nhà em đang qua bên xe bên chợ đón mẹ con cô Thúy Hoa. Còn vợ chồng con cái của chú Khải Thụy thì chiều tối mới về chơi.

Bỗng ngoài cổng có tiếng gọi léo nhéo:

- Bà chủ nhà đâu rồi? Có con vợ thằng Chà-và lại đem món cà-ri chà cho bà giỗ bố chồng bà đây.

Thiều Hoa bảo:

- Mụ đào lẳng đến rồi kia.

Tổ Thuận ra mở cổng. Thuần Hoa mặc áo dài màu thiên thanh, tay che dù tía.

Theo sau chị là mụ bếp, tác sồn sồn, thân vóc khỏe mạnh, mụ bụng cái nồi lớn bằng đồng đỏ, lớn gấp đôi cái soong nhôm đựng cà ri vịt nấu theo lối Ấn Độ. Chị ta xia tiền lẻ cho mụ và dặn mụ nên về ngay và lo cơm nước cho bà Nam Bông và chồng con chị. Mụ bếp đi ra bên Thuyền Dương, cỡi dây buộc chiếc tam bản rồi xuống thuyền chèo ra sông cái.

Tổ Thuận mời Thuần Hoa vào nhà giải khát rồi ăn cơm trưa luôn. Thuần Hoa ốm ở hỏi:

- Bây có thấy tao dạo này béo đẹp hơn trước hay không? Chỉ cần phần mỡ chiếm một phần tư phần nạc thì con chị của tui bây đẹp như cô đào Kim Anh trên sân khấu Mộng Vân.

Thiều Hoa lại nói

- Anh Vincent của chúng em lại hơi gầy.

Thuần Hoa cười ngất:

- Các cụ ta thường bảo rằng tốt mái hại trống. Lời nói ấy có sai bao giờ?

Chị vuốt chiếc bụng khá sát rạt của mình:

- Tên Oánh-xăng bơm bầu cho tao, làm tao chứa để thét rồi rêm cả bụng.

Tao định kiêng cử chuyện chung chạ với chồng. Cao xanh hời! Thằng giặc Chà-và lai khéo dỗ ngọt dỗ mặn chị tui bây, rồi chị tui bây đành nhắm mắt nghe theo. Chừng ít lâu chị bây mới biết trong dạ con mình có vướng một chủng tử oan nghiệt. Một quá! Nhưng hai em à, con gái xứ Đại Cồ Việt như chị đây mà lấy chồng Phiên tặc xứ Thiên Trúc cũng bơi lội vẫy vùng trong hạnh phúc như ai.

Thiều Hoa khoe kiến thức:

- Hồi xưa vua Đường Thái Tôn thường cầu thân với các vua của các nước nhỏ ở Đông Tây Nam Bắc xứ Trung Hoa hoặc với các tù trưởng các bộ lạc phương Bắc bằng cách gả các em gái, con gái, cháu gái mình cho họ. Các em gái của vua gọi là các trưởng công chúa. Các con gái của vua là các công chúa, các cháu gái kêu vua bằng bác hay bằng chú là các quận chúa. Các cháu gái kêu vua bằng cậu hay các cháu ngoại gái của vua được gọi là huyện chúa. Cha các quận chúa đều là bậc thân vương. Còn cha các huyện chúa thường là quan văn hay quan võ. Khi các ông này được phong vương tước thì họ mới leo lên hàng quận chúa.

Thuần Hoa khoác lác liên:

- Các em biết không? Khi các trưởng công chúa, công chúa, quận chúa, huyện chúa đi hòa phiên Cống Hồ thì họ khóc hu hu, khóc ứot cả dọc đường lên Phiên Quốc. Nhưng tới chừng gặp các Phiên vương, Phiên tướng cao lớn, hùng tráng hơn mấy chú Chệt động chừng thì trong đêm động phòng thứ hai, mấy nàng nằm im như con cá đông lạnh, mắt nhắm nghiền, miệng há hốc, ngực phập phồng, hơi thở hỗn hển. Qua đêm thứ ba, các nàng rên hừ hừ, thỉnh thoảng rú lên: Chàng ôi, thế nào thiếp cũng chết. Chàng cứ làm mạnh thêm lên để cho thiếp chết gấp. Thiếp mà có rên rí thán oán chàng thì Thiên Lôi cầm búa đánh thiếp nát như như quét chả giã nem đi.

Thiều Hoa và Tổ Thuận cười ngã nghiêng. Thiều Hoa hỏi:

- Sao chị rành quá vậy?

- Thì hồi tiền kiếp, tao là một trong những bà trưởng công chúa chớ ai trồng khoai đất này?

- Bà trưởng công chúa đó tên gì?

- Thì cũng tên Thuần Hoa.

- Có nghĩa là bông búp, phải không?

- Người Bắc kêu là bông dâm bụt, nghe chưa? Hoa là phải dâm với ong với bướm, mới là tình ơi là tình, có phải?

Thuần Hoa kéo Khải Vinh lại gần mình, hôn lấy hôn để trên má cậu bé. Thiều Hoa và Tổ Thuận cười ngất. Bảy năm về cù lao An Thành làm vợ Khải Tường, làm chủ phụ trong gia đình ông giáo Cảnh, Tổ Thuận bỏ ý định lập tiệm may. Nhưng nàng vẫn lãnh quần may ở nhà để có dịp coi sóc việc nội trợ. Khải Tường ngoài việc dạy môn âm nhạc và làm huấn luyện viên thể thao cho nhà trường, chàng lập thêm một mẫu vườn trồng cây ăn trái. Hoa lợi bắt đầu thu hoạch được. Bà vú vẫn ở với vợ chồng chàng, coi sóc việc bán rau và hoa quả cho chàng. Khi ông giáo Cảnh và bà vợ sau của ông còn sinh tiền, bà được trả tiền công rất hậu. Khi Thiều Hoa làm chủ gia đình này, bà cũng được trả lương như thế. Giờ đây, bà không còn là tôi tớ nữa mà là di chồng của Thiều Hoa, bà di vợ của Khải Thụy. Bà có vốn liếng riêng nhưng không thích ra ngoài gia đình chàng để sống đời tự lập. Bà xin lập chúc ngôn, chừng nào bà qua đời, tiền của bà sẽ để lại cho Khải Thụy và Khải Vinh.

Một nhà sản xuất đĩa hát microsillon có mời hai anh em Khải Tường và Khải Thụy cho thu thanh vào vài đĩa giọng hát của họ. Các đĩa hát ấy bán khá chạy. Cho nên thỉnh thoảng hai anh em đi Sài Gòn, hát châu cho vài ban nhạc của đài Sài Gòn hoặc cho sân khấu Đại nhạc để có dịp hàn duyên với các bạn nghệ sĩ.

Cứ cách ba ngày, bà vú qua bên chợ để thăm viếng Khải Thụy và Tổ Hiền. Tổ Hiền chỉ sinh cho chồng một gái đầu lòng tên Tổ Nga và một trai rất lòng tên Khải Hoàn. Cũng như Tổ Thuận, nàng đẹp hơn hồi con gái. Nhưng nàng vốn nhược chất, nên cứ đau vặt luôn. Tổ Thuận hơi mập để thêm vẻ nuột nà. Tổ Hiền hơi gầy để thêm vẻ tha thướt yêu kiều. Khải Thụy mua một khoảnh vườn gồm bốn công đất ở Tân Ngã để cất biệt thự. Chàng cho trồng vài thứ cây ăn trái, nhưng trồng rất nhiều bông hoa, cây cảnh. Trong vườn có ao thả bông súng, có ao trồng sen, có cả những cây lớn trổ hoa như bằng lăng, phượng vĩ, ngọc lan, mộc lan, hoàng lan. Ngoài ra còn có lệ liễu, trắc bách diệp, thùy dương. Chàng cho xuất bản thêm hai tập thơ, hai tập tùy bút nữa. Chàng còn phóng tác và Việt Nam hóa các lại sách điểm tình của Barbara Cartland, của Delly cho đăng trên các báo ở Sài Gòn và cho in thành sách. Bởi đó, tiền kiếm được của chàng trội hơn lương công chức của chàng. Nhưng khi phóng tác, chàng dùng bút hiệu Trần Đỗ Thụy Hiền, chú không dùng tên thật.

Thiều Hoa phải về làm dâu bà Tám Giỏi. Nàng sinh cho chồng ba cậu trai nên thêm sinh con gái. Nàng rất cưng lũ con gái của Thúy Hoa và cô con gái của Khải Thụy. Tường Phụng giỏi việc làm ăn, lại mở thêm cái lò

gạch ở An Hương. Ngoài việc sản xuất gạch ngói bằng đất sét nung, chàng còn biết chế biến ra ngói lưu ly. Nghề làm nem cá cơm, mắm cá cơm, vôi ăn trầu bà Tám truyền lại cho Tổ Hiền. Còn Thiều Hoa vừa coi sóc việc nội trợ và giữ nghề luôn vặt áo dài. Khắp tỉnh Vĩnh Long, nàng là một trong ba người phụ nữ nổi tiếng luôn áo dài mà lại!

Thúy Hoa chỉ sinh cho chồng hai cô con gái là Thúy Anh và Thúy Uyên. Nàng tìm bên họ nhà chồng một đứa con trai để nuôi và đặt tên là Hòa Lương. Nàng đi làm áp-phe, mua đi bán lại ngọc thạch, kim cương cùng các loại gấm Hồng Kông, các loại tơ lụa Ấn Độ, loại lụa Lèo, loại lãnh Tân Câu nhuộm mặt nưa. Nàng kiếm tiền nhiều hơn chồng dù Hòa Phong có mở lớp tối dạy thêm môn Anh văn.

Thuần Hoa sang hai căn tiệm khít nhau, có trở cửa thông đồng nhau. Nàng đặt tiệm bán vải vóc và tơ lụa ở căn trái; còn căn mặt nàng dùng làm tiệm may. Nàng phụng dưỡng bà Năm Bông còn hơn là mẹ ruột của mình. Bà tuy ngoài sáu mươi, nhưng còn khỏe mạnh và nhanh nhẹn. Nàng sinh cho chồng 5 đứa con. Đứa áp út và đứa chót là cặp trai sinh đôi tên Jean Christophe và Jean Hughes. Ba cô gái đầu lòng tuy có nước da hơi sạm, nhưng xinh đẹp mặn mà. Cô lớn tên Marie Louise, cô kế tên Marie Laure, cô thứ ba tên Marie Christine. Thuần Hoa rất hòa thuận với đứa con trai của chồng là Jean Michel. Tên này da trắng giống mẹ, rất yêu thương bà nội và cha dù đương sự ở Sài Gòn để tiện việc đi dạy các trường Tây. Kỳ nghỉ hè nào, Jean Michel cũng về Vĩnh Long để được gần gũi với bà nội, cha và các em. Hiện giờ Jean Michel đang ve vãn cô Kiều Loan, con gái của Long, chủ nhân xưởng nước mắm Long Phụng. Kiều Loan đang dạy môn Việt văn trường Gia Long làm bà Năm Bông toại lòng đẹp ý lắm vì Kiều Loan nhu mì, phúc hậu.

*
* *

Bữa giỗ tiên đã tan. Tổ Thuận và Khải Tường xếp đặt chỗ ngủ cho khách và mọi người trong nhà. Thúy Hoa và hai đứa con ngủ trên gác của nhà trên. Ông chú bà thím của chị em Thiều Hoa thì ngủ trên gác phía nhà sau.

Nhà của bà Tám Giỏi khá rộng, nên bà Năm Bông với hai thằng cháu nội được mời đến ngủ trên sạp gu ở bên chái trái. Khải Thụy và Tổ Hiền ngủ ở căn buồng bên trái nối liền phía trái của trung đường.

Khải Thụy chong đèn viết hồi ký do lời khuyên bảo của Khải Tường. Ba tháng nay, chàng chưa viết được một chữ nào. Nhưng bây giờ những trang giấy trắng

muốt như lông cánh thiên nga trải trước mặt chàng không còn mênh mông nữa. Khung cảnh khuôn viên của chàng tại Tân Ngã không gây cho chàng một cảm hứng phồn thịnh nào. Giờ đây, mạch sáng tác chàng bỗng trào dâng như lưu lượng ao, bầu lung, vũng cùng ngồi cạnh khe sâu và rạch con mương nhỏ vào mùa mưa dầm trong khắp giang đảo này. Lại còn tiếng sóng dạt dào của dòng sông Cổ Chiên này, những tiếng thùy dương trên ven sông, trên bãi đất trộn cát reo vì vút nữa chi. Tất cả đem lại chàng những chặng tang tóc mờ côi thời thơ ấu, tuổi hoa niên âm áp giữa vòng tay bảo bọc của bà vú và các anh chị chàng.

Tiếng sóng hòa tiếng thùy dương ở xa vẫn bắt tuyệt. Ngoài cửa sổ là nửa vầng trăng hạ huyền. Sau vuông cửa sổ song sắt là ngọn đèn Hoa Kỳ đang chong sáng. Khái Thụy đối diện với xấp giấy trắng, tay cầm cây viết Parker và mắt ngắm lọ mực Waterman. Chàng không những tiếp nhận biết bao là chi tiết của quãng đời quá khứ đưa về mà còn tiếp nhận cái ân sủng mọi sắc thái và mọi trạng thái của chúng. Sau khi cha mẹ chàng tuần tự qua đời, tình anh chị em chàng càng gần bó nhau. Nhà văn André Gide thường kêu lên: 'Gia đình ôi, ta ghét mi'. Chắc là gia đình ông ta không có tình yêu, mọi người nếu không đối xử giả dối với nhau, thì cũng tranh chấp thù ghét nhau nên ông ta kêu lên những lời tiêu cực như thế. Còn riêng chàng, hoàn cảnh chàng nào giống hoàn cảnh ông ta. Chẳng những chàng không tán thành lời ông ta mà cũng không sống theo ông ta. Mỗi người có một hoàn cảnh riêng, một tâm rạn riêng. Có nhiều điểm chung với người đi trước, chúng ta có thể nối gót theo đường sự một vài bước hoặc theo họ trải qua một vài đoạn đường. Rồi sau đó, tâm trạng và nhân sinh quan đối chúng ta thay đổi theo cảnh ngộ khác, chúng ta phải rẽ qua con đường khác, nhắm tới mục đích khác.

Tổ Hiền đã ngủ say. Có lẽ giờ đây đã vào canh ba. Khái Thụy đặt bút viết miên man. Lăn trong tiếng sóng, tiếng gió và tiếng thùy dương, một ca khúc của Khái Tường đồng vọng trong một hẻm hóc sâu kín của tâm khảm chàng. Bản này do anh càng phổ bài thơ chàng thành nhạc:

*Yêu tuyệt vời là yêu bao thiếu nữ
Với hôn thơ, mộng đẹp, lòng ước mơ
Yêu trai tân nơi cuối trời viễn xứ
Nhìn chính mình hoài bão tự xưa giờ.*

*Nhìn đất nước gấm hoa đang mở hội
Ôi, rộn ràng chim bướm náo vườn xuân
Hò hạnh phúc đợi chờ ta bơi lội
Đường chông gai biến thành dải thảm nhung.*

*Nhìn tận đáy cảnh xuân tàn hoa rụng
Gặp mầm xuân thấp thoáng đợi năm sau
Sẽ nhận rõ khi bóc trần lớp mộng
Gặp cuối đường một côi sống nhiệm mầu.*

CHUNG

Tiểu sử nhà văn HỒ TRƯỜNG AN

Ông tên thật là Nguyễn Viết Quang, sinh ngày 11-11-1938 tại làng Long Đức Đông, tỉnh Vĩnh Long, em ruột nữ sĩ Nguyễn Thị Thụy Vũ. Tốt nghiệp khóa 26 (1968) trường Bộ Binh Thủ Đức. Trưởng ban Chiến Tranh Chính Trị tại hai Chi Khu Trị Tâm và Lái Thiêu (thuộc tỉnh Bình Dương) từ năm 1969 cho tới 1971. Sau đó, làm việc ở Ban Thông Tin Báo Chí thuộc Quân Đoàn III và Quân Khu 3 (tại Biên Hòa). Các bút hiệu khác: Đình Xuân Thu, Đào Huy Đán. Sống tại Pháp từ 1977. Trong nước, ông cộng tác với các báo: Bách Khoa, Tin Văn, Tin Sách, Tranh Thủ, Tiền Phong, Tiền Tuyến, Tiểu Thuyết Thứ Năm, Bút Hoa... Ra hải ngoại, ông cộng tác với các báo: Quê Mẹ, Hồn Nước, Đất Mới, Văn (do Mai Thảo chủ trương), Văn Học Nghệ Thuật, Văn Học, Bút Lửa, Lạc Hồng, Viên Giác, Sống, Đẹp, Tự Do (Texas), Tự Do (Gia Nã Đại), Chiêu Dương, Xây Dựng, Lửa Việt, Làng ăn, Văn (do Nguyễn Xuân Hoàng chủ trương), Hợp Lưu, Thề Kỷ 21, Hải Ngoại Nhân Văn, Mekong (Nhật Bản), Cỏ Thơm, Đại Chúng ...

Tác phẩm đã xuất bản:

TRUYỆN DÀI: - Phẩm Bướm - Hợp Lưu - Lốp Sóng Phê Hung - Ngát Hương Mật Ong - Nửa Chờ Nửa Quê - Lúa Tiêu Ruộng Biền - Tình Trong Nhung Lụa - Lối Bướm Đường Hương - Tình Đẹp Đất Long Hồ - Trang Trại Thần Tiên - Còn Tuôn Mạch Đời - Ngát Thơm Hoa Bưởi Bông Trà - Chân Trời Mộng Đẹp - Thờ Sen Hồng Phượng Thắm - Bãi Gió Cồn Trăng - Bóng Đèn Tà Nguyệt - Vùng Thôn Trang Diễm Áo - Tình Sen Ý Huệ...

TẬP TRUYỆN: - Chuyện Quê Nam - Chuyện Miệt Vườn - Hội Rẫy Vườn Sông Rạch - Đồng Không Mộng Quanh - Gã Thiệp Về Vườn - Đêm Xanh Huyền Hoặc - Tập Chúng - Chuyện Tập Truyện Ma - Ma Đất Tân Bồi...

KÝ SỰ VĂN HỌC NGHỆ THUẬT: - Cõi Ký Ưc Trăng Xanh - Giai Thoại Hồng - Thông Điệp Hồng - Chân Trời Lam Ngọc I - Chân Trời Lam Ngọc II - Sân Gõ màn Nhung - Theo Chân Những Tiếng Hát - Cáo Thơm - Chân Dung Tiếng Hát I - Chân Dung Tiếng Hát II - Tác Phẩm Đẹp Của Bạn - Lai Láng Giòng Phù Sa - Bảy Sắc Cầu Vòng...

(theo Vietnam Library Network)

TIN TỨC PHẬT GIÁO KHẮP NƠI

(trích từ Phapluan.net, Vietbao.net, Thuvienhoasen.org, Phattuvn.org...)



Ngôi chùa Donghwasa - Đồng Hoa Tự, Nam Hàn (Minh Châu dịch)

Trong triều đại Joseon (1392-1910) đạo Phật đã bị đàn áp nặng nề. Các tu sĩ phải lẩn trốn trong các sơn tự để khỏi bị sát hại. Donghwasa là một trong những ngôi chùa ấy. Chùa được xây cất trong rừng sâu giữa ba thung lũng nhỏ. Đầu tiên ngôi chùa được đại sư Kukdal đặt tên là Yukasa, sau đó được đổi thành Donghwasa khi sư Shimji, vị giảng sư có tiếng tăm, trông thấy những cây ngô đồng (pawlonia -Oh-tong) nở hoa trong vùng thung lũng.

Cũng như hầu hết các ngôi chùa Đại Hàn, chùa Donghwasa là một nhóm những kiến trúc được xây cất chung quanh một khoảng sân, với chánh điện quay mặt về chính giữa. Với cái tên là Daeungjeon, chánh điện có thờ nhiều tượng Phật khác nhau với tượng Phật Dược Sư ở giữa. Được xây cất bởi vua Yongjo của triều đại Goryeo, ngôi chùa biểu hiệu một nét kiến trúc đặc biệt như những cây đà cong bằng gỗ, tạo nên sự hài hòa giữa ngôi chùa và quang cảnh chung quanh. Bên trong là những bức tường sơn nhiều màu sắc cùng những pho tượng Phật trong tư thế an nhiên.

Khu vực hướng Đông của chùa là khu vực ẩn tu Geumdang-am, được xây cất dọc theo ba ngôi chùa nhỏ bằng đá từ thời đại Silla Thống nhất.

Có rất nhiều khu ẩn tu rải rác trong rừng gần chùa Donghwasa, và nhiều hình tượng Phật được khắc lên đá.

Khi đi ngược lên đồi bạn sẽ thấy khu vực mới hơn của chùa Donghwasa: Chùa Quốc Gia Thống Nhất.

Chùa này được một vị tổng thống đạo Phật xây cất vào năm 1980, để tưởng nhớ ngày quốc gia được thống nhất. Một pho tượng Phật khổng lồ được tôn trí trên nền đá hoa, đứng giữa một khoảng sân rộng. Từ đây người ta có thể ngắm nhìn quang cảnh hoành tráng của vùng núi Palgong.

Ngôi chùa Pha That Luang, Vạn Tượng - Lào (Minh Châu dịch)

Ngôi chùa Pha That Luang (còn gọi là Ngôi tháp vĩ đại hay Tháp xá lợi linh thiêng) là một đài tưởng niệm tôn giáo tiêu biểu nhất của quốc gia Lào, tọa lạc trên một ngọn đồi cách trung tâm Vạn Tượng khoảng 3 cây số về hướng Bắc.



Thời điểm thành lập của ngôi chùa được ghi chú từ thế kỷ thứ 3 trước Công Nguyên. Các nhà truyền giáo Asoka đã dựng lập một đền thờ tại đây để tôn trí xá lợi của Đức Phật. Tuy nhiên, phần kiến trúc tôn giáo sớm

nhất còn duy trì trên khu đất này, dường như được ghi chú tại một tu viện Khmer vào khoảng thế kỷ 12.

Vào giữa thế kỷ 16, vua Setthathirat đã dời kinh đô từ Luang Prabang về Vạn Tượng, và đã ra lệnh xây cất chùa That Luang. Công trình bắt đầu vào năm 1566. Vì được bao phủ bằng vàng, ngôi chùa đã liên tục bị xâm chiếm bởi Miến Điện, Thái và Trung Hoa. Cuộc xâm lăng của Thái vào năm 1828 đã gây thiệt hại nặng nề cho kinh đô và That Luang đã thực sự bị bỏ rơi. Kiến trúc hiện nay là sự tu sửa trực tiếp của người Pháp từ những năm 1930- được thực hiện để thay thế cấu trúc không hoàn chỉnh trước kia của Pháp vào năm 1900- và dựa theo những bản vẽ chi tiết từ những năm cuối 1860 của danh tài kiến trúc kiêm thám hiểm người Pháp Louis Delaporte.

Mỗi tầng của kiến trúc ba tầng này đều phản ánh một phần của giáo lý Phật đà. Tầng thứ nhất dài 226 ft ngang 223 ft, tầng thứ hai mỗi cạnh dài 157 ft, tầng thứ ba mỗi cạnh dài 98 ft. Từ mặt đất lên tới chóp của ngôi tháp có độ cao 147.6 ft. Các thành vách chung quanh tu viện mỗi cạnh dài gần 279 ft với một số lớn những nét chạm trổ của Lào và Khmer.

Giành lại tuệ quyền

(Như Quang lược dịch từ bài viết “*Mastering Your Own Mind*,” tác giả Katherine Ellison, đăng trong tạp chí chuyên đề tâm lý Psychology Today số tháng 10, 2006.)

Bà Katherine Ellison, một nhà báo, kể lại rằng khi con trai bà lên tám tuổi, cháu gọi số điện thoại khẩn cấp 911 vì bà tước đoạt món đồ chơi điện tử Game Boys của cháu. Bà viết, nếu lúc đó tôi hiểu đạo Phật có lẽ tôi đã hành xử tốt đẹp hơn. Có thể tôi đã không la mắng cháu khi điện thoại viên còn đang lắng nghe. Và tôi đánh cuộc rằng tôi đã không quy xuống vì sợ hãi khi viên cảnh sát thẩm vấn tôi ở một phòng riêng.

Điều quan trọng nhất là tôi có thể tha thứ cho con tôi nhanh chóng hơn và mọi chuyện không đến nỗi tệ hại. Tôi có thể nhìn con với một cái nhìn thông cảm hơn.

Nhìn lại, tôi nhận ra rằng mình hoàn toàn không biết sử dụng trí tuệ của mình. Do sự chú ý của chúng ta bị lay chuyển, sự nhần nại yếu kém, bị thúc đẩy bởi sợ hãi, ác tâm, tham muốn và những nỗi khát khao tiềm ẩn bên trong, chúng ta chuyển sự thôi thúc ra hành động. Ngược lại, những thiền giả Phật giáo sử dụng trí tuệ của họ vô cùng minh mẫn bằng một kỹ thuật tâm linh. Có mặt từ 2,500 năm, kỹ thuật tâm linh này đã giúp họ chú ý tỉnh giác vào sự vận hành của trí tuệ. Họ phát huy một khả năng đặc biệt để kiểm soát sự vận hành đời sống tâm linh của họ, tránh sự chi phối của tình cảm với những

cảm thọ của họ và dọn đường cho sự tỉnh thức, an bình, cảm thông và an lạc. Những thí dụ trên về các thiền giả Phật giáo cho thấy chúng ta có khả năng thay đổi tính khí của chúng ta, điều chỉnh lại những tình cảm và tăng cường các khả năng tiềm ẩn bên trong để chúng ta có thể sử dụng trí tuệ mình mẫn hơn.

B. Alan Wallace, chủ tịch và sáng lập viên của Viện Nghiên Cứu về Ý Thức tại Santa Barbara nói rằng “Chúng tôi hoạch định phương cách nghiên cứu lâu dài về sự trau dồi giữa tâm và tuệ để đạt đến tối ưu tuệ lực con người.” Là một học giả Phật giáo nghiên cứu về những điểm chung giữa khoa học và tôn giáo, ông tin tưởng rằng những điều mà nhân loại chịu đựng là do chính hành động của chúng ta. Cảm thọ của chúng ta kết hợp với những nỗi sợ hãi về xúc và ngã, làm lu mờ đi sự tỉnh giác của chúng ta. Cuối cùng chúng ta hành động như thể chúng ta không có sự chọn lựa nào khác

Thiền định thay đổi những điều chúng ta cho là cố định như ưu não hay sân hận. Thiền giả khám phá ra rằng thọ là những sự kiện phát sinh từ tâm linh như những bọt nước dâng lên từ đáy nồi đang sôi. “Họ quán những cảm thọ này rồi buông bỏ,” nhà thần kinh học Richard Davidson của trường đại học Wisconsin ở Madison nói như thế. Ông Jon Kabat-Zinn, sáng lập viên của viện nghiên cứu về giảm thiểu sự căng thẳng tinh thần thuộc trường đại học y khoa Massachusetts đóng góp thêm: “Thiền định Phật giáo đang hướng đến sự phát triển của khoa học dựa trên nhân bản.” Nói về thiền định, ông Wallace cũng cho biết rằng 10 ngàn người Mỹ thực tập thiền theo nhiều phương pháp khác nhau và thiền Phật giáo nổi bật nhất trong các pháp thiền. Mười ngàn người này không thể nhận định sai!

Hơn một năm sau khi bị sa sút tinh thần vì vai trò của bậc làm cha mẹ không được hoàn hảo, bà Katherine Ellison nói rằng bà đã tự tập hành thiền. Thỉnh thoảng bà thiền với cậu con của mình.

Tù nhân tìm thấy an lạc trong tôn giáo

(Như Quang lược dịch dựa theo bài viết: *Prisoners Find Peace in Spirituality* đăng trên báo Times Colonist, Victoria, B.C., số ra ngày 3 tháng giêng, năm 2007.)

Mùa Giáng sinh trong tù có thể là khoảng thời gian đau khổ và trạo hồi cho các tù nhân. Nhưng đối với những tù nhân dần thân vào một hành trình tâm linh, đây có thể là một nhắc nhở về sự khởi đầu mới mẻ.

Theo các giám thị nhà tù, mùa lễ thường là thời gian mà các tù nhân bị trầm cảm, bồn khoăn tuyệt đối về tội lỗi của họ và cái giá mà họ phải trả, kể cả sự gần gũi gia đình và bằng hữu.

Nhưng với các tù nhân bị xuống tinh thần này cũng như các vị lãnh đạo tinh thần trong nhà giam, đây là dịp để họ tạo dựng lại sức mạnh và bắt đầu cho sự tự do của nội tâm.

Tù nhân Ray Kriltz, 42 tuổi, là một Phật tử đang thọ án tù chung thân vì tội cố sát, nói rằng tiết đông chí là thời gian cho thiền định và hồi tưởng. Ông Kriltz nói bây giờ việc thiền định công khai và thực hiện các nghi lễ Phật giáo dễ dàng hơn ở trại William Head so với các trại giam với sự kiểm soát an ninh gắt gao hơn mà ông đã trải qua. Ông cho rằng những buổi thiền thành công nhất là những buổi thiền đến bất ngờ không định trước. Đó là những lúc tâm an định khi ông đang làm vườn, tắm bộ hoặc ngay cả ngồi yên trong một góc riêng biệt của nhà giam William Head.

Một tù nhân khác, Jeff, 47 tuổi, đang thọ án chung thân về tội ngộ sát diễn tả về sự cảm nhận mới mẻ về tự do tâm linh như sau. Khoảng 5 năm về trước ông bắt đầu chú ý về thánh kinh và đến bây giờ ông đã tham dự ít nhất ba khóa lễ cầu nguyện hoặc chuyện trò cùng các vị giáo sĩ công giáo. Ông nói ông vẫn chưa hiểu thấu đáo Thiên chúa giáo nhưng vẫn tiếp tục lắng nghe, tìm hiểu và khi đúng thời điểm ông sẽ xin làm lễ rửa tội.

Hai người đàn ông này có một điểm chung khi nói về tôn giáo. Họ đều diễn tả sự buông bỏ, nhất là khi có sự làm chủ giả tạm.

Derrek Hutching, một điều hợp viên ở trại William Head, nói Cải Hối Gia Nã Đại cho phép các tù nhân được suy tôn, lễ bái tùy theo tôn giáo. Ông Hutching cho rằng sự tìm đến các đức tin tôn giáo có tác động rất nhiều đến sự cải hối.

Pho tượng Phật khổng lồ trên đảo Lantau, Hong Kong

(Minh Châu dịch)

Ngày 20 tháng 01, 2007

Hong Kong, China - Pho tượng Phật ngồi bằng đồng lớn nhất thế giới được xây trên vùng đất cao nhất của Đảo Lantau, chỉ mới 13 năm nhưng đã trở thành một địa điểm cho khách hành hương.

Có câu chuyện rằng nước Nhật đã đồng ý tài trợ mọi chi phí cho việc xây dựng tượng, với điều kiện là pho tượng phải hướng về phía Tokyo. Bắc Kinh, khi nghe tin, đã ngăn chặn chuyện hoang đường này, và thế là pho tượng Phật giờ đã nhìn về hướng Bắc Kinh.

Công trình được khởi sự vào năm 1983 lúc Hong Kong còn là thuộc địa của Anh, và đã được khánh thành 10 năm sau bởi chư Tăng từ hơn mười quốc gia. Tên chính thức của pho tượng là Tian Tan (Big Buddha).

Tượng Phật được làm thành từ 202 phiến đồng lớn được hàn với lại nhau một cách thiện xảo đến không thấy dấu vết. Ngồi trên tòa sen được tôn trí trên một bệ thờ ba tầng, tượng Phật khổng lồ có một nét an nhiên, đem lại sự thanh thản và an lạc đến cho mọi người. Vào những ngày trời trong, tượng Phật có thể được nhìn thấy từ Macau.

Ngoài pho tượng Phật ra, tín đồ còn đến để chiêm bái xá lợi Phật. Theo lời tường trình thì xá lợi này đã được vị sư trụ trì tu viện Po Lin, Thượng Tọa Chi Mai, mang về từ Tích lan vào năm 1992. Tu viện Po lin, được ba vị thiền sư kiến lập vào năm 1924, là một nơi tu tập Phật giáo có tiếng tăm trên toàn cầu. Sư Chi Mai nói: "Từ Tích lan, tôi đã thỉnh xá lợi đức Thích Ca Mâu Ni về đây. Tại phi trường, tôi đã phải mở hộp ra cho các viên chức hải quan và báo chí xem. Mọi người đều trông thấy xá lợi có màu trắng. Khi tôi tôn trí vào trong tượng Phật, xá lợi đã đổi màu vàng. Và bây giờ lại thành màu đỏ, một màu sắc thuận lợi nhất".

Hoa Kỳ trao trả tượng Phật quý hiếm cho Pakistan (Hạt Cát dịch)

IANs Thursday 25th January, 2007

Newark- USA. Chính phủ Hoa Kỳ vừa trao trả cho Pakistan một pho tượng Đức Phật khổ hạnh bị đánh cắp, là một trong hai pho tượng khổ hạnh hiếm quý được đúc hồi thế kỷ thứ 2 trước Tây Lịch.

Pho tượng khổ hạnh khác hiện đang nằm trong viện BảoTàng Pakistani, căn cứ theo các viên chức đã tiếp nhận pho tượng được trao trả từ Sở Di Trú và Lực Lượng Hải Quan, Biên Cảnh Hoa Kỳ tại Newark, New Jersey hôm thứ Ba vừa rồi.

Pho tượng được khám phá trong một công tác phối hợp giữa Sở Di Trú, Hải Quan và Biên Phòng Hoa Kỳ. Các pho tượng và những nghệ phẩm khác được chứa trong hai kiện hàng gửi qua hai chuyến tàu khác nhau mà công ty hải vận đã làm sai lạc xuất xứ quốc gia gốc và người liên hệ. Cả hai chuyến hàng đã đến cảng Newark Port trong tháng 09 năm 2005.

Một toán các viên chức sở Di Trú và Lực Lượng Hải Quan chịu trách nhiệm trường hợp này đã làm việc với nhiều chuyên gia khác nhau trong lãnh vực Nghệ Thuật Nam Á cũng như các viên chức của Bộ Nội Vụ trong việc nhận dạng các nghệ phẩm.

Các chuyên gia của Pakistan và Hoa Kỳ đã làm việc với nhau về trường hợp này và đã xác nhận rằng các tác phẩm này là những gì bọn trộm đã đào xới bất hợp pháp từ một khu khảo cổ ở miền bắc Pakistan.

Các chuyên gia cũng phát hiện một số các nghệ phẩm đã bị hư hỏng, cho thấy bọn trộm đã dùng các

phương tiện thô sơ để đục đẽo lấy đi pho tượng từ các khu khảo cổ. Trong khi điều tra, các viên chức ICE cũng phát hiện được những đầu mối có thể đưa tới việc phục hồi những nghệ phẩm bị đánh cắp trong tương lai.



Chùa Tiểu Nhạn Tháp, Trung Quốc

(Minh Châu dịch)

Ngôi chùa Tiểu Phúc tại Tây An được dâng cúng vào năm 684 để kỷ niệm 100 năm ngày vua Lý Trị của nhà Đường băng hà. Năm 698, chùa được đổi tên là Tiểu Phúc. Đây là nơi nhà sư Nghĩa Tịnh, một du tăng nổi tiếng của Trung Hoa, đã phiên dịch bộ kinh tạng Phật giáo bằng tiếng Sanskrit được mang về từ Ấn Độ. Vị sư đã xin hoàng gia một ngân quỹ để xây dựng nơi bảo trì bộ kinh này. Không có đủ ngân khoản này, nhà vua đã kêu gọi các vi vương phi đóng góp cho công trình này. Vì có đức tin sâu dày với Tam Bảo hơn cả nhà vua, họ đã cúng dường một ngân khoản rất lớn, nhiều hơn số tiền mà Sư Nghĩa Tịnh cần để thực hiện công trình.

Ngôi chùa đã tồn tại sau gần 70 trận động đất lớn trong suốt thời gian hơn 1,300 năm kể từ ngày thành lập. Có một câu chuyện được nhiều người biết đến, rằng trận động đất vào năm 1487 đã tách ngôi chùa làm đôi. Rồi 34 năm sau, một trận động đất khác đã ghép 2 phần này lại. Câu chuyện kỳ diệu này đã được ghi lại trên đà ngang của chùa bởi một viên chức đa nghi, Wang He, người đã đến thăm và lưu lại chùa một đêm vào năm 1555.

Trong sân chùa có một đại hồng chung được đúc

trong triều đại nhà Kim vào năm 1192.

Các ngôi chùa như Tiểu Nhạn Tháp đã gây cảm hứng cho nhiều thế hệ các nhà kiến trúc Đại Hàn. Có một sự giống nhau đáng kinh ngạc giữa chùa Xiaoyanta và ngôi chùa 7 tầng tại Andong, Đại Hàn, được xây cất cùng thời.

Chùa Linh Ân, Hàng Châu, Trung Quốc

(Hạt Cát lược dịch)

Linh Ân tự tại Hàng Châu, là một trong những ngôi chùa lớn và sung túc nhất Trung Quốc. Chùa được xây dựng buổi đầu tiên vào năm 326 sau Tây Lịch, nhưng từ đó đến nay được trùng tu không dưới sáu lần. Các kiến trúc hiện nay là kiến trúc được phục hồi vào cuối đời nhà Thanh. Triền núi phía nam của ngôi chùa nổi tiếng với các hang động và đá chạm. Rất nhiều tác phẩm đã được khắc chạm từ thời ngôi chùa mới được kiến tạo và một số lớn khác được khắc chạm vào thời hưng thịnh của Phật Giáo dưới đời nhà Đường. Mặc dù bị một vài hư hỏng do hồng vệ binh tạo nên trong thời gian Cách Mạng Văn Hóa xảy ra, ngôi chùa và khuôn viên của nó tránh được hầu hết những sự hủy hoại cũng giống như nhiều ngôi chùa khác do nhờ sự bao che của Thủ Tướng thời bấy giờ, Chu Ân Lai. Ngày nay ngôi chùa đang trên đà thịnh đạt, dù hầu như hàng ngàn quan khách viếng thăm chỉ vì mục đích ngoạn cảnh thay vì tín ngưỡng.

Chùa Linh Ân được kiến tạo theo cấu trúc truyền thống. Những điều làm cho nó nổi tiếng chính là kích thước của nó, đặc biệt là kích thước của tòa nhà chính. Ngôi tiền điện, và cổng vào cũ là một ngôi điện to lớn, Thiên Vương Điện. Ngôi điện này là một tòa nhà nóc mái chia hai lớp, lớn hơn cả chính điện của nhiều ngôi chùa khác, chiều cao của nó ít nhất là 60 feet. Đức Phật chính được tôn trí tại đây là Đức Phật Di Lặc, pho tượng được tôn trí hướng mặt ra ngôi điện về phía nam để chào đón du khách bước chân vào khuôn viên ngôi chùa. Bên trái và phải 4 tượng Thiên Vương. Những pho tượng này đều cao từ 30 đến 40 feet và mới được sơn phết lại. Trần nhà là bích họa hình ảnh chim Phượng và rồng.

Nằm về phía nam của Thiên Vương Điện là một khoảnh sân rộng lớn, phía đông là một số cơ sở như văn phòng, cửa hàng lưu niệm, phía tây là Ngũ Bách La Hán Đường và phía bắc là Chính Điện. Chính Điện hay còn gọi là Đại Hùng Bửu Điện với kim thân tượng Đức Phật Thích Ca cùng tượng 18 La Hán đồ sộ. Cảnh quang sân trước với cây cối xanh tươi rậm rạp khiến người ta khó thể lấy được một bức ảnh toàn cảnh. Phía sau chánh điện hướng lên triền núi là một kiến trúc khác mới được xây dựng là Dược Sư Điện. Kiến trúc này không thuộc kiến

trúc đời Thanh mà nó mới được xây trong vài năm gần đây, một phần khác của kiến trúc mới là Ngũ Bách La Hán Đường với 500 pho tượng La Hán bằng đồng với kích cỡ như người thật, và một pho tượng Quan Âm.

Kiến trúc Chính Điện với mái chùa 3 lớp đồ sộ cao 120 feet, có thể nói đây là hình thể kiến trúc Phật Giáo đồ sộ nhất tại Trung Quốc.



Mã Lai: Pho tượng Phật ngồi cao ngất tại chùa Wat Kalai

(Minh Châu dịch)

Ngày 5 tháng 2, 2007

Sil, Kedah (Malaysia) - Không được nhiều người biết đến, pho tượng kim thân Phật cao 21 mét uy nghi trong tư thế tọa thiền tại ngôi chùa Wat Kalai thuộc vùng Jeneri, thành phố Sik, vẫn cao ngất trên nền trời xanh thẳm của tỉnh bang Kedah.

Là một kỳ công kiến trúc tuyệt diệu, pho tượng Phật tại chùa Wat Kalai có thể được gọi là một trong những kỳ quan của tỉnh bang Kedah.

Pho tượng bằng đá và đất sét được sơn phết, tọa trên một bệ vuông trang hoàng hình dáng một toà sen đã được bảo trì rất chu đáo từ khi hoàn thành vào năm 1984.

Vị sư trụ trì Achandam, 28 tuổi, cho biết pho tượng đã được thực hiện trong thời gian Sư Chow Khun tiền nhiệm trụ trì tại ngôi chùa Thái 200 năm tuổi này.

Sư nói rằng ngôi chùa, được xây dựng giữa một vùng hẻo lánh yên tĩnh của thành phố Sik, được các tín đồ Phật giáo tới lui lễ bái và cầu phúc lành. Sư nói “Chúng tôi có nhiều tín đồ và khách vãng lai tại đây (thành phố Sik) và các tỉnh bang khác đến lễ bái vào

những ngày cuối tuần.”

Tượng Phật được tôn trí ở giữa bốn bức tường xây chung quanh với 64 pho tượng Phật ngồi nhỏ hơn. Bên dưới tượng Phật là một hốc tường nơi chứa tro cốt những người thân đã quá vãng. Tuy nhiên, hiện nay có rất nhiều ngăn trống vì các thân nhân đã dời một số tro cốt về những ngôi chùa Thái khác trong thành phố Sik.

Theo lời một tín đồ, ông Leong, Wat Kalai, một trong những ngôi chùa Thái cổ nhất trong tỉnh bang Kedah, tong là nơi tụ họp của các tín đồ trong các dịp lễ hội và cầu nguyện của người Thái. Ông nói "Nhưng đó là chuyện ngày xưa. Bây giờ thì chùa Wat Cherok Padang, cách chùa Wat kalai chừng 7 cây số, là một trong các ngôi chùa hiện có đông tín đồ nhất".

Một vị Tiến Sĩ xuất bản dịch phẩm văn học lịch sử Phật giáo

(Tinh Tấn dịch)

News-Leader, ngày 01 tháng 02, 2007.

Springfield, MI (USA) – Tiến sĩ Stephen Berkwitz, vị tiến sĩ của hội nghiên cứu Phật giáo tại Đại học Missouri State University, gần đây xuất bản một bản dịch 300 trang từ một văn bản Tích Lan trong thế kỷ 13 tựa đề: “Lịch sử của Xá Lợi Phật Thiêng Liêng: một bản dịch của Sinhala Thupavasma”.

Tiến sĩ Berkwitz làm việc với một tiến sĩ ngôn ngữ học tại Tích Lan để thông dịch văn bản. Phiên dịch này mất 18 tháng vì không có tự điển Sinhala- Anh ngữ biên soạn cho ngôn từ cổ xưa.

Văn bản mà Tiến sĩ Berkwitz đã phiên dịch là độc đáo, ông nói, vì văn bản này gồm cả hai lãnh vực văn học và lịch sử. Được viết bởi Ngài Parakama Pandita, văn bản kết hợp những bài kệ cũng như những hình ảnh và so sánh được soạn thảo tỉ mỉ, tiến sĩ nói như trên.

Quyển sách của tiến sĩ Berkwitz, được xuất bản bởi Nhà Xuất Bản Đại Học Oxford, đặt trọng tâm chính yếu trên sự diễn tả một điện thờ Xá Lợi Phật của người Tích Lan như thế nào – Bảo Tháp—được xây dựng trong thế kỷ thứ hai trước Công Nguyên để tôn trí Xá lợi Phật.

Quyển sách cũng được chứa đựng một sự mô tả giá trị Phật giáo truyền bá ra ngoài nước Ấn như thế nào.

“Bản dịch này được viết rõ ràng cho một số lớn độc giả.” Tiến sĩ Berkwitz đã nói như trên. “Bản dịch này cho chúng ta biết tầm quan trọng về Phật giáo được thông hiểu và thực hành trong đại chúng như thế nào.”

Tiến sĩ Berkwitz đã nghiên cứu Phật giáo hơn một thập niên. Trong năm 2005 và 2006 Tiến sĩ đã nhận một phần thưởng Fulbright U.S. Senior Scholar Award, cho phép ông du hành đến Tích Lan trong bảy tháng để hướng dẫn nghiên cứu các bài kệ Phật giáo trong thời kỳ

thực dân gần đây – đặc biệt tác phẩm được viết bằng ngôn ngữ Sinhala – và thuyết trình tại Đại học Colombo đề cập đến tình trạng Phật giáo tại Hoa Kỳ.

Đức Đạt Lai Lạt Ma chấp thuận vai trò giảng sư đặc biệt tại đại học

(Hạt Cát dịch) Feb 5, 2007

Atlanta: Đức Đạt Lai Lạt Ma, vị lãnh đạo tâm linh lưu vong Tây Tạng, đã được tôn xưng danh vị giảng sư chủ tịch đặc biệt tại Đại Học Emory Atlanta, Hoa Kỳ, một viên chức của trường đã cho biết như trên hôm thứ hai 05 tháng 02, 2007..

Đây là đại học đầu tiên bổ nhiệm nhân vật thắng giải Nobel Hòa Bình năm 1989 được chấp thuận.

Vị lãnh đạo Tây Tạng lưu vong phát biểu trong một bài diễn văn tại đại học rằng Ngài nhắm đến việc cống hiến khả năng phục vụ của ngài cho sinh viên và cộng đồng.

"Tôi tin tưởng chắc chắn rằng giáo dục là một công cụ không thể thiếu thốn trong việc phát triển hạnh phúc của nhân loại và tạo lập một xã hội công bằng và hòa bình, và tôi hoan hỷ đóng góp một nỗ lực nhỏ bé trong vấn đề này xuyên qua sự bổ nhiệm này" Ngài phát biểu như trên.

Ngài dự trù sẽ khai trương thuyết giảng trong thời gian viếng thăm ngôi trường từ 20 đến 22 tháng 10, 2007, và tham dự một hội nghị về khoa học và tâm linh và một buổi giao lưu tôn giáo.

Sự bổ nhiệm không hạn chế nhưng cũng không có thù lao, nữ phát ngôn viên của trường nói như trên.

Vai trò của Đức Đạt Lai Lạt Ma bao gồm cung ứng những khóa học riêng cho sinh viên và cơ sở trong chương trình xuất ngoại nghiên cứu ở Dharamsala, Ấn Độ và cơ hội cho thành viên cộng đồng đại học tham dự các khóa giảng hằng năm. Đồng thời Ngài cũng sẽ thăm viếng định kỳ hàng năm đến Emory .

Đại học Emory cũng thành lập một quỹ học bổng dưới tên của Đức Đạt Lai để cấp học bổng cho sinh viên Tây Tạng chưa hoặc đã tốt nghiệp tại trường.

Khám phá mới: phế tích chùa Phật Giáo 1,700 năm tuổi

(Hạt Cát dịch) Fri. February 09, 2007

Bangladesh. Chùa cổ Phật giáo 1,700 năm tuổi vừa được phát hiện ở khu vực "Bihar Dhap" trong một cuộc khai quật mới đây.

Trước đó một ngôi chùa Phật Giáo khoảng 1,500 tuổi trong thời đại tiền Pal cũng đã được khai quật ở

cùng một khu vực.

Ngôi chùa Phật giáo mới được khai quật khoảng hơn 1,700 năm tuổi, viên chức khảo cổ cho biết như trên, và cho biết thêm rằng phần dưới của ngôi chùa được trang trí với cổng vòm đất nung và gạch.

Một kiến trúc bằng gạch bao gồm cả một số phòng nhỏ cũng được tìm thấy cùng lúc với ngôi chùa. Một bậc tam cấp dẫn đến một khoảnh đất trống mà có thể đó là nơi tôn trí tượng thờ.

Abdul Khaleque, Rajshahi giám đốc phân bộ khảo cổ trong khu vực nói toàn bộ ngôi chùa có thể đã lộ ra nếu như công trình khai quật hồi đầu tháng mười hai năm ngoái tiến hành được suông sẻ.

Có thể là ngôi chùa này đã bị bỏ phế trước khi bắt đầu công trình xây dựng ngôi chùa 1,500 năm tuổi đã được khám phá trước đó, nơi mà chất liệu xây dựng bằng đất nung và gạch tinh tế hơn đã được tìm thấy.



Chùa Đồng mới

[30.01.2007] theo VietnamNet

Xin giới thiệu một số hình ảnh chùa Đồng mới trên non thiêng Yên Tử. Chùa Đồng mới cũng được Trung tâm sách kỷ lục Việt nam trao chứng nhận là ngôi chùa bằng đồng lớn nhất Việt Nam

Toàn bộ công trình Chùa Đồng mới được đúc hoàn toàn bằng chất liệu đồng với tổng trọng lượng chính thức là 70 tấn, gồm 3500 chi tiết lắp ghép với nhau theo quy trình dựng một căn nhà gỗ thông thường. Tổng chi phí để xây dựng và vận chuyển chùa hết hơn 21 tỉ đồng từ sự

quyên góp của các Phật tử trong và ngoài nước.



Chùa Đồng nặng 70 tấn



Học giả Phật Giáo Anh Quốc ca ngợi Ni Chúng Đài Loan

(Hạt Cát dịch) 2007-02-10 22:00:02

New Delhi, India, Feb. 10 (CNA) Richard Gombrich, một giáo sư ngành nghiên cứu Phật Giáo ở Đại học Oxford, đã ca ngợi sự đóng góp của Ni chúng Đài Loan trong việc đề cao giá trị của giáo lý Phật giáo, nói rằng ảnh hưởng của Phật giáo đã gia tăng một cách đáng kể trên đảo quốc này trong khi tín chúng ở những quốc gia khác vẫn còn đau khổ vì sự kềm chế của vai trò người phụ nữ.

Gombrich đã phát biểu như trên trong một cuộc phỏng vấn của CNA hôm thứ bảy, sau khi đã chủ tọa một hội nghị Phật giáo được tổ chức ở Bodh Gaya, Bihar, một tỉnh miền Bắc Ấn vào hôm 04 đến 06 tháng hai kỷ niệm 2550 năm ngày Đức Phật nhập diệt.

Trong suốt ba ngày nghị hội, đại sư Chue Men thuộc Phật Giáo Phật Quang Sơn ở thành phố Cao Hùng, Đài Loan trong bài diễn văn đã tường trình vắn tắt các hoạt động đóng góp của Ni Chúng trong thế kỷ 21. Đại sư Chue Men nói 75% của con số khoảng 30,000 tu sĩ có khả năng thuyết pháp ở Đài Loan là nữ giới, Ni Chúng, tỷ lệ cao nhất so sánh với bất cứ quốc gia nào trên thế giới.

Có tám trường đại học, ba bệnh viện và hai mươi tám (28) thư viện được các tổ chức Phật Giáo thành lập ở Đài Loan, xứ sở của năm triệu bốn trăm ngàn Phật tử.

Đại sư Chue Men nói đa số chư Ni ở Đài Loan đều có trình độ học vấn cao, rất nhiều vị đạt được các học vị cao cấp từ các đại học trong nước cũng như ngoại quốc. Đại sư nhấn mạnh rằng ở Đài Loan, ni chúng được sống trong một môi trường xã hội thượng lưu, một thực tế đã gây sự chú ý cho Đức Đạt Lai Lạt Ma, và tuyên bố trong chuyến viếng thăm Đài Loan năm 1997, Ngài dự định nghiên cứu hệ thống đào tạo Ni chúng ở Đài Loan để thành lập một hệ thống tương tự cho Phật giáo Tây Tạng.

Đại sư Chue Men còn nói thêm rằng ở Đài Loan, ni chúng rất được tôn trọng bởi vì sự chuyên cần tinh tấn của họ trong việc học hỏi nghiên cứu giáo pháp cốt lõi Phật giáo cũng như việc tham gia điều hành, hoạt động trong các tổ chức từ thiện. Trích dẫn từ tổ chức Phật Giáo Phật Quang Sơn, đại sư nói ni chúng đã phục vụ trong các trách nhiệm như một người điều hành chiếm hết 95% các cơ sở chi nhánh Phật Giáo Phật Quang Sơn tại Đài Loan và hải ngoại.

Hội Nghị Phật Giáo tại Bodh Gaya với chủ đề "Thế kỷ 21 và Phật Giáo", đã thu hút khoảng 1000 lãnh đạo và đại diện Phật Giáo của các quốc gia trên thế giới, kể cả Hoa Kỳ, Anh Quốc, Đức Quốc, Estonia, Ba Tây, Hung Gia Lợi, Mã Lai, Đài Loan, Nhật Bản, Tích Lan và Thái Lan.

Richard Gere thực hiện tường trình mỗi hiểm nguy trên đường vượt thoát của dân Tây Tạng

(Hạt Cát dịch)

Author: Sudeshna Sarkar

Kathmandu, Feb 9: Ngôi sao Hollywood và là người hâm mộ Đức Đạt Lai Lạt Ma, Richard Gere sẽ thực hiện một chương trình tường trình với chủ đề "Mỗi hiểm nguy trên đường vượt thoát" trên cảnh ngộ của những người Tây Tạng đang tìm cách vượt thoát ra khỏi sự kiểm soát của Trung Quốc.

Chương trình sẽ trưng bày những chứng vật miêu tả quân đội Trung Quốc đối xử với những người bỏ trốn như thế nào, ví dụ nổ súng vào một nhóm tăng sĩ, trẻ em và phụ nữ không vũ trang, giết hại một tu nữ trong một trường hợp đã tạo nên làn sóng công phẫn trên toàn thế giới hồi năm ngoái.

Ngôi sao Hollywood, người ủng hộ dân tộc Tây Tạng tranh đấu giành độc lập cho quốc gia họ ra khỏi sự thôn tính của Trung Quốc, sẽ ra mắt bộ phim tài liệu "Mỗi hiểm nguy vượt thoát" được biên tập bởi phong trào "Chiến Dịch Quốc Tế cho Tây Tạng" ở Bá Linh trong thứ hai tuần tới.

Bản tường trình cũng cho thấy những nỗi bất an đang rình chờ người dân tị nạn Tây Tạng, những người đã đến Nepal sau khi bí mật vượt qua khỏi dãy núi băng giá ranh giới, vì ảnh hưởng lớn lao của Trung Quốc nơi các xứ Vương Quốc Hi Mã Lạp Sơn này.

Khi Quốc Vương Gyanendra nắm quyền chính phủ Nepal, cả hai tính cách gián tiếp và sau đó là trực tiếp, Nepal nhìn nhận Trung Quốc là thân hữu "bốn mùa" của họ và bắt đầu trù trừ tay vào dân tị nạn Tây Tạng với nhiều lần giao trả nạn nhân lại cho chính quyền Trung Quốc.

Hiện nay mặc dù thể chế quân chủ đã không còn nữa, Bắc Kinh vẫn tiến bước cho tham vọng của họ tìm cách tiến gần dần chính phủ bầy đảng phái cũng như phe thân cận họ Mao.



Nó âm thầm tiến lên đòi hỏi về hứa hẹn mới của Nepal đối với họ, bản tường trình cập nhật cho biết như tên.

Cái "Thảm kịch chính trị phát triển" tại Nepal năm ngoái, kể cả việc chấm dứt vương triều Gyanendra và sự bắt đầu đàm phán hòa bình giữa chính phủ mới với phe du kích thân Mao cũng ảnh hưởng đến người dân Tây Tạng, cả hai trường hợp những người cư trú tại Nepal và những nhóm bỏ trốn từ Tây Tạng để đến Ấn Độ xuyên qua cửa ngõ Nepal.

Có khoảng 2,500 đến 3000 người Tây Tạng đã bắt chấp nguy hiểm trên con đường xuyên qua rừng núi Hy Mã Lạp Sơn, để chạy trốn đến Ấn Độ nương náu nơi trú xứ lưu vong của Đức Đạt Lai Lạt Ma tại Dharamshala ở miền Bắc Ấn Độ.

Hơn một phần ba số người lánh nạn là trẻ em được cha mẹ chúng gửi đi học ở các trường Tây Tạng lưu vong vì vấn đề không thích ứng hoặc không đủ điều kiện học hành tại Tây Tạng.

Rất nhiều tu sĩ tăng ni Tây Tạng mong mỗi được thực hành tín ngưỡng của họ trong tự do, trong khi những người khác ra đi vì đã mất mát đất đai hoặc không thể tìm được việc làm bởi sự cạnh tranh của dân di trú Trung Quốc ngày càng gia tăng, dưới chính sách chuyển hóa kinh tế của Trung Quốc tại Tây Tạng

Mỗi nguy hiểm của dân chạy nạn đã gia tăng cao hơn bởi trường hợp xảy ra hồi tháng Chín năm ngoái khi quân đội biên phòng Trung Quốc nổ súng vào một nhóm người, giết hại một ni sư 17 tuổi.

Nhiếp ảnh gia người Lỗ Ma Ni Sergiu Matei, người đã thu hình vụ nổ súng trên con đường Nangpa Pass sẽ hợp tác với Richard Gere thực hiện chương trình tường trình này.

Thiền tập nhắm vào việc nâng cao tinh thần

(Minh Châu dịch)

Ngày 11 tháng 2, 2007

Oxford, UK - Những bệnh nhân bị chứng bệnh trầm cảm được mời gọi sinh hoạt như các tu sĩ Phật giáo để ngăn họ đi đến việc tự tử.

Các nhà tâm lý học tại Đại Học Oxford đã mở các lớp thiền và yoga cho những người mang tâm trạng buồn chán trầm trọng, để xem thiền có thể giúp nâng cao những cảm xúc của họ và ngăn chặn những tình trạng đưa họ đến việc tự hủy mình.

Những phương pháp thư giãn cổ xưa, như các phương pháp được tu sĩ Phật giáo thực hành hàng trăm năm nay, đã cho thấy sự thực dụng trong việc ngăn chặn bệnh nhân dễ rơi vào tình trạng trầm cảm. Hiện nay các nhà nghiên cứu tại khoa tâm lý học của trường, đứng đầu

là giáo sư Mark Williams và Tiến sĩ Thorsten Barnhofer, muốn tìm xem những phương pháp trị liệu này có thành công đối với người đã mang tâm trạng buồn chán.

Nhà nghiên cứu tâm lý học, Tiến sĩ Caroline Crane nói: "Phương pháp trị liệu bao gồm phương pháp liên quan đến sự nhận thức cùng với sự luyện tập thiền và yoga. Thiền giúp người ta xa rời những tư tưởng không tốt và cũng giúp cho sự thư giãn. Nó giúp họ ngừng truy tìm về quá khứ và lo lắng cho tương lai."

Mặc dù hầu hết mọi người đều cảm thấy sa sút tinh thần trong khoảng thời gian nào đó trong đời sống, chứng trầm cảm lại dẫn tới sự hoàn toàn không tha thiết đến mọi thứ, làm cho người bệnh cảm thấy vô dụng và ảnh hưởng đến việc ăn và ngủ. Chứng bệnh này có thể trầm trọng đến nỗi bệnh nhân thường cảm thấy đời không đáng sống, khiến họ đi đến tự tử. Hàng năm tại Anh Quốc có 1,700 người vào bệnh viện sau khi đã chủ tâm tự hủy mình và có khoảng 5,000 người tự tử.

Là một phần của cuộc thử nghiệm thiền tập, nhóm nghiên cứu đã viết thư mời các bệnh nhân, trước đây đã từng dự định tự tử và vẫn còn cảm thấy buồn chán, tham dự cuộc thử nghiệm tại Bệnh Viện Warneford, Headington. Sau những buổi họp mặt đầu tiên, những người tình nguyện họp lại thành từng nhóm nhỏ để dự 8 lớp học hàng tuần và nghe những đĩa CD tại nhà.

Nhóm cũng nghiên cứu về những ảnh hưởng sinh lý của thiền bằng cách quan sát các tiến trình hoạt động của não bộ.

Giáo sư Williams nói: "Chúng tôi sắp sửa tìm ra những điều hết sức quan trọng để có thể ngăn chặn những tâm trạng trầm cảm và có ý muốn tự tử. Chúng tôi đang đi từ việc chữa trị cho tới việc giúp mọi người nhận ra rằng cuộc đời đáng để sống".

Một vị sư ngồi Thiền, để xác y nguyên từ 300 năm

HÀ NỘI: Theo hãng tin nhà nước VASC, vừa qua, chùa Tiêu, xã Tương Giang (Tứ Sơn, Bắc Ninh) đã phát giác một pho tượng có cốt xương trong một tháp cổ sau chùa. Pho tượng ước tính gần 300 tuổi. Do bị hư hỏng khá nặng, tượng đã được đưa về chùa Duệ Khánh (xã Nội Duệ, huyện Tiên Du) để tu bổ. Công việc này được bắt đầu từ ngày ngày 16/3 và sẽ do nhà khảo cổ Nguyễn Lân Cường làm chủ nhiệm và phía Thiền viện sẽ chi kinh phí.

VASC cho biết: những thông tin bước đầu trên tấm bia đất đặt trước tháp cho thấy, vị thiền sư tên là Như Trí, tu hành ở chùa Tiêu cách đây chính xác là 283 năm. Trải qua thời gian, pho tượng đã bị hư hỏng nặng: hai

cánh tay gãy rời, các ngón tay gãy, thủng một lỗ lớn sát hốc mắt và nằm mốc toàn thân. Theo ghi nhận bước đầu của các nhà khảo cổ, cách "uớp" được xác tượng có nhiều điểm giống với hai pho tượng chùa Đậu (Thường Tín, Hà Tây), tức là không lấy bất cứ bộ phận nội tạng nào cũng như não ra khỏi cơ thể; mà dùng phương pháp rút dần nước.

Điều bí ẩn gây tò mò cho nhiều người là pho tượng ở ngay trong ngọn tháp sau chùa mà hơn hai thế kỷ qua, các thế hệ tu hành ở đây không hề biết gì cho đến ngày ngôi tháp ngẫu nhiên bị vỡ một mảng gạch và thế là bí mật được phát lộ.

Cũng theo tin nhà nước, tượng thiền sư Như Trí là pho tượng có cốt xương thứ 5 được tìm thấy ở Việt Nam cho đến thời điểm này. Bốn pho còn lại là tượng nhà sư Từ Đạo Hạnh ở Chùa Thầy, nhà sư Chuyết Chuyết ở Chùa Phật Tích, nhà sư Vũ Khắc Trường, Vũ Khắc Minh ở Chùa Đậu. Các vị sư gọi trường hợp ngôi thiền thị tịch và để nhục thân không hư hoại như thế bằng danh từ "xá lợi toàn thân". Đặc biệt, bản tin của thông tấn Pháp Quốc AFP lại ghi nhận như sau:

Xác của thiền sư Như Trí trong tư thế ngồi thiền liên hoa ở Chùa Tiêu, Bắc Ninh. Thiền sư này viên tịch năm 1723. Xác được sơn một lớp để bảo vệ khỏi mối mọt, nhưng các bộ phận nội tạng vẫn đầy đủ không hư hoại. Một hốc mắt bị thủng và hai cánh tay gãy ở cùi chỏ."



Photo : Hình ảnh xá lợi toàn thân của Ngài Như Trí (ảnh AFP)

Công bố những kỷ lục Phật giáo VN lần 5

[18.01.2007 06:53] nguồn: phattuvn.org



GSTS Lê Mạnh Thát

Trung tâm sách Kỷ lục Việt Nam - Vietbooks vừa chính thức xác lập và công bố 4 kỷ lục Phật giáo Việt Nam lần 5, gồm:

- **Người dịch kinh điển Pali nhiều nhất Việt Nam:** Hòa thượng Thích Minh Châu
- **Người dịch kinh điển Đại thừa nhiều nhất Việt Nam:** Hòa thượng Thích Trí Tịnh
- **Người viết sách về văn học và lịch sử Phật giáo nhiều nhất Việt Nam:** GS.TS Lê Mạnh Thát
- **Bộ từ điển Phật học lớn nhất Việt Nam:** Bộ từ điển Phật học Huệ Quang (Hòa thượng Thích Minh Cảnh chủ biên)

Lễ công bố và xác lập những kỷ lục của Phật giáo Việt Nam lần 5 dự kiến được tiến hành tại Văn phòng II Trung ương Giáo hội - Thiền Viện Quảng Đức (quận 3, TP.HCM), ngày 22-1-2007.

Dịch Đại Tạng kinh bằng máy vi tính

[20.07.2006 04:25]

Ngày 18-7, tại TPHCM, Viện Nghiên cứu Phật giáo, Trung tâm Nghiên cứu quốc học (Hội Nhà văn VN) đã tổ chức họp báo giới thiệu công trình Việt dịch Đại Tạng kinh bằng máy vi tính của nhóm Tuệ Quang (TQ) - gồm 40 Việt kiều Mỹ, Đức... vừa thực hiện.

Sẽ thành lập một Đại Tạng điện tử

Đại diện cho nhóm TQ, kỹ sư Trần Tiến Khanh - Việt kiều Mỹ cho biết: Phật giáo được truyền bá tại VN hơn 2.000 năm qua; kinh sách thường được trích từ Hán Tạng nhưng cho đến nay, VN chưa có một Đại Tạng VN (Việt Tạng) hoàn toàn đầy đủ. Vì chữ Hán hiện rất ít người biết mà số lượng kinh điển chưa được dịch còn

quá nhiều, nên nhóm TQ cố gắng nghiên cứu trong vài năm qua cách phiên âm, dịch các kinh điển Hán Tạng ra tiếng Việt bằng máy vi tính bởi lợi thế của máy vi tính là phiên âm có thể sai, nhưng không bao giờ sót, vì máy vi tính phiên âm từng chữ một.

Nhóm TQ đã liên lạc với Hội CBETA (Chinese Buddhist Electronic Text Association) ở Đài Loan và nhận được CD Đại Tạng kinh từ năm 2002; nhóm hoàn thành một lập trình để phiên âm các bộ kinh. Lập trình này dùng Từ điển Hán-Việt của Thiều Chửu - cuốn từ điển thường được dùng trong việc học, nghiên cứu Hán học tại VN nhiều năm qua.

Với lập trình trên, nhóm TQ đã hoàn thành việc phiên âm và lược dịch (dịch thô) các bộ kinh trong Hán Tạng (hơn 70 triệu chữ trong 9.035 phiên bản). Tất cả 2.372 bộ kinh trong Hán Tạng được phiên âm và lược dịch bằng máy vi tính trong vòng 28 giờ. Các phiên bản có thể dùng với Microsoft Word và chiếm hết 1.4 gigabyte.

Nhóm đã liên lạc với các vị tăng lữ giỏi chữ Hán, các dịch giả trong và ngoài nước để tổ chức hiệu đính và duyệt xét các phiên bản. Nhóm hy vọng sẽ hoàn thành một Đại Tạng VN trong vài năm tới.

Việt Tạng sẽ còn có thêm các tác phẩm thuộc văn hoá Phật giáo của các vị hoà thượng Thanh Từ, Nhất Hạnh... các từ điển thường dùng tiếng Sankrit, Pali, tiếng Hoa, tiếng Anh. Việt Tạng sẽ gồm 300 tập, mỗi tập dày chừng 1.000 trang.

Nhóm TQ sẽ thành lập một Đại Tạng điện tử để truyền bá miễn phí và rộng rãi qua các phương tiện truyền thông.

Theo GS-TS Lê Mạnh Thát - Phó Viện trưởng Viện Nghiên cứu Phật giáo, lâu nay, một hai vị tăng lữ đã dịch tay Đại Tạng kinh từ tiếng Pali, Hoa ra tiếng Việt, được hơn 39 tập. Nay, với việc sử dụng máy vi tính, thời gian dịch sẽ rút ngắn thời gian, lại tiết kiệm nhân lực.

(trích lại từ phattuvn.org)

QUẬN CAM: PHÁT HÀNH BÁO XUÂN 'PHƯƠNG TRỜI CAO RỘNG'

Little Saigon (VB) . - Một trong vài tạp chí Phật giáo ở Quận Cam, tờ PHƯƠNG TRỜI CAO RỘNG do nhà văn Vĩnh Hảo sáng lập, đã phát hành số XUÂN Đinh Hợi với nhiều bài vở liên quan đến văn học tôn giáo này.

Tạp chí *Phương Trời Cao Rộng* XUÂN Đinh Hợi mang số 8, với hình bìa và cách trình bày trang nhã như các số đã phát hành.

Song song với những tạp chí Phật giáo thiên về khảo

cứu hiện lưu hành tại Quận Cam từ lâu, tờ báo PHƯƠNG TRỜI CAO RỘNG nói "nhu cầu có một tờ báo Phật giáo đại chúng là cần và cấp thiết, không những để đáp ứng việc hoằng pháp trong hiện tại, mà còn để dọn đường cho các thế hệ con Phật tương lai".

Về nội dung số Xuân, *Phương Trời Cao Rộng* mang nhiều bài vở về văn học Phật Giáo như truyện ngắn, thơ, bút ký, và viết về Phật pháp, của các cây bút quen thuộc như Tuệ Sỹ, Thích Đức Nhuận, Thích Nữ Trí Hải, Huyền Không, Thích Nguyên Siêu, Thích Thiện Hữu, Bs Nguyễn phúc Bửu Tập, Võ Đình, Trần thị Lai Hồng, Hạnh Cơ, Biện thị Thanh Liêm, Huỳnh Kim Quang, Thái Tú Hạp, Chân Huyền, Trần Doãn Nho, Trần Trung Đạo, Hồ Trường An, Trần Kiêm Đoàn, Chiêu Hoàng, Diêu Linh, Diêu Trân, Mặc Giang v.v...

Theo lời nhà báo Thanh Huy (coi sóc phần trị sự phát hành quảng cáo cho tạp chí này), tờ *Phương Trời Cao Rộng* do các cư sĩ thiết tha với công cuộc hoằng pháp tại hải ngoại dốc hết công sức để hoàn thành, nên ông ngỏ lời kêu gọi sự yểm trợ của Phật tử qua việc góp bài vở, quảng cáo hoặc mua báo dài hạn, hoặc bảo trợ. Mọi liên lạc ở địa chỉ:

Vinh Hào, P.O. Box 374 Midway City CA 92655 - USA. Email: phuongtroicaorong@vinhhao.net

Tờ báo không đề giá bán, mà tùy hảo tâm của những người đọc nào cảm thấy thích thú. Tại nhiều cơ sở thương mại của Phật tử, tờ báo được biểu không cho khách nào thích đọc văn học Phật Giáo.

Những độc giả ở các thành phố lân cận Quận Cam, mỗi khi ghé khu Bolsa cuối tuần, có thể tìm đọc *Phương Trời Cao Rộng* tại các nhà sách, cùng tiệm kinh sách Pháp Quang, khu vực bên kia đường Bolsa đối diện Phước Lộc Thọ.

THƯ VIỆN HOA SEN GIỚI THIỆU TẠP CHÍ VĂN HỌC PHẬT GIÁO: PHƯƠNG TRỜI CAO RỘNG

Ở Việt Nam hiện nay có hai tạp chí Phật giáo được chính thức lưu truyền, tạp chí *Văn Hoá Phật Giáo* của giáo hội được phép lưu hành trên cả nước và tạp chí *Giác Ngộ* của thành hội TP. HCM được phép lưu hành trong phạm vi thành phố. Bên cạnh đó là một vài tạp chí nghiên cứu Phật học lưu hành nội bộ, không được chính thức phát hành, như tập san *Nghiên cứu Phật Học Thừa Thiên-Huế*, *Nội San Tu Viện Quảng Hương Già Lam*...v.v..

Còn ở ngoài nước, tuy chùa chiền và tổ chức giáo hội khá nhiều nhưng vẫn chưa có một tờ báo chung, hầu hết đều là nội san mang tính chất cục bộ, phát hành mỗi năm vài ba số nhằm vào các dịp lễ lớn: Phật Đản, Vu

Lan và Xuân. May thay, một tạp chí văn học Phật giáo ra đời từ thành phố Giữa Đàng như là một nhu cầu cần thiết, như là tên gọi và "như là nơi nối kết và qui tụ những cây bút Phật giáo khắp nơi trên thế giới trong ước vọng chung là hoằng truyền Chánh Pháp, không những để đáp ứng việc hoằng pháp trong hiện tại, mà còn để dọn đường cho các thế hệ con Phật tương lai". Đó là tạp chí *Phương Trời Cao Rộng*.

Phương Trời Cao Rộng là một nguyệt san chuyên về văn học Phật giáo, phát hành vào đầu tháng. Cho đến tháng 2 năm 2007 *Phương Trời Cao Rộng* đã xuất bản được 9 số. Chín số đã phát hành được trình bày rất công phu và trang nhã với nhiều bài vở về văn học Phật Giáo như các bài nghiên cứu về Phật pháp, truyện ngắn, truyện dài, thơ, và bút ký của các cây bút quen thuộc như Tuệ Sỹ, Thích Đức Nhuận, Thích Nữ Trí Hải, Huyền Không, Thích Thiện Hữu, Thích Tín Nghĩa, Thích Trí Chơn, Thích Thái Tuệ, Thích Thái Không, Thích Phước Sơn, Thích Nguyên Siêu, Hạnh Cơ, Huỳnh Kim Quang, Thái tú Hạp, Chân Huyền, Diêu Trân, Trần doãn Nho, Trần Trung Đạo, Hồ trường An, Trần Kiêm Đoàn, Nguyệt Thu, Huỳnh Trung Chánh, Mặc Giang, Tuệ Nga, Diêu Nga, Nghiêm Xuân Cường, Nguyễn Thanh Huy v.v...

Người sáng lập tạp chí là nhà văn *Vinh Hào*, một cây bút được biết đến nhiều trong cộng đồng Phật giáo và trên các văn đàn. Ông là một cư sĩ thiết tha với công cuộc hoằng pháp tại hải ngoại, ông hy vọng *Phương Trời Cao Rộng* "là một quán trọ ở ngã tư đường, mở toang bốn hướng cửa để tiếp đón lữ khách bốn phương, là chỗ nối kết cho các khuynh hướng sáng tác văn học Phật giáo, là viên gạch lót đường cho những khai phá, sáng tạo, tìm tòi, thử nghiệm... như là khởi điểm cho một viễn trình làm mới bộ mặt văn học Phật giáo." Ông cũng kêu gọi sự yểm trợ của Phật tử bốn phương qua việc đóng góp bài vở, quảng cáo hoặc mua báo dài hạn, hay bảo trợ. Tờ báo không đề giá bán, mà tùy hảo tâm của những người đọc nào cảm thấy thích thú.

Ngoài việc phát hành hàng tháng ấn bản giấy, *Phương Trời Cao Rộng* cũng đã cố gắng truyền tải trên mạng những số đã ra dưới dạng điện tử PDF để độc giả các nơi có thể tiếp cận dễ dàng. Quý độc giả có thể vào các website sau đây để hạ tải về máy nhà các số đã ra: <http://www.thuvienhoasen.org/tapsan-index.htm> <http://www.vinhhao.net/phuongtroicaorong.htm>

Mong rằng tạp chí văn học Phật giáo *Phương Trời Cao Rộng* thành công như sở nguyện và luôn có chất lượng cao từ hình thức đến nội dung, và có những sáng tác văn học mới.

Thứ Năm, 15/2/2007

Ban Biên Tập <http://www.thuvienhoasen.org>



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT ÂU CHÂU
CONGREGATION BOUDDHIQUE VIETNAMIENNE UNIFIEE EN EUROPE
ASSOCIATION BOUDDHIQUE
CHÙA KHÁNH ANH

Phật lịch 2550, Bagneux ngày 18/01/2007

Kính gửi Chư Tôn Đức Trưởng Lão,
Kính gửi Chư Tôn Đức Lãnh đạo các Giáo hội,
Kính gửi Chư Tăng Ni Việt Nam tại hải ngoại,

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Thể theo thư cung thỉnh họp mặt Tăng đoàn nhằm kết hợp sinh hoạt Tăng sự các Châu và quốc gia tại hải ngoại, nhân ngày giỗ tổ Liễu Quán tổ chức vào mừng 7 tháng 01 năm 2007 vừa qua, chư tôn đức đại diện nhiều thể hệ Tăng sĩ Việt Nam tại châu Âu, Hoa Kỳ và Canada đã tựu về miền Nam California, Hoa Kỳ, để thảo luận, trao đổi, trình bày về kinh nghiệm hành đạo, hoằng pháp và những ưu tư thao thức đối với sinh hoạt hiện tại cũng như tương lai của Tăng Ni Việt Nam tại hải ngoại.

Mặc dầu chỉ là cuộc họp mặt sơ bộ và giới hạn, sự hiện diện cũng như nhiệt tâm chia sẻ các vấn đề Tăng Sự của chư tôn đức tham dự đã mang lại những thành quả sơ khởi đáng khích lệ. Sau đây xin lược trình những điểm quan yếu đã được hội nghị thông qua.

- *Thời gian:* Từ 2 giờ 40 đến 5 giờ 40, chiều thứ Bảy, ngày 6 tháng 1 năm 2007 và chiều Chủ nhật 7/1/2007.
- *Địa điểm:* Phật Học Viện Quốc Tế, North Hills, California-Hoa Kỳ.
- *Thành phần tham dự* gồm 25 tôn đức, trong đó 13 vị ở Hoa Kỳ, 5 vị ở châu Âu và 7 vị ở Canada :
 - *Hoa Kỳ:* HT. Thích Thắng Hoan, HT. Thích Trí Chơn, HT. Thích Nguyên Lai, HT. Thích Chơn Thành, HT. Thích Hành Đạo, HT. Thích Tín Nghĩa, HT. Thích Nguyên An, TT. Thích Nguyên Trí, TT. Thích Nguyên Siêu, TT. Thích Minh Dung, TT. Thích Tâm Vân, ĐĐ. Thích Minh Chí và ĐĐ. Thích Quảng Đạo;
 - *Châu Âu:* HT. Thích Minh Tâm (Pháp), HT. Thích Tấn Thiết (Pháp), TT. Thích Thông Trí (Hòa Lan), TT. Thích An Chí (Na Uy) và ĐĐ. Thích Hạnh Tấn (Đức);
 - *Canada:* TT. Thích Bồn Đạt, TT. Thích Trường Phước, TT. Thích Tâm Hòa, TT. Thích Nhật Trí, TT. Thích Nhật Quán, ĐĐ. Thích Nguyên Thảo và ĐĐ. Thích Pháp Ấn.

Qua phần trình bày và chia sẻ hiện trạng sinh hoạt của Tăng sự các châu, các nước, ý kiến và các ưu tư của chư tôn thiên đức từ bậc trưởng lão xuống đến hàng tăng sĩ trẻ, qui tập vào các vấn đề then chốt, mở hướng và dẫn đến những quyết định như sau:

NHẬN ĐỊNH CHUNG VỀ SINH HOẠT PHẬT GIÁO VIỆT NAM HẢI NGOẠI:

- Do hoàn cảnh ly hương, phải hành đạo và tu học trên một địa bàn trải rộng khắp các châu và quốc gia, Tăng sĩ Phật giáo Việt Nam thiếu sự liên lạc thường xuyên và chặt chẽ với nhau, ngay cả đối với những đơn vị và nhân sự cùng chung hệ phái, giáo hội;
- Ngoài sự cách trở về địa dư, bối cảnh chính trị xã hội của đất nước, những dị biệt về quan điểm, đường hướng, hành xử, tông môn và giáo hội, thể hệ trước và sau năm 1975, càng lúc càng dẫn đến tình trạng phân vùng và ly cách giữa những tổ chức Phật giáo và thành phần tăng sĩ khắp nơi;
- Tình trạng phân vùng và ly cách này về nên bức tranh rời rạc, suy yếu, thiếu sinh khí; không vận dụng được sức mạnh đạo đức vô hành cũng như tiềm lực Tăng tài đáng kể của Phật giáo Việt Nam tại hải ngoại;

- Những dị biệt giữa cá thể với cá thể, tổ chức với tổ chức, trong sinh hoạt Tăng Ni Việt Nam tại hải ngoại, trên thực tế cũng như trên mặt lý thuyết, khó lòng tiến đến sự hiệp nhất, đồng bộ; nhưng đứng về mặt bản thể của Tăng, sự hòa hợp cảm thông và chia sẻ nhau về lý tưởng xuất trần, sứ mệnh hoằng pháp lợi sinh, sự nghiệp tiếp dẫn hậu lai, cùng các vấn đề của Tăng sự, là điều có thể chung lòng chung sức thực hiện. Do nhận định chung như thế, toàn thể cử tọa đồng tâm quyết định thành lập một tổ chức, lấy Tăng thể làm nền tảng, lấy Tăng sự làm sinh hoạt chung, lấy đạo tình tăng lữ làm dây liên lạc nối kết.

TÔN CHỈ & MỤC ĐÍCH:

-Phật giáo Việt Nam tại hải ngoại cần tiến đến một sinh hoạt Tăng đoàn mở rộng, hòa hợp và nhịp nhàng, không phân biệt hệ phái, tông môn, giáo hội, hỗ trợ nhau thực hiện các sinh hoạt Tăng sự nhằm hoằng dương Phật đạo, phổ độ chúng sinh. Sự tồn tại và phát triển của Phật giáo Việt Nam tại hải ngoại nên đặt nền tảng nơi bản thể thanh tịnh hòa hợp của Tăng đoàn, vì Tăng đoàn là gốc rễ cho mọi sinh hoạt tổ chức cành-nhánh của Phật giáo khắp nơi và mọi thời đại.

DANH XƯNG & THÀNH PHẦN NHÂN SỰ:

-Từ nền tảng của bản thể Tăng già, quyết định thành lập tổ chức lấy tên là "**Tăng Ni Việt Nam Hải Ngoại**" (viết tắt là TNVNHN), nhằm qui tụ và kết hợp sinh hoạt Tăng Ni Việt Nam liên châu, liên quốc gia;
-Toàn thể Tăng Ni Việt Nam sinh hoạt và hành đạo tại hải ngoại, không phân biệt hệ phái, tông môn và giáo hội, đều có thể là thành viên của Tăng Ni Việt Nam Hải Ngoại;
-Cung thỉnh chư tôn Hòa thượng trưởng lão đại diện các châu lục và quốc gia vào một hội đồng chứng minh tối cao để làm chỗ dựa tinh thần cho mọi sinh hoạt của Tăng Ni Việt Nam Hải Ngoại;
-Vị đảm nhận điều hợp Tăng sự Liên châu được gọi là "Trưởng Ban Điều Hợp TNVNHN". Trong thời gian khởi sự lâm thời, đại hội đã cung thỉnh HT. Thích Minh Tâm phụ trách;
-Mỗi châu và quốc gia (Hoa Kỳ và Canada) cũng sẽ thành lập một Ban Điều Hợp TNVNHN thuộc châu lục và quốc gia ấy, do chính các thành viên tại trụ xứ ấy đảm nhận; các vị Trưởng Ban Điều Hợp TNVNHN của châu lục và quốc gia sẽ là Phó Trưởng Ban Điều Hợp TNVNHN Liên châu;
-Bổ túc sau cuộc họp: HT Trưởng Ban Điều Hợp TNVNHN Liên châu đã tiếp xúc và cung thỉnh HT Thích Chơn Thành đảm nhận Trưởng Ban Điều Hợp TNVNHN tại vùng Nam California Hoa Kỳ (nơi hiện có nhiều tăng ni Việt nam sinh hoạt), Chư HT Thích Hành Đạo, HT Thích Minh Mẫn, HT Thích Nguyên Trí, Chư TT Thích Nguyên Siêu, TT Thích Quảng Thanh được cung thỉnh là những Ủy viên điều hợp TNVN hải ngoại tại vùng này trong những sinh hoạt theo truyền thống Tăng đoàn Việt nam. Ban Điều Hợp TNVNHN tại các châu hay các quốc gia khác sẽ được cung thỉnh và thông báo sau.

DỰ ÁN TĂNG SỰ:

Gồm những dự án cần thực hiện trong tương lai:

1/- Tổ chức an cư kiết hạ tại mỗi quốc gia, mỗi châu lục (hiện đã có) cần phát huy rộng rãi hơn. Sẽ nghiên cứu hướng đến "*an cư liên châu*" nghĩa là an cư trong phạm vi quốc gia hay châu lục được mở rộng (mỗi năm ở một nơi khác nhau) để có sự tham gia chư vị lãnh đạo Tăng đoàn từ các châu khác đến. Và trong mỗi kỳ "*an cư liên châu*" một vấn đề Tăng Sự ở hải ngoại sẽ được đem ra nghiên cứu bàn thảo chi tiết hơn.

2/- Bổ tát tụng giới hàng tháng hay tùy theo lịch trình sinh hoạt của từng vùng.

3/- Tổ chức Giới Đàn, đề nghị danh sách tấn phong.

4/- Tổ chức các khóa học huấn luyện và bồi dưỡng giảng sư, trụ trì tại các châu lục hay liên châu.

5/- Tổ chức "*Ngày Về Nguồn*", mỗi năm một lần, là ngày hiệp kỳ chư Tổ, để Tăng Ni nhiều thế hệ thuộc các giáo hội, tông môn, pháp phái, có cơ hội ngồi lại với nhau trong thâm tình pháp lữ, cùng phụng kính bái sám, trao đổi kinh nghiệm tu tập và hành đạo, trình bày và chia sẻ những Tăng sự cần thiết;

- "*Ngày Về Nguồn*" sẽ được luân phiên tổ chức tại các châu và quốc gia, với chương trình chính thức ít nhất là 3 ngày cho việc gặp gỡ và trao đổi đạo tình và Tăng sự;

- "*Ngày Về Nguồn*" đầu tiên, dự trù vào 3 ngày 21, 22 và 23 tháng 9, năm 2007, được toàn thể cử tọa đồng tâm biểu quyết tổ chức tại Trung Tâm Văn Hóa Pháp Vân ở Toronto, Canada, do Thượng Tọa Thích Tâm Hòa trụ trì.

6/- Nghiên cứu, tiến hành thành lập Phật học viện để đào tạo Tăng tài chung cho liên châu...

Kính bạch chư tôn thiên đức,

Trong "Huấn Từ An Cư Phật lịch 2548," Đức Đại lão Hòa Thượng Thích Huyền Quang, Đệ Tứ Tăng Thống Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất, đã huấn thị Tăng Ni trong và ngoài nước nhân mùa an cư kiết hạ với lời lẽ thiết tha, cảm động như sau: *"Tăng chúng nay hiệp mai lìa, một phần cũng là quy luật của tồn tại. Nhưng bản thể thanh tịnh và hòa hiệp tạo thành tồn tại của Tăng mà đức Phật thiết lập thì không hề dao động, không hề biến đổi. Khi duyên hội, các pháp tự thành. Nhưng duyên hội không hoàn toàn ngẫu nhiên mà không có cộng đồng giao hưởng bởi tâm tư hay ước vọng của chúng sinh. Cho nên, trong mùa an cư năm nay, tôi thành tâm cầu nguyện uy lực Tam bảo gia trì hộ niệm cho bốn chúng đệ tử hội đủ thiện duyên, bỏ bớt dần những vọng tưởng trần lao, xa dần những bôn ba thế tục, chuyên tu giới định huệ, hướng tâm nguyện đến sự tồn tại chói sáng của Tăng già từ bản thể thanh tịnh và hòa hiệp. Có như thế, Phật pháp mới là nguồn suối an lạc, Tăng-già là tiêu chí cho một xã hội đạo đức và trật tự. Bốn chúng đệ tử Phật như thế cùng góp công đức kiến tạo thế giới hòa bình, cho dân tộc an lạc và tăng tiến."*

Qua huấn từ mà bậc cao tăng soi sáng ở trên, có thể khẳng định rằng sự hình thành của Tăng Ni Việt Nam Hải Ngoại hoàn toàn phù hợp với ý chỉ, mục đích và hướng đi cao vời của các sứ giả Như Lai. Sự ra đời của Tăng Ni Việt Nam Hải Ngoại không những không làm trở ngại cho sinh hoạt độc lập của các tổ chức giáo hội và tông phái hiện hành, trái lại còn là trợ duyên xúc tác và hộ trì tất cả các tăng sự của các tổ chức Phật giáo khắp năm châu.

Trong tinh thần và ý hướng đó, toàn thể hội nghị thiết tha kêu gọi sự tham gia, góp ý xây dựng và đồng tâm hiệp trợ của toàn thể chư tôn đức Tăng Ni Việt Nam tại hải ngoại để ngôi nhà chung của Phật giáo được tồn tại và phát triển vững mạnh trên xứ người, thừa tiếp mạng mạch của chư lịch đại Tổ Sư, đáp ứng kỳ vọng thời đại của Phật giáo đồ trên toàn thế giới.

Kính thông báo,

Hòa Thượng Thích Minh Tâm

Trưởng Ban Điều Hợp Tăng Ni Việt Nam Hải Ngoại

(ấn ký)

14 Av Henri Barbusse. 92220 Bagneux (FRANCE) Tél : 01 46 55 84 44. Fax : 01 47 35 59 08. E-mail : khanhanh@free.fr



THÔNG BÁO

VỀ VIỆC THỰC HIỆN BỘ

VĂN HỌC PHẬT GIÁO VIỆT NAM HẢI NGOẠI SƯU KHẢO

Kính bạch Chư tôn đức Tăng, Ni,
Kính thưa Chư vị thức giả, văn thi sĩ,

Nhằm mục đích góp phần vào việc bảo tồn và phát huy nền văn học Phật Giáo Việt Nam tại xứ người, chúng tôi đã khởi sự biên tập bộ Văn Học Phật Giáo Việt Nam Hải Ngoại Sưu Khảo từ vài tháng nay. Bộ sách này bao gồm ba phần chính:

1. **Tổng luận:** Tập hợp những bài viết với các quan điểm bao quát về nền văn học Phật Giáo Việt Nam nói chung và văn học Phật Giáo Việt Nam hải ngoại nói riêng;
2. **Tác giả, dịch giả và những sáng tác phẩm:** Bao gồm sơ lược tiểu sử tác giả, dịch giả sống và sinh hoạt văn học Phật Giáo tại hải ngoại, danh mục tác phẩm, danh mục những bài viết đã đăng trên các văn thi đàn Phật Giáo tại hải ngoại, và trích đăng một vài bài văn, thơ hoặc pháp luận tiêu biểu;
3. **Sinh hoạt báo chí Phật Giáo hải ngoại và các trang lưới điện toán Phật Giáo Việt Nam:** Tổng kết sinh hoạt báo chí Phật Giáo hải ngoại và các trang lưới điện toán Phật Giáo Việt Nam từ trước đến nay.

Bộ sách này cũng là công trình ghi nhận những thành quả đóng góp trong lãnh vực văn học Phật Giáo từ nhiều thập niên qua của chư tôn đức Tăng, Ni và chư vị thức giả văn thi sĩ tại hải ngoại. Ban Biên Tập rất trân trọng sự góp mặt của chư vị trong bộ sách này. Kính mong Chư vị hoan hỷ gửi cho chúng tôi các tài liệu sau đây:

1. Một tấm hình chụp bán thân, khổ 4x6;
2. Tên thật, bút hiệu, ngày tháng năm sinh, nơi sinh, đã cộng tác với các báo chí Phật Giáo nào ở hải ngoại;
3. Tác phẩm đã xuất bản, các sáng tác đã gửi đăng trên các báo chí Phật Giáo hải ngoại;
4. Xin chọn và gửi cho chúng tôi hai bài văn xuôi hoặc năm bài thơ, để đưa vào bộ sách này.

Nhân đây, Ban Biên Tập xin gửi đến chư vị danh sách chư tôn đức Tăng, Ni, quý thức giả, văn thi sĩ mà chúng tôi đã sưu tập, để chính thức đưa vào bộ Văn Học Phật Giáo Việt Nam Hải Ngoại Sưu Khảo này. Danh sách theo thứ tự (lấy họ hoặc chữ đầu của bút hiệu làm gốc) của mẫu tự chữ Việt (trừ chữ Thích đứng đầu không tính) như sau:

Ái Cầm, Thích Bảo Lạc, Bình An Sơn, Bùi Kha, Quảng Thành - Bùi Ngọc Đường, Cao Huy Thuần, Cao Tiêu, Chánh Hạnh, Thích Chánh Kiến, Thích Chánh Lạc, Chân Huyền, Chân Nguyên - Đỗ Quốc Bảo, Thích Nữ Chân Nguyên, Thích Chân Tuệ, Chiêu Hoàng, Chính Trực, Diêu Linh, Diêu Anh Trịnh Quỳnh Trân, Diêu Hạnh Giao Trinh, Diêu Nga, Diêu Trân - Linh Linh Ngọc, Doãn Quốc Sỹ, Du Tử Lê, Duy Lam, Thích Duy Lực, Duy Nghiệp - Bùi Duy Thuyết, Duyên Hà - Lê Phục Thủy, Dương Thu Hương, Dương Vinh Hùng, Đỗ Quý Toàn, Thích Đồng Trí, Đức Hạnh - Liên Hoa Bảo Tịnh, Thích Đức Niệm, Thích Giác Đăng, Thích Giác Hạnh - Lê Bích Sơn, Thích Giác Hoàng, Thích Giác Lượng, Thích Giác Nguyên, Thích Giải Hiền, Thích Nữ Giới Hương, Thích Hạnh Bình, Hạnh Cơ, Thích Hạnh Nguyên, Thích Hạnh Tấn, Thích Hằng Đạt, Hiền Vy, Hoàng Hà Thanh, Hoàng Liên Tâm, Hoàng Nguyên Nhuận, Hoàng Văn Chí, Hoàng Xuân Hân, Nguyên Minh Hồ Hương Lộc, Hồ Trường An, Hồng Dương - Nguyễn Văn Hai, Hồng Như, Thích Hộ Giác, Huy Trâm, Thích Huyền Tôn, Thích Huyền Vi, Huỳnh Hữu Ủy, Huỳnh Kim Quang, Huỳnh Trung Chánh, Tỳ Kheo Indacanda Trương Đình Dũng, Thích Khánh Hỷ, Không Tuệ, Kiêm Đạt, Kiêm Thêm, Kiệt Tấn, Thích Kim Triệu, Lại Như Bằng, Lâm Bích Nhy, Lâm Như Tạng, Lê Công Đa, Lê Giang Trần, Lê Mộng Nguyên,

Linh Thoại Ngọc Nguyễn, Linh Thụy, Luân Hoán, Lưu Nguyễn, Lý Đại Nguyên, Lý Khôi Việt, Lý Thừa Nghiệp, Mạc Phương Đình, Mai Ca, Mai Thảo, Thích Mãn Giác, Mật Nghiêm - Đặng Nguyên Phả, Thích Minh Dung, Minh Đức Hoài Trinh, Minh Giác - Nguyễn Học Tài, Thích Minh Hiếu, Minh Tâm, Thích Nữ Minh Tâm, Minh Thiện Trịnh Chính, Nghiêm Xuân Cường, Nghiêm Xuân Hồng, Ngọc Bích Diệu Liên, Ngọc Hoài Phương, Ngô Thiện - Tăng Kiến Hoa, Nguyên Giác - Phan Tấn Hải, Thích Nguyên Hạnh, Nguyên Hiền, Nguyên Khang, Nguyên Phong, Thích Nguyên Siêu, Thích Nguyên Tạng, Thích Nguyên Tâm – Tàn Mộng Tử, Thích Nguyên Văn, Nguyễn Duy Nhiên, Nguyễn Điều, Nguyễn Đức Bạt Ngàn, Nguyễn Đức Can, Nguyễn Hữu Kiệt, Nguyễn Hữu Liêm, Nguyễn Hữu Nhật, Nguyễn Mạnh Trinh, Nguyễn Mộng Giác, Nguyễn Phong Liên Châu, Nguyễn Phúc Bửu Tập, Nguyễn Sỹ Tế, Nguyễn Tấn Nhiên, Nguyễn Thị Thụy Vũ, Nguyễn Thúy Phượng, Nguyễn Thuyết Phong, Nguyễn Trần Ai, Nguyễn Tư Phương, Nguyễn Tường Bách, Nguyễn Văn Hóa, Nhã Ca, Thích Nhất Chân, Thích Nhất Hạnh, Nhật Minh Liên Hoa, Thích Nhật Tân, Nhiên An, Thích Nhuận Hùng, Thích Như Điển, Như Hùng, Ninh Hạ - Nguyễn Đức Tâm, Phạm Công Thiện, Phạm Kim Khánh, Phạm Quốc Bảo, Phạm Thăng, Phạm Trọng Luật, Phạm Xuân Đài, Phan Bá Thụy Dương, Phan Lạc Tiếp, Phan Mạnh Lương, Phan Ni Tấn, Thích Pháp Luân, Thích Phổ Huân, Phổ Nguyệt Huỳnh Tấn Ban, Phúc Trung, Thích Phụng Sơn, Thích Phước Nhơn, Phương Dung, Quán Như - Phạm Văn Minh, Thích Quang Thạnh, Quảng Chơn Bùi Châu Thiên Hương, Quảng Diệu, Thích Quảng Thanh, Quỳnh My, Susanta Nguyễn, Thích Tâm Châu, Tâm Diệu, Thích Tâm Hòa, Tâm Hải Đức, Tâm Lạc - Trần Quý Anh, Tâm Minh Hạnh, Tâm Minh - Ngô Tăng Giao, Tâm Minh - Vương Thúy Nga, Thích Tâm Quang, Tâm Thái, Thích Tâm Thiện, Tâm Tịnh, Tâm Trạng - Ngô Trọng Anh, Thái Kim Lan, Thái Tú Hạp, Thái Văn Kiêm, Thích Thắng Hoan, Thanh Liên, Thanh Sơn, Thi Vũ - Võ Văn Ái, Thiện Anh Lạc, Thích Thiện Châu, Thích Thiện Hữu, Thiện Hỷ, Thiện Nhựt, Thiện Phúc, Thoại Hoa, Thích Thông Lý, TQ Nguyên Thơ, Thúy Trúc, Thủy Lâm Synh, Thích Thuyền Ấn, Thích Tín Nghĩa, Tịnh Thủy, Thích Tịnh Từ, Trần Chung Ngọc, Trần Dạ Từ, Trần Doãn Nho, Trần Hồng Châu, Trần Kiêm Đoàn, Trần Nguyên Trung, Trần Quan Long, Trần Quang Thuận, Trần Tiễn Huyên, Trần Trúc Lâm, Trần Trung Đạo, Trần Văn Kha, Trần Văn Khê, Trần Văn Lệ, Thích Trí Chơn, Thích Trí Hoằng, Thích Trí Siêu, Triều Hoa Đại, Trịnh Nguyên Phước, Thích Trung Quán, Trương Định, Tuệ Chương - Hoàng Long Hải, Tuệ Minh, Tuệ Nga, Tuệ Tâm, Tuệ Viên, Túy Hồng, Từ Hoa, Từ Khoa, Từ Thám, Vân Nguyên - Nguyễn Tường, Vi Khuê, Viên Linh, Thích Viên Lý, Vĩnh Hào, Võ Đình, Võ Phiến, Võ Huệ Nguyễn...

Danh sách sơ khởi ở trên chắc chắn còn nhiều thiếu sót, rất mong chư tôn đức Tăng Ni và quý văn thi hữu dành thời gian bổ khuyết và góp ý để tuyển tập được hoàn chỉnh: không thiếu những vị đã từng đóng góp cho văn học Phật giáo hải ngoại, và không làm lẫn về những vị chưa từng sinh hoạt ngoài nước.

Xin liên lạc về địa chỉ:

Văn Học Phật Giáo Việt Nam Hải Ngoại Suu Khảo

4333 30th Street

San Diego, CA 92104 - U.S.A.

Điện thoại: (619) 283-7655

Hoặc các địa chỉ Email sau đây:

- tnguyensieu@yahoo.com (Thích Nguyên Siêu)
- quangkimhuynh@juno.com (Huỳnh Kim Quang)
- vinhhao@vinhhao.net (Vĩnh Hào)

Chân thành tri ân và kính chúc chư vị thân tâm thường an lạc.

Kính thông báo,

Chủ Biên

Thích Nguyên Siêu

PHIẾU BẢO TRỢ VÀ ỦNG HỘ DÀI HẠN TẠP CHÍ PHƯƠNG TRỜI CAO RỘNG

1) BẢO TRỢ:

Xin chọn một trong những ô trống sau đây:

- Mỗi tháng: ____ (____), \$25 (____), \$50 (____), \$100 (____), \$200 (____).

Và chọn thời gian bảo trợ:

Ba tháng (____), Nửa năm (____), Một năm (____), Hai năm (____), Ba năm (____)

2) ỦNG HỘ DÀI HẠN:

(Bảo trợ ấn phí, cước phí, không phải mua báo, vì báo không để giá bán)

* *Tại Hoa Kỳ:* Một năm: \$75 (____) | Hai năm: \$120 (____).

* *Tại Canada:* Một năm: \$90 (____) | Hai năm: \$160 (____). *(first class)*

* *Âu, Úc, Á:* Một năm: \$140 (____) | Hai năm: \$270 (____). *(first class)*

Đính kèm ngân/chi phiếu số: _____ với số tiền bảo trợ/ủng hộ: \$_____

Địa chỉ người bảo trợ / ủng hộ (để liên lạc, gửi báo):

Họ và tên _____ Pháp danh: _____

_____ Thành phố: _____

_____ Telephone (không bắt buộc): _____

Bài vở, ý kiến đóng góp, chi phiếu ủng hộ xin gửi về:

HAO VINH

P.O. Box 374

Midway City, CA 92655 – USA

Email: vinhhao@vinhhao.net hoặc phuongtroicaorong@vinhhao.net

Ủng hộ tài chánh cũng có thể chuyển (deposit) thẳng vào trương mục:

HAO VINH

Account #: 09325-47111

Bank of America, CA7-147-01-01

13952 Brookhurst Street, Garden Grove, CA 92683 – USA